

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Dương Quý Nam

ĐỐI THOẠI SHANGRI-LA: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH,
PHÁT TRIỂN VÀ SỰ THAM GIA CỦA VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

Hà Nội - 2026

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Dương Quý Nam

ĐỐI THOẠI SHANGRI-LA: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH,
PHÁT TRIỂN VÀ SỰ THAM GIA CỦA VIỆT NAM

Chuyên ngành: Chính trị học

Mã số: 9310201.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- GS.TS. Phan Huy Đường
- PGS.TS. Phạm Quốc Thành

Hà Nội - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án là công trình nghiên cứu của riêng tôi được thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của GS.TS. Phan Huy Đường và PGS.TS. Phạm Quốc Thành. Các số liệu và trích dẫn trong Luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng. Các kết quả nghiên cứu trong luận án không trùng với các công trình nghiên cứu độc lập khác đã công bố.

Tác giả luận án

Dương Quý Nam

LỜI CẢM ƠN

Tác giả luận án xin trân trọng cảm ơn Ban Giám hiệu, Thầy/Cô thuộc các phòng của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; Thầy/Cô giảng viên của Khoa Khoa học Chính trị đã tận tình giảng dạy, truyền đạt kiến thức và tạo điều kiện giúp đỡ nghiên cứu sinh trong suốt quá trình học tập tại Trường.

Đặc biệt, tác giả luận án xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và lời cảm ơn sâu sắc tới GS.TS. Phan Huy Đường và PGS.TS. Phạm Quốc Thành đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ nghiên cứu sinh trong quá trình thực hiện luận án.

Tác giả luận án xin cảm ơn tới cơ quan công tác, gia đình đã động viên, tạo điều kiện để nghiên cứu sinh hoàn thành luận án.

Do điều kiện chủ quan và khách quan, luận án còn những thiếu sót, tác giả luận án kính mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu để luận án được hoàn thiện hơn.

Trân trọng cảm ơn!

Tác giả luận án

Dương Quý Nam

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

LỜI CẢM ƠN

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT	5
DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ	7
MỞ ĐẦU	8
1. Lý do chọn đề tài	8
2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu	11
2.1. Mục tiêu nghiên cứu	11
2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu	11
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	12
3.1. Đối tượng nghiên cứu	12
3.2. Phạm vi nghiên cứu	12
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu	13
4.1. Cơ sở lý luận	13
4.2. Câu hỏi nghiên cứu và giả thiết nghiên cứu	13
4.3. Phương pháp nghiên cứu	14
5. Những đóng góp mới của luận án	16
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án	17
6.1. Ý nghĩa lý luận	17
6.2. Ý nghĩa thực tiễn	18
7. Kết cấu của luận án	18
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỐI THOẠI SHANGRI-LA VÀ SỰ THAM GIA CỦA VIỆT NAM	19
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	19
1.1.1. Nghiên cứu về Đối thoại Shangri-La	19
1.1.2. Nghiên cứu về sự tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La	40
1.2. Nhận xét chung về tình hình nghiên cứu và những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu	49

1.2.1. Nhận xét chung về tình hình nghiên cứu.....	49
1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu	55
Tiểu kết chương 1	57
Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐỐI THOẠI SHANGRI-LA VÀ SỰ THAM GIA CỦA VIỆT NAM	58
2.1. Khái niệm “đối thoại” và cơ chế đối thoại trong chính trị quốc tế.....	58
2.1.1. Khái niệm “đối thoại”.....	58
2.1.2. Cơ chế đối thoại trong chính trị quốc tế.....	60
2.2. Sự hình thành của Đối thoại Shangri-La từ góc nhìn của một số lý thuyết trong quan hệ chính trị quốc tế	63
2.2.1. Chủ nghĩa hiện thực.....	63
2.2.2. Chủ nghĩa tự do	67
2.2.3. Chủ nghĩa kiến tạo.....	70
2.2.4. Chủ nghĩa đa phương trong quan hệ quốc tế hiện đại.....	73
2.2.5. Ngoại giao Kênh 1.5 (Track 1.5 Diplomacy) và ứng dụng trong Đối thoại Shangri-La.....	75
2.2.6. Lý thuyết quốc gia nhỏ và chiến lược ứng xử trong cơ chế đa phương...77	
2.3. Nền tảng tư tưởng - lý luận chính trị về sự tham gia Đối thoại Shangri-La của Việt Nam.....	82
2.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh và sự phát triển lý luận đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới.....	82
2.3.2. Nguyên tắc đối ngoại của Việt Nam trong tham gia Đối thoại Shangri- La.....	86
Tiểu kết Chương 2.....	91
Chương 3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ĐỐI THOẠI SHANGRI-LA.....	93
3.1. Bối cảnh, mục đích ra đời của Đối thoại Shangri-La.....	93
3.1.1. Bối cảnh ra đời của Đối thoại Shangri-La.....	93
3.1.2. Mục đích ra đời của Đối thoại Shangri-La.....	94

3.2. Các giai đoạn phát triển của Đối thoại Shangri-La	97
3.2.1. Giai đoạn hình thành và tạo tiếng vang (2002 - 2010).....	97
3.2.2. Giai đoạn chứng kiến xu thế đẩy mạnh tiến công ngoại giao và tập hợp lực lượng của Mỹ (2011 - 2018)	102
3.2.3. Giai đoạn Trung Quốc phản công trước sức ép từ Mỹ và phương Tây (2019 - 2025).....	109
3.3. Đánh giá về đặc điểm, thành tựu, hạn chế của Đối thoại Shangri-La	114
3.3.1. Về thành viên, cấu trúc và cơ chế vận hành của Đối thoại Shangri-La	114
3.3.2. Thành tựu của Đối thoại Shangri-La và nguyên nhân	123
3.3.3. Hạn chế của Đối thoại Shangri-La và nguyên nhân.....	140
3.4. Dự báo xu hướng phát triển của Đối thoại Shangri-La.....	145
Tiểu kết chương 3	151
Chương 4. SỰ THAM GIA CỦA VIỆT NAM TẠI CÁC KỲ ĐỐI THOẠI SHANGRI-LA VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH.....	153
4.1. Quá trình Việt Nam tham gia các kỳ Đối thoại Shangri-La	153
4.1.1. Giai đoạn “lắng nghe và tham gia” (2002 - 2010)	153
4.1.2. Giai đoạn tham gia tích cực, chủ động và có chọn lọc (2011 - 2018)..	159
4.1.3. Giai đoạn chủ động “đưa ra sáng kiến và kiến tạo nội dung” (2019 - 2025).....	169
4.1.4. Những dấu mốc bước ngoặt và chuyển biến trong hành vi chiến lược của Việt Nam tại Shangri-La.....	177
4.2. Thành tựu, thách thức đối với Việt Nam trong tham gia Đối thoại Shangri-La và nguyên nhân.....	179
4.2.1. Thành tựu và nguyên nhân	179
4.2.2. Thách thức và nguyên nhân.....	183
4.2.3. Kinh nghiệm từ thực tiễn tham dự Đối thoại Shangri-La của Việt Nam	188
4.3. Bối cảnh, phương hướng và khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-la	190

4.3.1. Bối cảnh trong nước, khu vực và thế giới	190
4.3.2. Phương hướng nâng cao hiệu quả tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-la	192
4.3.3. Một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-la	198
Tiểu kết Chương 4.....	219
KẾT LUẬN	220
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	224
TÀI LIỆU THAM KHẢO	225
PHỤ LỤC I.....	246
PHỤ LỤC II.....	256

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Tiếng Anh	Tiếng Việt
ADMM	ASEAN Defence Minister's Meeting	Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN
ADMM+	ASEAN Defence Minister's Meeting-Plus	Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN mở rộng
ARF	ASEAN Regional Forum	Diễn đàn khu vực ASEAN
APEC	Asia-Pacific Economic Cooperation	Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương
ASEAN	Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ASEM	Asia-Europe Meeting	Diễn đàn hợp tác Á - Âu
AUKUS	The Australia, United Kingdom, United States Trilateral Security Partnership Treaty	Hiệp ước Đối tác an ninh tăng cường ba bên Australia, Anh, Mỹ
BRI	Belt and Road Initiative	Sáng kiến Vành đai và Con đường
COC	Code of Conduct in the South China Sea	Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông
CSCAP	Council for Security Cooperation in the Asia Pacific	Hội đồng Hợp tác An ninh ở châu Á-Thái Bình Dương
DOC	Declaration on the conduct of parties in the South China Sea	Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông
EAS	East Asia Summit	Hội nghị cấp cao Đông Á
EU	European Union	Liên minh châu Âu
EEZ	Exclusive Economic Zone	Vùng đặc quyền kinh tế
IISS	International Institute for Strategic Studies	Viện Nghiên cứu chiến lược quốc tế
IS	Islamic State	Nhà nước Hồi giáo

ISIS	Islamic State of Iraq and Syria	Nhà nước Hồi giáo tự xưng
ISIL	Islamic State of Iraq and the Levant	Nhà nước Hồi giáo tự xưng
NATO	North Atlantic Treaty Organization	Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương
SLD	Shangri-La Dialogue	Đối thoại Shangri-La
SPC	Security Policy Conference	Hội nghị Chính sách An ninh
QUAD	Quadrilateral Security Dialogue	Đối thoại Tứ giác An ninh/Nhóm Bộ Tứ
UNCLOS	United Nations Convention on the Law of the Sea	Công ước Liên hợp quốc về Luật biển
WTO	World Trade Organization	Tổ chức thương mại thế giới

DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ

Bảng 2.1. Khung phân tích Đối thoại Shangri-La và sự tham gia của Việt Nam...	88
Bảng 3.1. Bảng so sánh cơ chế Shangri-La - ADMM+ - ARF dưới góc nhìn quốc gia nhỏ.....	147
Bảng 4.1. Bảng tham chiếu tần suất tham gia của Việt Nam từ năm 2002 đến nay.....	178

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Đối thoại chính trị là một trong những phương thức đặc trưng và vô cùng quan trọng để các quốc gia, các tổ chức chính trị, các lực lượng tìm được tiếng nói chung, sự đồng thuận trong giải quyết các vấn đề khu vực và quốc tế.

Bước sang thế kỷ 21, khu vực châu Á - Thái Bình Dương chứng kiến một quá trình phát triển nhanh chóng và năng động, được cộng đồng quốc tế đánh giá là trung tâm địa chính trị chiến lược trong cấu trúc quyền lực toàn cầu, đồng thời là động lực tăng trưởng mới của nền kinh tế thế giới. Tuy nhiên, song song với tiềm năng phát triển, khu vực này cũng nổi bật với những thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống ngày càng gia tăng về quy mô và mức độ phức tạp. Trong khi đó, so với châu Âu, nơi đã định hình được các cơ chế tham vấn an ninh - quốc phòng có tính thiết chế và ổn định, châu Á - Thái Bình Dương vẫn còn thiếu một diễn đàn đối thoại giữa các quan chức quốc phòng cấp cao, dù là ở hình thức chính thức hay không chính thức. Trong bối cảnh đó, sự ra đời của Đối thoại Shangri-La vào năm 2002 đã đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc bổ khuyết cho khoảng trống khuôn khổ hợp tác an ninh đa phương trong những năm đầu thế kỷ 21 ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Đồng thời, điều này tạo ra những cơ hội mới cho các nước vừa và nhỏ ở khu vực tham gia vào các vấn đề quốc tế, kiến tạo môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển và thúc đẩy lợi ích quốc gia.

Thứ nhất, Đối thoại Shangri-La kiến tạo một cơ chế đối thoại đa phương, bình đẳng về an ninh-quốc phòng, tạo điều kiện cho các bên liên quan cùng nhau thảo luận, tìm kiếm các giải pháp toàn diện và thực tiễn nhằm ứng phó với các thách thức an ninh khu vực, cả về phương diện truyền thống lẫn phi truyền thống. Vai trò của đối thoại này, vì vậy, vượt xa ý nghĩa của một hội nghị thường niên, trở thành một khuôn khổ đối thoại có tính mềm dẻo, linh hoạt, giúp điều hòa lợi ích và điều chỉnh hành vi giữa các tác nhân chiến lược ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Thứ hai, Đối thoại Shangri-La không chỉ đơn thuần là diễn đàn thể hiện quan điểm và chính sách quốc phòng, mà còn là cơ hội chiến lược để các quốc gia, đặc

biệt là các nước vừa và nhỏ như Việt Nam khẳng định vị thế trên trường quốc tế, duy trì hiện diện chiến lược và tham gia vào quá trình định hình các chuẩn mực ứng xử an ninh khu vực. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng quyết liệt, việc không tham gia đồng nghĩa với việc các nước vừa và nhỏ như Việt Nam có nguy cơ bị loại khỏi các tiến trình tham vấn và định hình chính sách, làm suy giảm tiếng nói và khả năng bảo vệ lợi ích quốc gia tại các diễn đàn có vai trò dẫn dắt. Do đó, sự hiện diện tại Đối thoại Shangri-La không chỉ mang tính quyền lợi mà còn là yêu cầu khách quan mang tầm vóc chiến lược, gắn với thực hiện chính sách quốc phòng bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

Thứ ba, là cơ chế có khả năng đáp ứng nhu cầu thực tiễn về một diễn đàn trao đổi dành riêng cho các Bộ trưởng Quốc phòng trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, qua 22 lần tổ chức, Đối thoại Shangri-La khẳng định được tầm vóc và ảnh hưởng, trở thành một cơ chế đối thoại chiến lược có uy tín hàng đầu trong cấu trúc an ninh khu vực, duy trì sức hút là nơi định hình dư luận chiến lược, điều chỉnh hành vi quốc phòng của các quốc gia, đồng thời là kênh để các nước vừa và nhỏ thể hiện quan điểm một cách độc lập, minh bạch và có trách nhiệm. Tuy nhiên, thời gian gần đây, triển vọng phát triển của cơ chế này đang là một câu hỏi đối với các nước tham gia, nhất là trước sự nổi lên của các diễn đàn đa phương do các nước lớn ở khu vực chủ trì đặt ra những thách thức đối với vị thế, vai trò của Đối thoại Shangri-La, từ đó tác động tới những ưu tiên lợi ích chiến lược mà các quốc gia tham dự cần cân nhắc để có sự hiện diện phù hợp.

Thứ tư, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa của Đảng, những năm qua, Việt Nam đã tham gia tích cực vào nhiều diễn đàn an ninh-quốc phòng đa phương, cả cấp khu vực và toàn cầu. Riêng với Đối thoại Shangri-La, Việt Nam đã được mời tham gia ngay từ hội nghị đầu tiên, kể từ đó đến nay, Việt Nam luôn duy trì tư cách là thành viên tích cực, có trách nhiệm, chủ động đóng góp vào thành công chung của Đối thoại, đặc biệt trong việc thúc đẩy lòng tin chiến lược giữa các bên tham gia. Thông qua đó, Việt Nam đã đạt được một số lợi ích quan trọng. Đối thoại Shangri-La trở thành một kênh để Việt Nam

củng cố đường lối đối ngoại quốc phòng độc lập, chủ động, góp phần tăng cường lòng tin chiến lược, mở rộng quan hệ chính trị - quốc phòng và nâng cao vị thế quốc tế của đất nước, tạo điều kiện để Việt Nam ở thế chủ động phòng ngừa, hóa giải các rủi ro an ninh bên trong và bên ngoài, bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Thứ năm, khi các nước lớn cạnh tranh ngày càng gay gắt và các quốc gia có xu hướng theo đuổi lợi ích quốc gia bằng mọi giá, việc tham gia vào các cơ chế đa phương như Đối thoại Shangri-La đặt ra các thách thức mới đối với các nước vừa và nhỏ như Việt Nam. Dưới góc nhìn thực tiễn từ quá trình nghiên cứu và trực tiếp tham dự các kỳ Đối thoại Shangri-La cho thấy, bên cạnh các cơ hội, Việt Nam cũng đang đối mặt với những khó khăn không nhỏ trong việc khẳng định và bảo vệ lợi ích quốc gia trong môi trường đối thoại đa phương, công khai và đầy tính cạnh tranh này. Do đó, việc đưa ra các biện pháp để nâng cao hiệu quả đối ngoại của Việt Nam trong tham gia các cơ chế đa phương như Đối thoại Shangri-La không chỉ là nhiệm vụ về chính sách mà còn là yêu cầu chiến lược nhằm góp phần bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia-dân tộc.

Từ đó, việc nghiên cứu một cách toàn diện, hệ thống và chuyên sâu về Đối thoại Shangri-La, đánh giá đúng sát, tham mưu và khuyến nghị chính sách phù hợp về sự tham gia của Việt Nam vào những định chế như Đối thoại Shangri-La trở thành yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Những kiến giải từ nghiên cứu có thể phục vụ công tác tham mưu chiến lược, định vị vai trò và hình ảnh của Việt Nam trong cộng đồng an ninh-quốc phòng quốc tế, góp phần khẳng định vị thế, uy tín và năng lực hội nhập quốc tế của đất nước trong giai đoạn mới. Kết quả nghiên cứu cũng sẽ góp phần cung cấp cơ sở dữ liệu và cơ sở khoa học cho công tác xây dựng và hoạch định chính sách đối ngoại quốc phòng, phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế sâu rộng và định hướng chiến lược bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Công trình cũng sẽ là một sự đóng góp có giá trị đối với lĩnh vực nghiên cứu chính trị học, quan hệ quốc tế, cấu trúc an ninh khu vực và chính sách đối ngoại trong bối cảnh trật tự khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang tái định hình.

Xuất phát từ những yêu cầu đó nghiên cứu sinh quyết định lựa chọn đề tài:

“Đối thoại Shangri-La: Quá trình hình thành, phát triển và sự tham gia của Việt Nam” làm luận án tiến sĩ chuyên ngành Chính trị học. Đây không chỉ là sự tiếp cận có giá trị học thuật đối với một chủ đề thời sự, có tính quốc tế cao, mà còn là nỗ lực đóng góp thiết thực vào việc nâng cao năng lực nghiên cứu chính sách và hoạch định chiến lược trong lĩnh vực đối ngoại quốc phòng của Việt Nam.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở làm sáng tỏ vai trò và tác động của Đối thoại Shangri-La trong cấu trúc an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương, xác định vị thế và hiệu quả tham gia của Việt Nam tại cơ chế này giai đoạn 2002 - 2025, Luận án hướng tới đề xuất các phương hướng và giải pháp khả thi, nhằm nâng cao hiệu quả tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La nói riêng và các cơ chế, diễn đàn đa phương về quốc phòng - an ninh nói chung trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu nêu trên, Luận án xác định các nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến Đối thoại Shangri-La và sự tham gia của Việt Nam; đánh giá các kết quả nghiên cứu đã có; qua đó chỉ ra khoảng trống nghiên cứu và những vấn đề cần tiếp tục làm rõ.

Thứ hai, hệ thống hóa cơ sở lý luận về đối thoại quốc phòng - an ninh đa phương, phân tích bản chất, vai trò, đặc điểm của Đối thoại Shangri-La; xác lập khung phân tích phục vụ nghiên cứu sự tham gia của Việt Nam tại cơ chế này.

Thứ ba, phân tích quá trình hình thành và phát triển của Đối thoại Shangri-La, chỉ ra các giai đoạn phát triển, đặc điểm, vai trò và tác động của Đối thoại Shangri-La đối với môi trường an ninh khu vực; trên cơ sở đó, đưa ra dự báo về xu hướng phát triển của cơ chế này.

Thứ tư, phân tích thực tiễn tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La giai đoạn 2002 - 2025, làm rõ nội dung, hình thức và mức độ tham gia; đánh giá thành tựu, hạn chế, phân tích nguyên nhân, đồng thời chỉ ra những vấn đề đặt ra.

Thứ năm, đề xuất một số phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La trong giai đoạn tới, phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận án là Đối thoại Shangri-La và sự tham gia của Việt Nam vào cơ chế đối thoại này.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi thời gian: Luận án giới hạn phạm vi thời gian nghiên cứu từ năm 2002 đến cuối năm 2025. Năm 2002 là năm Đối thoại Shangri-La chính thức được tổ chức, đồng thời Việt Nam bắt đầu tham gia cơ chế này. Mốc thời gian kết thúc là 2025 do tính chất thường niên của Đối thoại Shangri-La và tương ứng với thời điểm tổng kết công tác đối ngoại theo chỉ đạo của Nghị quyết Đại hội XIII để chuẩn bị cho Đại hội XIV của Đảng.

- Phạm vi không gian: Khu vực châu Á - Thái Bình Dương (không gian chủ yếu gắn với phạm vi hoạt động của Đối thoại Shangri-La) và Việt Nam. Đồng thời, Đối thoại Shangri-La là cơ chế đa phương có xu hướng mở rộng về đối tượng tham gia và vấn đề thảo luận ở nhiều khu vực trên thế giới, nên trong quá trình nghiên cứu tác giả sẽ mở rộng ra các khu vực và chủ thể liên quan nhằm làm rõ tác động đa chiều của cơ chế này trong bối cảnh an ninh quốc tế.

- Phạm vi về nội dung: Luận án tập trung vào ba nhóm nội dung chính: (1) Nghiên cứu về Đối thoại Shangri-La với tư cách là một cơ chế đối thoại quốc phòng - an ninh đa phương, bao gồm: bối cảnh ra đời, quá trình hình thành và phát triển; đặc điểm, vai trò, chức năng và sự vận động của cơ chế này trong cấu trúc an ninh khu vực; (2) Nghiên cứu thực tiễn tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La giai đoạn 2002 - 2025, tập trung vào: mục tiêu, nội dung và hình thức tham gia; thông điệp chính sách quốc phòng - an ninh; các hoạt động đối ngoại song phương và đa phương bên lề; qua đó đánh giá vị thế, vai trò, kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân. (3) Phân tích những vấn đề đặt ra và hàm ý chính sách đối với Việt

Nam trên cơ sở tác động của Đối thoại Shangri-La và bối cảnh môi trường an ninh khu vực; từ đó đề xuất định hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tham gia của Việt Nam trong thời gian tới. Trong khuôn khổ Luận án không đi sâu phân tích toàn bộ các vấn đề an ninh khu vực được thảo luận tại Đối thoại Shangri-La, mà chỉ tập trung vào những nội dung liên quan trực tiếp đến sự tham gia và lợi ích của Việt Nam; đồng thời không nghiên cứu chuyên sâu về chính sách của các quốc gia khác ngoài phạm vi cần thiết để làm rõ đối tượng nghiên cứu.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam. Vận dụng các lý thuyết chính trị, quan hệ quốc tế như chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa kiến tạo, chủ nghĩa đa phương, ngoại giao kênh 1.5, lý thuyết quốc gia nhỏ để làm rõ quá trình hình thành, phát triển của Đối thoại Shangri-La. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao, các quan điểm, nguyên tắc, chủ trương, đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam để phân tích sự tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La, gợi mở những giải pháp phù hợp với Việt Nam khi tham gia Đối thoại Shangri-La.

4.2. Câu hỏi nghiên cứu và giả thiết nghiên cứu

Luận án xác định các câu hỏi nghiên cứu sau:

Câu hỏi 1: Trong tiến trình tham gia Đối thoại Shangri-La từ 2002 đến 2025, Việt Nam đã theo đuổi những vai trò quốc tế nào và chúng đã thay đổi ra sao qua các giai đoạn?

Câu hỏi 2: Thông điệp chính sách quốc phòng - an ninh của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La phản ánh những thay đổi nào trong tư duy chiến lược và định vị chính trị quốc tế?

Câu hỏi 3: Đối thoại Shangri-La có ảnh hưởng như thế nào đến quá trình xây dựng hình ảnh Việt Nam như một quốc gia ủng hộ luật lệ, chủ quyền và hợp tác đa phương?

Câu hỏi 4: Các phát biểu và hoạt động song phương của Việt Nam tại Shangri-La đã được phản ánh trong truyền thông và chính sách trong nước như thế nào?

Câu hỏi 5: Việt Nam có thể tối ưu hóa hiệu quả tham gia Đối thoại Shangri-La ra sao trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ngày càng gay gắt?

Luận án đưa ra các giả thuyết nghiên cứu sau:

Giả thuyết 1. Đối thoại Shangri-La chuyển biến từ một diễn đàn trao đổi chính sách quốc phòng - an ninh sang một không gian cạnh tranh chiến lược, nơi các nước lớn định hình diễn ngôn và trật tự an ninh khu vực.

Giả thuyết 2. Mặc dù không có tính ràng buộc pháp lý, Đối thoại Shangri-La vẫn có ảnh hưởng đáng kể đến môi trường an ninh khu vực thông qua việc gửi tín hiệu chiến lược, định hình nhận thức và thúc đẩy tương tác chính sách.

Giả thuyết 3. Việt Nam sử dụng Đối thoại Shangri-La như một diễn đàn ngoại giao về quốc phòng, an ninh để khẳng định lập trường độc lập, tự chủ, ủng hộ luật pháp quốc tế và nâng cao vị thế trong cấu trúc an ninh khu vực.

Giả thuyết 4. Các phát biểu và hoạt động của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La không chỉ mang tính đối ngoại mà còn có tác động lan tỏa trở lại, góp phần định hướng nhận thức, truyền thông và điều chỉnh chính sách trong nước theo hướng phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế.

Giả thuyết 5. Hiệu quả tham gia Đối thoại Shangri-La của Việt Nam phụ thuộc vào cả bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và mức độ chủ động, năng lực chiến lược của Việt Nam trong khai thác cơ chế đa phương.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được thực hiện dựa trên phương pháp luận nghiên cứu chính trị học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, được củng cố bởi phương pháp luận nghiên cứu liên ngành, các lý thuyết về quan hệ chính trị quốc tế về đối thoại và an ninh, địa chính trị và các lý thuyết có liên quan khác. Trên cơ sở đó, Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu chính sau:

- Phương pháp lịch sử: Được sử dụng để phục dựng đầy đủ các điều kiện hình thành, quá trình ra đời, phát triển của Đối thoại Shangri-La qua các kỳ hội nghị theo các diễn biến tình hình thế giới, khu vực, cũng như về sự tham gia của Việt Nam tại cơ chế này trong các giai đoạn khác nhau.

- Phương pháp phân tích-tổng hợp: Được sử dụng để tìm hiểu các nhân tố tác động đến việc hình thành, phát triển của Đối thoại Shangri-La và sự tham gia của Việt Nam. Tác giả sử dụng phương pháp này để phân tích các kết quả, luận cứ đã thu được trong quá trình nghiên cứu, sau đó tổng hợp lại và đưa ra luận điểm chính. Trong phương pháp này, tác giả phân chia hợp lý các thông tin, kết quả thu thập được thành các nhóm, các bộ cụ thể.

- Phương pháp tổng hợp và so sánh: Được sử dụng để tìm hiểu môi trường địa chiến lược khu vực, các nhân tố tác động đến sự hình thành, phát triển của Đối thoại Shangri-La; đánh giá toàn diện về Đối thoại Shangri-La, rút ra những vấn đề về lý luận, đồng thời so sánh với các cơ chế đa phương khác để hiểu rõ và sâu sắc hơn về cơ chế này.

- Phương pháp phân tích chính sách: Được sử dụng nhằm làm rõ quá trình hình thành, nội dung và tác động của các chính sách quốc phòng - an ninh liên quan đến sự tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La thông qua phân tích các văn kiện, phát biểu chính thức, tuyên bố và định hướng chính sách của Việt Nam tại các kỳ Đối thoại Shangri-La, qua đó nhận diện mục tiêu, công cụ, phương thức triển khai và mức độ điều chỉnh chính sách qua các giai đoạn; đánh giá tác động của các yếu tố bối cảnh quốc tế và khu vực.

- Phương pháp thống kê và xử lý dữ liệu: Được sử dụng kết hợp với phương pháp phân tích - tổng hợp và phân tích chính sách để thống kê các dữ liệu về số lượng kỳ tham gia, thành phần và cấp độ đại biểu, tần suất và nội dung phát biểu, cũng như các hoạt động song phương bên lề qua các năm, từ đó nhận diện sự thay đổi, xu hướng phát triển của Đối thoại Shangri-La và đặc điểm nổi bật trong quá trình tham gia của Việt Nam.

- Phương pháp dự báo: Được vận dụng trong luận án với mục tiêu xây dựng các kịch bản phát triển khả dĩ của Đối thoại Shangri-La trong tương lai, trên cơ sở phân tích các xu thế địa chính trị khu vực, sự biến đổi trong môi trường an ninh quốc tế và động thái của các chủ thể chính liên quan. Phương pháp này không chỉ giúp làm sáng tỏ các khả năng vận động của diễn đàn, mà còn đóng vai trò như một công cụ hỗ trợ ra quyết định ở cấp chính sách. Thông qua việc dự báo các kịch bản phát triển, từ khả năng duy trì ổn định hiện tại, mở rộng quy mô và vai trò, đến nguy cơ suy giảm ảnh hưởng, luận án góp phần hình dung các lựa chọn chiến lược mà Việt Nam có thể đối mặt trong quá trình tham gia cơ chế này. Nhờ đó, các đề xuất và khuyến nghị chính sách được xây dựng dựa trên phân tích hiện trạng, phản ánh tầm nhìn định hướng đối với bối cảnh tương lai, giúp nâng cao khả năng chủ động và thích ứng của Việt Nam trong việc sử dụng các kênh đối thoại đa phương để thúc đẩy lợi ích quốc gia trong môi trường khu vực đang biến động nhanh chóng.

5. Những đóng góp mới của luận án

Một là, luận án đóng góp vào việc nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện cơ sở lý luận về Đối thoại Shangri-La và sự tham gia của Việt Nam trong cơ chế này. Trên cơ sở đó, luận án làm rõ nội hàm, cấu trúc và các thành tố cơ bản của Đối thoại Shangri-La; đồng thời nhận diện cơ sở hình thành và phát triển của cơ chế đối thoại này dưới góc nhìn của các lý thuyết quan hệ chính trị quốc tế. Đặc biệt, quá trình Việt Nam tham gia Đối thoại Shangri-La được phân tích gắn với tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao, cũng như sự phát triển tư duy đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam, qua đó góp phần làm rõ nền tảng tư tưởng - lý luận chi phối hoạt động của Việt Nam tại cơ chế này.

Hai là, luận án góp phần hệ thống hóa và làm rõ một cách có cơ sở khoa học những thành tựu, hạn chế và xu hướng phát triển của Đối thoại Shangri-La; phân tích thực tiễn quá trình tham gia của Việt Nam và các nguyên nhân tác động. Trên cơ sở đó, luận án chỉ ra những vấn đề đặt ra đối với Đối thoại Shangri-La trong bối cảnh an ninh khu vực biến động, đồng thời làm rõ những tồn tại, khó khăn và thách thức mà Việt Nam phải đối mặt khi tham gia cơ chế đối thoại an ninh đa phương này.

Ba là, luận án làm rõ sự cần thiết và rút ra các bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam trong quá trình tham gia hoạt động đối ngoại quốc phòng đa phương, đặc biệt là tại Đối thoại Shangri-La; đồng thời đề xuất hệ thống giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tham gia của Việt Nam trong thời gian tới. Thông qua việc phân tích cấu trúc, tiến trình phát triển, vai trò chiến lược của Đối thoại Shangri-La và sự tham gia của Việt Nam, luận án hướng tới đóng góp cho diễn ngôn học thuật đương đại về các thể chế an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đồng thời cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc nâng cao hiệu quả tham gia của Việt Nam vào các cơ chế đối thoại chiến lược trong giai đoạn mới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

- Luận án góp phần làm sáng tỏ các vấn đề lý luận nhằm lý giải sự hình thành và phát triển của Đối thoại Shangri-La trên cơ sở vận dụng các luận điểm cốt lõi của các lý thuyết quan hệ chính trị quốc tế về đối thoại và an ninh như Chủ nghĩa hiện thực, Chủ nghĩa tự do, Chủ nghĩa kiến tạo, các lý thuyết về đối thoại an ninh, ngoại giao kênh 1.5, lý thuyết quốc gia nhỏ và chiến lược ứng xử trong cơ chế đa phương. Đồng thời, luận án vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh cùng quan điểm, nguyên tắc, chủ trương, đường lối và chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam để lý giải sự tham gia của Việt Nam tại cơ chế này.

- Luận án góp phần hệ thống hóa và cụ thể hóa các nguồn thông tin, dữ liệu, xây dựng bức tranh tổng thể, có tính hệ thống về quá trình hình thành, phát triển của Đối thoại Shangri-La cũng như sự tham gia của Việt Nam qua các kỳ Đối thoại trong mối liên hệ với bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và trong nước. Qua đó, luận án cung cấp luận cứ khoa học để lý giải nguyên nhân khiến Đối thoại Shangri-La ngày càng mở rộng ảnh hưởng và sự tham gia ngày càng tích cực, chủ động của Việt Nam; đồng thời dự báo một số kịch bản phát triển của cơ chế này trong tương lai và rút ra các hàm ý chính sách đối với Việt Nam.

- Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần củng cố cơ sở khoa học cho công tác hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Việt Nam trong bối cảnh tình

hình chính trị - an ninh quốc tế diễn biến nhanh chóng, phức tạp; đặc biệt trong điều kiện Việt Nam đang đẩy mạnh hội nhập quốc tế, chủ động và tích cực tham gia các cơ chế đa phương, đưa quan hệ hợp tác với các đối tác đi vào chiều sâu, toàn diện và thực chất hơn.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Kết quả nghiên cứu của luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo về Đối thoại Shangri-La, phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ tại các trường đại học, viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu; đồng thời hỗ trợ đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại chính trị, quốc phòng và an ninh ở Việt Nam và khu vực.

- Các phân tích, đánh giá và khuyến nghị của luận án có thể được vận dụng trực tiếp vào thực tiễn nghiên cứu và hoạch định chính sách, góp phần nâng cao chất lượng công tác tham mưu cho lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Quân đội trong việc tăng cường hiệu quả tham gia của Việt Nam tại các kỳ Đối thoại Shangri-La tiếp theo, cũng như tại các cơ chế quốc phòng - an ninh đa phương khác ở khu vực và trên thế giới, nhằm bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc.

Những tri thức và kinh nghiệm nghiên cứu thu được từ luận án sẽ tiếp tục được tác giả vận dụng trong các hoạt động nghiên cứu khoa học và công tác thực tiễn trong thời gian tới.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung của luận án gồm 4 chương và 12 tiết:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến Đối thoại Shangri-La và sự tham gia của Việt Nam;

Chương 2. Cơ sở lý luận về Đối thoại Shangri-La và sự tham gia của Việt Nam;

Chương 3. Quá trình hình thành và phát triển của Đối thoại Shangri-La;

Chương 4. Sự tham gia của Việt Nam tại các kỳ Đối thoại Shangri-La và khuyến nghị chính sách.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỐI THOẠI SHANGRI-LA VÀ SỰ THAM GIA CỦA VIỆT NAM

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Nghiên cứu về Đối thoại Shangri-La

Kể từ khi ra đời đến nay, Đối thoại Shangri-La nhận được sự quan tâm nghiên cứu sâu rộng của giới học giả trong và ngoài nước. Sự hình thành và phát triển của Đối thoại Shangri-La đã được các nhà khoa học ở nhiều quốc gia luận bàn khá nhiều. Trong đó, những phân tích, nhìn nhận, đánh giá liên quan đến Đối thoại này được xem xét dưới các góc độ khác nhau, có thể chia thành các nhóm tài liệu về: (i) Quá trình hình thành, phát triển của Đối thoại Shangri-La và mối liên hệ với bối cảnh khu vực, quốc tế; (ii) Vai trò, tầm quan trọng và tác động của Đối thoại Shangri-La đối với cấu trúc an ninh khu vực; (iii) Một số thách thức, hạn chế của Đối thoại Shangri-La; (iv) Sự tham gia của các quốc gia tại Đối thoại. Một số công trình nghiên cứu tiêu biểu về từng khía cạnh cụ thể (tài liệu được trình bày theo trình tự thời gian đối với mỗi vấn đề được đề cập) như sau:

1.1.1.1. Các công trình nghiên cứu về quá trình hình thành, phát triển của Đối thoại Shangri-La và mối liên hệ với bối cảnh khu vực, quốc tế

Trong nghiên cứu quan hệ quốc tế và ngoại giao hiện đại, các cơ chế đối thoại thường được phân loại thành ba nhóm chính: Kênh 1 (Track One), Kênh 2 (Track Two) và Kênh 1.5 (Track One-and-a-Half). Cách phân loại này giúp làm rõ mức độ chính thức, thành phần tham gia và chức năng của từng hình thức trong điều phối quan hệ quốc tế, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm như quốc phòng-an ninh. Đối thoại Kênh 1 là hình thức chính thức giữa các đại diện nhà nước như nguyên thủ, bộ trưởng, hoặc quan chức cấp cao, thường diễn ra trong các hội nghị thượng đỉnh hoặc khuôn khổ thể chế đa phương. Đặc trưng của đối thoại Kênh 1 là có khả năng tạo ra các cam kết ràng buộc về chính trị hoặc pháp lý, phản ánh trực tiếp lập trường quốc gia. Ngược lại, đối thoại Kênh 2 mang tính không chính thức, diễn ra giữa học giả, chuyên gia, đại diện xã hội dân sự, tổ chức phi chính phủ...

Đây là không gian linh hoạt để trao đổi ý tưởng, thử nghiệm sáng kiến và xây dựng hiểu biết chung, tuy không mang tính đại diện cho chính phủ nhưng có thể ảnh hưởng gián tiếp đến việc hoạch định chính sách [Montville, 1991; Jones, 2008]. Ở giữa hai hình thức trên là đối thoại Kênh 1.5, nơi các quan chức chính phủ tham dự với tư cách không chính thức, cùng với học giả, chuyên gia. Hình thức này tạo điều kiện để các bên thăm dò quan điểm, chia sẻ đánh giá mà không bị ràng buộc chính trị, đồng thời thúc đẩy tương tác giữa giới hoạch định chính sách và cộng đồng nghiên cứu [Davies & Goodman, 2020]. Đây là dạng đối thoại đặc biệt phù hợp trong các vấn đề nhạy cảm như xung đột khu vực, cạnh tranh nước lớn, hay hợp tác quốc phòng mềm. Trong cấu trúc đó, Đối thoại Shangri-La được xác định là một diễn đàn đối thoại Kênh 1.5 điển hình. Với thành phần gồm các bộ trưởng quốc phòng, tướng lĩnh, quan chức an ninh cùng các học giả, tổ chức nghiên cứu và truyền thông quốc tế, diễn đàn vừa mang yếu tố chính trị cấp cao, vừa tạo không gian đối thoại chiến lược không ràng buộc pháp lý. Dù không đưa ra tuyên bố chung, các phát biểu tại diễn đàn thường được giới quan sát coi là chỉ dấu chiến lược quan trọng, phản ánh xu hướng chính sách quốc phòng và lập trường khu vực của các bên [Storey, 2013; Gill, 2022]. Như vậy, Đối thoại Shangri-La đóng vai trò trung gian giữa kênh chính thức và phi chính thức, góp phần định hình môi trường an ninh, thúc đẩy lòng tin và quản lý cạnh tranh tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, đặc biệt trong bối cảnh căng thẳng Mỹ - Trung Quốc gia tăng.

Đề cập tới Đối thoại Shangri-La dưới góc độ của ngoại giao Kênh 2, Luận án *“Think tanks and the promotion of non-traditional security in Asia”* (Dịch: Các cơ quan nghiên cứu tham mưu và việc thúc đẩy an ninh phi truyền thống ở châu Á) của tác giả Erin Zimmerman (2013), trường Đại học Adelaide, Australia đã tập trung vào vai trò của Kênh 2 trong việc giải quyết các thách thức an ninh phi truyền thống ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, qua đó phân tích một khía cạnh khác của Đối thoại Shangri-La là ngoại giao Kênh 2. Đối thoại Shangri-La được nhắc đến trong Luận án như một diễn đàn chính để thảo luận các vấn đề an ninh phi truyền thống trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương [Erin Zimmerman, 2013, tr. 142]. Tác giả

Zimmerman lập luận rằng, các tổ chức tư vấn, các viện nghiên cứu đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy đối thoại và hợp tác về các vấn đề an ninh phi truyền thống giữa các quốc gia tham gia thông qua các nghiên cứu có giá trị, phân tích chính sách và khuyến nghị để cung cấp thông tin cho các cuộc thảo luận và giúp xây dựng sự đồng thuận về những vấn đề cấp bách này. Từ đó, tác giả cho rằng, Đối thoại Shangri-La đã tạo ra nền tảng và mang đến cơ hội cho các chuyên gia, nhà hoạch định chính sách và quan chức quốc phòng thảo luận về các vấn đề an ninh phi truyền thống và an ninh truyền thống [Erin Zimmerman, 2013, tr. 144].

Một trong những công trình tiêu biểu tại Việt Nam nghiên cứu trực tiếp về Đối thoại Shangri-La là Luận văn thạc sĩ của Vũ Thị Yến (2017) được thực hiện tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội với đề tài “Đối thoại Shangri-La và sự tham gia của Việt Nam”. Công trình tập trung phân tích sơ bộ sự hình thành của Đối thoại Shangri-La từ năm 2002 đến năm 2015, làm rõ vai trò và ý nghĩa của diễn đàn này. Theo tác giả, Đối thoại Shangri-La là một diễn đàn an ninh đa phương có ý nghĩa tiên phong trong khu vực, đóng vai trò là không gian để các quốc gia, đặc biệt là các Bộ trưởng Quốc phòng và quan chức cấp cao, trao đổi quan điểm, xây dựng lòng tin và thúc đẩy hợp tác. Luận văn bước đầu cho thấy sự chủ động ngày càng rõ nét của Việt Nam trong việc đóng góp vào các cuộc thảo luận tại Đối thoại Shangri-La, đồng thời ghi nhận vai trò của Việt Nam trong việc nâng cao hình ảnh quốc gia, thúc đẩy hợp tác quốc phòng và củng cố lòng tin chiến lược với các đối tác khu vực. Bên cạnh những đóng góp trên, luận văn vẫn còn để ngỏ một số phương diện có thể tiếp tục được khai thác. Cụ thể, công trình chủ yếu sử dụng phương pháp mô tả-phân tích mà chưa vận dụng các khung lý thuyết quan hệ quốc tế như chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa kiến tạo hay lý thuyết đa phương để lý giải vai trò, động lực và chiến lược của Việt Nam trong Đối thoại Shangri-La. Ngoài ra, giai đoạn sau năm 2015, khi diễn đàn chứng kiến những thay đổi đáng kể về chương trình nghị sự trong suốt 10 năm qua, mức độ tham gia của các nước lớn, cũng như sự điều chỉnh trong chính sách đối ngoại và quốc phòng của Việt Nam chưa được đề cập đến. Những khoảng trống này gợi mở hướng tiếp cận

ngiên cứu mới, trong đó việc mở rộng khung lý thuyết và cập nhật dữ liệu thực tiễn sẽ góp phần nâng cao tính hệ thống và chiều sâu phân tích. [Vũ Thị Yến, 2017]

Bài viết “*Contested Asia's 'New' multilateralism and regional order*” (Dịch: Chủ nghĩa đa phương ‘Mới’ của châu Á và trật tự khu vực gây tranh cãi) đăng trên Tạp chí The Pacific Review (2018), tác giả Nick Bisley đã xem xét sự xuất hiện của các khuôn khổ đa phương mới và tác động của chúng đối với trật tự khu vực ở châu Á, tập trung vào vai trò của Đối thoại Shangri-La trong việc định hình bối cảnh an ninh khu vực. Tác giả lập luận rằng, Đối thoại Shangri-La là một phần của làn sóng chủ nghĩa đa phương mới ở châu Á, đã xuất hiện để đáp ứng môi trường an ninh đang phát triển và những hạn chế của các thể chế khu vực hiện có, như các cơ chế do ASEAN dẫn dắt, Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF)... Sự thiếu linh hoạt, dung nạp, khả năng thích ứng với tình hình mới cũng như khả năng giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống của các cơ chế đa phương hiện có là nguyên nhân chính góp phần vào sự trỗi dậy của các khuôn khổ đa phương mới như Đối thoại Shangri-La, nhằm mục đích cung cấp các nền tảng toàn diện, dễ thích ứng và linh hoạt hơn để giải quyết các thách thức an ninh đang gia tăng ở châu Á [Nick Bisley, 2018].

Bài viết “*Regional security dialogues in Europe and in Asia: The role of Track 1.5 forums in international security*” (Dịch: Đối thoại an ninh khu vực ở châu Âu và châu Á: Vai trò của diễn đàn Kênh 1.5 trong thực tiễn an ninh quốc tế) của Anna Longhini và Erin Zimmerman (2021) đã thảo luận về vai trò của Đối thoại Shangri-La trong việc định hình an ninh khu vực ở châu Á trên tư cách là diễn đàn Kênh 1.5. Đối thoại Shangri-La đã đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy đối thoại và hợp tác giữa các chủ thể khu vực ở châu Á, cũng như trong việc định hình chương trình nghị sự an ninh trong khu vực. Tuy nhiên, Kênh 1.5 cũng hạn chế Đối thoại Shangri-La ở tính không chính thức và không ràng buộc cũng như thúc đẩy đối thoại và hợp tác thực chất giữa các bên trong khu vực [Anna Longhini & Erin Zimmerman, 2021, tr. 498-500].

Làm sâu sắc hơn những ý tưởng trên, bài phân tích “ ” 20 :

(Dịch: 20 năm Đối thoại Shangri-La: Sự phát triển, đặc điểm

và triển vọng) của tác giả (Liu Lin, 2023), nhà nghiên cứu tại Viện Chiến lược quốc tế, Trường Đảng Trung ương (Trường Hành chính Quốc gia) của Trung Quốc đăng trên Tạp chí Asia-Pacific Security and Maritime Affairs đã phân tích quá trình hình thành, phát triển của Đối thoại Shangri-La trong 20 năm, tập trung đánh giá sâu sắc, toàn diện về kết quả đạt được, thành tựu, thách thức. Trong đó đã khái quát và phân tích sâu về đặc điểm nổi bật của cơ chế này, nhất là về cấu trúc và chủ đề được đưa ra tại các kỳ hội nghị; cho rằng, sau 20 năm phát triển, Đối thoại Shangri-La đã trở thành cơ chế an ninh đa phương Kênh 1.5 được đánh giá cao ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Dự báo, Đối thoại Shangri-La sẽ tiếp tục phát triển và khó có thể bị thay thế trong tương lai, bởi các lý do: môi trường an ninh toàn cầu và châu Á - Thái Bình Dương hiện đang có những thay đổi mạnh mẽ, những rủi ro, thách thức mà các quốc gia phải đối mặt ngày càng đa dạng và phức tạp đòi hỏi các nước phải tăng cường đối thoại, hợp tác; Đối thoại Shangri-La đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp tiếng nói và sức mạnh thể chế cho các nước phương Tây; Đối thoại Shangri-La là một trong số ít các cơ chế đa phương trong khu vực có thể thường xuyên thảo luận về các thách thức và hợp tác an ninh truyền thống [, 2023, tr. 83].

Bài viết “*History and mechanism of the Shangri-La Dialogue*” (Dịch: Lịch sử và cơ chế của Đối thoại Shangri-La) của tác giả Xi Manzhao của Đại học Northeast Asia/Đại học Shandong và tác giả Yang Yanlong của Viện Nghiên cứu quốc tế/Đại học Shandong đăng trên trang web của International Cooperation Center (2024) đã tổng hợp về chặng đường hình thành và phát triển của Đối thoại Shangri-La theo 03 giai đoạn. Trong giai đoạn đầu tiên 2002 - 2004, ba cuộc họp đầu tiên nhằm thiết lập và thăm dò ban đầu về cơ chế đối thoại, với số lượng quốc gia được mời tham gia tương đối hạn chế và ngoài Phiên toàn thể, chỉ một số lượng tương đối nhỏ các cuộc họp kín. Trong giai đoạn thứ hai, từ năm 2005 - 2009, số lượng các quốc gia và quan chức tham gia tăng dần, đưa Đối thoại Shangri-La dần phát triển thành diễn đàn an ninh đa phương có ảnh hưởng lớn ở châu Á - Thái Bình Dương và là cơ chế đối thoại an ninh quan trọng liên khu vực. Giai đoạn thứ ba từ

năm 2010, Đối thoại thu hút thêm nhiều quốc gia tham gia hơn, nội dung các chủ đề ngày càng phong phú và đa dạng, cơ cấu, phương thức và quy trình hoạt động của Đối thoại Shangri-La đã cơ bản được hoàn thiện và thiết lập vững chắc [Xi Manzhao & Yang Yanlong, 2024].

Những công trình này, các tác giả đều có những tìm hiểu nhất định về diễn tiến ra đời và phát triển của Đối thoại Shangri-La, gắn với bối cảnh tình hình khu vực châu Á - Thái Bình Dương, từ một đối thoại không chính thức giữa các quan chức quốc phòng đến vị thế hiện tại là một diễn đàn cấp cao về ngoại giao-quốc phòng. Các tài liệu đều chung một nhận định rằng, sự phát triển của Đối thoại phản ánh những thay đổi lớn hơn trong môi trường an ninh ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

1.1.1.2. Các công trình nghiên cứu về vai trò, tầm quan trọng và tác động của Đối thoại Shangri-La đối với cấu trúc an ninh khu vực

Đây là một chủ đề phổ biến, được đề cập khá nhiều trong các nghiên cứu về Đối thoại Shangri-La. Nhiều nghiên cứu cho rằng, trên tư cách là một diễn đàn về đối thoại quốc phòng ở châu Á, Đối thoại Shangri-La được coi là nền tảng quan trọng để thúc đẩy hợp tác an ninh khu vực, xây dựng lòng tin giữa các nước tham gia và tạo điều kiện thuận lợi cho đối thoại về các vấn đề an ninh khu vực. Đồng thời, Đối thoại Shangri-La đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành các thể chế và chuẩn mực an ninh khu vực.

Về đóng góp quan trọng của Đối thoại Shangri-La, năm 2006, các tác giả Sam Bateman, Catherine Zara Raymond, Joshua Ho tại Institute of Defence and Strategic Studies đã xây dựng tài liệu “*Safety and Security in the Malacca and Singapore Straits: An Agenda for Action*” (Dịch: An toàn và An ninh ở Eo biển Malacca và Singapore: Chương trình hành động) (2006) gồm Báo cáo phân tích toàn diện về tình trạng cướp biển và các cuộc tấn công có vũ trang nhằm vào tàu thuyền ở Eo biển Malacca và Singapore, cùng với đề xuất Kế hoạch Hành động 21 điểm. Báo cáo được xây dựng dựa trên các biện pháp quan trọng đã được xác định tại Đối thoại Shangri-La năm 2005, nhằm duy trì động lực hợp tác giữa các quốc

gia ven biển và quốc gia khác được bắt đầu từ Đối thoại này [Sam Bateman et al, 2006, tr. 2-3].

Xem xét vai trò của đối thoại trong việc thúc đẩy đối ngoại quốc phòng ở châu Á tiêu biểu phải kể đến bài viết “*The Shangri-La Dialogue and the institutionalization of defence diplomacy in Asia*” (Dịch: Đối thoại Shangri-La và thể chế hóa đối ngoại quốc phòng ở châu Á) của các tác giả David Capie và Brendan Taylor được đăng trên tạp chí The Pacific Review (2010) đã thảo luận về vai trò của Đối thoại Shangri-La trong việc thể chế hóa đối ngoại quốc phòng ở châu Á. Các tác giả lập luận rằng, sự ra đời của Đối thoại Shangri-La phản ánh một sự thay đổi sâu sắc trong nhận thức và đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển của các cơ chế đối thoại quốc phòng đa phương ở châu Á [David Capie & Brendan Taylor, 2010, tr. 360]. Đối thoại Shangri-La tạo ra một không gian đối thoại và tham vấn cấp cao về các vấn đề an ninh trong khu vực, đặc biệt là sự hiện diện của Mỹ và Trung Quốc giúp các nước nhỏ ở khu vực có cơ hội để tăng cường tương tác và gặp gỡ song phương với các nước lớn, một cơ hội khó có được nếu các nước nhỏ tự thực hiện [David Capie & Brendan Taylor, 2010, tr. 370]. Trong bài viết “*Regional Security in East Asia: ASEAN's Value Added and Limitations*” (Dịch: An ninh khu vực ở Đông Á: Giá trị và hạn chế của ASEAN) của tác giả Alice D. Ba đăng trên Journal of Current Southeast Asian Affairs xuất bản năm 2010 đã đánh giá Đối thoại Shangri-La là một diễn đàn thách thức vai trò của các cơ chế ASEAN, bởi Mỹ dưới thời Tổng thống George W. Bush ngày càng quan tâm tới các cơ chế như Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Đối thoại Shangri-La và các cơ chế này được coi là sự thay thế tiềm năng của Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) [Alice D. Ba, 2010, tr. 121]. Tác giả Trần Hậu Hùng có bài viết “*Shangri-La - Diễn đàn Đối thoại an ninh quốc phòng quan trọng của khu vực*” đăng trên Tạp chí Quan hệ Quốc phòng (2010), đã mô tả một số nét chính của Đối thoại Shangri-La về thành phần tham dự, mục đích, chủ đề và tính chất không ràng buộc pháp lý, cho rằng Đối thoại này đã góp phần thúc đẩy các bên hiện thực hóa một số sáng kiến ở châu Á như nội dung thảo luận về eo biển Malacca tại Đối thoại

Shangri-La đã đưa đến kết quả về việc Indonesia, Malaysia và Singapore nhất trí tăng cường tuần tra chung tại eo biển này từ tháng 7/2004, đưa ra sáng kiến tuần tra “Thiên nhân” từ tháng 9/2005 [Trần Hậu Hùng, 2010, tr. 37].

Bài viết *“The ASEAN Defense Ministers’ Meeting Plus (ADMM-Plus): Opportunities for Practical Security Cooperation in the Asia-Pacific”* (Dịch: ADMM+: Cơ hội hợp tác an ninh thiết thực ở châu Á - Thái Bình Dương) (2013) của các tác giả Kirsten Asdal, Stephanie Kang, Daniel Katz, and Megan Strausser trong khuôn khổ Diễn đàn Pacific đã đi sâu nghiên cứu cách thức các quốc gia trong khu vực có thể hợp tác cùng nhau để giải quyết các thách thức an ninh và thúc đẩy ổn định thông qua cơ chế Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+). Mặc dù Đối thoại Shangri-La không phải là trọng tâm của bài viết, nhưng được đề cập như một trong những nền tảng thiết yếu để tăng cường hợp tác an ninh khu vực cùng với các cơ chế khác ở khu vực như ARF, Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS), ADMM+, qua đó giúp cân bằng cạnh tranh và hợp tác, xây dựng lòng tin và giải quyết các thách thức an ninh đang nổi lên trong khu vực [Kirsten Asdal et al, 2012, tr. 6]. Tác giả Vũ Tiến Trọng trong bài viết *“Đối thoại Shangri-La đóng góp cho thúc đẩy hợp tác quốc phòng, an ninh vì mục tiêu hòa bình, ổn định khu vực”* đăng trên Tạp chí Quan hệ Quốc phòng (2013), đánh giá cao vai trò hóa giải xung đột, củng cố hợp tác của Đối thoại Shangri-La, coi Đối thoại là nơi đưa ra các giải pháp, sáng kiến thúc đẩy hợp tác mới vì mục tiêu hòa bình, ổn định ở khu vực [Vũ Tiến Trọng, 2013, tr. 3].

Bài viết *“Đối thoại Shangri-La 13 - ngăn ngừa nguy cơ xung đột vì một châu Á - Thái Bình Dương ổn định và phát triển”* của tác giả Lương Văn Mạnh đăng trên Tạp chí Quan hệ Quốc phòng (2014) đã khái quát vai trò của Đối thoại Shangri-La trong việc điều hòa các mối quan hệ chính trị quốc tế và cân bằng quyền lực của các chủ thể thông qua tăng cường hiểu biết, giảm thiểu bất đồng, tìm kiếm cơ hội hợp tác nhằm ngăn ngừa xung đột vì hòa bình, ổn định và phát triển khu vực [Lương Văn Mạnh, 2014, tr. 3]. Trong khi đó, tác giả Renato Henrique de Gaspi trong bài viết *“The Shangri-La Dialogues and the Rising Tension in Asia: Major Setbacks*

and Possibilities of Cooperation” (Dịch: Đối thoại Shangri-La và căng thẳng gia tăng ở châu Á: Những trở ngại lớn và khả năng hợp tác) đăng trong cuốn “Globalização e Regionalismo: Guia de Estudos Facamp Model United Nations” (2014) cho rằng, Đối thoại Shangri-La thành công vì tạo cơ hội cho các quốc gia nhỏ hơn trao đổi song phương với Mỹ, Trung Quốc và các cường quốc khác, một điều sẽ khó xảy ra hơn nếu không có diễn đàn này [Renato Henrique de Gaspi, 2014, tr. 214]. Trong bối cảnh khu vực châu Á đan xen cả những xung đột và hòa bình hợp tác, Đối thoại Shangri-La là một diễn đàn rất khác, vì đây là nơi không chỉ dành cho các quan chức chính phủ mà còn dành cho các học giả, đại diện của doanh nghiệp quốc phòng cùng thảo luận về hòa bình và an ninh ở châu Á [Renato Henrique de Gaspi, 2014, tr. 226]. Đáng chú ý, trong bài viết “*Revisiting the Shangri-La Dialogue: Candid and Heated Conversations are Encouraged*” (Nhìn lại Đối thoại Shangri-La: Các cuộc trò chuyện thẳng thắn và sôi nổi được khuyến khích) (2014), đăng trên Centre for America Process, các tác giả Blair Vorsatz và Rudy deLeon đánh giá cao Đối thoại Shangri-La 2014. Trong đó cho rằng, tại diễn đàn này, các đại biểu tham dự đã không ngần ngại bày tỏ thẳng thắn quan điểm. Dù các cuộc thảo luận diễn ra căng thẳng và nhiều quốc gia bất đồng quan điểm, nhưng các điểm bất đồng đã được làm sáng tỏ và bắt đầu thu hẹp những khác biệt để giảm thiểu nguy cơ xung đột. Các nhà lãnh đạo châu Á rời Singapore với mức độ hiểu biết lẫn nhau cao hơn [Blair Vorsatz & Rudy deLeon, 2014, tr. 1].

Trong bài viết “*The International Institute for Strategic Studies and the Shangri-La Dialogue*” (Dịch: Viện Nghiên cứu Chiến lược Quốc tế và Đối thoại Shangri-La) (2016), Erin Zimmerman đã phân tích vai trò của Viện Nghiên cứu Chiến lược Quốc tế (IISS) trong việc thiết lập và phát triển Đối thoại Shangri-La trở thành một diễn đàn an ninh cấp cao ở châu Á. Erin Zimmerman nhấn mạnh, Đối thoại Shangri-La là một trong các diễn đàn an ninh khu vực khác biệt, vì đây là quy trình an ninh cấp cao duy nhất do một tổ chức tư nhân (IISS) khởi xướng và điều hành. Qua đó, tạo ra một không gian thảo luận đặc biệt, cho phép các bộ trưởng

quốc phòng và quan chức an ninh thảo luận về các vấn đề nhạy cảm mà không bị ràng buộc bởi các quy tắc ngoại giao truyền thống [Erin Zimmerman, 2016, tr.124].

Đánh giá về vai trò của Đối thoại Shangri-La đối với cấu trúc an ninh khu vực, Luận văn thạc sĩ “*Case Analysis: The Shangri-La Dialogue’s Role in the Asia-Pacific Security Architecture*” (Dịch: Trường hợp phân tích: Vai trò của Đối thoại Shangri-La trong cấu trúc an ninh khu vực) (2020) của Jina Lim Jia Xuan tại Đại học Tsinghua, Trung Quốc nhìn nhận trước hết vai trò của cơ chế này đối với những chủ thể đang triển khai, mà cụ thể là IISS và nước chủ nhà Singapore cả trong thời điểm hiện nay và trong tương lai [Jina Lim Jia Xuan, 2020, tr. 16]. Đối với an ninh khu vực, tác giả xem xét vai trò của cơ chế này trực tiếp cả về khả năng thúc đẩy đối thoại giữa các bên và những lợi ích mang lại cho các thành viên tham gia [Jina Lim Jia Xuan, 2020, tr. 21], tập trung vào 04 nội dung chính về: (i) Tạo điều kiện cho các cuộc họp liên chính phủ song/đa phương; (ii) Chức năng truyền thông điệp công khai; (iii) Cơ hội thảo luận thẳng thắn, cởi mở, trung thực; (iv) Thiết lập kết nối giữa các bên tham gia.

1.1.1.3. Các công trình nghiên cứu về thách thức, hạn chế của Đối thoại Shangri-La

Dù đóng vai trò tích cực, nhưng Đối thoại Shangri-La vẫn tồn tại một số hạn chế, thách thức. Qua khảo sát, số lượng tác giả đề cập tới thách thức, hạn chế của cơ chế này tương đối ít, nhưng vấn đề này đã được một số học giả, nhà nghiên cứu quan tâm thảo luận, tập trung vào một số nội dung như: (i) Đối thoại quá tập trung vào các vấn đề quân sự và chưa chú trọng tới các thách thức an ninh phi truyền thống; Đối thoại thiên về chính trị của các cường quốc nên có xu hướng trở thành công cụ thảo luận chính trị của các nước này, chưa có sự quan tâm thích đáng đến các mối quan ngại an ninh của các nước nhỏ hơn trong khu vực; (ii) Chưa thể hiện vai trò trong thúc đẩy giải quyết các thách thức an ninh chung; (iii) Sự cạnh tranh từ các cơ chế khu vực, nhất là ADMM+.

Bài viết “*Solving the Wicked Problems of Maritime Security: Are Regional Forums the Answer?*” (Dịch: Giải quyết các vấn đề nan giải về an ninh hàng hải:

Các diễn đàn khu vực có phải là câu trả lời?”) của tác giả Sam Bateman (2011) cho rằng, các diễn đàn như ARF và Đối thoại Shangri-La thường chỉ tập trung vào các vấn đề an ninh “dễ giải quyết” (tame problems) như cướp biển, tìm kiếm cứu nạn và buôn lậu [Sam Bateman, 2011, tr. 2]. Sam Bateman đề cập phát biểu của Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Quốc phòng Singapore, Teo Chee Hean tại Đối thoại Shangri-La năm 2009 nhấn mạnh, các nước trong khu vực cần phải minh bạch hơn các hoạt động mua sắm quốc phòng, ý định chiến lược và các mối quan ngại về an ninh. Tuy nhiên, có vẻ như có rất ít sự quan tâm đến việc theo đuổi tác động tiêu cực của việc tăng chi tiêu quốc phòng trong khu vực hoặc sự gia tăng hoạt động hải quân. Đối thoại Shangri-La năm 2008 bao gồm một phiên thảo luận về nguy cơ chạy đua vũ trang trong khu vực, nhưng do các thành viên tham dự đều là quan chức quân sự, nên dễ hiểu là các bên đều đi đến kết luận rằng không có chạy đua vũ trang. Dù là một diễn đàn quốc phòng và an ninh khu vực quan trọng, nhưng Đối thoại cũng không có khả năng xem xét những hậu quả bất lợi của việc tăng chi tiêu quốc phòng vì diễn đàn này được các nhà sản xuất vũ khí Mỹ và châu Âu tài trợ mạnh mẽ [Sam Bateman, 2011, tr. 16-17].

Trong bài viết “ ” 20 : ” (Dịch: 20 năm Đối thoại Shangri-La: Sự phát triển, đặc điểm và triển vọng) trên Tạp chí Asia-Pacific Security and Maritime Affairs (2023), nhà nghiên cứu (Liu Lin) tại Viện Chiến lược quốc tế, Trường Đảng Trung ương (Trường Hành chính Quốc gia) lập luận, tranh cãi lẫn nhau giữa các bên, nhất là nước lớn, tác động tiêu cực tới bầu không khí của cơ chế này. Trong đó, một số học giả cho rằng, ở một mức độ nào đó, những phát biểu đối đầu giữa Trung Quốc và các nước phương Tây luôn là “thương hiệu” của Đối thoại Shangri-La, nhưng những năm gần đây vấn đề này ngày càng trầm trọng hơn và sự mất lòng tin ngày càng tăng giữa các cường quốc [, 2023, tr. 81]. Tác giả đề cập tương đối sâu về mục đích các bên tham gia, nhất là Mỹ và Trung Quốc; cho rằng, trong 10 năm qua, sự va chạm, đối đầu giữa Trung Quốc và Mỹ luôn là điểm nhấn của Đối thoại này. Ban đầu, các xung đột chính giữa hai nước tập trung vào an ninh hàng hải, đặc biệt là vấn đề Biển Đông, nhưng từ khi

chính quyền Tổng thống Donald Trump nhậm chức, cạnh tranh giữa hai bên đã mở rộng từ lĩnh vực hàng hải sang lĩnh vực kinh tế, thương mại, công nghệ, quân sự. Đặc biệt sau khi Tổng thống Joe Biden nắm quyền, Mỹ đã đoàn kết với các đồng minh, đối tác để mở rộng kiềm chế Trung Quốc khiến các tranh cãi giữa hai bên ngày càng gay gắt, trực diện hơn theo hướng “ăn miếng trả miếng”, mỗi bên đều có quan điểm riêng và khó có được sự trao đổi thực chất [, 2023, tr. 82]. Tác giả cũng đề cập tới sự xuất hiện và phát triển của các cơ chế khác ở khu vực gây thách thức Đối thoại Shangri-La. Tác giả cho rằng, một trong những thách thức nổi bật của Đối thoại Shangri-La là tác động của các cơ chế hội nghị quốc phòng, an ninh tương tự khác trong khu vực như Diễn đàn Hương Sơn Bắc Kinh của Trung Quốc, Đối thoại quốc phòng Seoul của Hàn Quốc, Đối thoại Raisina của Ấn Độ, Đối thoại Jakarta của Indonesia, đặc biệt là sự ra đời của ADMM+ đóng vai trò hàng đầu trong việc thúc đẩy hợp tác quốc phòng thiết thực [, 2023, tr. 80]. Tại Đối thoại Shangri-La năm 2022, cả Pháp và Canada đều bày tỏ sẵn sàng tham gia ADMM+. Nếu ADMM+ mở rộng hơn nữa số thành viên thì vai trò của cơ chế này có thể sẽ trở nên nổi bật hơn, ngược lại, Đối thoại Shangri-La có thể chỉ được sử dụng làm nền tảng cho đối thoại quốc phòng nhằm đưa ra một số sáng kiến hoặc khái niệm và khó có thể đóng vai trò trực tiếp trong việc thúc đẩy hợp tác quốc phòng trên thực tế. Khi các thách thức an ninh khu vực và toàn cầu ngày càng trở nên phức tạp hơn khiến các nước cần tăng cường hợp tác đối phó, Đối thoại Shangri-La, ADMM+ và các cơ chế đối thoại quốc phòng khu vực khác phải cạnh tranh thu hút sự chú ý và nguồn lực của các cơ quan quốc phòng của nhiều quốc gia khác nhau [, 2023, tr. 80].

Về vai trò trong thúc đẩy hợp tác giải quyết thách thức an ninh chung, dù không đề cập trực tiếp tới Đối thoại Shangri-La, nhưng bài viết “*Track 2 Security Dialogue in the Asia-Pacific: Reflections and Future Directions*” (Dịch: Đối thoại an ninh ở Châu Á - Thái Bình Dương Kênh 2: Quan điểm và định hướng tương lai) của các tác giả Desmond Ball, Anthony Milner, Brendan Taylor đăng trên tạp chí Asian Security (2006) cho rằng, các diễn đàn Kênh 2 (như Đối thoại Shangri-La)

thiếu cơ chế theo dõi và đánh giá hiệu quả để xác định mức độ ảnh hưởng của các khuyến nghị đối với chính sách chính thức; dù các nước đề xuất nhiều ý tưởng và khuyến nghị, nhưng khó có thể đưa những đề xuất này trở thành chính sách thực tế do thiếu sự liên kết chặt chẽ với các kênh chính thức như Kênh 1; ngân sách hạn chế cũng ảnh hưởng đến khả năng tổ chức các cuộc họp và duy trì sự tham gia liên tục của các bên liên quan; việc chưa thu hút được sự tham gia rộng rãi từ các quốc gia trong khu vực, dẫn đến thiếu tính đại diện và đa chiều trong các cuộc thảo luận trong khi hiệu quả của diễn đàn phụ thuộc vào cam kết của một số cá nhân lãnh đạo của các nước chủ chốt [Desmond Ball et al, 2006, tr. 176-179]. Bài viết “

” (Dịch: Nhận thức về quan hệ quốc tế của giới chức an ninh tại Đối thoại Shangri-La) trên trang JeJu Peace Institute (2019), tác giả (Do Jong Yoon) cho rằng, các nước có xu hướng thống nhất quan điểm tại các phiên đặc biệt đồng thời hơn là tại các phiên toàn thể, bởi tại đó các bên có cơ hội thảo luận và đi đến thống nhất, mặc dù vậy, Đối thoại Shangri-La có điểm hạn chế là không có vai trò trong xem xét và giải quyết các vấn đề thông qua thảo luận và tham vấn giữa các bên [, 2019].

Về xu hướng phát triển, một số tác giả cho rằng, khả năng tồn tại lâu dài của Đối thoại Shangri-La có thể bị thách thức bởi các cơ chế tương tự do các nước lớn khởi xướng. Dù Đối thoại Shangri-La không phải là nghiên cứu chính trong bài viết “*China’s Bilateral Defense Diplomacy in Southeast Asia*” (Dịch: Đối ngoại quốc phòng song phương của Trung Quốc ở Đông Nam Á) (2012) đăng trên Asian Security Vol. 8 (3), nhưng tác giả Ian Storey đã đề cập đến thách thức với Đối thoại Shangri-La trong giai đoạn đầu thành lập khi năm 2003 Trung Quốc đề xuất thiết lập Hội nghị Chính sách An ninh (SPC) nhằm thúc đẩy đối thoại giữa các quan chức quân sự cấp cao từ các nước ARF, sau đó năm 2004, Trung Quốc đã tổ chức SPC đầu tiên. SPC có thể được coi là sự cạnh tranh với Đối thoại Shangri-La, bởi trong giai đoạn 2002 - 2010, Trung Quốc chỉ cử cán bộ cấp thấp tham dự Đối thoại Shangri-La [Ian Storey, 2012, tr. 291].

Đáng chú ý, khi ADMM+ được thành lập với hội nghị đầu tiên diễn ra tại Hà Nội năm 2010, đây được coi là cơ chế cạnh tranh trực tiếp với Đối thoại Shangri-La ở khu vực. Lập luận về sự phát triển liên tục của Đối thoại Shangri-La trong tương lai, bài viết “*The Shangri-La Dialogue: Thriving but Not Surviving?*” (Dịch: Đối thoại Shangri-La: Phát triển nhưng không tranh đấu?) đăng trong tập sách “From ‘Boots’ to ‘Brogues’: The Rise of Defence Diplomacy in Southeast Asia” (2011) của trường S. Rajaratnam School of International Studies, tác giả Brendan Taylor đã so sánh giữa Đối thoại Shangri-La và ADMM+, chỉ ra sự cạnh tranh về mặt thể chế giữa hai cơ chế này, cho rằng điều này có thể gây bất lợi cho an ninh khu vực và cấu trúc an ninh rộng hơn [Brendan Taylor, 2011, tr. 60]. Với lập luận rằng, là cơ chế đối thoại đa phương có vai trò quan trọng ở khu vực, Đối thoại Shangri-La sẽ tiếp tục phát triển, bài viết đưa ra các đề xuất về cách thức quản lý để giảm sự cạnh tranh về mặt thể chế giữa Đối thoại Shangri-La và ADMM+ [Brendan Taylor, 2011, tr.61]. Cũng đề cập tới sự cạnh tranh của ADMM+ với Đối thoại Shangri-La, tác giả Renato Henrique de Gaspi trong bài viết “*The Shangri-La Dialogues and the Rising Tension in Asia: Major Setbacks and Possibilities of Cooperation*” (Dịch: Đối thoại Shangri-La và căng thẳng gia tăng ở châu Á: Những trở ngại lớn và khả năng hợp tác) (2014) cho rằng, sự ra đời của ADMM+ đã khiến một số học giả kêu gọi chấm dứt Đối thoại Shangri-La [Renato Henrique de Gaspi, 2014, tr. 215]. Tác giả đặt ra các câu hỏi đối với cơ chế này: (1) Làm thế nào để đưa ra các hướng dẫn toàn diện về chủ quyền, cả trên không và trên biển, để có thể giải quyết vấn đề quần đảo Điếu Ngư/Senkaku nhằm chấm dứt căng thẳng này ở châu Á?; (2) Làm thế nào Đối thoại Shangri-La có thể thúc đẩy các thỏa thuận song phương về nhiều chủ đề và về cuộc đối thoại giữa các quan chức nhà nước với đại diện của các ngành công nghiệp quốc phòng nhằm hiện đại hóa quốc phòng trong nước?; (3) Làm thế nào các Bộ trưởng có thể đạt được sự đồng thuận và đưa ra các quyết định hướng tới sự hợp tác lớn hơn, nhằm đảm bảo hòa bình và hòa hợp ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương? [Renato Henrique de Gaspi, 2014, tr. 226].

1.1.1.4. Các công trình nghiên cứu về sự tham gia của các quốc gia tại Đối thoại Shangri-La

Chủ đề này được nhiều học giả quan tâm nghiên cứu, đặc biệt là về sự can dự của các nước lớn, nhất là Mỹ và Trung Quốc. Đa số các học giả cho rằng, chính sự can dự của các nước lớn đã góp phần định hình vai trò của Đối thoại Shangri-La.

Là hai chủ thể chính đóng vai trò chi phối gần như tất cả các vấn đề liên quan tới Đối thoại Shangri-La từ trước, trong và sau khi Đối thoại này diễn ra, Mỹ và Trung Quốc là đối tượng chính trong nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả quốc tế và Việt Nam. Bài viết “

(Dịch: Bình luận về trò chơi Biển Đông giữa Mỹ và Trung Quốc tại Đối thoại Shangri-La 15) của tác giả (Yang, Chih-Heng) đăng trên trang Prospect & Exploration (Dịch: Triển vọng và Nghiên cứu) (tập 14 số 7, năm 2016) đánh giá về cạnh tranh Mỹ - Trung trong vấn đề Biển Đông được thể hiện rõ tại Đối thoại Shangri-La lần thứ 15. Bài viết cho rằng, cả Mỹ và Trung Quốc đều coi Biển Đông là trọng tâm khi tham dự diễn đàn lần này, nhất là diễn đàn diễn ra trước khi Tòa Trọng tài quốc tế công bố phán quyết về vấn đề Biển Đông, do đó phát biểu tại hội nghị này và trao đổi bên lề đều tập trung vào vấn đề Biển Đông. Đối thoại Shangri-La chỉ là một cơ chế để các bên bày tỏ và trao đổi quan điểm, nên vấn đề Biển Đông trong quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc chưa thể được giải quyết tại Đối thoại lần này, nhưng hội nghị đã giúp các nước tăng cường hiểu biết và điều chỉnh tư duy và chính sách an ninh trong tương lai [, 2016, tr. 22].

Nhận định về Mỹ và Trung Quốc, trong bài viết “*Contending US and Chinese Visions for Regional Order at the Shangri-La Dialogue: A Mixed Reception from Southeast Asia*” (Tầm nhìn đối lập của Mỹ và Trung Quốc về trật tự khu vực tại Đối thoại Shangri-La: Sự tiếp nhận trái ngược từ Đông Nam Á) (2019), tác giả Ian Storey của Viện ISEAS - Yusof Ishak Singapore cho rằng, cạnh tranh Mỹ - Trung trở thành tâm điểm tại Đối thoại Shangri-La 2019, trong đó hai bên đưa ra tầm nhìn khác nhau về trật tự khu vực và liên tục cáo buộc lẫn nhau là nguyên nhân gây ra căng thẳng ở khu vực [Ian Storey, 2019, tr. 2]. Các nước Đông Nam Á

đã có những phản ứng khác nhau, Bộ trưởng Quốc phòng của một số nước như Singapore, Malaysia bày tỏ lo ngại, trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ - Trung, các quốc gia nhỏ sẽ bị áp lực phải chọn bên trong các vấn đề như thương mại, công nghệ, an ninh [Ian Storey, 2019, tr. 4]. Cùng chủ đề, bài viết “*The Shangri-La Dialogue and US-China Rivalry: Navigating Tensions in the Asia-Pacific*” (Dịch: Đối thoại Shangri-La và cạnh tranh Mỹ - Trung: Điều hướng căng thẳng ở châu Á - Thái Bình Dương) của Bonnie Glaser đăng trên Journal of Current Chinese Affairs (2019), xem xét vai trò của Đối thoại Shangri-La trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược đang diễn ra giữa Mỹ và Trung Quốc ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương [Bonnie Glaser, 2019]. Đối thoại Shangri-La đóng vai trò là sân khấu để cả hai cường quốc điều hướng sự cạnh tranh và giải quyết các vấn đề an ninh quan trọng. Glaser cũng chỉ ra cách tiếp cận tương phản của Mỹ và Trung Quốc tại Đối thoại Shangri-La. Mỹ nhấn mạnh tầm quan trọng của trật tự dựa trên luật lệ, tự do hàng hải và cam kết với các đồng minh, trong khi Trung Quốc tập trung vào việc khẳng định lợi ích của mình, thúc đẩy một kiểu cấu trúc an ninh mới và nhấn mạnh nhu cầu tôn trọng lẫn nhau và không can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác. Phản ứng của các nước trong khu vực đối với sự cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc tại Đối thoại Shangri-La khá lo ngại về việc buộc phải chọn phe trong cuộc cạnh tranh giữa hai cường quốc lớn và tìm cách duy trì quan hệ tốt đẹp với cả hai bên, đồng thời theo đuổi lợi ích chiến lược của riêng mình. Bài viết cũng công nhận tầm quan trọng của các cường quốc khác, chẳng hạn như Ấn Độ, Nhật Bản và Australia, trong việc định hình bối cảnh an ninh khu vực. Các quốc gia này tích cực tham gia Đối thoại Shangri-La, bày tỏ mối quan tâm chiến lược và hợp tác trong các vấn đề an ninh khác nhau, do đó làm gia tăng sự phức tạp của cuộc cạnh tranh Mỹ - Trung trong khu vực [Bonnie Glaser, 2019].

Tác giả Chong Ja Ian nhận định về cạnh tranh Mỹ - Trung trong bài viết “*Toward a Contested World: Observations on the Shangri-La Dialogue 2022*” (Dịch: Hướng tới một thế giới cạnh tranh: Quan sát từ Đối thoại Shangri-La 2022) (2022) đăng trên tạp chí Prospects & Perspectives No.39. Tác giả lấy dẫn chứng về

phát biểu của các nước tại Đối thoại để lập luận rằng, Đối thoại Shangri-La năm 2022 có thể là đại diện cho sự đối đầu dai dẳng và ngày càng tăng giữa Trung Quốc với Mỹ và đồng minh, làm thu hẹp không gian của nhiều quốc gia đang nỗ lực duy trì sự cân bằng trong mối quan hệ với hai nước này [Chong Ja Ian, 2022]. Trong bài viết “*Dialogue Shangri-La 2022. L’Indo-Pacifique pris au piège de la rivalité États-Unis/Chine*” (Đối thoại Shangri-La 2022. Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương mắc kẹt trong cạnh tranh Mỹ - Trung) (2022) của tác giả Marianne Péron-Doise đăng trên trang nghiên cứu của L’Institut de Recherche Stratégique de l’École Militaire (Viện Nghiên cứu Chiến lược của Trường Quân sự) nhận định, phát biểu của Trưởng đoàn Mỹ và Trung Quốc tại Đối thoại Shangri-La 2022 cho thấy quan điểm không thể dung hòa về trật tự khu vực và toàn cầu giữa Mỹ và Trung Quốc [Marianne Péron-Doise, 2022].

Trong khi đó, bài viết “*History and mechanism of the Shangri-La Dialogue*” (Dịch: Lịch sử và cơ chế của Đối thoại Shangri-La) của tác giả Xi Manzhao của Đại học Northeast Asia/Đại học Shandong và tác giả Yang Yanlong của Viện Nghiên cứu quốc tế/Đại học Shandong đăng trên trang của International Cooperation Center (Trung tâm hợp tác quốc tế) (2024) cho rằng, Mỹ có tiếng nói chính tại Đối thoại Shangri-La trong khi Trung Quốc đang ngày càng thể hiện sự quan tâm tới các vấn đề an ninh châu Á - Thái Bình Dương. Sau khi Trung Quốc lần đầu tiên tham gia Đối thoại Shangri-La năm 2007, sự tương tác và đối đầu giữa Trung Quốc và Mỹ về các vấn đề quốc phòng và an ninh ở châu Á - Thái Bình Dương ngày càng tăng. Tại Đối thoại Shangri-La, cả Trung Quốc và Mỹ đều cố gắng đưa ra ý tưởng của mình về cấu trúc an ninh của khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đồng thời gửi tín hiệu và thông điệp để tranh thủ sự ủng hộ của các nước khu vực. Đặc biệt là sau năm 2010, với các vấn đề Biển Đông, Biển Hoa Đông và Đài Loan, cạnh tranh giữa Trung Quốc và Mỹ về các vấn đề này ngày càng “nóng” lên [Xi Manzhao & Yang Yanlong, 2024].

Tác giả Moaaz Manzoor đã trực tiếp đề cập tới cạnh tranh Mỹ - Trung tại Đối thoại Shangri-La lần thứ 21 trong bài viết “*The 21st Shangri-La Dialogue:*

Understanding Sino-US Rivalry and ASEAN Balancing Act” (Dịch: Đối thoại Shangri-La lần thứ 21: Hiểu về cạnh tranh Trung - Mỹ và hành động cân bằng của ASEAN) (2024) đăng trên tạp chí của Institute of Regional Studies Vol.42 (6). Tác giả cho rằng, Đối thoại Shangri-La tạo ra cơ hội để Bộ trưởng Quốc phòng Trung Quốc và Mỹ gặp gỡ và ghi nhận tầm quan trọng của việc khôi phục các trao đổi quân sự. Tuy nhiên, điều này thay đổi khi cả hai bên đều buộc tội lẫn nhau đe dọa hòa bình và ổn định ở khu vực, thay vì tương tác và giải quyết các vấn đề khu vực. Trong những năm gần đây, Đối thoại Shangri-La đã trở thành địa điểm quan trọng để giải quyết sự cạnh tranh chiến lược ngày càng tăng giữa Mỹ và Trung Quốc [Moaaz Manzoor, 2024, tr. 1].

Đề cập riêng về sự tham gia của Trung Quốc, bài viết “*China’s Engagement with Regional Security Multilateralism: The Case of the Shangri-La Dialogue*” (Dịch: Sự tham gia của Trung Quốc với chủ nghĩa đa phương về an ninh khu vực: Trường hợp của Đối thoại Shangri-La), các tác giả Nick Bisley và Brendan Taylor (2015) đã nghiên cứu sâu về sự tham gia của Trung Quốc vào Đối thoại Shangri-La và những tác động từ sự ảnh hưởng ngày càng tăng của nước này ở châu Á - Thái Bình Dương. Bisley và Taylor theo dõi sự phát triển trong tiến trình tham gia của Trung Quốc với Đối thoại Shangri-La, chuyển từ sự hiện diện tương đối thấp trong những năm đầu sang vai trò tích cực và quyết đoán hơn trong những năm sau. Sự thay đổi này phản ánh sức mạnh đang lên và lợi ích chiến lược của Trung Quốc trong khu vực. Các tác giả đã phân tích các mục tiêu của Trung Quốc khi tham gia vào Đối thoại Shangri-La, lập luận rằng Bắc Kinh tìm cách định hình các chuẩn mực an ninh khu vực, thể hiện cam kết đối với sự ổn định khu vực và quản lý quan hệ với các cường quốc lớn khác. Ngoài ra, Đối thoại Shangri-La cung cấp cho Trung Quốc cơ hội để đánh giá ý định và chính sách của các quốc gia khác trong khu vực. Từ chiều ngược lại, sự tham gia ngày càng tăng của Trung Quốc đã dẫn đến nhiều quan điểm đa dạng hơn và nhiều vấn đề được thảo luận hơn tại diễn đàn, góp phần làm cho Đối thoại Shangri-La có ý nghĩa như một nền tảng cho đối thoại và hợp tác an ninh khu vực. Tuy nhiên, các tác giả cũng đặt ra một số thách thức và

mối quan tâm liên quan đến vai trò ngày càng tăng của Trung Quốc trong Đối thoại Shangri-La, bao gồm khả năng gia tăng căng thẳng giữa Trung Quốc và các cường quốc khu vực khác, mức độ cam kết của Trung Quốc đối với một trật tự khu vực dựa trên luật lệ và nguy cơ Đối thoại Shangri-La trở thành địa điểm cạnh tranh quyền lực hơn là đối thoại mang tính xây dựng [Nick Bisley và Brendan Taylor, 2015].

Đối với các nước tham gia khác, giới nghiên cứu phân tích về những diễn tiến hội nghị liên quan tới sự tham gia và thông điệp của giới lãnh đạo các nước này, hoặc tập trung phân tích về sự cạnh tranh của các nước lớn. Chẳng hạn, trong bài viết “*Đối thoại Shangri-La lần thứ 17 - Những vấn đề nổi lên của khu vực và vai trò của Việt Nam*” (2018) đăng trên Tạp chí Quốc phòng toàn dân (bản điện tử), tác giả Lê Đức Cường cho rằng, trong Đối thoại Shangri-La lần thứ 17, hơn một nửa trong số các bài phát biểu tại các phiên thảo luận nhắc tới khu vực Đông Nam Á và ASEAN cho thấy sự đánh giá cao của các quốc gia trong khu vực và trên thế giới về vai trò trung tâm của ASEAN đối với hòa bình, ổn định và phát triển ở khu vực [Lê Đức Cường, 2018]. Bên cạnh đó, Tạp chí Magazine les grands dossiers de diplomatie (Dịch: Tạp chí Les grands hồ sơ ngoại giao, 2019) của Pháp đăng bài “*Quelle stratégie pour la France en Indo-Pacifique?*” (Dịch: Chiến lược nào cho Pháp ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương?) của tác giả Alice Guitton phân tích về thông điệp của Pháp về Chiến lược phòng thủ ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương qua bài phát biểu của Bộ trưởng Các lực lượng vũ trang Pháp Florence Parly tại Đối thoại Shangri-La năm 2019 [Alice Guitton, 2019]. Tác giả Nga Олег Парамонов (Oleg Paramonov, 2023) có bài viết “*Конференция Шангри-Ла: тайные встречи, «новый Quad» и Индия*” (Dịch: Đối thoại Shangri-La: Cuộc họp bí mật, “Bộ Tứ mới” và Ấn Độ) phân tích về hoạt động của các bên tại Đối thoại Shangri-La 20, cho rằng, đây là lần thứ 2 Nga không tham gia Đối thoại Shangri-La, Indonesia đưa ra thông điệp nhằm đề xuất một kế hoạch hòa bình cho vấn đề ở Ukraine nhằm thay thế kế hoạch của phương Tây, Mỹ đưa ra thông điệp và có các hoạt động nhằm lôi kéo đồng minh trong chiến lược chống Trung Quốc [Олег Парамонов, 2023]. Trong bài viết “*India’s Indo-Pacific - The 2018 Shangri-La*

Dialogue speech: A conceptual cornerstone?” (Dịch: Khái niệm Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Ấn Độ - Bài phát biểu tại Đối thoại Shangri-La 2018 có phải là nền tảng của khái niệm) (2024) đăng trên Fondation pour la Recherche Stratégique (FRS), France Note de la FRS 22/2024, tác giả Thibault Fournol lập luận rằng, tầm nhìn của Ấn Độ về Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương được phản ánh rõ nét qua bài phát biểu của Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi tại Đối thoại Shangri-La năm 2018, đây không phải bài phát biểu thông thường mà đóng vai trò nền tảng về sự tham gia lớn hơn của Ấn Độ vào khu vực, như một chiến lược thực tế của Ấn Độ khi công khai một tài liệu chiến lược liên quan tới khu vực Ấn Độ Dương [Thibault Fournol, 2024, tr. 4-6]. Trong bài viết “*Shangri-La Dialogue: The Role of South Korea*” (Dịch: Đối thoại Shangri-La: Vai trò của Hàn Quốc) thuộc Kỷ yếu hội thảo quốc tế “International Institutions in East Asia: Revisited from Korean and Vietnamese Perspectives” (Dịch: Các thể chế quốc tế ở Đông Á: Góc nhìn từ Hàn Quốc và quan điểm của Việt Nam) do Nhà xuất bản Lao động của Việt Nam phát hành năm 2024, Tiến sĩ Kwon Bo-ram thuộc Viện Phân tích Quốc phòng Hàn Quốc đánh giá, cạnh tranh quyền lực trong một hệ thống đa cực cũng đang nổi lên, với sự khác biệt về quan điểm giữa các nhóm nước phương Tây và Trung Quốc ngay cả trong cùng một chương trình nghị sự ngày càng rõ ràng. Đối thoại Shangri-La mang lại một số lợi ích cho Hàn Quốc trong việc thúc đẩy các sáng kiến chính sách đối ngoại [Kwon Bo-ram, 2024, tr. 26]. Tổng thống Hàn Quốc đã tận dụng Đối thoại Shangri-La 2022 để đưa ra tầm nhìn của Hàn Quốc như một quốc gia chủ chốt toàn cầu; đồng thời cơ chế này giúp Hàn Quốc thúc đẩy các đối thoại an ninh do nước này chủ trì như Đối thoại Quốc phòng Seoul (SDD), Diễn đàn Quốc phòng Hongneung (HDF) [Kwon Bo-ram, 2024, tr. 29]. Có hai thách thức đối với Hàn Quốc liên quan đến Đối thoại Shangri-La. Thứ nhất, do Đối thoại thảo luận nhiều nội dung, nên tầm quan trọng của chương trình nghị sự ngoại giao và an ninh của Hàn Quốc về chương trình hạt nhân của Triều Tiên, không phải là ưu tiên của khu vực. Thứ hai, Hàn Quốc cần phải có thêm các chuyên gia ở nhiều lĩnh vực an ninh [Kwon Bo-ram, 2024, tr. 29]. Trong bài viết “*Đối thoại An ninh Shangri-La năm 2025: Một số điểm nhấn đáng chú ý*” (2025) đăng trên trang Nghiên cứu chiến lược,

tác giả Phạm Quang Hiền cho rằng, tại Đối thoại Shangri-La 2025, châu Âu với sự dẫn dắt của Tổng thống Pháp Emmanuel Macron và Đại diện cấp cao của Liên minh châu Âu Josep Borell đã thể hiện quan điểm rõ ràng về vai trò và cam kết đối với an ninh khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. So với năm 2024, sự hiện diện và tiếng nói của châu Âu năm 2025 nổi bật hơn cả về cấp độ đại diện và chiều sâu chiến lược, đánh dấu bước chuyển mạnh mẽ của châu Âu từ vai trò người quan sát sang kiến tạo. Trong khi đó, Australia thể hiện thái độ tự tin hơn về năng lực quốc phòng; Ấn Độ thể hiện sự quyết đoán hơn, sẵn sàng hướng đến củng cố ảnh hưởng khu vực thông qua hợp tác thực chất với các nước Đông Nam Á [Phạm Quang Hiền, 2025]. Trong khi đó, ASEAN tiếp tục nhấn mạnh tầm quan trọng của duy trì hòa bình, ổn định và không đứng về phía nào trong cạnh tranh cường quốc. Tuy nhiên, so với năm 2024, ASEAN thể hiện quan điểm thực tế hơn, thẳng thắn hơn về những thách thức đang làm suy giảm vai trò của tổ chức này [Phạm Quang Hiền, 2025].

Với tinh thần cầu thị và làm việc nghiêm túc trong điều kiện cho phép và nỗ lực cao nhất, sau khi nghiên cứu các tài liệu thu thập được, tác giả có một số nhận định như sau: Phần lớn các học giả đều cho rằng, Đối thoại Shangri-La là một trong những định chế chính trị - an ninh mới, nổi bật nhất tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương thời hậu Chiến tranh Lạnh. Trải qua 22 lần tổ chức, đây được coi là nơi để các nhà lãnh đạo, nhà hoạch định chính sách về quốc phòng, an ninh, chuyên gia, học giả thảo luận về các vấn đề an ninh đang nổi lên của khu vực châu Á - Thái Bình Dương và lắng nghe, nghiên cứu, nắm bắt chiến lược của từng quốc gia. Theo thời gian, Đối thoại Shangri-La ngày càng được đánh giá cao hơn về vị trí, vai trò là một trong những diễn đàn hàng đầu về đối thoại an ninh khu vực và quốc tế, với những đóng góp tích cực vào việc xây dựng lòng tin, tăng cường tính minh bạch trong chính sách an ninh của các quốc gia khu vực, đồng thời thúc đẩy việc hình thành các cơ chế hợp tác an ninh đa phương mới vì mục tiêu hòa bình, ổn định, phát triển thịnh vượng chung ở châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới.

1.1.2. Nghiên cứu về sự tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La

Sự tham gia của Việt Nam tại các kỳ Đối thoại Shangri-La là một chủ đề được quan tâm và thảo luận trong cộng đồng học thuật và chính sách. Một số kết quả nghiên cứu tiêu biểu được phân loại theo các nội dung chính sau: (i) Quá trình tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La; (ii) Ý nghĩa và kết quả của Việt Nam khi tham gia Đối thoại Shangri-La; (iii) Hạn chế, thách thức và đề xuất, khuyến nghị cho Việt Nam.

1.1.2.1. Các công trình nghiên cứu về quá trình tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La

Các công trình nghiên cứu về quá trình Việt Nam tham gia Đối thoại Shangri-La không nhiều và chỉ được đề cập sơ lược, phần lớn là của các tác giả trong nước đăng trên các ấn phẩm trong nước. Đầu tiên phải kể tới bài viết “*Đối thoại Shangri-La, sự tham gia của Việt Nam và những vấn đề cần quan tâm trong thời gian tới*” của tác giả Nguyễn Đạt Phong đăng trên Tạp chí Quan hệ Quốc phòng số 3, Quý III/2008. Bài viết đề cập tới sự tham gia của Việt Nam vào định chế này từ năm 2002 - 2008, cấp tham dự đã được nâng từ cấp Lãnh đạo Viện Chiến lược quân sự (2002 - 2006) lên cấp Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam từ năm 2007 [Nguyễn Đạt Phong, 2008, tr. 7]. Bài viết đã giới thiệu các thông điệp của Việt Nam tại hội nghị qua bài phát biểu của đoàn Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam, lần đầu tiên Ban Tổ chức bố trí Trưởng đoàn Việt Nam phát biểu chính thức tại phiên toàn thể thứ sáu với chủ đề “*Hình thức hợp tác an ninh: Xây dựng lòng tin, quan hệ đối tác, liên minh*”. Trong đó, Việt Nam kêu gọi xây dựng lòng tin và sự tin cậy lẫn nhau để tạo cơ hội cho hợp tác; khẳng định đường lối đối ngoại hòa bình và những đóng góp quan trọng của Việt Nam cho an ninh khu vực. Tiếp đó, trong bài viết “*Đối thoại Shangri-La đóng góp cho thúc đẩy hợp tác quốc phòng, an ninh vì mục tiêu hoà bình, ổn định khu vực*” của tác giả Vũ Tiến Trọng đăng trên Tạp chí Quan hệ Quốc phòng (2013) đã điểu qua quá trình tham gia của Việt Nam từ năm 2008 - 2013 với các bài phát biểu nhấn mạnh thông điệp về “*lòng tin chiến lược*” trong bối cảnh khu vực và thế giới đang phải đối mặt

với nhiều nguy cơ, thách thức, qua đó tạo được dấu ấn và làm nổi bật vai trò của Việt Nam trong việc củng cố, xây dựng niềm tin, thúc đẩy hợp tác quốc phòng trong khu vực, chung tay xây dựng lòng tin chiến lược vì hòa bình, hợp tác, thịnh vượng của châu Á - Thái Bình Dương [Vũ Tiên Trọng, 2013, tr. 6].

1.1.2.2. Các công trình nghiên cứu về ý nghĩa và kết quả của Việt Nam khi tham gia Đối thoại Shangri-La

Đây là các nội dung được nhiều học giả nghiên cứu, phân tích. Một trong những lập luận chính là từ khi tham gia Đối thoại Shangri-La lần đầu tiên năm 2002 đến nay, Việt Nam đã trở thành một trong những quốc gia chủ động đóng góp vào các phiên họp của diễn đàn này. Việc Việt Nam tham gia Đối thoại Shangri-La phản ánh vai trò ngày càng tăng của Việt Nam đối với an ninh khu vực ở châu Á, là minh chứng sinh động cho tinh thần trách nhiệm của Việt Nam đối với cộng đồng quốc tế. Nhiều học giả cho rằng sự tham gia tích cực, chủ động của Việt Nam với các thông điệp về xây dựng lòng tin, hòa bình, hợp tác cùng với các giải pháp thiết thực cho các thách thức an ninh chung tại các kỳ Đối thoại Shangri-La đã thúc đẩy đối thoại và hợp tác giữa các chủ thể khu vực ở châu Á, góp phần nâng cao vị thế và khẳng định đường lối, chính sách đối ngoại đúng đắn của Đảng, Nhà nước ta. Đồng thời, tại các kỳ Đối thoại Shangri-La, Việt Nam đều phát biểu thẳng thắn bảo vệ lợi ích của Việt Nam, gồm khẳng định chủ quyền ở Biển Đông, đồng thời minh bạch hóa chính sách quốc phòng, an ninh, đóng góp vào hòa bình, ổn định và thịnh vượng ở khu vực và thế giới.

Diễn hình là nhiều bài viết đánh giá cao thông điệp xuyên suốt của Việt Nam về xây dựng lòng tin chiến lược. Trong đó, sự tham gia của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tại Đối thoại Shangri-La 12 là một thành tựu ngoại giao quan trọng của Việt Nam năm 2013. Đề cập tới điều này, trong cuốn “Southeast Asian Affairs 2014” của Viện ISEAS-Yusof Ishak (Singapore), trong bài viết “*Vietnam in 2013: Domestic Contestation and Foreign Policy Success*”, tác giả Carlyle A. Thayer (2014) cho rằng, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã đóng vai trò nổi bật khi có bài phát biểu quan trọng tại Đối thoại Shangri-La [Carlyle A. Thayer, 2014, tr. 355].

Trong bài viết “*Bước phát triển đột phá tại Đối thoại Shangri-La năm 2013*” trên Tạp chí Cộng sản Điện tử (2013), tác giả Lê Thế Mẫu đã khẳng định sự tham gia có trách nhiệm và hiệu quả của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La 2013, nhấn mạnh sáng kiến của Việt Nam được đưa ra trong bài phát biểu của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng với chủ đề “*Xây dựng lòng tin chiến lược vì hòa bình, hợp tác ở châu Á - Thái Bình Dương*” được dư luận trong và ngoài khu vực đánh giá cao, là đề xuất chưa từng có trong lịch sử Đối thoại Shangri-La từ khi thành lập, trở thành sáng kiến có tính đột phá của Việt Nam tại cơ chế này. IISS, cơ quan chủ trì đăng cai và tổ chức Đối thoại Shangri-La 2013, đăng bài viết bình luận sáng kiến của Việt Nam về lòng tin chiến lược, coi đây là chủ đề gợi mở cho các bài tham luận và trao đổi ý kiến, được xây dựng trên cơ sở tôn trọng Hiến chương Liên hợp quốc, luật pháp quốc tế và các nguyên tắc, chuẩn mực ứng xử chung, đã trở thành giá trị chung của toàn nhân loại. Đồng thời, tác giả Lê Thế Mẫu nhấn mạnh 5 quan điểm cơ bản của Việt Nam để bảo vệ chủ quyền và giải quyết các tranh chấp trên Biển Đông đã được Thủ tướng đề cập trong bài phát biểu dẫn đề [Lê Thế Mẫu, 2013].

Đồng quan điểm, nhấn mạnh và làm rõ sự tham gia của Việt Nam, bài viết “*Chung tay xây dựng lòng tin vì hòa bình, thịnh vượng của châu Á - Thái Bình Dương*” của tác giả Nguyễn Thị Huệ đăng trên Tạp chí Quan hệ Quốc phòng (2013) nhận định, năm 2013 là một năm vô cùng quan trọng khi Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng được chọn làm khách mời đặc biệt, diễn giả chính trong phiên khai mạc Đối thoại Shangri-La 12 [Nguyễn Thị Huệ, 2013, tr. 28]. Đối thoại Shangri-La 12 được biết đến như một diễn đàn “*xây dựng lòng tin chiến lược*”, nơi ghi dấu ấn Việt Nam, khẳng định uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Những điểm nhấn quan trọng trong bài phát biểu của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tại Đối thoại Shangri-La 12 gồm: Đánh giá chính xác tình hình khu vực, đưa ra giải pháp chiến lược thiết thực, kêu gọi các nước cần xây dựng lòng tin chiến lược, củng cố khối đoàn kết ASEAN. Bài phát biểu dẫn đề của Thủ tướng Việt Nam được đánh giá cao, đã làm hài lòng và gây ấn tượng mạnh đối với các quan chức Chính phủ, các nhà lãnh đạo quân đội, các học giả có uy tín tham dự hội nghị cũng như những

ai quan tâm đến sự kiện này và trở thành chủ đề chủ đạo được các đại biểu sôi nổi thảo luận trong suốt quá trình diễn ra hội nghị [Nguyễn Thị Huệ, 2013, tr. 28].

Trong bài viết “*Đối thoại Shangri-La 13 - ngăn ngừa nguy cơ xung đột vì một châu Á - Thái Bình Dương ổn định và phát triển*” đăng trên Tạp chí Quan hệ Quốc phòng (2014), tác giả Lương Văn Mạnh đã nhấn mạnh chủ trương của Việt Nam về vấn đề Biển Đông qua phát biểu của Đại tướng Phùng Quang Thanh, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La 13 sau khi Trung Quốc đơn phương hạ đặt giàn khoan HD-981 trong Vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) và Thềm lục địa của Việt Nam, đó là lập trường kiên trì quản lý căng thẳng bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế [Lương Văn Mạnh, 2014, tr. 9]. Đặc biệt, tác giả cho rằng, Việt Nam thể hiện lập trường kiên quyết, nhưng mềm dẻo, qua đó đã khẳng định rất rõ mong muốn giải quyết hòa bình các tranh chấp: “Trong bầu không khí “nóng”, căng thẳng tại diễn đàn, đặc biệt khi các đại diện của Mỹ và Nhật Bản đều phát biểu lên án trực diện mạnh mẽ hành động gây hấn của Trung Quốc trên Biển Đông, thì sự thể hiện lập trường, thái độ kiên quyết nhưng mềm dẻo của Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam, Đại tướng Phùng Quang Thanh là hết sức cần thiết, thể hiện rõ bản lĩnh và thiện chí mong muốn hòa bình của Việt Nam, khẳng định Quân đội Nhân dân Việt Nam là Quân đội hòa bình, trong đó cũng hàm chứa một thông điệp rõ ràng: Điều Việt Nam cần là giữ vững độc lập tự chủ, chủ quyền lãnh thổ, đồng thời giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước” [Lương Văn Mạnh, 2014, tr. 9].

Trong bài viết “*Đối thoại Shangri-La lần thứ 17 - Những vấn đề nổi lên của khu vực và vai trò của Việt Nam*” (2018) đăng trên Tạp chí Quan hệ Quốc phòng toàn dân (bản điện tử), tác giả Lê Đức Cường cho rằng, tại Đối thoại Shangri-La lần thứ 17, Việt Nam đã nhấn mạnh thông điệp “Độc lập, tự chủ, tăng cường hợp tác, tuân thủ luật pháp quốc tế là nền tảng của an ninh, hòa bình và phát triển”, chủ động đưa ra những giải pháp để đạt được mục tiêu đó; trong đó, các cấu trúc, cơ chế an ninh phải dựa trên luật pháp quốc tế, các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc, các chuẩn mực ứng xử được công nhận, các cam kết khu vực làm nền tảng và

sự đồng thuận về chính trị giữa các bên, trên cơ sở lợi ích chung. Điều này thể hiện vai trò tích cực và ngày càng quan trọng của Việt Nam tại khu vực, được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao [Lê Đức Cường, 2018].

Tác giả Vũ Tiến Trọng có bài viết “*Đối thoại Shangri-La 2019 - Vấn đề an ninh khu vực và đóng góp của Việt Nam*” (2019) trên Tạp chí Quốc phòng toàn dân (bản điện tử) cho rằng, kể từ khi tham gia Đối thoại Shangri-La đầu tiên vào năm 2002, Việt Nam luôn thể hiện là thành viên tích cực, có trách nhiệm với cộng đồng quốc tế, thường xuyên đưa ra các quan điểm rõ ràng trước những thách thức an ninh và tranh chấp chủ quyền trong khu vực [Vũ Tiến Trọng, 2019]. Tại Đối thoại Shangri-La 2019, Việt Nam chủ động đưa ra công thức giải quyết các vấn đề tranh chấp phù hợp với tình hình khu vực, được các nước đánh giá cao. Công thức đó được thể hiện rõ ở tiêu đề cũng như nội dung bài phát biểu của Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam - Đại tướng Ngô Xuân Lịch tại phiên họp toàn thể thứ năm của Đối thoại ngày 02/6/2019, đó là: “Giải quyết tranh chấp trong không khí hòa bình, với tinh thần đối tác, vì trách nhiệm cộng đồng” [Vũ Tiến Trọng, 2019].

Ngoài ra, các bài viết đăng trên Tạp chí Quan hệ quốc phòng như “*Đối thoại Shangri-La 16: Quan điểm và nỗ lực tìm kiếm giải pháp cho thách thức an ninh vì một khu vực hòa bình và phát triển*” (2017) của tác giả Nguyễn Ngọc Ánh, “*Đối thoại Shangri-La 17 góp phần thúc đẩy hợp tác quốc phòng - an ninh khu vực và sự tham gia của Việt Nam*” (2018) của tác giả Nguyễn Thành Đồng, “*Đối thoại Shangri-La 18: Thách thức an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương và tầm nhìn của Việt Nam*” (2019) của tác giả Nguyễn Thị Hằng, “*Tăng cường khả năng quốc phòng bảo vệ Tổ quốc - Thông điệp hòa bình thúc đẩy lòng tin chiến lược của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La lần thứ 19*” (2022) của tác giả Dương Quý Nam đã đề cập sự tham gia và làm rõ các thông điệp của Việt Nam được đưa ra tại từng kỳ hội nghị. Đây là những tư liệu quý để tác giả nghiên cứu có hệ thống về sự tham gia, những thông điệp của Việt Nam qua các kỳ hội nghị một cách liên tục và đầy đủ.

1.2.2.3. *Các công trình nghiên cứu về hạn chế, thách thức và đề xuất, khuyến nghị cho Việt Nam*

Về những thách thức của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La, chủ đề này ít được các tác giả bàn tới và chủ yếu tập trung vào một số thách thức về đối ngoại, bảo vệ lợi ích quốc gia, khó khăn trong cân bằng quan hệ giữa các nước lớn, cũng như một số hạn chế về nguồn lực quốc gia mà Việt Nam phải đối mặt và những nỗ lực nhằm cân bằng quan hệ với các cường quốc trong khu vực. Đề cập tới vấn đề Biển Đông là thách thức đối với Việt Nam trong quan hệ với Trung Quốc, trong bài viết “*The Sino-Vietnamese Standoff in the South China Sea*” (Dịch: Thế bế tắc Trung - Việt ở Biển Đông) (2012) đăng trên Georgetown Journal of International Affairs Vol. 13 (1), các tác giả John D. Ciociari, Jessica Chen Weiss đã dẫn chứng về việc tại Đối thoại Shangri-La năm 2011, trong khi các nước bày tỏ quan ngại sâu sắc với Trung Quốc về vấn đề Biển Đông, Việt Nam đã công khai các hành động hung hăng của Trung Quốc đối với ngư dân và tàu nghiên cứu của Việt Nam, qua đó nhận được sự ủng hộ của phần lớn các nước ASEAN [John D. Ciociari & Jessica Chen Weiss, 2012, tr. 64]. Bài viết “*Vietnam balances between the Indo-Pacific powers*” (Dịch: Việt Nam cân bằng giữa các cường quốc ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương) (2024) trên East Asia Forum của các tác giả Viet Dung Trinh và Huy Hai Do cho rằng, dù Đối thoại Shangri-La 2018 tập trung vào “định hình trật tự an ninh đang thay đổi ở châu Á”, Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam, Đại tướng Ngô Xuân Lịch đã không đề cập đến thuật ngữ “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” trong bài phát biểu; Việt Nam vẫn thể hiện sự ủng hộ đối với một trật tự khu vực dựa trên luật lệ [Viet Dung Trinh & Huy Hai Do, 2024].

Trong khi đó, kết luận bài đánh giá về những vấn đề nổi lên tại Đối thoại Shangri-La năm 2024, trong bài viết “*Thành công của Đối thoại Shangri-La 2024: Cởi mở và thẳng thắn*” (2024) trên trang Nghiên cứu Quốc tế, tác giả Khánh Ly cho rằng: “Trong trật tự thế giới, vai trò của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, cụ thể là khu vực Đông Nam Á, ngày càng được nâng cao, vị thế của các nước thuộc khu vực trong hệ thống chính trị quốc tế cũng vì thế được nâng cao. Là một quốc gia quan trọng trong vành đai châu Á - Thái Bình Dương, Việt Nam có thể tận dụng cơ hội này để thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng hạ tầng và cải

thiện môi trường kinh doanh, qua đó thúc đẩy tăng trưởng bền vững” [Khánh Ly, 2024]. Tuy nhiên, tác giả cũng cho rằng, sự cạnh tranh chiến lược nước lớn gia tăng thúc đẩy lôi kéo tập hợp lực lượng sẽ phá vỡ sự ổn định chiến lược toàn cầu, đặt các nước nhỏ trong tình trạng thường xuyên phải điều chỉnh chính sách và áp lực “chọn bên” ngày càng lớn. Điều này đòi hỏi Việt Nam cần xây dựng chiến lược linh hoạt, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, tăng cường nội lực và cải thiện năng lực quốc phòng, cũng như nâng cao vị thế trong các diễn đàn quốc tế và khu vực [Khánh Ly, 2024].

Về đề xuất cho sự tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La, tuy không đề cập trực tiếp tới việc giải quyết thách thức của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La, nhưng trong bài viết “*Vietnam’s Security Challenges: Priorities, Policy Implications and Prospects for Regional Cooperation*” (Dịch: Thách thức an ninh của Việt Nam: Những ưu tiên, hàm ý chính sách và triển vọng đối với hợp tác khu vực) (2013) được đăng trên Kỷ yếu Hội thảo “The Fourth International Workshop on Asia-Pacific Security” của Viện Nghiên cứu Quốc phòng Nhật Bản (NIDS), các tác giả Tran Truong Thuy và Nguyen Minh Ngoc đã nhấn mạnh tới chủ trương tăng cường hợp tác đa phương để bảo vệ chủ quyền và các lợi ích trên biển ở Biển Đông [Tran Truong Thuy & Nguyen Minh Ngoc, 2013, tr. 96]. Trong đó, các tác giả đề cập tới sự tham dự hai lần liên tiếp cấp Bộ trưởng Quốc phòng của đoàn Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La lần thứ 9 (năm 2009) và 10 (năm 2010) với các bài phát biểu quan trọng là một trong những ví dụ cụ thể cho thấy Việt Nam nhấn mạnh vai trò hợp tác đa phương trong giải quyết các vấn đề an ninh [Tran Truong Thuy & Nguyen Minh Ngoc, 2013, tr. 110]. Đây cũng là minh chứng về chủ trương của Việt Nam mở rộng đối ngoại quốc phòng và tích cực tham gia hợp tác quốc phòng, an ninh ở khu vực và thế giới đã được đề cập trong Sách Trắng Quốc phòng 2009 [Tran Truong Thuy & Nguyen Minh Ngoc, 2013, tr. 108].

Trong bài viết “*Tham gia Đối thoại Shangri-La, biểu hiện sinh động về đối ngoại, hợp tác quốc phòng đa phương của Việt Nam*” (2019) đăng trên trang Quân đội nhân dân online, tác giả Nguyễn Chí Vịnh cho rằng, tham gia Đối thoại

Shangri-La cùng các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc phòng đa phương khác mà Việt Nam đang và sẽ tiến hành là biểu hiện sinh động trách nhiệm chủ động đóng góp, khởi động và tham gia định hình các cơ chế, diễn đàn khu vực; góp phần thực hiện quan điểm của Đảng: “Hội nhập quốc tế và đối ngoại về quốc phòng là định hướng chiến lược, là kế sách bảo vệ Tổ quốc từ xa bằng biện pháp hòa bình” [Nguyễn Chí Vịnh, 2019]. Trong những năm tới, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, lợi ích chung của cộng đồng quốc tế, nhưng tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp, đứng trước nhiều thách thức an ninh mang tính toàn cầu. Do đó, tác giả khuyến nghị: Trong công tác đối ngoại, hợp tác quốc phòng đa phương, Việt Nam cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nhằm thực hiện tốt mục tiêu tổng quát góp phần củng cố môi trường hòa bình, tranh thủ tối đa các điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ lợi ích quốc gia-dân tộc; tăng cường tiềm lực, sức mạnh quốc phòng, nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước, quân đội; tham gia bảo vệ môi trường hòa bình, ổn định ở khu vực và trên thế giới [Nguyễn Chí Vịnh, 2019].

Trong bài viết “*Đối thoại An ninh Shangri-La năm 2025: Một số điểm nhấn đáng chú ý*” (2025) trên trang Nghiên cứu chiến lược, tác giả Phạm Quang Hiền cho rằng, từ sự đối chiếu Đối thoại Shangri-La năm 2024 với năm 2025 dễ dàng nhận thấy sự phân cực ngày càng rõ rệt trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Việc các nước lớn tăng cường cạnh tranh chiến lược song hành cùng sự trỗi dậy của các nước tầm trung muốn có vị trí nhất định cho thấy trật tự khu vực đang đứng trước nguy cơ mất ổn định. Đối với ASEAN và Việt Nam, điều này đặt ra thách thức đáng kể trong việc duy trì cân bằng giữa lợi ích quốc gia với động thái ngoại giao với các cường quốc, đồng thời thúc đẩy hợp tác khu vực. Trong bối cảnh đó, Việt Nam chuẩn bị sẵn sàng với ba yêu cầu chiến lược: (i) củng cố đoàn kết nội khối ASEAN để bảo vệ vai trò trung tâm, giữ vững lập trường và năng lực tự vệ ở Biển Đông trước các hành vi làm phức tạp thêm tình hình của các thế lực bên ngoài; (ii) cân bằng quan hệ với các cường quốc trong khi vẫn duy trì chính sách đối ngoại

độc lập, tự chủ; (iii) tận dụng các cơ hội hợp tác quốc phòng song phương để tăng cường khả năng phòng thủ mà không bị cuốn vào liên minh quân sự, qua đó khẳng định vị thế là một tác nhân tích cực, chủ động và có trách nhiệm kiến tạo hòa bình vì sự ổn định, an ninh, thịnh vượng trong khu vực và thế giới [Phạm Quang Hiền, 2025].

Trong quá trình nghiên cứu và sưu tầm tài liệu, ngoài những công trình khoa học phân tích trực tiếp về các nội dung của đề tài như kể trên, tác giả còn tham khảo những nguồn tài liệu khác. Trong đó, thông tin và báo cáo của IISS về các kỳ Đối thoại Shangri-La, phát biểu dẫn đề của Chủ tịch IISS là nguồn tư liệu quý về những đánh giá của IISS đối với sự phát triển của Đối thoại Shangri-La. Ngoài ra, những cuốn sách mang tính tổng hợp về một kỳ Đối thoại Shangri-La, như cuốn sách “*Thông điệp Shangri-La*” của Nhà xuất bản Thế giới, phát hành vào tháng 8/2013, giới thiệu toàn văn bài phát biểu của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tại Đối thoại Shangri-La 12, toàn văn nội dung Thủ tướng trả lời các câu hỏi và tuyển chọn những nhận xét, đánh giá, ý kiến của các chính khách, nhà nghiên cứu và dư luận quốc tế (đã được đăng tải trong nước và quốc tế) cung cấp cái nhìn toàn cảnh về thông điệp và quan điểm đối ngoại của Việt Nam. Cuốn “*Đối thoại Shangri-La 15*” và “*Đối thoại Shangri-La 19*” do Viện Quan hệ Quốc tế về Quốc phòng soạn thảo vào tháng 6/2016 và tháng 6/2022 sau khi Đối thoại Shangri-La lần thứ 15 và 19 kết thúc, đã nêu lên khái quát chung về Đối thoại Shangri-La, trình bày toàn văn bài phát biểu của các nước và phần hỏi đáp tại Đối thoại. Các cuốn sách đã có sự tổng hợp nhưng chưa có sự phân tích, đánh giá về Đối thoại này. Tuy nhiên, với tác giả, đây thực sự là những tài liệu quý. Mặc dù các tài liệu này chỉ là tập hợp các phát biểu công khai của các bên tham gia, không phải là một công trình nghiên cứu chuyên sâu từ góc độ quốc tế học nhưng đã cung cấp cho tác giả nhiều thông tin quan trọng với độ chính xác cao để có thêm tư liệu phân tích trong việc thực hiện đề tài luận án này.

1.2. Nhận xét chung về tình hình nghiên cứu và những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

1.2.1. Nhận xét chung về tình hình nghiên cứu

1.2.1.1. Các vấn đề đã được giải quyết

Từ việc phân tích tình hình nghiên cứu đề tài như trên cho thấy, Đối thoại Shangri-La là chủ đề đã được các tác giả Việt Nam và quốc tế bàn đến ở nhiều góc nhìn, khía cạnh khác nhau. Sau khi nghiên cứu, khảo sát các công trình trên, tác giả rút ra một số nhận xét sau:

Về nguồn tư liệu: Số lượng các công trình nghiên cứu tổng quan về Đối thoại Shangri-La tương đối phong phú, đa dạng từ nhiều tác giả trên thế giới, nhất là các nguồn tài liệu bằng tiếng Anh. Về sự tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La, số lượng công trình nghiên cứu riêng về vấn đề này không nhiều, nhưng nội dung này đã được đề cập ở nhiều bài viết, nhất là của các tác giả trong nước, qua đó cung cấp nhiều thông tin về sự tham gia của Việt Nam tại cơ chế này. Các nghiên cứu về Đối thoại Shangri-La và sự tham gia của Việt Nam đa dạng về tài liệu gồm sách, đề tài khoa học các cấp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ, các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Đây là nguồn tư liệu quý giá được tác giả tham khảo, kế thừa trong quá trình triển khai đề tài.

Về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu: Các nghiên cứu về Đối thoại Shangri-La và sự tham gia của Việt Nam được tiếp cận nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau như quan hệ quốc tế, kinh tế học, an ninh... với nhiều phương pháp nghiên cứu như phương pháp lịch sử, phân tích, tổng hợp, tổng kết thực tiễn. Sự đa dạng đó giúp nghiên cứu sinh tham khảo được nhiều phương pháp tiếp cận, nghiên cứu Đối thoại Shangri-La và sự tham gia của Việt Nam một cách toàn diện.

Về nội dung nghiên cứu: Về mặt lý luận, các công trình nghiên cứu kể trên đã cung cấp hệ thống tri thức đa dạng, phong phú, giàu tính học thuật về Đối thoại Shangri-La và sự tham gia của Việt Nam vào Đối thoại Shangri-La. Trong các công trình đã công bố, các khía cạnh của Đối thoại Shangri-La được đề cập ở nhiều nội dung, góc độ khác nhau. Nhiều công trình học thuật đã tiếp cận diễn đàn này dưới

hiều góc độ, từ vai trò của các học giả và viện nghiên cứu, đến chức năng định hình chương trình nghị sự an ninh, xây dựng lòng tin, thúc đẩy minh bạch chiến lược và duy trì sự ổn định khu vực. Đây thực sự là những nguồn tài liệu quý giá để tác giả tham khảo trong quá trình thực hiện luận án.

Về mặt thực tiễn, các công trình nghiên cứu khoa học trên đã phân tích, đề cập nhiều khía cạnh khác nhau liên quan trực tiếp đến Đối thoại Shangri-La và sự tham gia của Việt Nam, phần nào làm rõ được thực tiễn công tác đối ngoại nói chung và đối ngoại quốc phòng nói riêng của Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố góp phần tạo nên bức tranh tương đối toàn cảnh về Đối thoại Shangri-La: (i) Đã nghiên cứu mô tả, trình bày đặc điểm, tổ chức, phương thức hoạt động, vai trò và vị thế của Đối thoại Shangri-La. Các nghiên cứu khẳng định, từ một đối thoại không chính thức giữa các quan chức quốc phòng, Đối thoại Shangri-La đã từng bước phát triển thành một diễn đàn cấp cao có ảnh hưởng đáng kể đến đối ngoại quốc phòng khu vực. Không chỉ dừng lại ở vai trò trung gian giữa kênh đối thoại chính thức và phi chính thức, Đối thoại Shangri-La còn thể hiện xu hướng chuyển dịch quan trọng trong kiến trúc an ninh khu vực, từ các thể chế cứng nhắc, mang tính thể chế hóa cao sang các cơ chế linh hoạt, thích ứng và định hướng hành động. Tính chất đặc thù này đã khiến Đối thoại Shangri-La trở thành tâm điểm thu hút sự tham gia của các nhà lãnh đạo quốc phòng, giới hoạch định chính sách và cộng đồng nghiên cứu quốc tế; (ii) Làm rõ mối quan hệ giữa các quốc gia, tổ chức quốc tế, các khu vực, vùng lãnh thổ có liên quan đến Đối thoại Shangri-La; (iii) Phân tích, tổng hợp và đánh giá những chủ đề, những vấn đề quốc tế, khu vực mà Đối thoại Shangri-La quan tâm, chú trọng. Trong đó, nội dung về: Vai trò, tầm quan trọng và tác động của Đối thoại Shangri-La đối với cấu trúc an ninh khu vực; Sự tham gia của Mỹ và Trung Quốc tại Đối thoại, là hai chủ đề được nhiều học giả quan tâm nghiên cứu, phân tích. Các công trình đã nghiên cứu là nguồn tư liệu quan trọng được tác giả tham khảo và lấy làm những kiến thức bổ trợ trong quá trình triển khai đề tài.

Về sự tham gia của Việt Nam, các tài liệu đã: (i) Phân tích trực tiếp một số khía cạnh về sự tham gia của Việt Nam vào Đối thoại Shangri-La; (ii) Làm rõ mối quan hệ giữa Việt Nam với các chủ thể có liên quan đến Đối thoại Shangri-La; (iii) Nghiên cứu một số khía cạnh về quan hệ giữa Việt Nam với những vấn đề, chủ đề có liên quan đến Đối thoại Shangri-La. Trong đó, các công trình nghiên cứu thường tập trung vào phân tích vai trò của Việt Nam trong đóng góp vào an ninh, thúc đẩy đối thoại và hợp tác khu vực; đồng thời nâng cao vị thế, hình ảnh là một chủ thể khu vực có trách nhiệm và đáng tin cậy, góp phần tăng cường quan hệ an ninh với các chủ thể khác trong khu vực, bảo vệ lợi ích quốc gia. Nhìn chung, việc Việt Nam tham gia Đối thoại Shangri-La được các tác giả đánh giá là một bước quan trọng trong việc thể hiện vai trò ngày càng tăng của Việt Nam đối với an ninh khu vực châu Á và nâng cao vị thế quốc gia.

1.2.1.2. Những vấn đề chưa được giải quyết

Mặc dù Đối thoại Shangri-La được nghiên cứu, đánh giá từ các khía cạnh khác nhau, nhưng phần lớn các nghiên cứu vẫn mang tính mô tả hoặc phân tích theo từng khía cạnh riêng biệt, chưa có nhiều công trình nghiên cứu toàn diện về quá trình hình thành, phát triển, tính chất và tác động của Đối thoại Shangri-La như một cơ chế đối thoại an ninh khu vực có ảnh hưởng lâu dài.

Thứ nhất, về phạm vi nghiên cứu, nhiều công trình đã ra đời cách đây nhiều năm, do đó những thông tin tri thức và phương pháp tiếp cận cần được tiếp tục cập nhật và hoàn thiện.

Thứ hai, về nội dung nghiên cứu, những công trình khảo sát trên cho thấy, mặc dù là một trong những diễn đàn, cơ chế đối thoại về an ninh quan trọng nhất trong khu vực, số lượng các nghiên cứu học thuật về Đối thoại Shangri-La chưa nhiều. Đồng thời, từ quá trình tìm kiếm, thu thập tài liệu, tác giả nhận thấy, tài liệu viết về Đối thoại Shangri-La khá phong phú, nhưng chủ yếu dưới dạng các bài báo. Ở từng kỳ hội nghị, các bài báo về cơ chế này tương đối nhiều nhưng có tính trùng lặp cao và chỉ đề cập một số nội dung nổi bật về chủ đề và chương trình nghị sự chính của hội nghị, tập trung vào sự tham gia của các nước lớn. Hơn nữa, các tài

liệu chủ yếu chỉ phân tích dựa vào thành phần tham dự và nội dung phát biểu, những diễn biến thực chất bên trong hầu như ít được đề cập.

Vì vậy, *khoảng trống* là chưa có tài liệu nào tổng hợp, phân tích một cách hệ thống, toàn diện, đào sâu nghiên cứu quan điểm thực chất của các nước tham gia, mục đích của nước chủ nhà, thông điệp chính mà các nước lớn muốn truyền tải thể hiện qua thành phần, cấp tham dự, cũng như nội dung phát biểu và tác động đối với các nước nhỏ như Việt Nam. Đây là các yếu tố ngầm, ít công khai và cần có sự đánh giá đúng từ những cá nhân tham dự, đặc biệt là những yếu tố tác động tới Việt Nam. Từ đó, Luận án mong muốn đưa ra một cái nhìn toàn diện và thực chất về Đối thoại Shangri-La trên góc độ của một cơ quan tham mưu, cá nhân tham dự và góc nhìn từ phía Việt Nam.

Bên cạnh đó, qua thu thập nguồn tài liệu từ nhiều thứ tiếng khác nhau, tác giả nhận thấy một số quốc gia ít quan tâm nghiên cứu về cơ chế này, phản ánh ở số lượng tài liệu công bố công khai được tìm kiếm ở mức hạn chế, hoặc chỉ tập trung ở các bài báo nhỏ lẻ về phát biểu của các nước, được phát hành mỗi kỳ diễn ra Diễn đàn. Mỗi tài liệu thuộc một quốc gia đều phản ánh quan điểm chính trị chịu sự ảnh hưởng từ quan điểm của bộ máy chính trị quốc gia đó. Từ việc nghiên cứu này, tác giả nhận thấy sự khác biệt trong mỗi quan tâm của từng quốc gia với Đối thoại Shangri-La phản ánh rõ nét xu hướng chính trị quốc tế. Do vậy, việc nghiên cứu, nắm rõ một cách khách quan, toàn diện về Đối thoại Shangri-La, sự tham gia của Việt Nam tại cơ chế này góp phần rất lớn trong việc nhận định tình hình quốc tế ở mỗi giai đoạn, nâng cao hiệu quả tham gia của Việt Nam.

Trong khi đó, tuy một số công trình đã mô tả, nhận diện về Đối thoại Shangri-La một cách trực tiếp, nhưng số đó lại chưa gắn nội dung này với việc phân tích, đánh giá sự tham gia của Việt Nam. Cùng với sự vận động không ngừng của môi trường chiến lược khu vực kể từ sau năm 2015, vai trò của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La ngày càng có nhiều chuyển biến đáng chú ý, cả về hình thức tham gia lẫn nội dung phát biểu và định vị chiến lược. Các tác động cụ thể của việc tham gia diễn đàn, như góp phần nâng cao hình ảnh quốc gia, thể hiện lập trường đối ngoại,

hay tăng cường lòng tin chiến lược với các đối tác, vẫn là những khía cạnh còn để ngỏ và cần tiếp tục được làm rõ trong nghiên cứu học thuật. Đối với Việt Nam, việc nhận diện rõ tính chất Kênh 1.5 của Đối thoại Shangri-La giúp lý giải chiến lược tiếp cận tích cực nhưng thận trọng của nước ta. Trong khi các diễn đàn Kênh 1 thường gắn với ràng buộc cứng về chính trị, thì không gian Kênh 1.5 cho phép Việt Nam thể hiện quan điểm một cách linh hoạt, phù hợp với nguyên tắc đối ngoại độc lập, tự chủ và cân bằng. Tham gia cơ chế này cũng tạo điều kiện để Việt Nam tăng cường hiện diện trong các thảo luận chiến lược khu vực mà không bị cuốn vào thế đối đầu trực tiếp giữa các nước lớn, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng học giả và truyền thông quốc tế nhằm lan tỏa lập trường chính nghĩa, bảo vệ lợi ích chiến lược và nâng cao vị thế quốc gia trong cấu trúc an ninh khu vực.

Các nghiên cứu về sự tham gia của Việt Nam chủ yếu do tác giả trong nước thực hiện, phần lớn từ nguồn các cơ quan trực tiếp tham gia vào quá trình tham mưu, hoạch định chính sách đối ngoại và đối ngoại quốc phòng của Việt Nam, nhưng số lượng cũng tương đối ít. Các nghiên cứu phần lớn tập trung phân tích các nội dung về phát biểu của lãnh đạo Việt Nam truyền thông điệp về chủ trương, chính sách đối ngoại và đối ngoại quốc phòng của Việt Nam; đánh giá về mặt ngoại giao, về những vấn đề nổi lên tại Đối thoại, nhưng chưa đi sâu làm rõ những lợi ích mà Việt Nam đạt được. Việc phân tích sự tham gia của Việt Nam cũng chưa gắn chặt với sự đổi mới tư duy của Đảng, Nhà nước về hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng, gắn với đặc điểm ngoại giao của Việt Nam qua các thời kỳ khác nhau, chính sách đối ngoại, đối ngoại quốc phòng của Việt Nam, nhất là việc triển khai các văn kiện Đại hội Đảng, cũng như những tác động của bối cảnh tình hình quốc tế, khu vực và trong nước đối với Việt Nam. Không có nhiều bài viết đề cập tới chủ trương của Việt Nam khi tham gia cơ chế này tại mỗi kỳ hội nghị, nhất là việc gắn với sự triển khai đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước và sự cụ thể hóa chủ trương thúc đẩy đối ngoại đa phương làm cơ sở lý luận dẫn tới sự tham gia ngày càng tích cực, chủ động của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La.

Đặc biệt là, chưa có công trình nào đi sâu làm rõ và chỉ ra cụ thể những thách thức mà Việt Nam thực sự gặp phải ở một số kỳ tham dự, nhất là trong ứng xử ngoại giao để rút ra các bài học kinh nghiệm. Điển hình là sự kiện phát biểu của Thủ tướng Singapore Lý Hiển Long tại Đối thoại Shangri-La 2019 về việc Việt Nam cử lực lượng sang Campuchia thời kỳ Khmer Đỏ và sự tham gia phát biểu của Tổng thống Ukraine Volodymyr Oleksandrovykh Zelensky tại Đối thoại Shangri-La năm 2022. Đây là một số sự kiện đòi hỏi sự tham mưu ứng xử kịp thời, nhanh chóng, hiệu quả của lực lượng tham gia tại chỗ để đảm bảo lợi ích cho Việt Nam. Đến nay, chưa có một tài liệu nào đề cập về những nội dung này. Ngoài ra, cần đánh giá những hoạt động ngoại giao bên lề, sự tham gia của các nước lớn tác động như thế nào tới chủ trương tham gia, bài phát biểu và hoạt động ngoại giao song phương của Việt Nam tại hội nghị này.

Các khuyến nghị cho Việt Nam chưa gắn cụ thể với những đặc điểm tình hình thế giới, khu vực, trong nước, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ; chưa đi sâu phân tích về những thách thức và giải pháp cụ thể Việt Nam cần thực hiện để không chỉ tham gia có hiệu quả Đối thoại Shangri-La, mà cả các cơ chế đa phương khác, nâng tầm đối ngoại đa phương của Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Thứ ba, về phương pháp nghiên cứu, nhiều công trình hiện nay chủ yếu tập trung vào phân tích từng khía cạnh riêng lẻ của diễn đàn, trong khi chưa có nghiên cứu nào kết hợp phân tích tổng thể các yếu tố như: lý thuyết chủ nghĩa đa phương, đặc trưng ngoại giao Kênh 1.5, cùng với thực tiễn chính sách đối ngoại-quốc phòng của Việt Nam. Một số công trình mặc dù đã tích hợp việc phân tích Đối thoại Shangri-La với việc khảo sát quá trình Việt Nam tham gia vào định chế quốc tế này, nhưng những công trình đó lại chưa thể hiện rõ cách tiếp cận dựa trên phương pháp nghiên cứu chính trị học với việc tập trung khai thác phương diện chính trị - an ninh và quan hệ chính trị quốc tế.

Đề tài này sẽ cố gắng khóa lấp từng bước những khoảng trống nghiên cứu được trình bày trên đây.

1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

Mặc dù Đối thoại Shangri-La và sự tham gia của Việt Nam tại cơ chế này là đề tài nghiên cứu của nhiều tác giả trong và ngoài nước, song vẫn còn một số vấn đề nghiên cứu cần được tiếp tục bổ sung, làm rõ. Xuất phát từ khoảng trống nghiên cứu, luận án không chỉ kế thừa và phát triển các tri thức đã có, mà còn tiếp cận Đối thoại Shangri-La một cách hệ thống và mang tính lý luận cao hơn.

Thứ nhất, làm rõ nội hàm một số khái niệm quan trọng, cách tiếp cận và khung lý thuyết triển khai đề tài. Trong đó, tập trung làm rõ khái niệm về đối thoại, cơ chế đối thoại trong nghiên cứu chính trị quốc tế; các lý thuyết giải thích sự hình thành của Đối thoại Shangri-La như chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa kiến tạo, chủ nghĩa đa phương, ngoại giao kênh 1.5, lý thuyết quốc gia nhỏ; Tư tưởng Hồ Chí Minh và sự phát triển lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về đối ngoại, đối ngoại quốc phòng. Nghiên cứu sinh lựa chọn tiếp cận Đối thoại Shangri-La dưới góc nhìn kết hợp giữa lý luận và thực chứng, nhằm phân tích sâu hơn cấu trúc, chức năng và giá trị chiến lược của diễn đàn trong bối cảnh khu vực đang chuyển dịch mạnh mẽ.

Thứ hai, phân tích sự hình thành và phát triển của Đối thoại Shangri-La, đặc biệt là những diễn biến liên quan đến các chủ thể lớn có ảnh hưởng tới cơ chế này. Trong đó, nội dung về sự hình thành và phát triển của Đối thoại Shangri-La tập trung phân tích: Bối cảnh; Mục đích ra đời; Các giai đoạn phát triển. Về hoạt động của Đối thoại Shangri-La, tập trung phân tích: Mục tiêu; Cơ cấu tổ chức; Nguyên tắc hoạt động; Thành viên tham gia; Nội dung trao đổi (phát biểu dẫn đề và tại các phiên thảo luận); Các cuộc gặp bên lề; Đánh giá của dư luận. Từ đó, đánh giá thành tựu, thách thức và dự báo xu hướng phát triển của Đối thoại Shangri-La.

Thứ ba, luận giải những nội dung cơ bản về sự tham gia của Việt Nam vào Đối thoại Shangri-La. Trong đó, tập trung vào các nội dung: Thành phần tham gia của Việt Nam (số lượng, cấp tham dự); Chủ đề và ý kiến, quan điểm; Các hoạt động bên lề, kết quả tham gia; Kết quả đạt được và đóng góp. Đồng thời, nghiên cứu phương án đi vào tìm hiểu quá trình, nội dung và định hướng tham gia của Việt Nam,

từ đó làm rõ vai trò của Việt Nam trong việc tận dụng diễn đàn như một công cụ của ngoại giao đa phương nhằm thích ứng và định vị trong trật tự an ninh khu vực đang định hình. Qua đó, nghiên cứu góp phần mở rộng khung phân tích học thuật và hỗ trợ thiết thực cho công tác hoạch định chính sách đối ngoại quốc phòng trong giai đoạn mới.

Thứ tư, phân tích thực trạng về thành tựu đạt được và nhận diện những thách thức đối với Việt Nam khi tham gia Đối thoại Shangri-La, lý giải nguyên nhân, làm cơ sở để đưa ra các khuyến nghị phù hợp.

Thứ năm, rút ra bài học kinh nghiệm, đưa ra một số đề xuất, khuyến nghị giải pháp cho lực lượng tham gia Đối thoại Shangri-La, cũng như cho quá trình Việt Nam tham gia các cơ chế đa phương tương tự, để Việt Nam nâng cao hiệu quả tham gia Đối thoại Shangri-La và các cơ chế đa phương khu vực, quốc tế khác.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 tập trung khảo sát và phân tích các tài liệu nghiên cứu về Đối thoại Shangri-La và sự tham gia của Việt Nam, qua đó chỉ ra rằng, phần lớn các nghiên cứu về Đối thoại Shangri-La đều tập trung vào các nội dung về vị trí, vai trò, cơ cấu, thành phần và triển vọng phát triển, cũng như về ảnh hưởng, tác động từ sự tham gia của các nước, nhất là các nước lớn, đối với cơ chế này. Song, đa số các nghiên cứu dựa trên những thông tin công khai được IISS và các nước tham gia công bố, do đó, chủ yếu nhận định về những đóng góp của cơ chế này, ít đề cập tới các hạn chế.

Chương này chỉ ra, sự tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La cũng được quan tâm nghiên cứu, nhưng chủ yếu là các học giả Việt Nam. Các học giả nước ngoài phần lớn lồng ghép vào trong các bài viết về chính sách đối ngoại của Việt Nam. Các học giả trong nước tập trung đánh giá về những lợi ích của Việt Nam khi tham gia cơ chế này, nhất là về chính trị-đối ngoại, nhưng ít đề cập tới các thách thức, khó khăn của Việt Nam. Đồng thời, chưa gắn sự tham gia của Việt Nam với việc triển khai các đường lối, chính sách đối ngoại của Việt Nam ở các giai đoạn. Các khuyến nghị chính sách cho Việt Nam còn chung chung, chưa đi vào các vấn đề cụ thể, nhất là để thực hiện có hiệu quả đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước khi tham gia cơ chế này, rút ra những kinh nghiệm trong tham gia các cơ chế đối thoại quốc phòng đa phương tương tự.

Nhìn chung, chương 1 đã phân tích các công trình đã công bố là nguồn tư liệu quý giá, giúp tác giả kế thừa, làm phong phú và toàn diện hơn nội dung Luận án. Đồng thời, từ đó, tìm ra những khoảng trống chưa được đề cập sâu kỹ để Luận án tập trung luận giải, bổ sung và đóng góp vào các công trình nghiên cứu hiện có về Đối thoại Shangri-La và sự tham gia của Việt Nam tại cơ chế này.

Do đó, kết quả nghiên cứu của Chương 1 đã cung cấp nền tảng lý luận và thực tiễn quan trọng cho việc triển khai các chương tiếp theo.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐỐI THOẠI SHANGRI-LA VÀ SỰ THAM GIA CỦA VIỆT NAM

2.1. Khái niệm “đối thoại” và cơ chế đối thoại trong chính trị quốc tế

2.1.1. Khái niệm “đối thoại”

Thuật ngữ “đối thoại” bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp διάλογος (đối thoại, hội thoại); nguồn gốc của nó là διά (dia: thông qua) và λόγος (logos: lời nói, lý trí) [Alexandru Ovidiu Gacea, 2019]. Tác giả xây dựng thuật ngữ này là Plato, trong các tác phẩm của ông (Cuộc đối thoại Socrates), là thuật ngữ gắn liền với nghệ thuật biện chứng. Tiếng Latinh lấy từ này làm đối thoại.

Khái niệm “đối thoại” (dialogue) được sử dụng phổ biến trong khoa học chính trị, ngoại giao và quản trị xung đột, thường hàm ý một quá trình trao đổi có tính xây dựng giữa các chủ thể khác biệt nhằm hướng tới hiểu biết và hợp tác. Trong quan hệ quốc tế và quốc phòng, an ninh, “đối thoại” thường được hiểu là một phương thức phi chính thống nhưng có giá trị chiến lược nhằm kết nối các quốc gia, tạo điều kiện trao đổi quan điểm, thảo luận chính sách, giải quyết khác biệt hoặc quản lý cạnh tranh. Theo Gunther Hellmann (2003), đây là quá trình giao tiếp và trao đổi thông tin giữa các quốc gia hoặc các tổ chức quốc tế nhằm tăng cường hiểu biết, thấu hiểu và giải quyết các vấn đề chung [Gunther Hellmann, et al, 2003]. Các cuộc đối thoại này có thể diễn ra qua các cuộc gặp gỡ, hội nghị, thư từ hoặc các kênh truyền thông khác nhau. Theo David Bohm (2013), đối thoại là quá trình trao đổi thông tin giữa hai hoặc nhiều người, trong đó các bên tham gia cùng nhau thảo luận và chia sẻ ý kiến về một chủ đề nào đó. Đây là một hình thức giao tiếp trực tiếp giữa con người, cho phép các bên có thể tương tác với nhau, thấu hiểu và đưa ra những quyết định hoặc giải pháp thông qua sự đồng ý và thỏa thuận [David Bohm, 2013]. Đối thoại có thể diễn ra trong nhiều lĩnh vực khác nhau, từ chính trị, kinh doanh, giáo dục, xã hội đến cuộc sống hàng ngày. Theo Từ điển Merriam Webster, một trong những từ điển ngôn ngữ Anh chuẩn quốc tế uy tín, “đối thoại” được định nghĩa là sự trao đổi các ý tưởng, quan điểm hoặc cảm xúc giữa hai hoặc nhiều bên,

trong đó nhấn mạnh yếu tố tương tác hai chiều và tính chủ động của các bên tham gia [Merriam-Webster, 2025].

Từ góc độ thực hành hòa bình và xây dựng lòng tin giữa các nhóm xung đột, Harold Saunders, người sáng lập The Dialogue Group và tác giả công trình A Public Peace Process, đã định nghĩa đối thoại như “một quá trình tương tác chân thành, qua đó con người lắng nghe nhau đủ sâu để thay đổi bởi những gì họ học được. Mỗi người nỗ lực đưa hiểu biết của bên kia vào tầm nhìn của mình, ngay cả khi có khác biệt còn tồn tại” [Saunders, 1999]. Định nghĩa này không chỉ phản ánh một phương pháp tiếp cận mà còn đặt nền tảng cho các mô hình đối thoại chiến lược trong quan hệ quốc tế hiện đại.

Tuy nhiên, trong lĩnh vực đối thoại chính sách, quản lý xung đột và xây dựng lòng tin, các tổ chức chuyên trách như Viện Ngoại giao Đa chiều (Institute for Multi Track Diplomacy) và Liên minh Quốc gia về Đối thoại và Thảo luận (NCDD) đã phát triển những định nghĩa sâu sắc hơn, nhấn mạnh vào bản chất hợp tác và biến đổi nhận thức của quá trình này. Louise Diamond, một học giả nổi bật trong lĩnh vực này, cho rằng: “Đối thoại có nghĩa là chúng ta ngồi lại cùng nhau, đặc biệt với những người khác biệt nhất với mình. Mục tiêu của đối thoại không phải để thuyết phục mà là tìm hiểu; không tranh luận mà là khám phá; không thuyết phục mà là phát hiện” [Louise Diamond, 2020]. Theo đó, đối thoại không đơn thuần là phương tiện truyền đạt thông tin, mà là không gian để các chủ thể vượt qua định kiến, khám phá chiều sâu khác biệt và tạo dựng sự hiểu biết lẫn nhau.

Mục đích chính của đối thoại quốc tế là tạo ra một môi trường hòa bình và ổn định giữa các quốc gia, giúp các bên có thể tìm kiếm giải pháp cho các vấn đề đang diễn ra, đồng thời xây dựng mối quan hệ đối tác bền vững và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa giữa các quốc gia. Các cuộc đối thoại quốc tế cũng giúp cho các quốc gia có thể cùng nhau đối phó với những thách thức toàn cầu, bảo vệ quyền và lợi ích chung của toàn nhân loại. Do đó, đối thoại thường được xem là một phương pháp giải quyết tranh chấp hiệu quả hơn so với các phương pháp khác.

Từ các quan điểm nêu trên, có thể rút ra định nghĩa làm cơ sở lý thuyết cho nghiên cứu như sau: Đối thoại là một quá trình tương tác giao tiếp có tổ chức giữa các chủ thể, có thể là cá nhân, tổ chức hay quốc gia, nhằm chia sẻ thông tin, làm rõ quan điểm, tăng cường hiểu biết lẫn nhau và tìm kiếm những điểm chung trong bối cảnh tồn tại khác biệt về lợi ích hoặc lập trường. Đối thoại mang tính hai chiều, đa chiều, đòi hỏi sự tham gia bình đẳng, tinh thần cởi mở, lắng nghe tích cực và hướng đến đồng thuận, thay vì áp đặt. Đây là công cụ quan trọng để phòng ngừa xung đột, định hình trật tự quốc tế và xây dựng lòng tin chiến lược. Đặc biệt, trong điều kiện cấu trúc an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương hiện nay, nơi cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc ngày càng gay gắt, vai trò của các cơ chế đối thoại như Đối thoại Shangri-La trở nên ngày càng nổi bật. Đây không chỉ là nơi phát biểu chính sách mà còn là không gian cho các quốc gia, nhất là các nước vừa và nhỏ như Việt Nam, tiến hành “ngoại giao phòng ngừa”, tăng cường hiện diện, phát huy vai trò kiến tạo môi trường an ninh minh bạch và dựa trên luật lệ.

2.1.2. Cơ chế đối thoại trong chính trị quốc tế

Trong khoa học chính trị và quan hệ quốc tế, khái niệm “cơ chế” (mechanism) được tiếp cận từ nhiều góc độ học thuật khác nhau, phản ánh tính phức hợp và tính hệ thống của các mối quan hệ giữa các chủ thể chính trị. Theo Từ điển Merriam-Webster (2025), “cơ chế” được định nghĩa là một quá trình, kỹ thuật hoặc hệ thống được thiết kế nhằm đạt được một kết quả cụ thể [Merriam-Webster, 2025]. Cách định nghĩa này làm nổi bật yếu tố công năng và tính hướng đích của cơ chế trong hoạt động thực tiễn.

Ở cấp độ lý thuyết, Bách khoa Toàn thư Stanford về Triết học (SEP) cung cấp một định nghĩa sâu sắc hơn khi cho rằng: “Cơ chế” trong khoa học là một cấu trúc gồm các thực thể (entities) và hoạt động (activities) được tổ chức theo cách mà chúng thường xuyên tạo ra một loại kết quả cụ thể. Định nghĩa này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tổ chức nội tại giữa các yếu tố cấu thành và các chuỗi hoạt động nhằm tạo ra kết quả có thể lặp lại [Craver & Darden, 2024].

Triết gia khoa học Mario Bunge (1997) phát triển định nghĩa này trong bối cảnh lý thuyết hệ thống. Ông cho rằng: “Cơ chế là một quá trình trong một hệ thống cụ thể, có khả năng tạo ra hoặc ngăn chặn sự thay đổi trong toàn bộ hệ thống hoặc một phần của hệ thống đó” [Mario Bunge, 1997]. Định nghĩa của Bunge đặc biệt có giá trị trong nghiên cứu khoa học chính trị và quan hệ quốc tế, nơi các cơ chế thường liên quan đến quá trình hình thành chính sách, ra quyết định, quản trị xung đột hay kiến tạo sự ổn định chiến lược.

Tiếp nối hướng tiếp cận này, Hedström và Ylikoski (2010) đưa ra một định nghĩa có ảnh hưởng sâu rộng trong khoa học xã hội: “Cơ chế là một tập hợp các yếu tố và hoạt động được tổ chức theo cách thức nhất định nhằm tạo ra một loại kết quả cụ thể một cách đều đặn” [Hedström & Ylikoski, 2010]. Trong định nghĩa này, các “entities” và “activities” không chỉ là thành phần tĩnh, mà còn bao hàm các phương pháp (methods), quy trình (processes) và quy tắc (rules) nội tại, có khả năng dẫn dắt các hiện tượng chính trị-xã hội theo hướng có thể lý giải và dự đoán được.

Trong khoa học chính trị và quan hệ quốc tế, cơ chế đối thoại là một trong những kênh tương tác quan hệ chính trị quốc tế, là cách thức tương tác giữa các nước, tổ chức và cá nhân để đạt được các mục tiêu chính trị, an ninh và kinh tế. Cơ chế đối thoại gồm các phương pháp, quy trình và quy tắc được áp dụng để thúc đẩy quá trình trao đổi thông tin và ý kiến giữa các bên trong một cuộc đối thoại [Lawrence Susskind et al, 2003, tr. 235]. Cơ chế đối thoại trong quan hệ quốc tế có vai trò rất quan trọng để đưa ra các quyết định chung và tạo ra sự ổn định và hòa bình trong cộng đồng quốc tế; thường được thiết lập nhằm đảm bảo tính minh bạch, sự tôn trọng và sự công bằng cho các bên tham gia, là phương tiện quan trọng để tạo ra sự hiểu biết và đồng thuận, có thể được sử dụng để giải quyết các tranh chấp và xây dựng các mối quan hệ hữu ích. Có nhiều loại cơ chế đối thoại trong quan hệ quốc tế. Dựa vào số lượng bên tham gia có thể phân loại thành đối thoại song phương là sự trao đổi giữa hai quốc gia hoặc hai bên; đối thoại đa phương là sự trao đổi giữa nhiều quốc gia hoặc các tổ chức quốc tế; hội nghị là một cuộc họp giữa các quốc gia hoặc các tổ chức quốc tế với mục đích thảo luận về các vấn đề chung. Dựa

vào lĩnh vực có thể phân loại thành đối thoại kinh tế là sự trao đổi về các vấn đề kinh tế như thương mại, đầu tư, tài chính...; đối thoại văn hóa là sự trao đổi về văn hóa, giáo dục, nghệ thuật, thể thao...; đối thoại an ninh là sự trao đổi về các vấn đề an ninh quốc tế như chống khủng bố, phòng ngừa tội phạm chuyên nghiệp... Một số đặc trưng cơ bản của cơ chế đối thoại bao gồm: (1) *Luật pháp và quy định*: Các luật pháp và quy định có thể định nghĩa các quy trình, quy tắc và quyền lợi cho các bên trong cuộc đối thoại, đảm bảo sự tôn trọng và sự công bằng cho các bên; (2) *Giao tiếp hiệu quả*: Sử dụng các kỹ năng giao tiếp hiệu quả để tạo ra một môi trường đối thoại tích cực, giúp các bên thấu hiểu ý kiến của nhau và đưa ra giải pháp chung; (3) *Tôn trọng đa dạng và chấp nhận sự khác biệt*: Các cuộc đối thoại nên tôn trọng và chấp nhận sự khác biệt giữa các bên, nhằm tạo ra một môi trường đối thoại tích cực và xây dựng mối quan hệ tốt giữa các bên; (4) *Điều chỉnh và giám sát*: Sử dụng các cơ chế điều chỉnh và giám sát để đảm bảo tính minh bạch và sự tôn trọng cho các bên tham gia, giúp tránh xảy ra các hành vi thiếu trung thực hoặc thiên vị trong cuộc đối thoại; (5) *Tìm kiếm giải pháp chung*: Tạo ra một môi trường hợp tác để các bên có thể thảo luận và tìm kiếm giải pháp chung cho các vấn đề cần được giải quyết. Tùy thuộc vào mục đích và tính chất của cuộc đối thoại, các cơ chế đối thoại có thể được kết hợp và sử dụng một cách linh hoạt để đạt được hiệu quả tốt nhất.

Từ những nhận định nêu trên, có thể định nghĩa: ***Cơ chế đối thoại trong nghiên cứu chính trị quốc tế là một hệ thống tổ chức các hoạt động tham vấn, thương lượng và trao đổi giữa các chủ thể quốc tế (quốc gia, tổ chức liên chính phủ, nhóm lợi ích...) được định hình bởi các quy trình, quy tắc và thiết chế cụ thể, nhằm tạo lập sự hiểu biết lẫn nhau, giải quyết bất đồng, thúc đẩy hợp tác chiến lược hoặc định hình trật tự chính trị-an ninh khu vực.*** Khái niệm này bao hàm ba đặc trưng lý luận cơ bản. Thứ nhất, tính thể chế hóa, tức quá trình đối thoại phải diễn ra trong một khuôn khổ có quy tắc, có cơ quan điều phối và có tính chính danh. Thứ hai, tính mục tiêu định hướng, nghĩa là đối thoại không phải là sự tương tác ngẫu nhiên mà nhằm đạt tới những mục tiêu cụ thể về chính trị, an ninh hay trật tự khu vực. Thứ ba, tính bền vững và lặp lại, tức cơ chế phải có khả năng duy trì

hoạt động thường xuyên, tạo điều kiện để các bên duy trì tương tác ngay cả trong điều kiện căng thẳng hoặc bất đồng sâu sắc. Việc nhận diện đúng và làm rõ cấu trúc khái niệm “cơ chế đối thoại” đóng vai trò then chốt trong nghiên cứu này, không chỉ nhằm xác định tính chất đặc thù của Đối thoại Shangri-La, mà còn giúp đánh giá khả năng thiết lập và vận hành các mô hình đối thoại tương tự trong kiến tạo trật tự chính trị-an ninh ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

2.2. Sự hình thành của Đối thoại Shangri-La từ góc nhìn của một số lý thuyết trong quan hệ chính trị quốc tế

2.2.1. Chủ nghĩa hiện thực

Chủ nghĩa hiện thực (Realism) là một trong những trường phái lý thuyết quan trọng nhất trong quan hệ chính trị quốc tế, được hình thành từ lâu đời và có ảnh hưởng mạnh mẽ đến tư duy hoạch định chính sách đối ngoại của các quốc gia. Chủ nghĩa hiện thực coi môi trường quốc tế là vô chính phủ, chỉ có quốc gia là nhất thể, là chủ thể chính trong quan hệ chính trị quốc tế, trong đó khẳng định mục tiêu của các quốc gia là tìm cách nâng cao quyền lực nhằm tự đảm bảo an ninh và sự tồn tại của mình trong hệ thống thông qua việc cố gắng giành được càng nhiều nguồn lực càng tốt. Điều này dẫn đến việc các quốc gia luôn ở trong thế cạnh tranh, đối đầu lẫn nhau, bao gồm cả chiến tranh, xung đột vũ trang nhằm theo đuổi lợi ích quốc gia dưới dạng quyền lực, khiến cho các quốc gia không thể duy trì việc hợp tác một cách lâu dài.

Chủ nghĩa hiện thực gồm hai nhánh là chủ nghĩa hiện thực cổ điển và chủ nghĩa hiện thực mới. Trong đó, chủ nghĩa hiện thực cổ điển đề cao cấp độ phân tích quốc gia, khẳng định mỗi quốc gia đều có toan tính lợi ích và luôn đề cao lợi ích riêng, do đó sự tồn tại và phát triển của một quốc gia này sẽ trở thành mối đe dọa hoặc nguy cơ tiềm ẩn đối với quốc gia khác [Aabid Majeed, 2020, tr. 43]. Với quan điểm xung đột là bản chất của quan hệ quốc tế và đảm bảo an ninh gắn liền với “sức mạnh cứng”, chủ nghĩa hiện thực cổ điển cho rằng con đường duy trì, bảo đảm an ninh tốt nhất là quân sự hóa nhà nước, chạy đua vũ trang. Trong khi đó, chủ nghĩa hiện thực mới đề cao cấp độ phân tích hệ thống quốc tế khi phân tích nguyên nhân

các quốc gia tìm cách theo đuổi quyền lực. Các quốc gia tìm cách nâng cao quyền lực nhằm có được vị trí tốt hơn trong hệ thống quốc tế, hạn chế sự chênh lệch về quyền lực và giảm thiểu các đe dọa về an ninh. Nhìn chung, theo chủ nghĩa hiện thực, quá trình giải quyết xung đột, vấn đề an ninh cần chú trọng đến các biện pháp thực tiễn, đánh giá dựa trên kết quả và hành động để đưa ra giải pháp tốt nhất cho tất cả các bên liên quan, tránh xa các lý thuyết trừu tượng hay cảm tính chủ quan.

Về đối thoại an ninh, chủ nghĩa hiện thực có quan điểm rằng đối thoại và hòa giải là những phương tiện quan trọng để giải quyết các mâu thuẫn, xung đột an ninh. Theo đó, an ninh là một vấn đề quan trọng trong chính trị và đối ngoại. Các quốc gia, tổ chức cần phải tìm cách giải quyết các mâu thuẫn, xung đột an ninh một cách hiệu quả. Theo chủ nghĩa hiện thực, các quốc gia tham gia đối thoại nhằm tìm kiếm những thỏa hiệp trên cơ sở cân bằng lợi ích và tương quan sức mạnh, qua đó giảm thiểu nguy cơ xung đột và bảo vệ lợi ích quốc gia của mỗi bên. Tuy nhiên, chủ nghĩa hiện thực cũng nhận thức rằng đối thoại không phải là giải pháp hữu hiệu cho tất cả các vấn đề an ninh. Do đó, chủ nghĩa hiện thực thường khuyến khích việc sử dụng một phương tiện phù hợp để giải quyết từng vấn đề an ninh cụ thể, phức tạp, thay vì chỉ dựa vào đối thoại và hòa giải.

Vận dụng thế giới quan của chủ nghĩa hiện thực vào nghiên cứu trường hợp của Đối thoại Shangri-La, có thể thấy diễn đàn an ninh này có giá trị đối với việc thảo luận tập trung vào những giải pháp thực tế và hiệu quả, bao gồm cả giải pháp kỹ thuật và chính sách, nhằm xây dựng lòng tin, minh bạch hóa chính sách và đưa ra các quyết định về an ninh quan trọng tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Những cuộc đối thoại, tranh luận tại hội nghị dựa trên các nghiên cứu, phân tích dữ liệu, diễn biến, thông tin thực tế và những đánh giá, dự báo nguy cơ về an ninh. Ngoài ra, Từ góc nhìn của chủ nghĩa hiện thực, việc thảo luận giữa các quốc gia tại Đối thoại Shangri-La về các vấn đề kinh tế, chính trị hay an ninh phi truyền thống như di cư, tội phạm xuyên quốc gia, an ninh mạng, chống chủ nghĩa khủng bố, cực đoan... chủ yếu nhằm phục vụ mục tiêu kiểm soát rủi ro an ninh, duy trì ổn định khu vực và ngăn ngừa những yếu tố có thể làm thay đổi bất lợi tương quan quyền

lực giữa các quốc gia. Các quyết định và cam kết được đưa ra tại Đối thoại Shangri-La cũng không phải luôn được thực hiện và đạt được hiệu quả như mong đợi. Các quyết định đó phải được xem xét kỹ lưỡng và thực hiện theo cách phù hợp với hoàn cảnh và tình hình thực tế trong khu vực. Tóm lại, việc tổ chức Đối thoại Shangri-La được xem là một cách tiếp cận hiện thực và có giá trị để giúp các quốc gia trong khu vực đạt được sự ổn định an ninh, song các cam kết được đưa ra tại diễn đàn cần được nhìn nhận, đánh giá kỹ lưỡng.

Về chính trị quyền lực, chủ nghĩa hiện thực thừa nhận rằng các quốc gia chủ yếu được thúc đẩy bởi việc theo đuổi quyền lực và an ninh. Vận dụng vào trường hợp Đối thoại Shangri-La, tại cơ chế này, các quốc gia trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương nhận ra tầm quan trọng của việc duy trì sự ổn định và bảo vệ lợi ích quốc gia của họ trong một khu vực có đặc điểm là các cường quốc cạnh tranh và các thách thức an ninh.

Về cân bằng quyền lực, chủ nghĩa hiện thực nhấn mạnh khái niệm cân bằng quyền lực, trong đó gợi ý rằng các quốc gia tìm cách ngăn chặn sự thống trị của bất kỳ cường quốc đơn lẻ nào bằng cách hình thành các liên minh và tham gia vào các tính toán chiến lược. Với Đối thoại Shangri-La, cơ chế này đóng vai trò là nền tảng để các quốc gia thảo luận và quản lý sự cân bằng quyền lực trong khu vực, thúc đẩy sự ổn định và ngăn chặn bất kỳ quốc gia nào trở nên quá hùng mạnh.

Về tình thế tiến thoái lưỡng nan về an ninh, chủ nghĩa hiện thực nhấn mạnh nỗ lực của các quốc gia nhằm tăng cường an ninh của chính mình có thể vô tình dẫn đến căng thẳng và xung đột gia tăng. Giải thích trường hợp của Đối thoại Shangri-La, có thể thấy cơ chế này cung cấp một diễn đàn để các quốc gia tham gia đối thoại, xây dựng lòng tin và giảm bớt những hiểu lầm. Bằng cách tham gia đối thoại, các quốc gia có thể làm rõ ý định của mình, thể hiện khả năng quân sự và giảm thiểu tình thế tiến thoái lưỡng nan về an ninh.

Về lợi ích quốc gia, chủ nghĩa hiện thực khẳng định rằng các quốc gia hành động để tối đa hóa lợi ích quốc gia của mình. Việc hình thành Đối thoại Shangri-La có thể được coi là sự phản ánh thừa nhận của các quốc gia về tầm quan trọng của

hợp tác và đối thoại khu vực trong việc thúc đẩy lợi ích an ninh và kinh tế của chính họ. Bằng cách tham gia đối thoại, các quốc gia có thể tăng cường quan hệ ngoại giao, xây dựng liên minh và thúc đẩy lợi ích quốc gia của mình ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Về khả năng hợp tác giữa các quốc gia, nhìn chung, chủ nghĩa hiện thực có cái nhìn khá bi quan về vấn đề này, nhưng vẫn cung cấp những giả định giúp giải thích việc lựa chọn hợp tác quốc tế thay vì cạnh tranh và đối đầu. Giả định cơ bản của chủ nghĩa hiện thực là quốc gia là chủ thể duy lý (rational) và chủ thể chính trị đơn nhất (unitary political) tồn tại trong môi trường vô chính phủ (anarchy), do đó để bảo đảm sự tồn tại và phát triển, các quốc gia phải liên tục cạnh tranh quyền lực với nhau. Do đó, các diễn đàn đa phương như Đối thoại Shangri-La được xem là một công cụ cạnh tranh quyền lực giữa các quốc gia. Tuy nhiên, giữa các quốc gia vẫn có cơ hội hợp tác nếu lợi ích được phân chia một cách cân bằng.

Dưới góc nhìn đó, sự phát triển của Đối thoại Shangri-La trước hết được xem là một nỗ lực của IISS nhằm mở rộng và phát triển ảnh hưởng của tổ chức này tại châu Á. Ý tưởng và nỗ lực tổ chức Đối thoại Shangri-La xuất hiện trong bối cảnh tổ chức này đã quá tập trung vào châu Âu và khu vực Đại Tây Dương mà không dành sự quan tâm đúng mức tới châu Á trong ít nhất hai thập kỷ. Từ đầu những năm 1980, hai học giả Robert O'Neil và Desmond Ball nguyên là thành viên của Hội đồng IISS đã cố gắng thúc đẩy sự hiện diện thực chất của IISS ở châu Á trên phương diện nghiên cứu, tổ chức hội thảo và thành lập một văn phòng đại diện của IISS tại khu vực. Cho đến năm 2000, trong Hội đồng IISS chỉ có 04 đại diện từ châu Á. Từ khi được thành lập, Đối thoại Shangri-La đã giúp IISS vươn lên thành một trong những cơ quan nghiên cứu chiến lược có ảnh hưởng hàng đầu ở châu Á.

Đối với Singapore, nước chủ trì phối hợp với IISS tổ chức Đối thoại Shangri-La thể hiện khá sâu sắc quan điểm về chính trị quyền lực và việc các quốc gia theo đuổi lợi ích quốc gia của mình. Sự phối hợp của Singapore với IISS có thể được coi là một động thái thực tế nhằm tăng cường an ninh và ảnh hưởng của nước này trong khu vực. Bằng cách tổ chức Đối thoại Shangri-La, Singapore có thể định hình diễn

ngôn an ninh và tăng cường quan hệ ngoại giao với các quốc gia khác, cuối cùng là thúc đẩy lợi ích quốc gia của chính mình.

Đối với Việt Nam, quan điểm của chủ nghĩa hiện thực cho rằng, các quốc gia hành động vì lợi ích riêng và tìm cách tối đa hóa an ninh của mình khi tham gia các cơ chế như Đối thoại Shangri-La. Việt Nam đặt mục tiêu tăng cường an ninh bằng cách tham gia đối thoại, xây dựng mối quan hệ và hiểu rõ hơn về các thách thức an ninh khu vực. Thông qua thường xuyên tham dự Đối thoại, Việt Nam thể hiện được năng lực, làm rõ ý định và thiết lập quan hệ đối tác chiến lược để đối trọng với các mối đe dọa tiềm tàng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

2.2.2. Chủ nghĩa tự do

Chủ nghĩa tự do (liberalism) hay cách “tiếp cận tự do” là một trường phái quan trọng trong lý thuyết quan hệ quốc tế. Xuất hiện từ thời kỳ cải cách tôn giáo thế kỷ 16 ở châu Âu, chủ nghĩa tự do đã phát triển thành một trường phái gồm nhiều nhánh tư tưởng khác nhau mặc dù cùng chung những giả định cơ bản. Chủ nghĩa tự do đề cao vai trò của các cá nhân, tổ chức với tư cách là các tác nhân trong quan hệ quốc tế bên cạnh nhà nước. Khác với chủ nghĩa hiện thực cho rằng quan hệ quốc tế là một trò chơi có tổng bằng không, trong đó các quốc gia luôn cạnh tranh lẫn nhau, chủ nghĩa tự do nhấn mạnh khả năng tiến bộ của con người và cho rằng các quốc gia thay vì cạnh tranh có thể hợp tác với nhau để cùng đạt được lợi ích chung, đặc biệt là thông qua các thể chế quốc tế [Đào Minh Hồng & Lê Hồng Hiệp, 2018].

Về đối thoại an ninh, chủ nghĩa tự do thường nhấn mạnh sự quan tâm đến quyền tự chủ và chủ quyền của các quốc gia, cũng như sự tôn trọng các quyền cá nhân và tự do thông tin. Các nhà tự do học cho rằng, đối thoại an ninh là một cơ hội để các quốc gia có thể thảo luận và đàm phán về các vấn đề an ninh chung trong khu vực, từ đó tạo ra một môi trường hòa bình, ổn định và tự do hơn. Do đó, đối thoại an ninh cần phải được xem như là một phương tiện để thúc đẩy sự hợp tác, chia sẻ thông tin và nâng cao nhận thức về các vấn đề an ninh. Tuy nhiên, chủ nghĩa tự do cũng nhận thức rằng việc bảo đảm an ninh là một nhiệm vụ quan trọng và đòi hỏi sự can thiệp của chính phủ, từ đó khuyến khích việc sử dụng các biện pháp an

ninh có tính minh bạch và hợp lý để duy trì an ninh, mà không làm hạn chế quyền tự do của các bên tham gia đối thoại.

Vận dụng vào trường hợp của Đối thoại Shangri-La, đây là diễn đàn quan trọng để các nhà lãnh đạo, quan chức quân sự và chuyên gia từ nhiều quốc gia châu Á - Thái Bình Dương gặp gỡ, trao đổi quan điểm, thông tin và cùng nhau thảo luận, tìm kiếm giải pháp cho các vấn đề an ninh khu vực và quốc tế. Điều này đặc biệt quan trọng trong việc tạo ra một môi trường đối thoại mở và xây dựng giữa các quốc gia, cũng như khu vực. Theo quan điểm của chủ nghĩa tự do, các bên tham gia đối thoại tại cơ chế này nên được tự do phát biểu, bày tỏ ý kiến, trong khi chính phủ không nên can thiệp quá mức vào quá trình thảo luận, mà chỉ nên đóng vai trò hỗ trợ và cung cấp thông tin cần thiết. Tuy nhiên, các bên cũng cần cân nhắc kỹ lưỡng để đảm bảo không có sự lạm quyền tự do trong quá trình thảo luận. Các bên tham gia phải tuân thủ các quy tắc và quy định được đặt ra để góp phần tạo môi trường hòa bình, an ninh cho quá trình đối thoại.

Về chuẩn mực và giá trị, chủ nghĩa tự do nhấn mạnh tầm quan trọng của chuẩn mực, giá trị và nguyên tắc chung trong việc định hình hợp tác quốc tế. Theo đó, sự hình thành Đối thoại Shangri-La có thể được coi là biểu hiện của lý tưởng tự do, nơi các quốc gia cùng nhau thúc đẩy đối thoại, giải quyết xung đột một cách hòa bình và tuân thủ các chuẩn mực và quy tắc quốc tế. Đối thoại này cung cấp một nền tảng để các quốc gia bày tỏ cam kết của mình đối với các giá trị tự do như dân chủ, nhân quyền và pháp quyền.

Về chủ nghĩa đa phương và hợp tác, chủ nghĩa tự do nhấn mạnh tầm quan trọng của chủ nghĩa đa phương và hợp tác trong việc giải quyết các thách thức toàn cầu. Đối thoại Shangri-La quy tụ nhiều chủ thể đa dạng, bao gồm các quốc gia, tổ chức quốc tế và các chủ thể phi nhà nước, để tham gia đối thoại và tìm giải pháp hợp tác cho các vấn đề an ninh khu vực. Bằng cách thúc đẩy đối thoại, hợp tác và tăng cường hiểu biết lẫn nhau, Đối thoại này góp phần vào tầm nhìn tự do về một thế giới hòa bình và liên kết hơn.

Về thể chế và quy tắc, chủ nghĩa tự do nhấn mạnh vai trò của các thể chế và quy tắc trong việc định hình hành vi quốc tế. Theo nghĩa đó, Đối thoại Shangri-La được tổ chức với sự cộng tác của IISS, một tổ chức tư vấn nổi tiếng nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phân tích và đối thoại về các vấn đề an ninh quốc tế. Cơ chế này cung cấp một diễn đàn có cấu trúc, nơi những người tham gia có thể thảo luận và định hình các chính sách an ninh khu vực, góp phần xây dựng các chuẩn mực và quy tắc, đồng thời củng cố các thể chế hiện có ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Về sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế, chủ nghĩa tự do nhấn mạnh tầm quan trọng của điều này trong việc thúc đẩy hợp tác và giảm thiểu xung đột. Ở luận điểm này, Đối thoại Shangri-La thừa nhận mối liên hệ qua lại giữa các vấn đề an ninh và kinh tế ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Các cuộc thảo luận thường bao gồm các chủ đề như thương mại, đầu tư và hợp tác kinh tế, thừa nhận rằng sự ổn định và thịnh vượng về kinh tế là điều cần thiết để duy trì an ninh khu vực.

Từ góc độ chủ nghĩa tự do, Đối thoại Shangri-La cũng như các cơ chế đối thoại khác giúp thúc đẩy đối thoại, minh bạch chính sách, hiểu biết lẫn nhau và tạo cơ hội cho hợp tác giữa các quốc gia. Trong khi châu Á thiếu một cơ chế đối thoại giữa các nhà lãnh đạo Bộ Quốc phòng trong khu vực, sự ra đời của Đối thoại Shangri-La năm 2002 đã kịp thời đáp ứng nhu cầu đối thoại giữa các nước nhằm ngăn ngừa các nguy cơ hiểu lầm, tính toán sai lầm dẫn đến xung đột, đồng thời tạo ra cơ hội hợp tác giữa các bên để giải quyết các thách thức an ninh chung. Trên thực tế, khi môi trường an ninh khu vực càng bất ổn, vai trò của Đối thoại Shangri-La càng được các nước chú ý. Điều này giải thích lý do vì sao Đối thoại Shangri-La phát triển mạnh mẽ trong hơn hai thập kỷ qua, đặc biệt là những năm 2010. Qua hơn hai thập kỷ hình thành và phát triển Đối thoại Shangri-La đã trở thành diễn đàn quy mô nhất, được chú ý nhất ở châu Á, bất chấp sự xuất hiện của một số cơ chế khác như Diễn đàn Hương Sơn Bắc Kinh của Trung Quốc hay Đối thoại Quốc phòng Seoul của Hàn Quốc.

Chủ nghĩa tự do tập trung vào hợp tác, thể chế và các chuẩn mực chung trong quan hệ quốc tế. Sự hợp tác giữa Singapore và IISS phản ánh cách tiếp cận tự do,

khi nước này tìm cách thúc đẩy đối thoại, hợp tác và phát triển các chuẩn mực an ninh khu vực. Bằng cách tổ chức đối thoại cấp cao, Singapore hướng tới thúc đẩy chủ nghĩa đa phương, xây dựng lòng tin và tạo điều kiện trao đổi ý tưởng và thông tin giữa các chủ thể trong khu vực.

Sự tham gia của Việt Nam cũng có thể được phân tích thông qua các nguyên tắc tự do. Bằng cách tham gia Đối thoại Shangri-La, Việt Nam mong muốn thúc đẩy ổn định khu vực, góp phần xây dựng các chuẩn mực và quy tắc cũng như xây dựng quan hệ đối tác với các quốc gia khác. Cơ chế này cung cấp cho Việt Nam một nền tảng để tham gia vào các cuộc thảo luận đa phương, giải quyết các thách thức chung và thúc đẩy hợp tác kinh tế vì lợi ích an ninh khu vực.

2.2.3. Chủ nghĩa kiến tạo

Chủ nghĩa kiến tạo quan niệm an ninh là một khái niệm của cấu trúc xã hội hợp tác hoặc đấu tranh [Matt McDonal, 2018]. Theo các nhà lý luận kiến tạo, khái niệm an ninh thay đổi theo bối cảnh lịch sử và xã hội, nên những biến động về xã hội và sự đa dạng trong văn hóa, lịch sử là nguyên nhân của các vấn đề an ninh, các mối đe dọa và xung đột. Chủ nghĩa kiến tạo thường tập trung giải quyết các vấn đề đặt ra thông qua kết hợp các ý tưởng và thúc đẩy sự đổi mới, sáng tạo, tạo ra các giá trị cho các bên liên quan, bao gồm cả các phương pháp sử dụng công nghệ mới để cải thiện tốc độ và chất lượng của đối thoại. Các phương pháp kiến tạo như thu thập và phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo có thể được áp dụng để phát triển các phương pháp đối thoại an ninh mới và tăng cường khả năng phát hiện các nguy cơ an ninh tiềm tàng. Với cách tiếp cận này, đối thoại được coi là một cơ hội để kết nối các ý tưởng, quan niệm khác nhau để đưa ra các giải pháp mới cho các vấn đề an ninh phức tạp. Tuy nhiên, chủ nghĩa kiến tạo cũng đòi hỏi sự mở đầu và khả năng thích nghi với các thay đổi, đồng thời phải được sử dụng một cách cẩn thận và có sự giám sát chặt chẽ để đảm bảo tính minh bạch và công bằng. Điều này đặc biệt quan trọng trong việc thích ứng với các thách thức và cơ hội đang diễn ra trên thực tế. Các nhà lãnh đạo và chuyên gia phải sẵn sàng mở rộng tầm nhìn và áp dụng các phương pháp mới để xây dựng các giải pháp sáng tạo.

Theo cách tiếp cận của chủ nghĩa kiến tạo, việc lãnh đạo Bộ Quốc phòng và Quân đội của hàng chục quốc gia châu Á - Thái Bình Dương cùng có mặt tại Đối thoại Shangri-La hằng là cơ hội rất thuận lợi để các bên thảo luận, trao đổi ý tưởng và đề ra những sáng kiến hợp tác nhằm giải quyết các thách thức an ninh chung của khu vực. Chủ đề thảo luận của Đối thoại Shangri-La rất đa dạng và cập nhật tình hình thực tế, trong đó luôn lưu ý đến vai trò và tác động các công nghệ mới nổi, đặc biệt là công nghệ quân sự đối với an ninh khu vực. Đối thoại Shangri-La là một diễn đàn rất phù hợp để các nước tìm ra giải pháp mới mang tính sáng tạo nhằm giải quyết các thách thức do môi trường an ninh liên tục thay đổi tạo ra đối với khu vực. Dưới góc nhìn của chủ nghĩa kiến tạo, Đối thoại Shangri-La có thể được đánh giá và cải thiện hiệu quả. Thông qua các phương pháp kiến tạo như phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, các nhà quản lý đối thoại có thể đánh giá các chủ đề thảo luận để lựa chọn, định hình khung chủ đề trao đổi trong những lần tổ chức tiếp theo. Điều này có thể giúp đảm bảo các cuộc thảo luận tại diễn đàn được tập trung vào các vấn đề quan trọng nhất trong lĩnh vực an ninh. Ngoài ra, chủ nghĩa kiến tạo có thể được áp dụng để phát triển các phương pháp đối thoại mới, sáng tạo hơn. Đặc biệt, xu hướng sử dụng trí tuệ nhân tạo để phát hiện các xu hướng mới và đưa ra các đề xuất trong lĩnh vực an ninh toàn cầu ngày càng phổ biến. Mặc dù vậy, những dự báo dựa trên dữ liệu hiện có của chủ nghĩa kiến tạo không đảm bảo tính chính xác tuyệt đối, do đó cần kết hợp các dự báo này với các nghiên cứu và thông tin thực tế khác để đưa ra các quyết định chính xác, hiệu quả.

Về các chuẩn mực và ý tưởng, chủ nghĩa kiến tạo nhấn mạnh vai trò của các chuẩn mực và ý tưởng trong việc định hình quan hệ quốc tế. Đối thoại Shangri-La có thể được coi là sự phản ánh các chuẩn mực và ý tưởng đang phát triển liên quan đến an ninh khu vực ở châu Á - Thái Bình Dương. Thông qua đối thoại và tương tác, những người tham gia có cơ hội xây dựng những hiểu biết, chuẩn mực và giá trị chung để định hướng hành vi của họ và định hình các hoạt động an ninh khu vực.

Về bản sắc và xã hội hóa, chủ nghĩa kiến tạo cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của bản sắc và xã hội hóa trong việc hình thành hành vi của nhà nước. Với ý nghĩa

này, Đối thoại Shangri-La cung cấp một nền tảng để các quốc gia tham gia vào quá trình xã hội hóa, nơi họ có thể tương tác, xây dựng mối quan hệ và phát triển bản sắc chung với tư cách là những chủ thể khu vực có trách nhiệm. Quá trình xã hội hóa này có thể góp phần hình thành hành vi hợp tác và giảm xung đột.

Về vai trò của các chủ thể phi nhà nước, chủ nghĩa kiến tạo thừa nhận tầm quan trọng của các chủ thể này trong việc định hình quan hệ quốc tế. Đối thoại Shangri-La có sự tham gia của nhiều chủ thể phi nhà nước, bao gồm các học giả, chuyên gia và các tổ chức xã hội dân sự, những người đưa ra những quan điểm đa dạng và góp phần hình thành các ý tưởng, chuẩn mực và thực tiễn. Sự tham gia của họ giúp định hình cuộc đối thoại và mở rộng phạm vi các chủ thể tham gia vào các cuộc thảo luận an ninh khu vực.

Về thực hành diễn ngôn, chủ nghĩa kiến tạo nhấn mạnh sức mạnh của ngôn ngữ và thực hành diễn ngôn trong việc xây dựng ý nghĩa và hình thành hành vi. Đối thoại Shangri-La cung cấp một không gian cho những thành viên tham gia vào các hoạt động thảo luận, nơi họ có thể nói rõ lợi ích, mối quan tâm và tầm nhìn của mình đối với an ninh khu vực. Thông qua các hoạt động diễn ngôn này, những người tham gia có thể tác động đến diễn ngôn xung quanh các vấn đề an ninh khu vực và định hình diễn ngôn về an ninh ở châu Á - Thái Bình Dương.

Chủ nghĩa kiến tạo nhấn mạnh vai trò của các ý tưởng, chuẩn mực và bản sắc trong việc hình thành hành vi của nhà nước. Sự phối hợp của Singapore với IISS có thể được coi là một nỗ lực mang tính xây dựng nhằm định hình các chuẩn mực và bản sắc an ninh khu vực. Bằng cách tổ chức Đối thoại Shangri-La, Singapore mong muốn góp phần xây dựng sự hiểu biết chung, thách thức các quan điểm hiện có và thúc đẩy quan điểm riêng của mình về các vấn đề an ninh khu vực.

Sự tham gia của Việt Nam cũng có thể được hiểu dưới góc độ chủ nghĩa kiến tạo. Bằng cách tham gia Đối thoại Shangri-La, Việt Nam có thể góp phần xây dựng các chuẩn mực an ninh khu vực, thách thức các quan điểm hiện có và định hình diễn ngôn về an ninh ở châu Á - Thái Bình Dương; cho phép Việt Nam tham gia vào các

quá trình xã hội hóa, phát huy quan điểm riêng của mình và xây dựng bản sắc như một chủ thể khu vực có trách nhiệm.

2.2.4. Chủ nghĩa đa phương trong quan hệ quốc tế hiện đại

Chủ nghĩa đa phương (Multilateralism) là một trong những tiếp cận trung tâm trong lý luận và thực tiễn quan hệ quốc tế hiện đại, đặc biệt nổi bật trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập khu vực ngày càng sâu rộng. Trong khi các trường phái như hiện thực, tự do, kiến tạo tập trung giải thích động lực và hành vi của các chủ thể trong hệ thống quốc tế, thì chủ nghĩa đa phương là một phương thức tổ chức và điều phối các mối quan hệ quốc tế nhằm tạo ra sự hợp tác hiệu quả và bền vững giữa nhiều chủ thể. Đối với các cơ chế như Đối thoại Shangri-La - vốn mang tính chất đa phương không chính thức - việc vận dụng chủ nghĩa đa phương như một khung lý luận là hết sức cần thiết để lý giải tính chất, vai trò và hành vi của các quốc gia, đặc biệt là các nước vừa và nhỏ như Việt Nam.

Theo John G. Ruggie - học giả nổi bật của trường phái tân tự do chế định, chủ nghĩa đa phương được định nghĩa là một hình thức phối hợp quan hệ giữa ba hay nhiều quốc gia dựa trên các nguyên tắc ứng xử chung, không phân biệt đối xử và có tính chuẩn hóa [John Gerard Ruggie, 1992, tr. 571]. Ba đặc điểm cốt lõi trong quan niệm của Ruggie bao gồm: (1) tính tập thể (generalized principles of conduct), (2) tính không phân biệt đối xử (nondiscrimination), và (3) tính thể chế hóa (institutionalization).

Chủ nghĩa đa phương không đơn thuần là sự hiện diện của nhiều chủ thể cùng tham gia, mà còn đòi hỏi các nguyên tắc vận hành minh bạch, ràng buộc về hành vi, hướng tới việc thiết lập luật chơi chung và cơ chế phối hợp hành động. Theo Robert Owen Keohane (1984), đa phương là sự hợp tác có tổ chức giữa các quốc gia trong khuôn khổ thể chế, nhằm theo đuổi lợi ích chung mà không phụ thuộc vào quyền lực cường bức [Robert Owen Keohane, 1984, tr. 49].

Chủ nghĩa đa phương đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì trật tự quốc tế dựa trên luật lệ (rules-based order), đặc biệt sau Chiến tranh Lạnh. Thông qua các thể chế như Liên hợp quốc, Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), ASEAN hay các

diễn đàn an ninh như ARF, Đối thoại Shangri-La, chủ nghĩa đa phương góp phần thúc đẩy: (i) Minh bạch hóa chính sách, tạo sự tin cậy giữa các chủ thể; (ii) Thiết lập chuẩn mực hành vi quốc tế, làm giảm nguy cơ hiểu lầm hoặc xung đột; (iii) Tăng cường hợp tác đa ngành, từ kinh tế đến an ninh - quốc phòng; (iv) Cân bằng ảnh hưởng của các cường quốc, tạo điều kiện để các quốc gia vừa và nhỏ phát huy vai trò trong hệ thống quốc tế.

Trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn và sự xuất hiện của các thách thức an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu, an ninh mạng, dịch bệnh... các cơ chế đa phương là kênh đối thoại hiệu quả, linh hoạt, ít ràng buộc về pháp lý nhưng tạo ra ảnh hưởng thực tiễn đáng kể.

Châu Á - Thái Bình Dương là khu vực nổi bật với các cơ chế đa phương “mềm” (soft institutionalism), nơi không tồn tại một thể chế ràng buộc kiểu Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO), nhưng có nhiều diễn đàn đối thoại đa phương hiệu quả như ASEAN, ARF, ADMM+, APEC và Đối thoại Shangri-La. Trong đó, Đối thoại Shangri-La mang đặc điểm Kênh 1.5 [Amitav Acharya, 2001] - kết hợp giữa các quan chức chính phủ và học giả, tạo ra không gian bán chính thức để trao đổi, thương lượng và thiết lập lòng tin. Đối thoại Shangri-La là một điển hình của chủ nghĩa đa phương trong lĩnh vực an ninh, nơi các Bộ trưởng Quốc phòng, tướng lĩnh và học giả hàng đầu thảo luận công khai về các vấn đề an ninh khu vực. Dưới góc nhìn chủ nghĩa đa phương, Đối thoại Shangri-La thể hiện vai trò: (i) Là diễn đàn xây dựng lòng tin chiến lược giữa các quốc gia trong khu vực; (ii) Tạo điều kiện cho giao tiếp chính trị - quân sự không chính thức nhằm giảm căng thẳng; (iii) Là nền tảng để các nước vừa và nhỏ như Singapore, Việt Nam thể hiện chính sách, tăng vị thế quốc tế thông qua ngoại giao diễn ngôn.

Việt Nam từ lâu đã coi đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ đối ngoại là trụ cột trong đường lối đối ngoại, được xác định trong các văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam lần đầu tiên xác định phương châm “chủ động hội nhập kinh tế quốc tế” và đến Đại hội XI, Việt Nam nâng cấp thành “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện”. Trong đó, hội

nhập đa phương là một hướng đi chiến lược nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc trong môi trường quốc tế nhiều biến động.

Đối với Việt Nam, chủ nghĩa đa phương không chỉ là phương thức hợp tác, mà còn là chiến lược ngoại giao bảo vệ chủ quyền trong hòa bình, thông qua việc gắn kết chặt chẽ với luật pháp quốc tế, tăng cường tiếng nói trên diễn đàn khu vực và quốc tế, đồng thời tránh bị cô lập hoặc bị lệ thuộc bởi các cường quốc. Việt Nam đã thể hiện rõ vai trò chủ động tại nhiều cơ chế đa phương: đảm nhận vai trò Chủ tịch ASEAN, Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, chủ trì các Hội nghị cấp cao APEC, ASEAN, ADMM+ và tích cực tham dự Đối thoại Shangri-La hằng năm [Kuik Cheng-Chwee, 2008]. Việc tham gia vào các cơ chế đa phương như Đối thoại Shangri-La giúp Việt Nam: (i) Khẳng định vị thế quốc gia có trách nhiệm, tích cực tham gia kiến tạo trật tự khu vực; (ii) Tăng cường hiểu biết, chia sẻ thông tin, giảm nguy cơ hiểu lầm chiến lược; (iii) Thúc đẩy các quan hệ đối tác chiến lược và toàn diện, phù hợp với định hướng hội nhập sâu rộng.

Chủ nghĩa đa phương là nền tảng lý luận quan trọng để lý giải sự hình thành và vận hành của các cơ chế đối thoại như Đối thoại Shangri-La. Đồng thời, đây cũng là định hướng xuyên suốt trong chính sách đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng. Việc vận dụng chủ nghĩa đa phương như một khung phân tích trong luận án không chỉ giúp làm rõ đặc điểm của Đối thoại Shangri-La, mà còn giải thích được cách thức Việt Nam ứng xử và gia tăng hiệu quả tham gia tại diễn đàn này. Trong bối cảnh thế giới đang chuyển dịch theo hướng đa cực, cạnh tranh chiến lược gia tăng, thì tư duy đa phương hóa và chủ nghĩa đa phương sẽ tiếp tục là một trụ cột không thể thiếu trong chiến lược đối ngoại hiện đại, đặc biệt đối với các quốc gia có quy mô trung bình như Việt Nam.

2.2.5. Ngoại giao Kênh 1.5 (Track 1.5 Diplomacy) và ứng dụng trong Đối thoại Shangri-La

Trong nghiên cứu quan hệ quốc tế và xây dựng hòa bình, khái niệm Ngoại giao Kênh 1.5 (Track 1.5 Diplomacy) được sử dụng để mô tả một hình thức ngoại giao kết hợp giữa hai mô thức chính: Kênh 1 (Track 1): Ngoại giao chính thức giữa

các chính phủ, thông qua các kênh nhà nước như Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng hoặc các nhà lãnh đạo quốc gia; Kênh 2 (Track 2): Ngoại giao phi chính thức do các học giả, tổ chức xã hội dân sự hoặc các nhà trung gian hòa giải thực hiện trong khuôn khổ không ràng buộc chính trị.

Theo đó, Kênh 1.5 (Track 1.5) là hình thức trung gian: Các đối thoại hoặc hội nghị có sự tham gia của cả quan chức chính phủ và giới học giả, trong khuôn khổ phi chính thức hoặc bán chính thức, cho phép thảo luận linh hoạt và giảm áp lực chính trị đối đầu trực tiếp [Susan Allen Nan et al, 2018].

Kênh 1.5 thường được tổ chức bởi các viện nghiên cứu hoặc tổ chức trung gian như IISS, Trung tâm nghiên cứu chiến lược và quốc tế (CSIS), Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) hoặc Quỹ Carnegie. Hình thức này đặc biệt hữu ích khi: (i) Tạo cầu nối giữa giới hoạch định chính sách và giới học thuật; (ii) Cho phép “thử nghiệm” các ý tưởng chính sách trước khi chính thức hóa; (iii) Giảm áp lực đối đầu và thúc đẩy xây dựng lòng tin chiến lược [Peter Jones, 2015].

Đối thoại Shangri-La là ví dụ điển hình cho mô hình đối thoại Kênh 1.5 trong lĩnh vực an ninh khu vực. Dù có sự hiện diện của các Bộ trưởng Quốc phòng và tướng lĩnh quân đội, nhưng Đối thoại Shangri-La không thuộc khuôn khổ thể chế liên chính phủ, không có tuyên bố chung hay nghĩa vụ pháp lý bắt buộc [IISS, 2023]. Đối thoại Shangri-La là điển hình của một “đối thoại lai” - nơi hội tụ ba yếu tố: (i) Chính trị cấp cao: Các bài phát biểu chính sách từ lãnh đạo quân sự; (ii) Học thuật - chuyên gia: Các phiên thảo luận, nghiên cứu chuyên sâu; (iii) Truyền thông và định hình dư luận: Được các hãng truyền thông quốc tế theo dõi sát sao [David Capie, 2013]. Sự pha trộn giữa “chính thức” và “không chính thức” này tạo nên đặc trưng của ngoại giao Kênh 1.5, cho phép các nước thảo luận thẳng thắn nhưng vẫn kiểm soát được thông điệp chiến lược.

Việt Nam - một quốc gia trung bình, có chính sách đối ngoại độc lập, chủ động, tích cực hội nhập - đã chủ động tham gia Đối thoại Shangri-La nhiều năm liền và tận dụng hình thức Kênh 1.5 để: (i) Khẳng định vị thế quốc tế: thông qua các phát biểu quốc phòng với nội dung nhất quán (như “chính sách quốc phòng 4

không”); (ii) Tạo kênh tiếp xúc cấp cao bên lề với các đối tác chiến lược (Mỹ, Nhật, Australia, Ấn Độ...); (iii) Học hỏi thông tin, tăng cường nhận thức chiến lược, đặc biệt trong bối cảnh địa chính trị phức tạp; (iv) Tránh bị cuốn vào cạnh tranh chiến lược, thể hiện vai trò trung lập tích cực.

Dưới góc độ lý luận, việc tham gia Kênh 1.5 như Đối thoại Shangri-La giúp Việt Nam thể hiện năng lực “ngoại giao linh hoạt” (smart diplomacy): không đối đầu, không né tránh, chủ động định hình môi trường an ninh có lợi cho mình.

2.2.6. Lý thuyết quốc gia nhỏ và chiến lược ứng xử trong cơ chế đa phương

Để làm sáng tỏ hơn vai trò và hành xử của Việt Nam trong khuôn khổ Đối thoại Shangri-La, luận án bổ sung 2 tiếp cận lý thuyết có giá trị bổ trợ: (i) Lý thuyết quốc gia nhỏ và (ii) Lý thuyết diễn ngôn an ninh.

2.2.7.1. Lý thuyết quốc gia nhỏ và hành vi “tạo thế trong trật tự”

Trong hệ thống quốc tế hiện đại, phần lớn các quốc gia đều nhỏ về quy mô dân số, kinh tế hoặc tiềm lực quân sự. Mặc dù không phải là chủ thể quyết định trật tự toàn cầu, các quốc gia nhỏ vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì ổn định, cân bằng và thúc đẩy các nguyên tắc hợp tác đa phương. Việc nghiên cứu lý thuyết quốc gia nhỏ (small state theory) là cách tiếp cận hữu ích để lý giải hành vi, chiến lược và giới hạn ảnh hưởng của những nước như Việt Nam trong các cơ chế đối thoại khu vực như Đối thoại Shangri-La.

Theo lý thuyết quốc gia nhỏ, các quốc gia này không có ưu thế về kinh tế, quân sự thường dựa vào thể chế đa phương, luật lệ quốc tế và sự hợp tác liên kết để bảo vệ lợi ích của mình. Theo Peter Katzenstein, quốc gia nhỏ là “những chủ thể có giới hạn rõ rệt về quyền lực cứng, nhưng có khả năng bù đắp hạn chế đó bằng chiến lược ngoại giao linh hoạt, tận dụng thể chế, liên minh và luật lệ quốc tế để đạt được lợi ích” [Peter Joachim Katzenstein, 1985]. Trong khi đó, Arne Olav Brundtland định nghĩa các quốc gia nhỏ là những quốc gia có nguồn lực hữu hạn, dễ bị tổn thương trong cạnh tranh quyền lực toàn cầu, nên thường chọn chiến lược đa phương hóa, phi liên kết, hoặc ẩn mình để tồn tại [Arne Olav Brundtland, 1994]. Như Katzenstein (2003), Thorhallsson (2012) hay Ingebritsen (2006) chỉ ra, quốc gia

nhỏ có thể đóng vai trò “norm entrepreneurs” - chủ thể kiến tạo chuẩn mực, từ đó nâng cao tầm ảnh hưởng phi vật chất trong các cấu trúc quyền lực khu vực [Peter Joachim Katzenstein, 2003; Baldur Thorhallsson, 2012; Christine Ingebritsen, 2006].

Trong bối cảnh đó, chiến lược tham gia Đối thoại Shangri-La chính là một biểu hiện tiêu biểu của hành vi quốc gia nhỏ chủ động “bám cơ chế, tạo thế dựa trật tự”. Các nghiên cứu điển hình về hành vi của quốc gia nhỏ cho thấy, họ có xu hướng: (i) Ưu tiên tiếp cận đa phương và luật lệ quốc tế để hạn chế sự áp đặt của các cường quốc; (ii) Chủ động thể hiện vai trò mang tính xây dựng (constructive), như trung gian hòa giải, chủ nhà đối thoại, hoặc phát ngôn cho nhóm nước đang phát triển; (iii) Tận dụng các diễn đàn đa phương để gia tăng ảnh hưởng vượt ngoài năng lực vật chất; (iv) Tránh lập trường đối đầu trực tiếp, duy trì hình ảnh “quốc gia trách nhiệm” để giữ thế trung lập. Việt Nam tận dụng Đối thoại Shangri-La để: (i) Xây dựng hình ảnh bên ủng hộ luật lệ quốc tế; (ii) Tăng cường lòng tin chiến lược đa phương; (iii) Tìm kiếm không gian cân bằng ảnh hưởng giữa các nước lớn.

Trong các diễn đàn như Đối thoại Shangri-La - nơi diễn ra cạnh tranh quyền lực giữa Mỹ và Trung Quốc - các quốc gia nhỏ thường chọn lập trường trung dung, tập trung vào lợi ích an ninh chung như chống khủng bố, an ninh biển, hợp tác nhân đạo, an ninh mạng, thay vì can dự vào các tranh chấp cường quyền. Việt Nam - với quy mô trung bình, vị trí địa chiến lược phức tạp và bị kẹp giữa các cường quốc lớn như Trung Quốc và Mỹ - thường phải đối mặt với tình thế “tiến thoái lưỡng nan” trong đối ngoại an ninh. Vì vậy, việc phân tích hành vi quốc gia nhỏ sẽ làm sáng rõ các chiến lược như hedging (né tránh), soft balancing (cân bằng mềm), ngoại giao phòng ngừa (preventive diplomacy) - những lựa chọn phổ biến của các nước nhỏ tại các diễn đàn đa phương như Đối thoại Shangri-La.

Chiến lược hedging (né tránh rủi ro)

Hedging là chiến lược mà một quốc gia không hoàn toàn liên kết với một phe, cũng không trung lập tuyệt đối, mà linh hoạt điều chỉnh hành vi nhằm giảm thiểu rủi ro từ các bất định chiến lược. Theo Cheng-Chwee Kuik, hedging gồm ba

đặc trưng: (i) Duy trì quan hệ với nhiều bên đối địch cùng lúc; (ii) Không cam kết cứng rắn với một bên nào; (iii) Tích cực xây dựng năng lực nội tại để phòng ngừa rủi ro trong tương lai [Cheng-Chwee Kuik, 2008].

Việt Nam thường xuyên sử dụng hedging khi tham gia các cơ chế như Đối thoại Shangri-La: (i) Tham gia đối thoại với cả Mỹ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản; (ii) Gửi thông điệp rõ ràng về độc lập, tự chủ và lợi ích quốc gia; (iii) Tránh chọn phe, nhưng vẫn củng cố quan hệ quốc phòng với các đối tác lớn như Ấn Độ, Hàn Quốc, Australia...

Chiến lược soft balancing (cân bằng mềm)

Soft balancing là chiến lược mà các quốc gia nhỏ sử dụng các công cụ phi quân sự như thể chế đa phương, luật pháp quốc tế, hợp tác song phương đa hướng để hạn chế ảnh hưởng áp đảo của các cường quốc mà không trực tiếp đối đầu quân sự [Robert Anthony Pape, 2005].

Tại Đối thoại Shangri-La, Việt Nam cùng nhiều quốc gia ASEAN đã: (i) Thúc đẩy nguyên tắc thượng tôn pháp luật, như Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS 1982); (ii) Tạo dư luận quốc tế ủng hộ lập trường hòa bình, ổn định ở Biển Đông; (iii) Tận dụng diễn đàn để phản ánh quan điểm an ninh phi truyền thống, tránh bị cuốn vào ngôn ngữ đối đầu cứng rắn.

Ngoại giao phòng ngừa (preventive diplomacy)

Khái niệm ngoại giao phòng ngừa - do Liên hợp quốc phát triển - nhấn mạnh đến vai trò của đối thoại, tham vấn, xây dựng lòng tin trước khi xảy ra xung đột [United Nations, 1992]. Đối với Việt Nam, đây không chỉ là một công cụ chính sách mà còn là định hướng xuyên suốt trong tư duy đối ngoại hiện đại.

Thông qua Đối thoại Shangri-La, Việt Nam: (i) Tham gia sớm và kiên định, phản ánh đúng tinh thần bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; (ii) Thiết lập mạng lưới liên lạc quốc phòng song phương và đa phương, tạo nền tảng cho ứng phó khủng hoảng; (iii) Làm trung gian truyền thông điệp ổn định và kiềm chế, đặc biệt trong căng thẳng Mỹ - Trung hay vấn đề Biển Đông; (iv) Đối thoại Shangri-La vì thế là kênh

ngoại giao phòng ngừa phi chính thức quan trọng, giúp Việt Nam kết nối, cảnh báo sớm và vận động chuẩn mực.

Dưới góc nhìn lý thuyết quốc gia nhỏ kết hợp hedging, soft balancing, ngoại giao phòng ngừa có thể thấy Việt Nam đang thực hiện một chiến lược ngoại giao tinh tế và thích ứng tại Đối thoại Shangri-La.

Vì vậy, lý thuyết diễn ngôn chính trị được sử dụng để phân tích cách các quốc gia sử dụng Đối thoại Shangri-La như một không gian truyền tải thông điệp chiến lược và định hình nhận thức về các vấn đề an ninh khu vực. Thông qua việc phân tích các bài phát biểu của lãnh đạo quốc phòng các nước tại diễn đàn cho thấy, Đối thoại Shangri-La không chỉ là một diễn đàn trao đổi chính sách mà còn là nơi các quốc gia thể hiện lập trường chiến lược, xây dựng hình ảnh và tác động đến diễn ngôn an ninh khu vực. Trong trường hợp của Việt Nam, việc tham gia diễn đàn này cũng cho phép Việt Nam truyền tải các thông điệp về chính sách quốc phòng mang tính phòng vệ, hòa bình và hợp tác, đồng thời khẳng định các nguyên tắc cơ bản trong chính sách đối ngoại và quốc phòng của Việt Nam.

2.2.7.2. Lý thuyết diễn ngôn an ninh và việc xây dựng hình ảnh quốc gia

Lý thuyết diễn ngôn an ninh (securitization theory) của Buzan - Wæver cho rằng, một vấn đề được coi là an ninh không chỉ do đặc tính khách quan, mà thông qua quá trình “an ninh hóa” (securitization), trong đó chủ thể sử dụng hành vi ngôn ngữ (speech act) để xác định một đối tượng là mối đe dọa cần được ưu tiên xử lý và quá trình này chỉ có hiệu lực khi được cộng đồng tiếp nhận chấp nhận. Theo đó, an ninh là một sản phẩm của diễn ngôn chính trị - xã hội, nơi ngôn ngữ được sử dụng như công cụ để xác định cái gì cần được bảo vệ và cách thức bảo vệ [Barry Buzan and Ole Wæver, 2003].

Trong bối cảnh Đối thoại Shangri-La, những bài phát biểu tại Đối thoại Shangri-La của Lãnh đạo Bộ Quốc phòng Việt Nam thể hiện cách tiếp cận thận trọng trong diễn ngôn an ninh: Tránh chỉ trích trực diện, nhưng kiên định các nguyên tắc như tôn trọng luật pháp quốc tế; giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình và thúc đẩy hợp tác an ninh. Qua đó, Việt Nam không chỉ truyền tải lập

trường chính sách mà còn góp phần định hình cách hiểu về các vấn đề an ninh khu vực theo hướng giảm đối đầu, tăng cường hợp tác.

Trong các phát biểu, Việt Nam có xu hướng: (i) Định hình Biển Đông như một không gian hợp tác dựa trên luật lệ, thay vì một điểm nóng xung đột thuần túy; (ii) Xác lập khái niệm an ninh khu vực gắn với lòng tin, minh bạch và thượng tôn pháp luật, thay vì vũ trang hay liên minh đối đầu; (iii) Nhấn mạnh các giá trị như quốc phòng và tự chủ chiến lược, qua đó tái khẳng định những lợi ích cốt lõi cần bảo vệ. Từ đó, Việt Nam không chỉ bảo vệ lợi ích quốc gia mà còn định hình môi trường an ninh khu vực theo hướng có lợi, thể hiện việc sử dụng ngôn ngữ chính trị như công cụ sức mạnh mềm.

Trên cơ sở đó, lý thuyết quốc gia nhỏ được sử dụng để phân tích cách các quốc gia có quy mô quyền lực hạn chế vẫn có thể tham gia và phát huy vai trò trong các cơ chế đa phương. Theo cách tiếp cận này, các quốc gia nhỏ thường tận dụng các diễn đàn đa phương để mở rộng không gian ngoại giao, cân bằng quan hệ với các nước lớn và gia tăng ảnh hưởng trong cấu trúc khu vực. Áp dụng vào trường hợp Việt Nam cho thấy, việc tham gia Đối thoại Shangri-La giúp Việt Nam: tăng cường đối thoại với các đối tác quốc phòng lớn; truyền tải quan điểm chiến lược của mình trong các vấn đề an ninh khu vực; đồng thời nâng cao vị thế và vai trò của Việt Nam trong cấu trúc an ninh khu vực.

Nhìn chung, chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa kiến tạo, chủ nghĩa đa phương, lý thuyết về ngoại giao Kênh 1.5, lý thuyết về quốc gia nhỏ đều có thể được áp dụng vào Đối thoại Shangri-La để hiểu rõ hơn về quá trình hình thành, nội dung, mục tiêu hoạt động, tác động của Đối thoại Shangri-La đến các quốc gia, khu vực, các tổ chức quốc tế và sự tham gia của các quốc gia như Việt Nam vào Đối thoại Shangri-La. Dưới góc độ chính trị học, mỗi trường phái cung cấp những tri thức khác nhau ở các khía cạnh liên quan đến Đối thoại Shangri-La.

Các tiếp cận lý thuyết trên không chỉ giúp mở rộng chiều sâu phân tích mà còn cung cấp khung đánh giá hành vi chiến lược của Việt Nam trong một trật tự quốc tế đang biến đổi. Trong các chương sau, đặc biệt là Chương 4, luận án sẽ vận

dụng ba khung này để: (i) Tìm hiểu vai trò quốc tế mà Việt Nam theo đuổi; (ii) Làm rõ thông điệp và động cơ chiến lược; (iii) Dự báo khả năng kiến tạo vị thế chính trị trong các cơ chế đối thoại tương lai.

2.3. Nền tảng tư tưởng - lý luận chính trị về sự tham gia Đối thoại Shangri-La của Việt Nam

2.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh và sự phát triển lý luận đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới

Trong khuôn khổ một luận án chính trị học quốc tế, việc tiếp cận nền tảng tư tưởng cho sự tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La cần được đặt trong mối quan hệ giữa lý luận đối ngoại, hành vi đối ngoại của quốc gia và các thiết chế an ninh khu vực. Theo cách tiếp cận này, tư tưởng Hồ Chí Minh và sự phát triển lý luận đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1986 đến nay không chỉ mang ý nghĩa định hướng chính sách, mà còn cấu thành cơ sở ý thức hệ - chiến lược cho việc Việt Nam tham gia và định vị vai trò tại các diễn đàn an ninh - quốc phòng đa phương, trong đó có Đối thoại Shangri-La.

Về mặt lý luận, tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại bao gồm bốn trụ cột cơ bản: (i) thế giới quan và cách nhìn về cục diện quốc tế; (ii) nhận thức về đối tác và đối tượng; (iii) mục tiêu tối thượng của hoạt động đối ngoại; và (iv) nguyên tắc, phương thức triển khai đối ngoại. Những nội dung này được Đảng Cộng sản Việt Nam kế thừa, điều chỉnh và phát triển trong điều kiện hậu Chiến tranh Lạnh, toàn cầu hóa và cạnh tranh quyền lực lớn ngày càng gia tăng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Thứ nhất, sự chuyển biến trong quan niệm về thế giới và trật tự quốc tế là nền tảng mở đường cho đổi mới tư duy đối ngoại. Từ cách tiếp cận mang nặng dấu ấn ý thức hệ và đấu tranh giai cấp, Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước chuyển sang cách nhìn dựa trên lợi ích quốc gia - dân tộc, thừa nhận tính đa dạng của các chế độ chính trị và khả năng vừa hợp tác vừa đấu tranh trong cùng một không gian quốc tế. Sự thay đổi này có ý nghĩa then chốt trong việc Việt Nam chấp nhận và chủ động tham gia các cơ chế an ninh đa phương không mang tính liên minh, tiêu biểu

là Đối thoại Shangri-La - một diễn đàn quy tụ các quốc gia có khác biệt sâu sắc về lợi ích chiến lược và mô hình chính trị.

Thứ hai, nhận thức về các xu thế lớn và cấu trúc quyền lực quốc tế được mở rộng và làm sâu sắc hơn. Từ sau Đổi mới, lý luận đối ngoại của Việt Nam không chỉ tập trung vào các xu thế chiến tranh - hòa bình, mà còn nhấn mạnh toàn cầu hóa, khu vực hóa, sự nổi lên của các trung tâm quyền lực mới và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Trong bối cảnh đó, Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương trở thành không gian địa - chính trị trọng yếu, nơi Việt Nam vừa là đối tượng tác động, vừa là chủ thể tham gia định hình các chuẩn mực an ninh khu vực. Đối thoại Shangri-La vì vậy được nhìn nhận như một kênh quan trọng để Việt Nam theo dõi, đánh giá và phản hồi các xu thế chiến lược đang định hình trật tự khu vực.

Thứ ba, sự phát triển quan niệm về “đối tác” và “đối tượng” phản ánh tư duy biện chứng trong hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại. Từ chỗ nhìn đối tác dưới góc độ một thực thể, phân chia đối tác một cách đơn giản “trắng” hoặc “đen”, quan niệm về “đối tượng”, “đối tác” đã được làm rõ tại Nghị quyết ngày 12/7/2003, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX “Về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”. Tiếp đó, Nghị quyết số 44-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “Về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới” xác định: Những ai tôn trọng lợi ích quốc gia - dân tộc, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng cơ lợi, cùng phát triển với Việt Nam đều là đối tác; bất kỳ thế lực nào có âm mưu, hành động chống phá sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc của ta đều là đối tượng [Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, 2023]. Việc xác định một quốc gia có thể vừa là đối tác hợp tác, vừa là đối tượng đấu tranh tùy theo vấn đề cụ thể tạo cơ sở lý luận cho việc Việt Nam tham gia các diễn đàn an ninh đa phương cùng với các nước lớn, kể cả những nước tồn tại khác biệt hoặc mâu thuẫn lợi ích. Cách tiếp cận này cho phép Việt Nam tham gia Đối thoại Shangri-La không phải với tư cách bên liên kết hay đối đầu, mà là một chủ thể độc lập, tìm kiếm đối thoại, xây dựng lòng tin và quản lý bất đồng.

Thứ tư, mục tiêu đối ngoại vì lợi ích quốc gia - dân tộc được xác lập rõ ràng từ Đại hội XI của Đảng tạo cơ sở chính trị - pháp lý cho việc Việt Nam mở rộng tham gia các thiết chế đa phương về quốc phòng - an ninh. Văn kiện Đại hội XI của Đảng nhấn mạnh: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế” [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, tr. 83-84]. Qua đó Trong logic này, tham gia Đối thoại Shangri-La không chỉ nhằm nâng cao vị thế quốc tế, mà còn phục vụ trực tiếp các lợi ích an ninh cốt lõi của Việt Nam, đặc biệt là duy trì môi trường hòa bình, ổn định ở khu vực và bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

Thứ năm, nguyên tắc đối ngoại độc lập, tự chủ gắn với “bốn không” trong quốc phòng định hình rõ giới hạn và phương thức tham gia của Việt Nam tại các diễn đàn an ninh khu vực. Sách trắng Quốc phòng Việt Nam 2019 khẳng định: “Việt Nam chủ trương không tham gia liên minh quân sự; không liên kết với nước này để chống nước kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác; không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế” [Bộ Quốc phòng, 2019, tr. 25]. Đối thoại Shangri-La được Việt Nam sử dụng như một không gian đối thoại chiến lược và đối ngoại quốc phòng, thay vì một cơ chế liên minh hay ràng buộc an ninh. Điều này cho phép Việt Nam vừa tăng cường minh bạch chính sách, vừa tránh bị cuốn vào cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn.

Thứ sáu, định hướng ưu tiên đối ngoại và đối ngoại đa phương cho thấy sự gắn kết chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn. Bắt đầu từ Đại hội VI của Đảng, các nội hàm quan trọng nhất của đối ngoại như độc lập, tự chủ; đa dạng hóa, đa phương hóa; hội nhập quốc tế, dần được làm rõ và phát triển. Riêng về hội nhập quốc tế, Đảng Cộng sản Việt Nam lựa chọn cách tiếp cận từng bước, từ hội nhập kinh tế (Đại hội VIII) [Đảng Cộng sản Việt Nam, 1996, tr. 90-91], đến hội nhập toàn diện

“đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ” (Đại hội XI) [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, tr. 83]. Triển khai Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 10/4/2013 “Về hội nhập quốc tế”, trong đó xác định rõ khái niệm, quan điểm chỉ đạo và các định hướng lớn cho hội nhập quốc tế trên tất cả các lĩnh vực, nhất là chính trị, quốc phòng, văn hóa, xã hội và các lĩnh vực khác. Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị “Về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới” được xem là quyết sách đột phá, đánh dấu bước ngoặt lịch sử trong tiến trình hội nhập quốc tế của đất nước, xác định hội nhập là động lực chiến lược để Việt Nam vững bước vào kỷ nguyên mới [Nguyễn Minh Vũ, 2026]. Đặc biệt, trong Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XIV của Đảng đã bổ sung một số điểm mới quan trọng, trong đó xác định đối ngoại, hội nhập quốc tế cùng với quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ “trọng yếu, thường xuyên”. Việc Đảng Cộng sản Việt Nam lần đầu tiên xác định đối ngoại, hội nhập quốc tế đặt ngang hàng với quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên đã mở ra một khung chiến lược toàn diện hơn cho công tác bảo vệ Tổ quốc, đánh dấu sự đổi mới về tầm nhìn chiến lược của Đảng trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và cạnh tranh địa chính trị, kinh tế toàn cầu ngày càng gay gắt. Từ sự phát triển về lý luận, việc Đảng Cộng sản Việt Nam xác định ASEAN là trụ cột, đồng thời coi trọng quan hệ với các nước lớn và các cơ chế đa phương về an ninh - quốc phòng, đã tạo nền tảng để Việt Nam tham gia ngày càng chủ động và ở cấp cao hơn tại Đối thoại Shangri-La. Từ chỗ “tham dự để quan sát”, Việt Nam từng bước chuyển sang “tham gia để phát biểu, định hình và đóng góp”, phản ánh sự gia tăng năng lực và tự tin chiến lược.

Tóm lại, nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh và sự phát triển lý luận đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới đã cung cấp cơ sở chính trị - lý luận nhất quán cho việc Việt Nam tham gia Đối thoại Shangri-La. Sự tham gia này không mang tính tình thế, mà là kết quả của một quá trình điều chỉnh tư duy đối ngoại có hệ thống, phù hợp với yêu cầu bảo vệ lợi ích quốc gia trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược và tái cấu trúc trật tự an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

2.3.2. Nguyên tắc đối ngoại của Việt Nam trong tham gia Đối thoại Shangri-La

Trong phân tích chính trị học quốc tế, nguyên tắc đối ngoại không chỉ là tập hợp các tuyên bố mang tính chuẩn tắc, mà còn đóng vai trò như một khuôn khổ định hướng, góp phần chuyển hóa các định hướng lý luận thành hành vi đối ngoại cụ thể của quốc gia trong các thiết chế khu vực và toàn cầu. Đối với Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam hình thành một hệ nguyên tắc chỉ đạo ổn định, vừa mang tính kế thừa lịch sử, vừa thể hiện khả năng thích ứng linh hoạt với những biến động của môi trường an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Hệ nguyên tắc này là một trong những cơ sở quan trọng định hình cách thức Việt Nam tham gia Đối thoại Shangri-La.

Trong khuôn khổ luận án này, các nguyên tắc đối ngoại của Việt Nam được hệ thống hóa thành năm nhóm, qua đó góp phần làm rõ logic chính trị học trong hành vi tham gia Đối thoại Shangri-La.

Thứ nhất, nguyên tắc độc lập, tự chủ gắn với lợi ích quốc gia - dân tộc là tối thượng giữ vai trò hạt nhân trong định hướng phát ngôn và hành vi của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, diễn đàn này thường được các cường quốc sử dụng như không gian thể hiện sức mạnh, định vị chiến lược và gây ảnh hưởng. Việc Việt Nam kiên định lập trường độc lập, không tham gia liên minh quân sự, đồng thời nhấn mạnh lợi ích an ninh chính đáng của mình, phản ánh rõ sự vận dụng linh hoạt nguyên tắc “dĩ bất biến, ứng vạn biến” trong môi trường an ninh đa phương phức tạp. Cách tiếp cận này góp phần giúp Việt Nam tránh bị cuốn vào thế đối đầu trực tiếp, đồng thời duy trì mức độ tự chủ trong cấu trúc an ninh khu vực đang tái định hình.

Thứ hai, nguyên tắc hòa bình, giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình và không can thiệp, góp phần định hình cách đối ngoại quốc phòng của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La. Các bài phát biểu của lãnh đạo quốc phòng Việt Nam qua các kỳ Đối thoại đều nhất quán nhấn mạnh đối thoại, kiểm chế, minh bạch và tôn trọng luật pháp quốc tế. Trong logic chính trị học, cách tiếp cận này có thể được

xem là biểu hiện của chiến lược “ngoại giao phòng ngừa”, nhằm giảm thiểu nguy cơ xung đột, quản lý cạnh tranh và duy trì môi trường an ninh ổn định, đặc biệt trong các vấn đề nhạy cảm như Biển Đông.

Thứ ba, nguyên tắc đa phương hóa, đa dạng hóa và chủ động hội nhập quốc tế là nền tảng để Việt Nam tham gia Đối thoại Shangri-La như một kênh đối thoại chiến lược quan trọng, hỗ trợ cho các cơ chế do ASEAN dẫn dắt. Việc tham gia đều đặn, ở cấp ngày càng cao không chỉ giúp Việt Nam tiếp nhận thông tin và quan điểm từ các đối tác, mà còn tạo điều kiện để chủ động đưa ra lập trường, đóng góp vào các cuộc thảo luận về cấu trúc an ninh khu vực. Dưới góc độ chính trị học, đây là cách Việt Nam mở rộng “không gian chiến lược”, gia tăng đan xen lợi ích và từng bước nâng cao ảnh hưởng trong quá trình định hình diễn ngôn chính sách quốc phòng - an ninh khu vực.

Thứ tư, nguyên tắc kết hợp chặt chẽ giữa đối ngoại với quốc phòng - an ninh được thể hiện rõ nét thông qua việc Việt Nam sử dụng Đối thoại Shangri-La như một kênh của đối ngoại quốc phòng đa phương. Tham gia diễn đàn không nhằm tìm kiếm bảo trợ an ninh hay ràng buộc quân sự, mà hướng tới tăng cường minh bạch chính sách, xây dựng lòng tin và truyền tải thông điệp chiến lược về đường lối quốc phòng mang tính tự vệ, nhất quán với chính sách “bốn không”. Cách tiếp cận này giúp Việt Nam vừa bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, vừa đóng góp vào ổn định khu vực.

Thứ năm, nguyên tắc xây dựng lòng tin chiến lược và kiên trì đối thoại thể hiện sự giao thoa giữa tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh và thực tiễn ngoại giao đa phương hiện đại. Đối thoại Shangri-La được Việt Nam tận dụng không chỉ qua các phiên thảo luận chính thức, mà còn thông qua các hoạt động tiếp xúc song phương và đa phương bên lề. Trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn, cách tiếp cận này giúp định vị Việt Nam như một đối tác có trách nhiệm, ủng hộ thúc đẩy đối thoại và hợp tác thay vì đối đầu.

Từ các phân tích trên có thể khẳng định rằng, việc Việt Nam tham gia Đối thoại Shangri-La không phải là hoạt động mang tính hình thức hay thời điểm, mà là

kết quả trực tiếp của quá trình thể chế hóa các nguyên tắc đối ngoại thành hành vi chiến lược cụ thể. Các nguyên tắc do Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi xướng và được Đảng Cộng sản Việt Nam phát triển trong thời kỳ Đổi mới đã được chuyển hóa thành phong cách tham gia thận trọng, nhất quán và có trách nhiệm của Việt Nam tại một trong những diễn đàn an ninh quan trọng của khu vực. Qua đó, Việt Nam không chỉ bảo vệ được lợi ích an ninh của mình, mà còn từng bước khẳng định vai trò là một chủ thể tích cực, góp phần định hình trật tự an ninh khu vực dựa trên luật lệ, đối thoại và hợp tác.

Để vận dụng các cơ sở lý luận đã trình bày vào việc phân tích thực tiễn quá trình hình thành, phát triển của Đối thoại Shangri-La và sự tham gia của Việt Nam, luận án xây dựng một khung phân tích tổng hợp. Khung này được thiết kế nhằm: (i) Hệ thống hóa các thành tố lý luận và thực tiễn liên quan đến Đối thoại Shangri-La; (ii) Nhận diện các yếu tố tác động và đặc trưng của cơ chế này trong bối cảnh khu vực và quốc tế; (iii) Xác định cách tiếp cận và tiêu chí phân tích thống nhất, giúp so sánh, đối chiếu và rút ra xu hướng qua các giai đoạn. Việc áp dụng khung phân tích không chỉ bảo đảm tính nhất quán và khoa học trong nghiên cứu, mà còn tạo nền tảng để luận án đánh giá một cách toàn diện vai trò, hiệu quả và định hướng tham gia của Việt Nam tại các kỳ Đối thoại Shangri-La. Nội dung cụ thể của khung phân tích được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2.1. Khung phân tích Đối thoại Shangri-La và sự tham gia của Việt Nam

Thành tố	Nội dung cụ thể	Mục đích phân tích
Cơ sở lý luận	<ul style="list-style-type: none"> - Các học thuyết quan hệ quốc tế: Chủ nghĩa hiện thực, Chủ nghĩa tự do, Chủ nghĩa kiến tạo. - Các tiếp cận hỗ trợ: Chủ nghĩa đa phương; Ngoại giao Kênh 1.5; Lý thuyết quốc gia nhỏ và chiến lược ứng xử trong cơ chế đa phương. - Cơ sở tư tưởng - chính sách Việt Nam: Tư tưởng Hồ 	<ul style="list-style-type: none"> Xác định nền tảng lý thuyết để lý giải sự hình thành, phát triển và vai trò của Đối thoại

	Chí Minh và đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam.	Shangri-La và sự tham gia chủ động, tích cực của Việt Nam
Yếu tố cấu thành Đối thoại Shangri-La	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ thể: Quốc gia, tổ chức quốc tế, IISS - Nội dung: Chủ đề chính thức, thông điệp bên lề - Hình thức: Phiên toàn thể, tiếp xúc song phương/đa phương - Bối cảnh: Khu vực - thế giới tại thời điểm hội nghị 	Nhận diện cấu trúc và đặc điểm hoạt động của Đối thoại Shangri-La
Biến số ảnh hưởng	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường quốc tế: Cạnh tranh Mỹ - Trung, trật tự Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương - Lợi ích quốc gia: An ninh, kinh tế, chính trị - ngoại giao - Vai trò các bên: ASEAN, cường quốc ngoài khu vực, quốc gia tầm trung 	Phân tích tác động của các yếu tố bên ngoài và bên trong
Khung tư tưởng chính sách Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao và quốc phòng - Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa - Chính sách quốc phòng “bốn không” và “bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa” 	Xác định tiêu chí đánh giá sự phù hợp của hành động, thông điệp của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La
Tiêu chí đo lường hiệu quả tham gia	<ul style="list-style-type: none"> - Mức độ hiện diện (cấp lãnh đạo, thành phần đoàn) - Nội dung và thông điệp phát biểu - Số lượng và chất lượng tiếp xúc song phương/đa phương bên lề - Tác động truyền thông và uy tín quốc tế - Khả năng thúc đẩy hợp tác thực chất 	Tạo cơ sở định lượng - định tính để so sánh qua các giai đoạn
Cách tiếp	- Phân tích nội dung (Content Analysis)	Đánh giá toàn

cận phân tích	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích hành vi (Behavioral Analysis) - Phân tích tác động (Impact Analysis) 	diện từ thông điệp, hành vi đến kết quả
Mục tiêu vận dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng vào phân tích từng kỳ Đối thoại Shangri-La ở Chương 3 - So sánh sự thay đổi theo thời gian - Rút ra xu hướng, mô hình tương tác, chiến lược của các bên - Chuẩn hóa tiêu chí để đánh giá hiệu quả tham gia của Việt Nam ở Chương 4 	Đảm bảo mạch nghiên cứu liên tục và nhất quán

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Tiểu kết Chương 2

Chương 2 đã xây dựng hệ thống cơ sở lý luận nhằm lý giải sự hình thành, phát triển và vai trò của Đối thoại Shangri-La, cũng như cách thức tham gia của Việt Nam tại diễn đàn này. Trên cơ sở tiếp cận liên ngành trong nghiên cứu quan hệ quốc tế, chương này đã làm rõ ba nhóm cơ sở lý luận chính.

Thứ nhất, từ góc độ lý luận quan hệ chính trị quốc tế, các trường phái chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa kiến tạo đã cung cấp nền tảng phân tích đa chiều cho việc lý giải cơ chế vận hành và mục tiêu của các cơ chế đối thoại an ninh. Trong đó, chủ nghĩa hiện thực nhấn mạnh động lực quyền lực và cân bằng lực lượng; chủ nghĩa tự do đề cao vai trò thể chế, luật lệ và lòng tin; chủ nghĩa kiến tạo làm rõ cách thức các chuẩn mực và diễn ngôn định hình hành vi quốc gia. Những lý thuyết này hỗ trợ giải thích vì sao các cơ chế như Đối thoại Shangri-La ra đời, phát triển và duy trì vai trò trong cấu trúc an ninh khu vực.

Thứ hai, chương đã bổ sung các khái niệm trung gian và phương thức tiếp cận hiện đại như của nghĩa đa phương, ngoại giao Kênh 1.5, lý thuyết quốc gia nhỏ - các khái niệm đặc biệt quan trọng để hiểu rõ đặc trưng của Đối thoại Shangri-La. Là diễn đàn bán chính thức, phi ràng buộc, có sự tham gia của cả quan chức cấp cao và học giả, Đối thoại Shangri-La phản ánh rõ đặc điểm của ngoại giao kênh 1.5 trong khuôn khổ đa phương hóa an ninh khu vực.

Thứ ba, chương đã bổ sung khung lý luận để phân tích vai trò và hành vi của quốc gia nhỏ trong các thể chế đa phương. Trên cơ sở lý thuyết quốc gia nhỏ kết hợp với các chiến lược đối ngoại như hedging, soft balancing, ngoại giao phòng ngừa, luận án xác định cách Việt Nam chủ động thích ứng trong môi trường cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung, tận dụng các cơ chế như Đối thoại Shangri-La để tăng cường tiếng nói, bảo vệ lợi ích mà không rơi vào đối đầu. Đây là đóng góp lý luận cần thiết và còn thiếu trong các nghiên cứu hiện nay về hành xử của các nước vừa và nhỏ tại các diễn đàn khu vực.

Thứ tư, chương đã phân tích nền tảng lý luận nội sinh từ Việt Nam - gồm tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao và hệ thống lý luận đối ngoại của Đảng Cộng sản

Việt Nam qua các kỳ Đại hội. Từ đó lý giải rõ hơn vì sao Việt Nam chuyển từ tư duy “tham gia để quan sát” sang “tham gia để định hình” tại các diễn đàn đa phương, trong đó có Đối thoại Shangri-La.

Tổng thể, chương 2 không chỉ thiết lập khung lý luận để phân tích sự hình thành và vận hành của Đối thoại Shangri-La, mà còn đưa ra các công cụ phân tích cụ thể nhằm lý giải hành vi, động lực và lợi ích của Việt Nam khi tham gia diễn đàn này - từ đó làm nền tảng cho phân tích thực tiễn trong các chương tiếp theo.

Chương 3

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ĐỐI THOẠI SHANGRI-LA

Trên cơ sở khung lý luận đã xây dựng ở Chương 2, Chương 3 tiếp cận quá trình hình thành và phát triển của Đối thoại Shangri-La không chỉ như một chuỗi sự kiện lịch sử, mà như một quá trình vận động của một cơ chế an ninh đa phương Kênh 1.5, chịu tác động đan xen của: (i) cạnh tranh quyền lực (chủ nghĩa hiện thực), (ii) nhu cầu hợp tác và thể chế hóa (chủ nghĩa tự do - đa phương), (iii) quá trình kiến tạo diễn ngôn và chuẩn mực an ninh khu vực (chủ nghĩa kiến tạo).

3.1. Bối cảnh, mục đích ra đời của Đối thoại Shangri-La

3.1.1. Bối cảnh ra đời của Đối thoại Shangri-La

Thế giới hiện đại được hiểu một cách phổ biến là thế giới sau Chiến tranh Lạnh, thế giới toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Trên bình diện chính trị tổng quát, theo trình tự thời gian, thế giới hình thành 02 cực diện: Cực diện từ năm 1991 đến 2000 và cực diện từ năm 2001 [Nguyễn Việt Thảo, 2023]. Từ năm 1991 - 2001, sau khi Liên Xô tan rã, hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ, thế giới trải qua những thay đổi có tính cấu trúc, chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào, phong trào cộng sản quốc tế bị tổn thất nặng nề, chủ nghĩa tư bản mạnh hơn. Cán cân tương quan lực lượng trên thế giới nghiêng về phía có lợi cho chủ nghĩa tư bản, các xu thế tập hợp lực lượng mới tiếp tục xuất hiện đưa thế giới vận động quá độ sang một trật tự thế giới mới. Tới năm 2001, dù một cực trước đây là Liên Xô đã tan rã, cực còn lại Mỹ dường như không có đối thủ, nhưng Mỹ vẫn chưa xác lập được vị thế siêu cường độc tôn để thiết lập trật tự thế giới đơn cực, các đặc điểm của thế giới đa cực, đa trung tâm xuất hiện [Nguyễn Việt Thảo, 2023]. Mỹ có ý định thực hiện chủ nghĩa đơn phương trên phạm vi toàn cầu. Trong giai đoạn này, các quốc gia ưu tiên cho đối thoại, hợp tác nhằm chấn hưng nền kinh tế. Khuynh hướng coi trọng các hoạt động đa phương đã tạo ra cực diện “đa trung tâm, nhiều tầng nấc”, với cơ cấu “nhất siêu (Mỹ), đa cường (các cường quốc còn lại)” [Đỗ Sơn Hải, 2010].

Cuộc tấn công khủng bố vào Mỹ ngày 11/9/2001 đã đánh dấu một giai đoạn mới trong quan hệ quốc tế, làm thay đổi nước Mỹ và cả thế giới. Sau vụ việc này, chính quyền Tổng thống Mỹ George W. Bush phát động cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu và bắt đầu cuộc chiến tại Afghanistan từ cuối năm 2001. Có thể nói sự kiện ngày 11/9 đã kích hoạt tham vọng bá quyền của Mỹ, thúc đẩy Mỹ từ bỏ thái độ kiềm chế ở giai đoạn trước đó để nỗ lực kiến tạo một liên minh nhằm khẳng định vai trò lãnh đạo thế giới. Đáng chú ý, dù Mỹ có những hành động đơn phương hiếu chiến, ngạo mạn, bỏ qua các chuẩn mực pháp lý, nhưng thái độ của hầu hết các nước, gồm các nước lớn, là e dè, ngại xung đột với Mỹ. Trong khi đó, các thể chế quốc tế suy giảm vai trò, bởi hầu hết các thể chế như Liên hợp quốc, NATO, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB), WTO hình thành từ giai đoạn Chiến tranh Lạnh đều chịu ảnh hưởng của Mỹ [Đỗ Sơn Hải, 2010].

Tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, giai đoạn từ sau Chiến tranh Lạnh đến năm 2002, Mỹ giữ vị trí lãnh đạo và siêu cường số một. Cùng với đó, Trung Quốc bắt đầu phát triển mạnh mẽ, ASEAN có vai trò ngày càng tăng. Năm 1999, ASEAN thực hiện thành công ý tưởng xây dựng một ASEAN gồm đủ 10 thành viên là các quốc gia Đông Nam Á. Bước sang thế kỷ XXI - được coi là “Thế kỷ châu Á - Thái Bình Dương” - động lực tăng trưởng của thế giới có sự dịch chuyển từ châu Âu sang châu Á. Châu Á - Thái Bình Dương trở thành một trong những động lực chủ yếu cho sự phát triển của thế giới, thu hút sự quan tâm và điều chỉnh chiến lược của các nước lớn. Tuy nhiên, khu vực cũng chứng kiến những vấn đề an ninh mới nổi trong khi các vấn đề an ninh truyền thống vẫn tồn tại và chưa được giải quyết triệt để, đòi hỏi các nước phải cùng hợp tác để tìm ra giải pháp đối phó nhằm giữ vững ổn định, hòa bình để duy trì động lực phát triển của khu vực.

3.1.2. Mục đích ra đời của Đối thoại Shangri-La

Đối thoại Shangri-La (tên chính thức ban đầu là Hội nghị Thượng đỉnh An ninh châu Á) là một diễn đàn đối thoại an ninh liên chính phủ tổ chức hằng bởi một tổ chức tư vấn độc lập - IISS, được đặt theo tên của khách sạn Shangri-La ở Singapore, nơi tổ chức Hội nghị đầu tiên năm 2002. Diễn đàn có sự tham dự của các

Bộ trưởng Quốc phòng, các Bộ trưởng thường trực và các tướng lĩnh quân đội của các quốc gia ở châu Á - Thái Bình Dương và khu vực khác. Theo IISS, đây là diễn đàn để nuôi dưỡng ý thức cộng đồng trong các hoạch định chính sách quan trọng nhất về quốc phòng và an ninh ở khu vực châu Á. Các đoàn đại biểu Chính phủ đã tận dụng cơ hội dự hội nghị để tổ chức những cuộc họp song phương bên lề hội nghị. Dù chủ yếu là một hội nghị liên chính phủ, cơ chế này cũng có sự tham dự của các nhà lập pháp, các chuyên gia khoa học, nhà báo và các đại biểu doanh nghiệp. Đến nay, trải qua hơn 20 kỳ hội nghị, Đối thoại Shangri-La đã dần khẳng định được vị trí, vai trò là một cơ chế đối thoại an ninh quan trọng, nơi gặp gỡ của các quan chức cấp cao không chỉ trên kênh quốc phòng mà cả an ninh và các bộ ngành liên quan khác để thảo luận về các vấn đề an ninh khu vực, theo tính chất và mức độ quan tâm của từng năm khác nhau. Sự ra đời của cơ chế này đã tạo ra một sự thay đổi cho cấu trúc đối thoại an ninh ở khu vực, đáp ứng nhu cầu tăng cường hợp tác của các nước để giải quyết các thách thức an ninh, nhưng cũng tạo điều kiện để các nước lớn gia tăng công cụ can dự.

Thứ nhất, lý do ban đầu cho sự ra đời của Đối thoại Shangri-La đó là, IISS nhận thấy cơ hội lấp vào khoảng trống quyền lực quan trọng tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Trước khi diễn ra kỳ Đối thoại Shangri-La đầu tiên, châu Á thiếu một khuôn khổ an ninh khu vực như châu Âu. Đầu năm 1996, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ William Perry và Bộ trưởng Quốc phòng Thái Lan Chavalit Yongchaiyudh cùng đưa ra những sáng kiến riêng biệt đề xuất tổ chức một cuộc họp thường niên tập trung các đồng nhiệm tại châu Á nhưng không được hưởng ứng. Diễn đàn an ninh liên chính phủ châu Á duy nhất lúc đó chỉ là ARF bị đánh giá là chưa đủ độ lớn mạnh để đảm đương vai trò một cơ chế an ninh khu vực, do ARF hoạt động theo nguyên tắc của ASEAN, mới chỉ tập trung vào việc xây dựng lòng tin, quyết định vấn đề theo đồng thuận chung. Từ kinh nghiệm tham gia Hội nghị An ninh Munich, IISS hiểu rõ lợi ích và tầm quan trọng của việc thiết lập và chủ trì một diễn đàn an ninh tầm cỡ khu vực với sự tham dự của lãnh đạo cấp cao của các nước, trong đó có

những cường quốc hàng đầu thế giới. Với sự tham dự của 200-300 quan chức, nhà hoạch định chính sách, những nhân vật với các quan điểm tiêu biểu và chuyên gia quân sự từ hơn 30 quốc gia, Hội nghị An ninh Munich đã trở thành một diễn đàn an ninh hàng đầu thường niên của NATO và là hình mẫu ban đầu để IISS xây dựng và tổ chức Đối thoại Shangri-La [David Capie & Brendan Taylor, 2010].

Theo Graeme Dobell thuộc Viện Nghiên cứu Chính sách chiến lược Australia (ASPI), người đã tham dự Đối thoại Shangri-La từ những kỳ đầu tiên, cơ chế này là sáng kiến của Tổng Giám đốc và Giám đốc điều hành IISS, Tiến sĩ John Chipman [Graeme Dobell, 2023]. Từ cuối những năm 1990, Tiến sĩ John Chipman đã thảo luận với cựu Thủ tướng, Bộ trưởng Cấp cao của Singapore Lý Quang Diệu về ý tưởng tổ chức một hội nghị giữa Bộ trưởng Quốc phòng các nước châu Á - Thái Bình Dương tại Singapore và nhận được sự ủng hộ của ông. Tại Hội nghị An ninh Munich lần thứ 36 diễn ra tháng 02/2000, nhận thấy “các quan chức châu Á nhận được quá ít sự chú ý và chỉ đến đó cho có lệ” và nhận ra rằng “châu Á cần có một diễn đàn quốc phòng riêng mà tại đó các bộ trưởng quốc phòng có thể gặp gỡ và phát biểu”, Tiến sĩ John Chipman đã lần đầu tiên chính thức đưa ra ý tưởng tổ chức Đối thoại Shangri-La. Việc tổ chức Đối thoại Shangri-La nhằm đáp ứng nhu cầu thiết thực về một diễn đàn khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nơi các bộ trưởng quốc phòng khu vực có thể tham gia vào các cuộc đối thoại nhằm xây dựng niềm tin và bồi dưỡng hợp tác an ninh trong thực tế [David Capie & Brendan Taylor, 2010].

Thứ hai, Đối thoại Shangri-La ra đời đáp ứng nhu cầu cạnh tranh ảnh hưởng tại châu Á của các cường quốc. Từ cuối thập niên 1990, Mỹ và một số quốc gia phương Tây đã chú ý đến Trung Quốc và cho rằng, sự trỗi dậy của quốc gia này cuối cùng sẽ dẫn đến cuộc cạnh tranh chiến lược với Mỹ. Ngay khi lên cầm quyền tháng 01/2001, Tổng thống George W. Bush đã đánh giá Trung Quốc đã thực sự là một “đối thủ chiến lược” của Mỹ; nhiều nhân vật cấp cao trong Chính quyền của ông có sự nghi ngờ sâu sắc với chế độ của Trung Quốc, cho rằng Trung Quốc muốn đẩy Mỹ ra khỏi khu vực châu Á - Thái Bình Dương [Condoleezza Rice, 2000]. Sau

khi giảm đầu tư vào Cuộc chiến Chống khủng bố Toàn cầu (GWTO) từ cuối thập kỷ đầu tiên của thế kỷ 21, Mỹ bắt đầu quan ngại về sự trỗi dậy của Trung Quốc. Như Kenneth Waltz phân tích, trong một thế giới hỗn loạn (không có một cơ chế quốc tế bao trùm quản lý mối quan hệ giữa các quốc gia), vai trò của nước này với nước khác phụ thuộc vào việc các nước đó có coi nhau là đối thủ với những ý định và năng lực có thể đe dọa lẫn nhau hay không [Kenneth N Waltz, 1979]. Trong trường hợp này, mối quan ngại của Mỹ đối với sự trỗi dậy của Trung Quốc là một nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự ủng hộ to lớn ngay từ đầu của Mỹ dành cho việc thành lập Đối thoại Shangri-La tại châu Á. Trong khi đó, với sức mạnh ngày càng lớn, Trung Quốc cũng có nhu cầu mở rộng ảnh hưởng, cạnh tranh trực tiếp với Mỹ thông qua các diễn đàn lớn của khu vực như Đối thoại Shangri-La.

Thứ ba, Đối thoại Shangri-La cung cấp cơ hội đối thoại cho các quốc gia châu Á, trong đó có cả các nước nhỏ nhằm quản lý rủi ro, tìm kiếm cơ hội hợp tác để xử lý các thách thức an ninh trong khu vực. Dưới quan điểm của chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa kiến tạo, các cơ chế Đối thoại đa phương cấp cao như Đối thoại Shangri-La là diễn đàn rất thuận lợi để các nước chia sẻ quan điểm, minh bạch hóa chính sách và tìm kiếm cơ hội hợp tác nhằm tăng cường an ninh quốc gia và khu vực. Dưới quan điểm của chủ nghĩa hiện thực, mọi quốc gia đều có thể có thể tận dụng Đối thoại Shangri-La để nâng cao tiếng nói, ảnh hưởng về chính trị, qua đó gia tăng quyền lực và bảo đảm an ninh quốc gia.

3.2. Các giai đoạn phát triển của Đối thoại Shangri-La

3.2.1. Giai đoạn hình thành và tạo tiếng vang (2002 - 2010)

3.2.1.1. Bối cảnh chung

Vụ tấn công khủng bố ngày 11/9/2001 tại Mỹ và khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 đã gây chấn động thế giới, dẫn tới những thách thức nghiêm trọng về an ninh và kinh tế. Ngay sau sự kiện khủng bố 11/9, Mỹ và liên quân đã mở cuộc tấn công tiêu diệt các phần tử Taliban tại Afghanistan. Cuộc chiến tranh với lý do nhằm tiêu diệt các nhóm khủng bố, đảm bảo an ninh cho nước Mỹ và thế giới đã gây ra sự chết chóc đau thương cho hàng ngàn người dân vô tội, kinh tế suy giảm và

mở đầu cho một thời kỳ bất ổn mới tại đây; những cuộc bạo động chính trị và làn sóng phản đối giới cầm quyền liên tục diễn ra tại Trung Đông và Nam Á. Đồng thời cuộc chiến tranh này cũng làm hao tổn sức người, sức của của Quân đội Mỹ. Làn sóng phản đối chính quyền diễn ra ngay trong lòng nước Mỹ. Thế nhưng không lâu sau đó, ngày 20/3/2003 lấy cớ tìm kiếm vũ khí hủy diệt hàng loạt, liên quân do Mỹ đứng đầu với sự áp đảo về lực lượng và vũ khí công nghệ cao, đã tiến thẳng vào thủ đô Baghdad, lật đổ chế độ của Tổng thống Iraq Saddam Hussein. Sai lầm lần này dường như lớn hơn rất nhiều bởi hậu quả mà nó để lại thực sự trở thành gánh nặng đè lên vai nước Mỹ. Sự sa lầy trong hai cuộc chiến đó đã làm tiêu hao đáng kể các nguồn lực, làm suy yếu sức mạnh của nước Mỹ. Kể từ thời điểm xảy ra cuộc tấn công khủng bố ngày 11/9/2001 cho đến hết tháng 9/2014, Quốc hội Mỹ đã phân bổ 815 tỷ USD vào cuộc chiến ở Iraq; 686 tỷ USD cho hoạt động quân sự tại Afghanistan và hàng loạt chiến dịch chống khủng bố; 81 tỷ USD chi phí khác trực tiếp gắn liền với hoạt động chiến sự; 27 tỷ USD tài trợ cho chương trình Không quân Mỹ tuần tiễu trên lãnh thổ Mỹ. Tổng chi cho mua sắm vũ khí, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị chiến tranh là khoảng 297 tỷ USD [Phương Đăng, 2014]. Vì vậy, quyền lực của nước Mỹ trong trật tự thế giới ngày càng bị chia sẻ và suy giảm.

Nếu như khi mới phát động cuộc chiến, Mỹ tỏ ra vượt trội hơn hẳn so với các quốc gia còn lại và phản ứng của các nước như Nga, Trung Quốc, Iran lúc bấy giờ theo hướng tăng cường đầu tư vào phát triển quân sự phòng thủ được hiểu là nhằm cố gắng cân bằng lại sức mạnh và kìm chế sự đơn phương của Mỹ, thì sự sa lầy của Mỹ tại cuộc chiến Afghanistan và Iraq thực sự là một cơ hội để họ vươn lên khẳng định vị thế. Khi nước Mỹ bị kìm hãm, sa sút về nguồn lực và trở nên bất lực trước những vấn đề nghiêm trọng trong nước và thế giới thì việc nước này phải bắt tay hợp tác nhiều hơn với các cường quốc khác là điều tất yếu. Trong khi Mỹ theo đuổi chiến dịch chống khủng bố toàn cầu, Trung Quốc đã tranh thủ thời cơ nổi lên như một lực lượng kinh tế lớn, cơ bản thúc đẩy sự nổi lên của Trung Quốc như một đại cường quốc. Sự tăng trưởng cao và liên tục đã đưa nước này vượt qua Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới (xét về GDP) năm 2010, sau Mỹ.

Trong giai đoạn này, châu Á - Thái Bình Dương đối mặt với nhiều thách thức an ninh đáng kể. Sự kiện 11/9 kích thích cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu, có sự tham gia tích cực của nhiều quốc gia châu Á. Căng thẳng trong mối quan hệ Mỹ - Trung Quốc, tranh chấp chủ quyền lãnh thổ và tài nguyên ở Biển Đông..., đặt ra những thách thức mới đối với an ninh khu vực. Tình hình an ninh ở bán đảo Triều Tiên cũng căng thẳng với chương trình phát triển tên lửa và hạt nhân của Triều Tiên. Mặc dù vậy, tình hình an ninh khu vực, nhất là ở Đông Nam Á cơ bản vẫn giữ được ổn định. Các nước ASEAN nỗ lực tăng cường hợp tác và hội nhập để biến khu vực này thành một vùng hòa bình, ổn định và phát triển. Tuy nhiên, những khó khăn hậu khủng hoảng kinh tế, thách thức từ chiến dịch ngoại giao và đối ngoại quốc phòng của Trung Quốc, tình hình căng thẳng ở Biển Đông, vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, đặc biệt nguy cơ an ninh phi truyền thống nổi lên như mạng lưới chân rết và các nhánh phần tử khủng bố từ Trung Đông bắt đầu tìm kiếm cứ địa mới tại địa bàn Đông Nam Á đặt ra những thách thức rất lớn cho an ninh khu vực. Trong giai đoạn này, khu vực châu Á - Thái Bình Dương chưa có một khuôn khổ hợp tác an ninh khu vực rõ nét, điều này gây ra những thách thức trong việc duy trì ổn định và hòa bình.

3.2.1.2. Những diễn biến và nội dung chính

Bắt đầu vào năm 2002, Đối thoại Shangri-La là một “hội nghị thượng đỉnh quốc phòng không chính thức”, cho phép các quan chức quốc phòng gặp nhau một cách riêng tư, song phương và đa phương, không bị ràng buộc phải có tuyên bố chính thức hoặc thông cáo. Ban đầu Đối thoại Shangri-La phỏng theo mô hình của Hội nghị An ninh Munich, nhưng cơ chế này đặt ra tham vọng lớn hơn - tạo ra một tổ chức mà các bộ trưởng quốc phòng cần đến và mang lại cho họ tất cả những điều họ cần tại một hội nghị liên chính phủ hay liên khu vực. Lời mời ban đầu chủ yếu tập trung vào các thành viên của ARF như là một tổ chức an ninh thực sự trong khu vực. Tuy nhiên, việc thu hút được sự tham gia của những nhân vật cấp cao của các cường quốc từ kỳ Đối thoại Shangri-La đầu tiên có vai trò vô cùng quan trọng đối với thành công của cơ chế đối thoại này. Tiến sĩ John Chipman, người đề xuất ý

tưởng tổ chức Đối thoại Shangri-La, hiểu rất rõ điều này. Trong quá trình chuẩn bị tổ chức Đối thoại Shangri-La đầu tiên, ông đã hết sức cố gắng và thành công thuyết phục một đoàn đại biểu Quốc hội Mỹ gồm 03 Nghị sĩ đảng Cộng hòa (Thượng nghị sĩ Chuck Hagel, Thượng nghị sĩ Fred Thompson và Nghị sĩ Jim Kolbe) và ba Nghị sĩ Đảng Dân chủ (Thượng nghị sĩ Jack Reed, Nghị sĩ Vic Snyder và Nghị sĩ Ellen Tauscher) tham dự kỳ Đối thoại Shangri-La lần thứ nhất diễn ra năm 2002 [Brendan Taylor, 2011, tr. 55]. Với những nhân vật cấp cao này đăng ký tham dự, việc thu hút các nhân vật khác từ khu vực trở nên dễ dàng hơn rất nhiều. Cuối cùng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ Paul Wolfowitz đã dẫn đầu đoàn Mỹ tham dự Đối thoại Shangri-La lần thứ nhất, tạo ra tiếng vang, thu hút sự quan tâm của dư luận khu vực và quốc tế, đồng thời tạo ra tiền lệ đoàn tham dự cấp cao cho các kỳ Đối thoại Shangri-La sau này [David Capie & Brendan Taylor, 2010, tr. 362]. Tại Hội nghị thượng đỉnh đầu tiên được tổ chức trong 06 phiên họp toàn thể kéo dài trong 1,5 ngày đã có sự tham dự của 14 Thứ trưởng và đại diện Bộ Quốc phòng các nước.

Singapore được chọn làm nước chủ nhà cho hội nghị đầu tiên và khách sạn Shangri-La là địa điểm. Khi ý tưởng tổ chức Đối thoại Shangri-La được đề xuất, một số nước còn lưỡng lự, hoài nghi. Trung Quốc bày tỏ hoài nghi, chủ yếu do IISS có “thiện cảm” với Đài Loan [David Capie & Brendan Taylor, 2010, tr. 363] và ảnh hưởng của phương Tây đối với IISS. Một số nước như Canada ban đầu không thực sự ủng hộ Đối thoại Shangri-La vì “Bộ Ngoại giao của nhiều nước đã giữ khư khư một cách đầy ghen tị đặc quyền của mình ở các hội nghị đa phương” [David Capie & Brendan Taylor, 2010, tr. 363]. Australia nằm ở rìa của khu vực, trong khi Nhật Bản ban đầu không mặn mà với triển vọng của Đối thoại Shangri-La. Do đó, Singapore đã nhanh chóng chớp thời cơ để trở thành chủ nhà của Đối thoại Shangri-La. Khi TS. John Chipman tiếp cận Tổng thống Singapore S. R. Nathan vào tháng 2/2001 để đề xuất các ý tưởng, Tổng thống S. R. Nathan của Singapore và nhiều chính trị gia cấp cao khác [David Capie & Brendan Taylor, 2010, tr. 363] đã ngay lập tức ủng hộ ý tưởng và sẵn sàng đăng cai tổ chức Đối thoại Shangri-La. Trong công tác tổ chức Đối thoại Shangri-La, Chính phủ Singapore cung cấp địa điểm,

bảo đảm an ninh và hỗ trợ một phần chi phí tổ chức. Tuy nhiên, sau đó Nhật Bản trở thành quốc gia ủng hộ mạnh mẽ cơ chế này, cùng với Australia và Singapore đều có động thái cho thấy sẵn sàng đăng cai Đối thoại Shangri-La [David Boey, 2003].

Từ năm 2002 đến 2010 là giai đoạn đầu trong quá trình phát triển của Đối thoại Shangri-La. Trong giai đoạn này, IISS cố gắng mời đại diện cấp cao của Bộ Quốc phòng nhiều quốc gia trong khu vực, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi hết sức để các nước cử đoàn đến tham dự Đối thoại. Từ năm 2002 đến 2005, các đại biểu đến tham dự và phát biểu không nhất thiết phải là Bộ trưởng Quốc phòng nhưng hầu hết đều là lãnh đạo cấp cao của Bộ Quốc phòng các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Từ năm 2006, với sự quan tâm của các quốc gia trong khu vực dành cho Đối thoại Shangri-La và số lượng đại biểu gia tăng, IISS đưa ra quy tắc mới là chỉ có Bộ trưởng Quốc phòng mới được phát biểu trong các phiên Toàn thể [IISS, 2006]. Điều này không chỉ giúp cho vị thế và uy tín của Đối thoại Shangri-La tiếp tục được nâng cao đáng kể mà còn thu hút và tạo ra nhiều cơ hội hơn cho Bộ trưởng Quốc phòng các nước gặp gỡ bên lề sự kiện này. Trong giai đoạn này, sự ủng hộ mạnh mẽ của Mỹ và một số nước đồng minh quan trọng như Nhật Bản, Australia (liên tục cử Bộ trưởng Quốc phòng tham dự) và nước chủ nhà Singapore (trong công tác tổ chức) là yếu tố quan trọng, tiên quyết tạo ra sức hút ngày càng lớn cho Đối thoại Shangri-La.

Đây cũng là giai đoạn “Cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu” (GWOT) của Mỹ diễn ra sau vụ khủng bố ngày 11/9/2001, đã ảnh hưởng đến môi trường an ninh ở nhiều khu vực trên thế giới, trong đó Đông Nam Á trở thành “trận tuyến thứ hai” của cuộc chiến [Tim Huxley, 2005, tr. 14] do một số tổ chức khủng bố lớn trên thế giới tăng cường hoạt động tại khu vực. Thời gian này, Trung Quốc là một đối tác của Mỹ, giúp hai nước có 08 năm tốt đẹp nhất trong quan hệ song phương kể từ những năm 1980 [David Shambaugh, 2020, tr. 58-59]. Quan hệ tốt đẹp giữa Trung Quốc với Mỹ và phương Tây dẫn đến việc Trung Quốc tham gia Đối thoại Shangri-La với cấp ngày càng cao. Năm 2007, lần đầu tiên một Phó Tổng Tham mưu trưởng Tổng bộ Tham mưu Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc (Trung tướng Chương

Tâm Sinh) - tương đương Thứ trưởng Bộ Quốc phòng - tham dự Đối thoại Shangri-La. Trong giai đoạn này, bên cạnh các chủ đề an ninh truyền thống như tranh chấp lãnh thổ giữa các quốc gia trong khu vực, Đối thoại Shangri-La cũng tập trung vào các vấn đề an ninh phi truyền thống, đặc biệt là chủ nghĩa khủng bố.

Như vậy, trong giai đoạn đầu, sự ủng hộ mạnh mẽ của Mỹ và một số nước đồng minh quan trọng như Nhật Bản, Australia và nước chủ nhà Singapore là yếu tố quan trọng, tiên quyết tạo ra sức hút ngày càng lớn cho Đối thoại Shangri-La. Quan hệ tốt đẹp giữa Trung Quốc với Mỹ và phương Tây dẫn đến việc Trung Quốc tham gia Đối thoại Shangri-La với cấp ngày càng cao.

Xét dưới góc độ lý thuyết quan hệ quốc tế, giai đoạn hình thành và vận hành ban đầu của Đối thoại Shangri-La (2002 - 2010) phản ánh rõ nét logic của chủ nghĩa tự do và tiếp cận thể chế trong an ninh khu vực. Trong bối cảnh hậu Chiến tranh Lạnh, các quốc gia châu Á - Thái Bình Dương có nhu cầu ngày càng lớn về một diễn đàn đối thoại nhằm xây dựng lòng tin, tăng cường minh bạch và giảm thiểu nguy cơ hiểu lầm chiến lược. Với tính chất là một cơ chế Kênh 1.5, Đối thoại Shangri-La kết hợp linh hoạt giữa chính thức và phi chính thức, cho phép các bên trao đổi quan điểm an ninh nhạy cảm ngoài khuôn khổ ràng buộc của ngoại giao truyền thống. Đặc điểm này cho thấy vai trò nổi trội của Kênh 1.5 như một công cụ hỗ trợ quan trọng cho các thể chế an ninh chính thức còn non trẻ trong khu vực giai đoạn này.

3.2.2. Giai đoạn chứng kiến xu thế đẩy mạnh tiến công ngoại giao và tập hợp lực lượng của Mỹ (2011 - 2018)

3.2.2.1. Bối cảnh chung

Trong giai đoạn này, thế giới trải qua nhiều sự kiện bất ổn nghiêm trọng. Cuộc nội chiến ở Syria, xung đột ở Ukraine và các cuộc “cách mạng màu” tại thế giới Arab đã gây ra những hệ quả lớn cho an ninh và ổn định khu vực. Từ cuối những năm 2000, chính sách của Mỹ đối với khu vực bắt đầu thay đổi khi GWOT đi vào giai đoạn cuối. Mỹ và đồng minh bắt đầu trở lại với mối quan ngại về sự trỗi dậy của Trung Quốc. Sau khi Mỹ tiêu diệt trùm khủng bố Osama bin Laden vào

ngày 02/5/2011, chiến dịch chống khủng bố toàn cầu của Mỹ kết thúc và việc chuyển giao lực lượng an ninh từ lực lượng hỗ trợ quốc tế sang chính quyền địa phương ở Afghanistan đánh dấu sự giảm dần hiện diện của Mỹ tại đây. Điều này tạo điều kiện cho Mỹ chuyển nguồn lực sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nhằm đối phó và kiềm chế Trung Quốc. Tổng thống Mỹ Barack Obama đã công bố chiến lược “Xoay trục/tái cân bằng” sang châu Á - Thái Bình Dương vào tháng 10/2011, khiến các nhà lãnh đạo Trung Quốc quan ngại sâu sắc. Chiến lược này bao gồm sáu trụ cột chính: củng cố quan hệ với các đồng minh truyền thống như Nhật Bản, Hàn Quốc, Philippines, Thái Lan, Australia; tăng cường quan hệ với các cường quốc đang lên như Ấn Độ, Singapore, Indonesia; tích cực tham gia xây dựng cấu trúc khu vực như EAS, APEC, ARF; tăng sự hiện diện quân sự tại khu vực thông qua luân chuyển quân và tập trận; thúc đẩy hợp tác kinh tế với khu vực; tiếp tục truyền bá giá trị dân chủ, nhân quyền của Mỹ.

Chỉ hai năm sau, sau “Hội nghị Công tác Ngoại giao láng giềng” diễn ra ngày 24 - 25/10/2013 do đích thân Chủ tịch Tập Cận Bình chủ trì, Trung Quốc đã đưa ra một loạt sáng kiến khu vực trong các lĩnh vực ngoại giao, an ninh, văn hóa và đặc biệt là kinh tế nhằm đối phó với “Chiến lược Tái cân bằng” của Mỹ [David Shambaugh, 2020, tr. 17-19], chính thức mở đầu cho giai đoạn cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt giữa Mỹ và Trung Quốc cho đến ngày nay. Trung Quốc công bố Sáng kiến Vành đai - Con đường (OBOR, sau này là BRI) vào năm 2013. Sáng kiến này không chỉ là một chiến lược kinh tế mà còn có khả năng định hình lại vị trí địa chính trị toàn cầu. BRI được xây dựng từ hai thành phần chính: “Vành đai kinh tế, Con đường tơ lụa” nối liền Trung Quốc với Trung Á, Nga và châu Âu và “Con đường tơ lụa trên biển thế kỷ 21” kết nối Trung Quốc với Đông Nam Á, Nam Á, Ấn Độ Dương và các cảng biển tại Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Sáng kiến chiến lược này nhấn mạnh kết nối chính sách, cơ sở hạ tầng, thương mại, tiền tệ và giao lưu nhân dân, với mục tiêu xây dựng một mạng lưới kinh tế toàn cầu rộng lớn, kết nối các khu vực có vị trí địa chính trị quan trọng và tài nguyên phong phú. Đặc biệt, năm 2017, bài diễn văn khai mạc Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần

thứ 19 của Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình được thể hiện rõ thông điệp lớn nhất là công khai tuyên bố Trung Quốc sẽ trở thành cường quốc hàng đầu thế giới vào giữa thế kỷ XXI, theo đó từ bỏ chính sách “giấu mình chờ thời” [Hoàng Hà, 2017].

Việc Trung Quốc đã liên tục có biện pháp đáp trả chiến lược “Tái cân bằng” của Mỹ nhằm tranh giành và bảo vệ lợi ích chiến lược trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương dẫn đến quan hệ hai nước xấu đi nhanh chóng. Đối diện với sự trỗi dậy của Trung Quốc và BRI, Chính quyền Tổng thống Mỹ Donald Trump sau đó đã công bố Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở vào năm 2017. Chiến lược này là một phần của Chiến lược An ninh Quốc gia 2017 và Chiến lược Quốc phòng 2018 của Mỹ, nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia và duy trì ảnh hưởng của Mỹ tại khu vực. Mỹ lo ngại rằng sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc, đặc biệt là việc Trung Quốc quân sự hóa các tiền đồn ở Biển Đông, đe dọa dòng chảy thương mại tự do và làm suy giảm sự ổn định khu vực. Đồng thời, sự thiếu hụt cơ chế đa phương về an ninh tập thể tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đã khiến Mỹ phải tập hợp lực lượng và thắt chặt quan hệ với các đồng minh, đối tác trong khu vực.

Trong giai đoạn này cũng chứng kiến xung đột giữa Nga và Ukraine dẫn tới việc Crimea sáp nhập vào Nga năm 2014, trở thành chỉ dấu ban đầu cho những điều chỉnh chiến lược của Nga trong quan hệ với châu Âu, căng thẳng giữa Nga và phương Tây tăng cao kể từ sau Chiến tranh Lạnh.

Trong lĩnh vực kinh tế, khủng hoảng nợ châu Âu và sự tăng trưởng mạnh mẽ của Trung Quốc đã định hình lại bức tranh kinh tế toàn cầu. Sự phát triển trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo (AI) và mạng xã hội đã mang lại những thay đổi lớn trong công nghệ và xã hội. Biến đổi khí hậu trở thành mối quan tâm toàn cầu, với thỏa thuận Paris năm 2015 (Thỏa thuận tại Hội nghị về Biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc 2015) đặt ra mục tiêu giảm lượng khí thải nhà kính.

Tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, căng thẳng chính trị và an ninh gia tăng với các vấn đề nổi lên như tranh chấp Biển Đông, căng thẳng ở bán đảo Triều

Tiên và các thách thức an ninh phi truyền thống như an ninh mạng, cướp biển, khủng bố cực đoan, biến đổi khí hậu... hay các hành vi leo thang cường quyền nước lớn chèn ép nước nhỏ như việc Trung Quốc đơn phương thiết lập Vùng nhận dạng phòng không (ADIZ) ở biển Hoa Đông năm 2013 và hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương 981 trong vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) của Việt Nam ở Biển Đông năm 2014, đã dẫn đến sự phản đối từ các quốc gia và Mỹ. Đồng thời, Nga và Trung Quốc có dấu hiệu xích lại gần nhau trong khi Mỹ và Nhật Bản lên án hành động của Trung Quốc, đã tác động chi phối tới tình hình khu vực, cũng như chủ đề thảo luận của các diễn đàn đa phương khu vực.

3.2.2.2. Những diễn biến và nội dung chính

Giai đoạn 2011 - 2018 là thời kỳ đầy biến động với nhiều vấn đề an ninh, chính trị và kinh tế phức tạp, sự gia tăng căng thẳng trong các vấn đề như an ninh biển, cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc và các thách thức an ninh phi truyền thống làm nổi bật vai trò của Đối thoại Shangri-La trong việc thúc đẩy đối thoại và hợp tác khu vực. Trong bối cảnh châu Á - Thái Bình Dương đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ và sự gia tăng căng thẳng, Đối thoại Shangri-La nổi lên như một kênh quan trọng để các quốc gia, ít nhất là cùng ngồi lại với nhau, để thảo luận về các thách thức và tìm kiếm giải pháp chung, nhằm duy trì hòa bình và ổn định trong khu vực.

Tuy nhiên, điểm nổi bật của giai đoạn này là sự thay đổi trong chiến lược của Mỹ đầu những năm 2010 mở đầu cho một giai đoạn mới trong quan hệ Mỹ - Trung cũng như của Đối thoại Shangri-La, tập trung vào ảnh hưởng của Trung Quốc đối với khu vực. Mỹ và phương Tây ở thế tiến công mạnh mẽ, đẩy Trung Quốc vào thế phòng thủ bị động trong các kỳ Đối thoại Shangri-La, khiến Trung Quốc dần hạ cấp tham dự.

Từ năm 2011 đến 2018, Mỹ liên tục sử dụng các vấn đề Biển Đông, bán đảo Triều Tiên và chủ nghĩa khủng bố để mở rộng ảnh hưởng và tăng cường quyền lực mềm tại châu Á. Đây là giai đoạn quan hệ Mỹ - Trung xấu đi nhanh chóng khi hai nước công khai đối đầu trong cuộc cạnh tranh chiến lược quan trọng nhất thế giới

kể từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc. Mỹ và đồng minh tận dụng vấn đề Biển Đông để tấn công Trung Quốc một cách mạnh mẽ trong các kỳ Đối thoại Shangri-La. Trung Quốc luôn là trung tâm của các câu hỏi chất vấn và các phát biểu, bình luận mang tính chỉ trích. Trong giai đoạn này, đoàn đại biểu của Trung Quốc tại các kỳ Đối thoại Shangri-La chịu áp lực rất lớn với rất nhiều câu hỏi hóc búa đến từ đại biểu của Mỹ và đồng minh, những nhà nghiên cứu và nhà báo có mặt tại các cuộc họp [Jack Lau, 2023] cũng như các bài phân tích, bình luận sau mỗi kỳ Đối thoại Shangri-La.

Tại Đối thoại Shangri-La-10 và 11 năm 2011 và 2012, Trung Quốc chịu sức ép vô cùng lớn khi nước này cắt cáp tàu khảo sát của Việt Nam (tháng 5/2011), căng thẳng với Philippines và việc Trung Quốc chiếm quyền kiểm soát bãi cạn Scarborough từ Philippines (2011 và 2012). Năm 2011, Philippines và các nước khác đã đưa vấn đề Biển Đông vào chương trình nghị sự của khu vực. Tại Đối thoại Shangri-La 10 vào tháng 6/2011, Bộ trưởng Quốc phòng Trung Quốc, Thượng tướng Lương Quang Liệt đã được “chào đón” bằng một loạt các phát biểu bày tỏ quan ngại về tình hình Biển Đông [John D. Ciociari & Jessica Chen Weiss, 2012, tr. 64]. Tại Đối thoại, Thượng tướng Lương Quang Liệt đã cảm thấy “không thoải mái” khi tham dự. Ông đọc một bài phát biểu mờ nhạt, tránh động chạm đến các vấn đề gây tranh cãi và định rời đi ngay sau khi kết thúc bài phát biểu mà không trả lời câu hỏi. Tuy nhiên, điều này không phù hợp với quy định của Đối thoại Shangri-La. Thính giả dự phiên phát biểu của ông đã đặt rất nhiều câu hỏi về hành động của Trung Quốc ở Biển Đông và đẩy ông vào thế bị động. Trong khi đó, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Robert Gates sử dụng Đối thoại Shangri-La để làm nổi bật cam kết của Mỹ đối với châu Á [Shannon Tiezzi, 2017], làm tiền đề để Tổng thống Obama công bố chiến lược “Xoay trục sang châu Á” năm 2012.

Năm 2014, đoàn Trung Quốc tại Đối thoại Shangri-La phải đối mặt với sức ép đặc biệt lớn. Đối thoại Shangri-La-13 diễn ra từ ngày 30/5 đến 01/6/2014, ngay trong thời điểm Trung Quốc hạ đặt giàn khoan HD981 trong EEZ của Việt Nam từ tháng 5 đến tháng 7/2014 với một đội tàu hùng hậu bảo vệ, đồng thời đẩy mạnh các

hoạt động tôn tạo đảo trái phép đã khiến tình hình Biển Đông nóng hơn bao giờ hết. Tại Đối thoại Shangri-La-13, nhiều nhà lãnh đạo và quan chức cấp cao, đặc biệt là Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe và Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ đã công khai chỉ trích mạnh mẽ các hành động của Trung Quốc ở Biển Đông. Nhiều học giả và nhà báo đã tập trung chất vấn Đô đốc Tôn Kiến Quốc, Phó Tham mưu trưởng Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc, Trưởng đoàn Trung Quốc. Để đối phó, Trung Quốc sử dụng chung một câu trả lời đã chuẩn bị sẵn bất chấp câu hỏi nhận được là gì. Sức ép đối với đoàn đại biểu Trung Quốc tại Đối thoại Shangri-La năm 2014 lớn đến mức “Bắc Kinh có thể xem xét lại việc tham gia sau Đối thoại năm nay” [Zheng Wang, 2014]. Trong các kỳ đối thoại tiếp theo, Trung Quốc cùng với chính sách của nước này đối với Biển Đông tiếp tục là tâm điểm chỉ trích và chất vấn, đặc biệt là năm 2016 và 2017 từ trước và sau khi Tòa Trọng tài Thường trực tại La Hay ra phán quyết về vụ kiện của Philippines đối với Trung Quốc liên quan đến vấn đề Biển Đông vào ngày 12/7/2016 [IISS, 2016]. Trong bài phát biểu tại Đối thoại Shangri-La 2016 của Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Ashton Carter, Mỹ coi các hoạt động của Trung Quốc, đặc biệt là ở Biển Đông, như việc dựng lên một “Vạn lý trường thành cô lập” khỏi các quốc gia khác ở châu Á - Thái Bình Dương [Alvin Cheng-Hin Lim, 2016]. Bộ trưởng Quốc phòng Nhật Bản Gen Nakatani tuyên bố, Nhật Bản đang cung cấp viện trợ quân sự, bao gồm nâng cấp công nghệ giám sát và quân sự, huấn luyện quân sự chung, để giúp các nước Đông Nam Á như Philippines ứng phó với những thách thức do hoạt động cải tạo đảo và xây dựng cơ sở hạ tầng của Trung Quốc ở Biển Đông. Bộ trưởng Nhật Bản, các nước châu Á và phương Tây khác như Anh và Pháp, cũng kêu gọi Trung Quốc tôn trọng phán quyết (sắp tới) của Tòa trọng tài quốc tế [Alvin Cheng-Hin Lim, 2016].

Có thể nói, trong giai đoạn này, tại các kỳ Đối thoại Shangri-La, Mỹ và phương Tây ở thế tiến công mạnh mẽ, đẩy Trung Quốc vào thế phòng thủ bị động. Với lực lượng đại biểu và học giả hùng hậu, Mỹ và đồng minh chiếm thế thượng phong, liên tục dồn ép Trung Quốc rơi vào tình thế lúng túng, bị động. Mỹ và đồng minh đã tận dụng rất tốt Đối thoại Shangri-La để phô trương thanh thế, khẳng định

tính chính danh trong lập trường của mình, đẩy đối thủ vào tình thế chống đỡ vất vả, khẳng định được quyền lực của người lãnh đạo trong khu vực và tạo thế rất thuận lợi để tập hợp lực lượng.

Bối cảnh đó khiến Trung Quốc dần hạ cấp tham dự, trong đó có những năm chỉ ở cấp Phó Giám đốc Học viện Khoa học Quân sự (2017, 2018). Đối với Trung Quốc, việc dự một diễn đàn do Mỹ và các đồng minh của Mỹ “thống trị” khiến Trung Quốc bị chỉ trích vì các hành vi ở khu vực, nhất là ở Biển Đông [Thành Đạt, 2019]. Cụ thể, kể từ năm 2012 - 2018, Trung Quốc giảm dần cấp tham dự Đối thoại Shangri-La: Trung tướng của Học viện Khoa học Quân sự thuộc Lục quân Trung Quốc năm 2012; Trung tướng Tôn Kiến Quốc, Phó Tổng Tham mưu trưởng năm 2013; Trung tướng Vương Quán Trung, Phó Tổng Tham mưu trưởng năm 2014; Đô đốc Tôn Kiến Quốc, Phó Tham mưu trưởng năm 2015, 2016; Trung tướng Hà Lô, Phó Giám đốc Học viện Khoa học Quân sự năm 2017, 2018. Sự co cụm của Trung Quốc phản ánh thế yếu trong đối ngoại quốc phòng và khả năng tập hợp lực lượng tại khu vực trong giai đoạn này.

Bên cạnh tình hình Biển Đông, bán đảo Triều Tiên cũng là một điểm nóng được quan tâm. Chương trình hạt nhân tiếp tục được Bắc Triều Tiên thúc đẩy với các hoạt động thử nghiệm và phát triển vũ khí hạt nhân và các loại tên lửa tầm xa có khả năng mang đầu đạn hạt nhân, trở thành mối lo ngại của các quốc gia khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Mỹ. Năm 2016, lần đầu tiên Bộ trưởng Quốc phòng Hàn Quốc tham gia và phát biểu tại Đối thoại Shangri-La kể từ năm 2011. Vấn đề này cũng dẫn đến sự chia rẽ trong lập trường giữa một bên là Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc với một bên là Trung Quốc và Nga đối với việc Mỹ triển khai Hệ thống Phòng thủ tên lửa tầm cao giai đoạn cuối (THAAD) ở Hàn Quốc [IISS, 2016]. Năm 2018, vấn đề được quan tâm là các cuộc đàm phán giữa Mỹ và Bắc Triều Tiên (với sự tham gia của Hàn Quốc và Trung Quốc) về chương trình hạt nhân của Bắc Triều Tiên và cuộc gặp thượng đỉnh Mỹ - Triều lần thứ nhất diễn ra cũng tại Singapore chỉ 11 ngày sau Đối thoại Shangri-La 17. Bên cạnh vấn đề Biển Đông, đây cũng là một chủ đề mà Mỹ và đồng minh tận dụng tốt để mở rộng sức

manh mềm trong khu vực, nhưng Trung Quốc và các nước khác trong khu vực cũng khẳng định lập trường riêng trong vấn đề này.

Ngoài ra, các kỳ Đối thoại Shangri-La từ 2011 đến 2017 cũng thảo luận nhiều về chủ nghĩa khủng bố. Bởi trong giai đoạn này tổ chức Nhà nước Hồi giáo (IS) tự xưng (còn gọi là ISIS hoặc ISIL) hoạt động mạnh tại một số quốc gia Trung Đông - Bắc Phi, gây ra mối đe dọa nghiêm trọng đối với an ninh khu vực. Trong khi đó, tàn dư của tổ chức Al Qeda vẫn tiếp tục hoạt động ở khu vực Trung Đông. Bên cạnh đó, các chi nhánh và tổ chức khủng bố có quan hệ với IS và Al Qeda cũng tích cực hoạt động ở nhiều nơi trên thế giới, manh nha hình thành một mạng lưới khủng bố toàn cầu. Đông Nam Á trở thành một trong những khu vực các tổ chức khủng bố đẩy mạnh tuyển quân và hoạt động, đe dọa đến an ninh của toàn bộ khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Trong bối cảnh chủ nghĩa khủng bố trở thành một trong những chủ đề lớn của Đối thoại Shangri-La giai đoạn này, Mỹ đã tận dụng rất tốt lợi thế quốc gia đi đầu trong cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu để củng cố vị thế “thống trị” tại Đối thoại Shangri-La, cũng như gia tăng quyền lực mềm đối với khu vực.

Bước sang giai đoạn 2011 - 2018, sự vận động của Đối thoại Shangri-La chịu tác động ngày càng rõ rệt từ logic của chủ nghĩa hiện thực, đặc biệt trong bối cảnh Mỹ triển khai chiến lược “xoay trục” sang châu Á - Thái Bình Dương và cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn gia tăng. Đối thoại Shangri-La không chỉ còn là diễn đàn xây dựng lòng tin, mà dần trở thành không gian để các cường quốc thể hiện lập trường chiến lược, phát tín hiệu sức mạnh và tập hợp sự ủng hộ từ các đối tác. Trong bối cảnh đó, đa phương được các nước lớn và trung bình sử dụng như một công cụ nhằm mở rộng ảnh hưởng và cân bằng quyền lực, khiến Đối thoại Shangri-La mang đậm dấu ấn của sự đan xen giữa hợp tác và cạnh tranh trong cấu trúc an ninh khu vực.

3.2.3. Giai đoạn Trung Quốc phản công trước sức ép từ Mỹ và phương Tây (2019 - 2025)

3.2.3.1. Bối cảnh chung

Trật tự thế giới giai đoạn 2019 - 2025 đối mặt với biến động do đại dịch COVID-19 và xung đột địa chính trị, cạnh tranh chiến lược nước lớn nhất là Mỹ - Trung và sự xuất hiện của xung đột vũ trang, chiến tranh truyền thống. Giai đoạn này chứng kiến sự suy giảm vị thế của phương Tây cùng với sự leo thang căng thẳng Nga - châu Âu, sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc, nhất là Trung Quốc gia tăng các hành động quyết đoán, sẵn sàng đáp trả Mỹ.

Từ năm 2019, tình hình thế giới và khu vực đã chứng kiến nhiều biến động quan trọng, phản ánh sự thay đổi trong cấu trúc quyền lực toàn cầu và khu vực. Năm 2019 chứng kiến những biến động phức tạp về an ninh, bao gồm sự căng thẳng trong quan hệ Nga - Liên minh châu Âu và những thất bại trong vấn đề phi hạt nhân hóa ở bán đảo Triều Tiên. Sự đổ vỡ của Hiệp ước Lực lượng hạt nhân tầm trung (INF) và các xung đột tại Trung Đông như căng thẳng giữa Mỹ và Iran... cũng là những điểm nóng đáng chú ý. Các diễn biến ở Đông Á, bao gồm các cuộc biểu tình tại Hồng Kông, căng thẳng giữa Nhật Bản và Hàn Quốc, cùng với tranh chấp ở Biển Đông, đã làm nổi rõ sự bất ổn trong khu vực này. Sự chú trọng quan tâm ngày càng tăng của các nước vào các vấn đề an ninh phi truyền thống, như biến đổi khí hậu và an ninh mạng cũng làm nổi bật sự chuyển hướng trong chính sách và ưu tiên toàn cầu.

Giai đoạn năm 2020 - 2022 đánh dấu thời kỳ đầy biến động khi đại dịch COVID-19 bùng phát, dẫn tới một cuộc khủng hoảng toàn cầu chưa từng có. Tình hình này đã làm gia tăng căng thẳng giữa các nước lớn, đặc biệt là giữa Mỹ và Trung Quốc và làm bộc lộ những yếu kém trong hệ thống quản trị toàn cầu. Xung đột biên giới giữa Trung Quốc và Ấn Độ, cũng như căng thẳng ở Nagorno-Karabakh, cho thấy sự gia tăng nguy cơ xung đột khu vực. Đại dịch cũng làm rõ sự bất khả kháng của các tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc và Tổ chức Y tế thế giới (WHO) trong việc quản lý khủng hoảng toàn cầu. Năm 2021, cuộc rút quân của Mỹ khỏi Afghanistan và Taliban giành quyền kiểm soát nước này, cùng với xung đột gia tăng ở Ukraine và Myanmar, phản ánh sự gia tăng bất ổn chính trị toàn cầu. Các chiến lược mới từ các nước lớn như Mỹ và Nga như việc thiết lập Hiệp ước Đối tác

an ninh tăng cường ba bên Australia, Anh, Mỹ (AUKUS), đã làm nổi bật sự thay đổi trong cấu trúc an ninh quốc tế và xu thế Mỹ tăng cường tập hợp lực lượng qua các tiểu liên minh. Đặc biệt, xung đột Nga - Ukraine nổ ra năm 2022 làm leo thang căng thẳng trong quan hệ giữa châu Âu và Nga, kích thích cho sự leo thang trong quan hệ Mỹ - Trung, đặc biệt là liên quan đến Đài Loan. Cục diện này đã làm nổi bật sự xu hướng phân cực trong quan hệ quốc tế.

Từ năm 2023, các điểm nóng xung đột không những không hạ nhiệt, mà có xu hướng phức tạp và mở rộng hơn, từ cuộc chiến Nga - Ukraine leo thang đến đảo chính quân sự ở châu Phi và xung đột Israel - Hamas, chiến sự tại Trung Đông lan rộng, căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên diễn ra liên tục lên mức báo động, đã gây bất ổn, bất định tình hình thế giới, trong khi cạnh tranh giữa các nước lớn diễn ra gay gắt, nhất là xu hướng tập hợp lực lượng từ Mỹ, Trung Quốc, Nga. Các thách thức an ninh phi truyền thống cũng xuất hiện nhiều yếu tố mới khó lường trong khi cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang tác động sâu sắc tới mọi mặt của thế giới. Sau khi Tổng thống Mỹ Donald Trump lên nắm quyền năm 2025 với những chính sách mới mang tính “đảo chiều” và đầy bất ngờ dựa trên mục tiêu chiến lược “nước Mỹ trên hết”, cục diện quan hệ quốc tế trở nên khó dự báo, các nước tìm cách điều chỉnh để thích nghi với các chính sách mới của Mỹ. Cả Nga và Trung Quốc đều thể hiện vị thế nước lớn, sẵn sàng đối đầu với Mỹ, dù các bên đều thể hiện sự kiềm chế, sẵn sàng đối thoại hòa giải và giữ cho các căng thẳng trong tầm kiểm soát.

3.2.3.2. Những diễn biến và nội dung chính

Sau nhiều năm liên tục bị dồn vào thế bị động, từ năm 2019 đến nay, Trung Quốc thay đổi sách lược, tham dự Đối thoại Shangri-La với tâm thế chủ động phản công trên mặt trận đối ngoại quốc phòng. Sự xuất hiện của Bộ trưởng Quốc phòng Trung Quốc và một đoàn đại biểu hùng hậu tại các kỳ Đối thoại Shangri-La năm 2019, 2022, 2023 và 2024 (năm 2020 và 2021 không diễn ra do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19) cho thấy tâm thế mới của Trung Quốc, đó là chủ động, sẵn sàng đối đáp đáp trả mọi chỉ trích của quan chức Mỹ và đồng minh cũng như trả lời các

câu hỏi của các nhà nghiên cứu, nhà báo thân phương Tây một cách mạnh mẽ. Điều này được phản ánh rõ nét trong phát biểu của Bộ trưởng Ngụy Phượng Hòa năm 2019, 2022, Bộ trưởng Lý Thượng Phúc năm 2023 và Bộ trưởng Đồng Quân năm 2024. Năm 2019, Bộ trưởng Ngụy Phượng Hòa đã trực tiếp nêu đích danh Mỹ, trực tiếp phủ định quan điểm và hành động của Mỹ đối với vấn đề Đài Loan và Biển Đông [Thành Đạt, 2019]; cáo buộc Mỹ (không nêu đích danh) đã cố tình gây chia rẽ và thù địch, khiêu khích đối đầu, can thiệp vào công việc của khu vực và công việc của nước khác, thường xuyên sử dụng vũ lực; theo đuổi chủ nghĩa đơn phương, đặt lợi ích của bản thân lên trên lợi ích của nước khác... [Wei Fenghem, 2019]. Các Bộ trưởng Ngụy Phượng Hòa, Lý Thượng Phúc và Đồng Quân tiếp tục phản bác trực diện mọi lời phê phán tại các kỳ Đối thoại Shangri-La gần đây, đáp trả bằng cách chỉ trích Mỹ và đồng minh trong các vấn đề của khu vực. Bên cạnh đó, đoàn tùy tùng cùng với học giả Trung Quốc trong nước sẵn sàng xuất hiện ngay lập tức để phối hợp phản bác các ý kiến chỉ trích Trung Quốc xuất hiện tại cơ chế này. Giai đoạn này không còn chứng kiến thế thượng phong của Mỹ và đồng minh trong các kỳ Đối thoại Shangri-La, thay vào đó là các cuộc đối đáp giữa hai bên về mọi vấn đề có sự khác biệt.

Cách tiếp cận chủ động, trực diện của Trung Quốc đã khiến quan hệ Mỹ - Trung luôn là một trong những vấn đề được quan tâm nhất tại mỗi kỳ Đối thoại Shangri-La. Báo cáo của IISS về các kỳ Đối thoại Shangri-La năm 2022, 2023, 2024 (IISS không công bố báo cáo về Đối thoại Shangri-La năm 2019) luôn xem cạnh tranh Mỹ - Trung là một trong những chủ đề quan trọng nhất [The International Institute for Strategic Studies, 2022, 2023, 2024]. Quan hệ Mỹ - Trung là chủ đề mà nhiều phiên thảo luận, cả Toàn thể và Đặc biệt đồng thời đều xoay quanh, dù chủ đề của các phiên họp đó phản ánh những khía cạnh khác nhau của mối quan hệ này [Prashanth Parameswaran, 2019].

Cách tiếp cận mới của Trung Quốc làm nóng các kỳ Đối thoại Shangri-La gần đây và gia tăng đáng kể sức hút của cơ chế này. Đồng thời đã giúp Trung Quốc thay đổi vị thế khi tham dự cũng như dư luận sau mỗi kỳ Đối thoại Shangri-La.

Năm 2019 cũng là lần đầu tiên IISS dành riêng một phiên Toàn thể cho đoàn Trung Quốc. Tập quán này tiếp tục được duy trì cho các kỳ Đối thoại Shangri-La sau này, khẳng định vị thế mới của Trung Quốc ngang hàng với Mỹ tại các kỳ Đối thoại [Prashanth Parameswaran, 2019]. Bởi sau nhiều năm Trung Quốc tham dự ở cấp thấp, IISS lo lắng về việc Trung Quốc có thể từ bỏ Đối thoại Shangri-La, nhất là khi nước này đang nỗ lực thúc đẩy Diễn đàn Hương Sơn Bắc Kinh, một đối thủ cạnh tranh của Đối thoại Shangri-La. Tập quán này bảo đảm rằng Mỹ và Trung Quốc sẽ thường xuyên tham dự Đối thoại Shangri-La ở cấp Bộ trưởng Quốc phòng, qua đó nâng cao vị thế của cơ chế này là một trong những diễn đàn quốc phòng-an ninh quan trọng nhất của khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Điều này cũng chỉ ra rằng, sự phát triển của Đối thoại Shangri-La trong tương lai sẽ chịu ảnh hưởng không nhỏ từ những phát triển trong quan hệ Mỹ - Trung.

Tâm thế tiến công của Trung Quốc trong các kỳ Đối thoại Shangri-La gần đây cho thấy sự tự tin của nước này về sức mạnh tổng thể quốc gia, ảnh hưởng ngày càng mạnh mẽ đối với khu vực, thế giới và quá trình nghiên cứu kỹ lưỡng các hành động của Mỹ và đồng minh trong khu vực. Đối thoại Shangri-La đóng vai trò như một cửa sổ hé lộ những chuyển động liên tục của quan hệ Mỹ - Trung cùng với các mối quan hệ vệ tinh khác xung quanh trục quan hệ chính này, từ đó đánh giá được tiến trình tập hợp lực lượng của hai nước và có những dự báo về tình hình địa chính trị tại khu vực trong thời gian tiếp theo.

Đáng chú ý, tại Đối thoại Shangri-La 2025, Trung Quốc không cử Bộ trưởng Quốc phòng tham dự như thông lệ, mà một phái đoàn do đại diện từ Đại học Quốc phòng Trung Quốc dẫn đầu. Tuy nhiên, sự thay đổi về cấp tham dự không làm thay đổi tâm thế phản công của Trung Quốc. Phía Trung Quốc từ giới chức tới truyền thông tiếp tục thể hiện thái độ phản ứng mạnh mẽ đối với những phát ngôn mang tính thù địch nhắm vào nước này từ giới chức quốc phòng Mỹ. Quan điểm của Trung Quốc vẫn bảo lưu các nguyên tắc về “không can thiệp, phản đối liên minh quân sự và bảo vệ lợi ích cốt lõi. Thời báo Hoàn Cầu mô tả Đối thoại Shangri-La là một “diễn đàn an ninh do phương Tây khởi xướng”, đồng thời nhấn mạnh Trung

Quốc hướng tới xây dựng Diễn đàn Hương Sơn Bắc Kinh đóng vai trò như một nền tảng đối trọng với các diễn đàn an ninh do phương Tây dẫn dắt [Phạm Quang Hiền, 2025]. Đây là dấu hiệu cho thấy Trung Quốc đang thận trọng điều chỉnh cách tiếp cận, có thể nhằm làm suy giảm vị thế của Đối thoại Shangri-La để củng cố Diễn đàn Hương Sơn Bắc Kinh do nước này khởi xướng [Phạm Quang Hiền, 2025].

Từ năm 2019 đến nay, Đối thoại Shangri-La ngày càng thể hiện rõ đặc trưng của tiếp cận kiến tạo trong quan hệ quốc tế, khi diễn đàn này trở thành không gian cạnh tranh diễn ngôn và chuẩn mực an ninh giữa các chủ thể chính. Các bài phát biểu, tuyên bố và tranh luận tại Đối thoại không chỉ nhằm truyền tải thông tin chính sách, mà còn hướng tới việc định hình cách hiểu, cách diễn giải và tính chính danh của các khái niệm như “trật tự dựa trên luật lệ”, “an ninh khu vực” hay “tự do hàng hải”. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ngày càng gay gắt, Đối thoại Shangri-La nổi lên như một mặt trận ngôn từ công khai, nơi các quốc gia vừa đấu tranh về lợi ích, vừa tìm cách kiến tạo và bảo vệ vị thế chiến lược của mình trong cấu trúc an ninh khu vực đang chuyển biến.

3.3. Đánh giá về đặc điểm, thành tựu, hạn chế của Đối thoại Shangri-La

3.3.1. Về thành viên, cấu trúc và cơ chế vận hành của Đối thoại Shangri-La

3.3.1.1. Thành viên tham gia Đối thoại Shangri-La đa dạng về thành phần và ngày càng tăng về số lượng

IISS chủ trương không cố định thành phần khách mời, đại biểu tham dự các kỳ Đối thoại Shangri-La. Các kỳ Đối thoại Shangri-La ban đầu thu hút khoảng 200 - 300 đại biểu tham dự, nhưng con số này tăng lên nhanh chóng trong những năm gần đây. Đối thoại Shangri-La năm 2022 có sự tham dự của hơn 500 đại biểu đến từ gần 40 quốc gia trong và ngoài khu vực bao gồm Bộ trưởng, quan chức cấp cao của Bộ Quốc phòng, chính trị gia một số quốc gia trong khu vực, học giả, doanh nhân, nhà phân tích của các tổ chức tư vấn chính sách, nhà báo, tổ chức phi chính phủ [The International Institute for Strategic Studies, 2022]. Tuy nhiên, IISS luôn cố gắng để thành phần tham dự cơ chế này mỗi năm đều có sự đổi mới. Như một thành viên IISS đã phát biểu: “Chúng tôi không muốn [Shangri-La] trở thành một câu lạc bộ.

Bằng cách đó, Đối thoại Shangri-La khác với các thể chế nguyên sơ như Hội đồng Hợp tác An ninh ở châu Á - Thái Bình Dương (CSCAP) và Hội nghị bàn tròn châu Á - Thái Bình Dương, với tất cả lòng kính trọng dành cho các cơ chế đó, nhưng chúng tôi không mong muốn mời cùng một người tới dự năm này qua năm khác” [David Capie & Brendan Taylor, 2010, tr. 364]. Trong khi thành phần tham dự thay đổi qua mỗi năm, thành phần khách mời phát biểu trong chương trình nghị sự chính thức dần có những thay đổi đáng kể theo hướng đại diện cấp cao ngày càng nhiều. Tại Đối thoại Shangri-La lần thứ 2 (năm 2003), chỉ có tất cả 06 học giả được mời làm diễn giả. Nhưng đến kỳ Đối thoại Shangri-La lần thứ 5 (2006), một tập quán mới được áp dụng, đó là tất cả các diễn giả đều phải là Bộ trưởng hoặc quan chức cấp cao.

Về số lượng đại biểu, từ vài chục đại biểu trong năm đầu tiên tổ chức đã tăng lên gấp nhiều lần. Kỳ Đối thoại Shangri-La đầu tiên diễn ra năm 2002 có sự tham dự của 14 Thứ trưởng và đại diện Bộ Quốc phòng, 160 đại biểu [John Chipman, 2023] đến khoảng 250 đại biểu năm 2006, 364 đại biểu năm 2013, 451 năm 2014, 490 năm 2015, 602 năm 2016. Năm 2017, IISS quyết định giảm bớt số lượng đại biểu để tập trung làm tốt công tác tổ chức và nội dung của Đối thoại Shangri-La, dẫn đến số lượng giảm còn 487 đại biểu. Tuy nhiên, sau đó số lượng đại biểu tiếp tục tăng lên 565 năm 2018 [IISS, 2018], 571 năm 2023 [The International Institute for Strategic Studies, 2023, tr. 8]. Đến kỳ Đối thoại Shangri-La lần thứ 21 diễn ra năm 2024, đã có tổng số 581 đại biểu tham dự, lớn nhất trong tất cả các kỳ Đối thoại Shangri-La tính đến năm 2024, trong đó có 04 nguyên thủ quốc gia; 32 Bộ trưởng nội các cùng với 25 Tư lệnh quốc phòng, 05 Cố vấn an ninh quốc gia, đại diện cho 50 quốc gia trong và ngoài khu vực và 03 tổ chức quốc tế [The International Institute for Strategic Studies, 2024, tr. 5]. Kỳ Đối thoại Shangri-La lần thứ 22 diễn ra năm 2025 có khoảng 600 đại biểu từ hơn 40 quốc gia tham dự [Châu Anh, 2025].

Các kỳ Đối thoại Shangri-La gần đây có sự tham dự của ngày càng nhiều nguyên thủ quốc gia. Trong khi các kỳ Đối thoại Shangri-La trước đây hầu như chỉ

có sự xuất hiện của Thủ tướng hoặc Tổng thống một nước với tư cách khách mời phát biểu dẫn đề, các kỳ Đối thoại gần đây có sự tham dự của nhiều nguyên thủ quốc gia khác tham gia ở các phiên Toàn thể. Năm 2024, ngoài Tổng thống Philippines phát biểu dẫn đề còn có Thủ tướng Litva, Tổng thống Ukraine và Tổng thống Timor Leste. Trao đổi với tác giả năm 2024, bà Veerle Nouwens, Giám đốc IISS khu vực châu Á cho biết, IISS nhận được lời đề nghị tham dự của nguyên thủ quốc gia nhiều nước trong khu vực, nhưng IISS sẽ cố gắng chỉ mời khoảng 3 nguyên thủ tại mỗi kỳ Đối thoại Shangri-La vì muốn duy trì đây là một cơ chế đối thoại của Bộ trưởng Quốc phòng các nước trong khu vực bởi chính điều này đã tạo ra thành công cho Đối thoại Shangri-La trong những năm qua. Năm 2025, Tổng thống Pháp phát biểu dẫn đề, ngoài ra còn có Thủ tướng Malaysia, Tổng thống Timor Leste.

3.3.1.2. Cấu trúc của Đối thoại Shangri-La theo hình thức diễn đàn mở cho tranh luận và thảo luận

Là diễn đàn mở, Đối thoại Shangri-La có các chương trình nghị sự phong phú và chủ đề thảo luận linh hoạt tại mỗi kỳ hội nghị.

Vào khoảng tháng 01 hằng, IISS đều tổ chức Diễn đàn Fullerton (từ năm 2022 đổi tên thành Hội nghị Sherpa thuộc Đối thoại Shangri-La, gọi tắt là Hội nghị Sherpa) để thảo luận một số vấn đề an ninh khu vực nhằm xây dựng ý tưởng, thăm dò dư luận về các chủ đề tại Đối thoại Shangri-La cùng năm (thường diễn ra vào nửa đầu tháng 6). Tại Hội nghị này, IISS không chỉ lắng nghe phát biểu của các đại biểu về các vấn đề an ninh của khu vực, mà còn chú ý tới những trao đổi bên lề của các đại biểu. Ví dụ, tại Hội nghị Sherpa năm 2022, sự vắng mặt của đại biểu Trung Quốc gây ra lo ngại rằng Trung Quốc sẽ không tham dự Đối thoại Shangri-La cùng năm, dẫn đến sự nhầm lẫn, một chiều trong các phiên thảo luận. Tại Hội nghị, một nhân vật cấp cao của IISS khẳng định, IISS sẽ cử đại diện đến thuyết phục Trung Quốc. Kết quả là, Bộ trưởng Ngụy Phượng Hòa đã dẫn đầu một đoàn đại biểu Trung Quốc đông đảo đến tham dự Đối thoại Shangri-La 19.

Chương trình nghị sự và nội dung nghị sự của Đối thoại Shangri-La được duy trì khá nhất quán qua các năm. IISS thiết kế Đối thoại Shangri-La là một diễn đàn mở cho tranh luận và thảo luận. Trao đổi với tác giả năm 2024, bà Veerle Nouwen, Giám đốc IISS khu vực châu Á khẳng định, IISS cố gắng thu hút sự tham dự của đại diện cấp cao nhiều quốc gia và học giả trong và ngoài khu vực để đóng góp những tiếng nói đa dạng, nhiều chiều nhất có thể về các vấn đề an ninh của khu vực. Tinh thần này cũng được phản ánh qua chương trình nghị sự của Đối thoại. Đối thoại Shangri-La hằng không có một chủ đề tổng thể chung, mà bao gồm một số chủ đề riêng biệt cho các phiên Toàn thể và Đặc biệt đồng thời để các quan chức quốc phòng, an ninh có cơ hội chia sẻ tầm nhìn, đánh giá và công bố chính sách quốc phòng, an ninh của nước mình. Các chủ đề được lựa chọn phản ánh tầm nhìn của IISS về các thách thức an ninh quan trọng nhất đang nổi lên tại khu vực [The International Institute for Strategic Studies, 2022, tr. 8], được thay đổi linh hoạt qua từng năm để phù hợp với những thay đổi của tình hình quốc tế và khu vực, ví dụ an ninh biển là chủ đề nổi bật của các kỳ Đối thoại Shangri-La 13 và 14 (năm 2014, 2015) khi tình hình Biển Đông có nhiều diễn biến đáng chú ý, trong khi Đối thoại Shangri-La 19 (năm 2022) tập trung vào cạnh tranh địa chính trị và hiện đại hóa quân đội để phù hợp với sự quan tâm đối với xu hướng tăng cường năng lực quân sự của các quốc gia trong khu vực và trên thế giới do ảnh hưởng của cuộc chiến sự Nga - Ukraine bắt đầu từ tháng 02/2022. Bên cạnh đó, một số chủ đề liên tục được duy trì qua các năm như chiến lược của Mỹ đối với khu vực, chống khủng bố, phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD), an ninh biển và cấu trúc an ninh khu vực. Trong những năm gần đây, chủ đề thảo luận của Đối thoại Shangri-La có xu hướng được mở rộng ra cả những vấn đề ngoài khu vực châu Á như xung đột Nga - Ukraine do ảnh hưởng sâu rộng của cuộc xung đột này trên thế giới. Ngoài ra, để bảo đảm sự quan tâm của các nước vừa và nhỏ, IISS cũng đưa vào một số chủ đề có liên quan trực tiếp đến vai trò của các nước nhỏ và đang phát triển đối với an ninh khu vực. Như Tiến sĩ John Chipman đã phát biểu: “Đây không phải là một hội nghị về quan hệ quốc tế; đây là một cuộc gặp mặt của các Bộ trưởng Quốc phòng, nơi

các câu hỏi về chiến lược được đưa ra thảo luận tập trung một cách phù hợp. Cân bằng sức mạnh, kiểm soát vũ khí, quan hệ đồng minh, các công nghệ mới nổi trong các học thuyết chiến tranh, các biện pháp xây dựng lòng tin, luật quốc tế, lợi ích quốc gia và ổn định quốc tế là những nội dung then chốt không thể không xuất hiện. Một mục tiêu quan trọng của tất cả mọi người ở đây là hình dung và sau đó là tạo ra các điều kiện để có được sự ổn định chiến lược” [John Chipman, 2023].

Chương trình nghị sự của Đối thoại Shangri-La cũng có sự phát triển mạnh mẽ. Đối thoại Shangri-La lần thứ nhất chỉ bao gồm 06 phiên Toàn thể, không có phiên Đặc biệt đồng thời. Trong khi đó, Đối thoại Shangri-La 20 đã đưa ra “chương trình nghị sự toàn diện và đa dạng nhất trong lịch sử của cơ chế đối thoại này” [The International Institute for Strategic Studies, 2023, tr. 7]. Đối thoại Shangri-La 20 bao gồm 07 phiên Toàn thể và 06 phiên Đặc biệt đồng thời, chủ đề thảo luận gồm những vấn đề chiến lược được quan tâm nhất trên khắp thế giới, từ quan hệ ngày càng căng thẳng giữa Mỹ và Trung Quốc, cuộc chiến tại Ukraine cho đến vai trò của các cường quốc tầm trung và các nước nhỏ hơn trong an ninh của khu vực, tầm quan trọng của trao đổi và đối thoại giữa các quốc gia. Có thể thấy, đây là những vấn đề không chỉ liên quan trực tiếp đến an ninh của châu Á mà còn có tầm ảnh hưởng và sự quan tâm rộng rãi trên khắp thế giới. Trong phát biểu khai mạc Đối thoại Shangri-La 20, Tiến sĩ John Chipman khẳng định: “IISS không có ý định riêng nào trong việc tổ chức Đối thoại Shangri-La này ngoài việc tạo ra một môi trường thuận lợi nhất cho các cuộc làm việc cả công khai và không công khai và đưa vào các cuộc tranh luận chiến lược một bầu không khí tươi mới hữu ích” [John Chipman, 2023].

Mô hình tổ chức của Đối thoại Shangri-La cũng được duy trì khá ổn định. Mỗi kỳ Đối thoại Shangri-La đều có một bài phát biểu dẫn đề. Từ năm 2008, phát biểu dẫn đề đều do lãnh đạo của một quốc gia trong khu vực thực hiện. Vị trí này được lựa chọn từ lãnh đạo (Tổng thống, Thủ tướng) của các nước có vai trò và đóng góp nhất định cho hợp tác an ninh khu vực hoặc có vị thế đang lên: Thủ tướng Australia (2009, 2017, 2023), Tổng thống Hàn Quốc (2010), Thủ tướng Malaysia

(2011), Tổng thống Indonesia (2012), Thủ tướng Việt Nam (2013), Thủ tướng Nhật Bản (2014, 2022), Thủ tướng Singapore (2015, 2019), Thủ tướng Thái Lan (2016), Thủ tướng Ấn Độ (2018), Tổng thống Philippines (2024), Tổng thống Pháp (2025). Trong ngày đầu tiên của Đối thoại, IISS cũng sắp xếp để Bộ trưởng và quan chức quốc phòng các nước có thời gian tiếp xúc song phương ở mức độ riêng tư rất cao. Trong những ngày tiếp theo, Ban Tổ chức luôn dành ra một số phòng cho các cuộc tiếp xúc song phương bên lề giữa các bên. Trong hai ngày chính của Đối thoại Shangri-La sẽ có từ 5 - 7 phiên Toàn thể. Các phiên họp này có sự tham gia và phát biểu của 03 Bộ trưởng, mỗi bài phát biểu kéo dài 10 phút, sau đó các Bộ trưởng sẽ trả lời câu hỏi của các quan chức, nhà nghiên cứu, nhà báo. Mỗi kỳ Đối thoại Shangri-La có từ 3 - 7 phiên Đặc biệt đồng thời, thường do một thành viên cấp cao của IISS chủ trì và diễn giả thường là các quan chức cấp cao (Thủ trưởng hoặc thấp hơn) của các nước có mặt. Trước đây, các phiên Đặc biệt đồng thời không được phép ghi âm, ghi hình nhưng từ năm 2022, tất cả các phiên họp của Đối thoại Shangri-La đều được ghi âm, ghi hình và truyền trực tiếp trên các kênh chính thức của IISS. Ngoài ra, trong quá trình diễn ra Đối thoại Shangri-La, sẽ có 02 bữa ăn trưa kín giữa các Bộ trưởng diễn ra vào ngày thứ hai và thứ ba. Bữa ăn tối do Chính phủ Singapore tổ chức trước đây diễn ra vào cuối ngày thứ hai của Đối thoại, hiện nay diễn ra vào tối ngày đầu tiên, trong đó có bài phát biểu dẫn đề của lãnh đạo một quốc gia trong khu vực.

Bên cạnh chương trình nghị sự chính thức và các cuộc gặp bên lề, từ năm 2016, Đối thoại Shangri-La còn tổ chức Chương trình các nhà Lãnh đạo trẻ Đông Nam Á. Đây là hoạt động tập hợp các nhà nghiên cứu chiến lược trẻ từ các quốc gia Đông Nam Á và các nước có tầm quan trọng chiến lược đối với khu vực tới Đối thoại Shangri-La hằng năm. Đại biểu tham dự gồm cán bộ làm trẻ làm việc trong Chính phủ, cộng đồng nghiên cứu và tư vấn chính sách, doanh nghiệp và truyền thông. Từ năm 2022, IISS bắt đầu chương trình Nghiên cứu dành cho các Nhà lãnh đạo trẻ của Đối thoại Shangri-La. Các nhà lãnh đạo trẻ tham dự Đối thoại này theo lời mời của IISS được mời đăng ký tham gia nhóm nghiên cứu tại Singapore với tư cách là các

đối tác nghiên cứu không thường xuyên của IISS khu vực châu Á (cần qua xét duyệt của IISS).

3.3.1.3. Đối thoại Shangri-La vận hành theo cơ chế đối thoại của Kênh 1.5

Đối thoại Shangri-La hiện nay là sự kết hợp giữa Kênh 1 gồm các quan chức nhà nước với Kênh 2 (hoặc Kênh 3) gồm các nhân vật không phải nhà nước. Trước hết, đây là một diễn đàn tập trung chủ yếu vào các hoạt động của Kênh 1. Sau khi Đối thoại này điều chỉnh để toàn bộ diễn giả trong các phiên họp chính thức đều là Bộ trưởng hoặc các quan chức cấp cao, một số thành viên của IISS cho rằng, Đối thoại Shangri-La đã phát triển để chính thức trở thành một cơ chế Kênh 1. Nhiều bộ phận của Đối thoại Shangri-La, ví dụ như các cuộc gặp song phương bên lề và ăn trưa cấp Bộ trưởng, đã mang đặc điểm đặc trưng của một cơ chế Kênh 1. Tuy nhiên, đơn vị chính tổ chức Đối thoại Shangri-La lại là IISS, một tổ chức nghiên cứu phi chính phủ, cùng với một số đặc điểm khá cởi mở khác như việc bất kỳ đại biểu tham dự nào cũng có quyền đặt câu hỏi mà không cần phải báo trước, lại không phải là một đặc điểm của cơ chế thuộc Kênh 1 mà là điểm đặc trưng của Kênh 2. Do đó, có lẽ cách phân loại phù hợp nhất dành cho Đối thoại Shangri-La là một cơ chế đối thoại thuộc Kênh 1.5. Các cơ chế đối thoại thuộc Kênh 1.5 được tài trợ một cách chính thức; thành phần tham dự đa dạng, bao gồm phần lớn là quan chức nhà nước (thường tham dự với vị trí, chức vụ chính thức) cùng với các nhân vật không phải là quan chức nhà nước thuộc Kênh 2 (và đôi khi cả Kênh 3), trong khi phần lớn hoạt động là trao đổi quan điểm và thường mang tính diễn giải mà không có kết luận [David Capie & Paul Evans, 2007, tr. 237]. Đây đều là những đặc điểm mà Đối thoại Shangri-La luôn có kể từ ngày đầu thành lập.

Mặc dù tập trung chủ yếu vào các hoạt động của Kênh 1, IISS cũng chú ý tới vai trò của Kênh 2. IISS cho rằng, Đối thoại Shangri-La tạo ra “môi trường cho các nhà lập pháp, chuyên gia, học giả và doanh nhân đối thoại cùng với các quan chức cấp cao theo cách sẽ tạo ra tư duy mới mẻ về chính sách” [David Capie & Brendan Taylor, 2010]. IISS cho biết cơ quan này có tầm nhìn rộng hơn về sự tham gia của Kênh 2, không chỉ mời “học giả, đại diện của các cơ quan nghiên cứu mà cả nhà

báo, doanh nhân, luật sư và Nghị sĩ các đảng đối lập... từ những quốc gia có các Nghị sĩ đảng đối lập” [David Capie & Brendan Taylor, 2010, tr. 366].

Ảnh hưởng của Đối thoại Shangri-La không chỉ nhờ vào việc diễn đàn này thu hút được sự tham dự của Bộ trưởng Quốc phòng nhiều cường quốc thế giới và khu vực, mà còn vì diễn đàn này thường xuyên đề cập đến những vấn đề an ninh quan trọng nhất của khu vực [Renato Henrique de Gaspi, 2014, tr. 213]. Tại các kỳ Đối thoại Shangri-La, quan chức các nước có cơ hội quảng bá về chính sách của nước mình và chỉ trích chính sách của đối thủ [Kevin Lim, 2011; Michael J. Green, 2010]. Nhờ có tính chất không chính thức, Đối thoại Shangri-La có điều kiện thuận lợi để tập hợp các quan chức quốc phòng, như Taylor đã phân tích: “Tính linh hoạt có được nhờ mô hình hoạt động của Đối thoại Shangri-La tạo ra thêm một ưu điểm quan trọng nữa. Không giống như hầu hết các hội nghị Kênh 1 của khu vực, nơi các quan chức cấp cao làm việc để xây dựng một tuyên bố của chủ tịch hoặc đạt được một dạng “thành tích” trước khi cuộc họp diễn ra, Đối thoại Shangri-La không cố gắng tạo ra bất kỳ một hình thức văn kiện nào được nhất trí” [Brendan Taylor, 2011].

Bên cạnh đó, tên gọi chính thức ban đầu của Đối thoại Shangri-La - Hội nghị Thượng đỉnh An ninh châu Á - gợi ý rằng đây là một sáng kiến đa phương với sự tham dự của các quan chức cấp cao của chính phủ nhiều quốc gia trong khu vực. IISS gọi đây là “một kinh nghiệm độc đáo trong đối ngoại quốc phòng đa phương” [IISS, 2004]. Cách tổ chức các hoạt động chính thức của Đối thoại Shangri-La (các phiên Toàn thể và Đặc biệt đồng thời) cũng cho thấy Đối thoại Shangri-La mang đặc điểm của một cơ chế đa phương.

Tuy nhiên, giá trị quan trọng của các cuộc tiếp xúc song phương bên lề lại khiến cho diễn đàn này cũng mang cả một số đặc điểm của một cơ chế song phương dưới hình thức một sự kiện đa phương. Như Taylor và Carpie đã chỉ ra, các quan chức rõ ràng đã đánh giá Đối thoại Shangri-La cao nhất ở những cuộc gặp song phương ngắn bên lề các hoạt động chính thức [David Capie & Brendan Taylor, 2010, tr. 367]. Mỗi đoàn có thể tiến hành từ 15 - 20 cuộc gặp bên lề như vậy ở mỗi

kỳ Đối thoại Shangri-La. Các cuộc gặp này thông thường chỉ kéo dài nửa giờ đồng hồ, cho phép các bộ trưởng và quan chức quốc phòng cấp cao gặp gỡ các đồng nghiệp để chia sẻ thông tin và đạt được những thỏa thuận nhất định. Chẳng hạn, trong các cuộc gặp song phương bên lề Đối thoại Shangri-La năm 2009, Bộ trưởng Quốc phòng Australia đã ký với Bộ trưởng Quốc phòng Hàn Quốc một thỏa thuận bảo mật thông tin và với Bộ trưởng Quốc phòng Singapore một thỏa thuận gia hạn một hiệp ước cho phép Quân đội Singapore tiếp cận cơ sở huấn luyện ở Australia. Đối thoại Shangri-La-20 ghi nhận tới 121 cuộc gặp song phương giữa quan chức quốc phòng các quốc gia và tổ chức tham dự sự kiện này [Graeme Dobell, 2023].

Bên cạnh các cuộc gặp song phương, Đối thoại Shangri-La còn tạo cơ hội để các nhóm nước gặp riêng với nhau. Hai cuộc ăn trưa làm việc trong mỗi kỳ Đối thoại Shangri-La là cơ hội để Bộ trưởng Quốc phòng các nước trao đổi riêng với nhau mà không bị ghi âm, ghi hình, thậm chí cam kết với nhau về một số vấn đề cùng quan tâm. Trong đó, tại Đối thoại Shangri-La 19 (2022), Mỹ đã tổ chức cuộc gặp ba bên với các đồng minh ở khu vực như cuộc gặp ba bên Mỹ - Nhật Bản - Hàn Quốc, cuộc gặp ba bên Mỹ - Nhật Bản - Australia, hoặc với đối tác như cuộc họp Mỹ - ASEAN để khẳng định cam kết mạnh mẽ của Mỹ đối với khu vực Đông Nam Á. Tại hội nghị lần này cũng diễn ra cuộc họp riêng giữa các thành viên của Hiệp ước phòng thủ “Ngũ cường” (FPDA, gồm Anh, Australia, New Zealand, Singapore và Malaysia).

Ngoài ra, Đối thoại Shangri-La còn tạo cơ hội để lãnh đạo các lực lượng quốc phòng-an ninh của các nước tham dự gặp nhau theo hình thức song phương hoặc một nhóm nhỏ. Một phát ngôn viên của Bộ Quốc phòng Singapore cho biết, bên lề Đối thoại Shangri-La-20 diễn ra từ ngày 02 - 04/6/2023, lãnh đạo của khoảng hơn 20 cơ quan tình báo lớn của thế giới đã gặp gỡ nhau trong một cuộc họp bí mật diễn ra vào tối ngày 01/06/2023: “Các đại biểu [tham dự Đối thoại Shangri-La], trong đó có quan chức cấp cao của các cơ quan tình báo cũng tận dụng cơ hội để gặp gỡ những người đồng cấp” và “Bộ Quốc phòng Singapore có thể đã tạo điều kiện thuận lợi cho một vài trong số những cuộc gặp song phương hoặc đa phương

này” [Kok Xinghui et al, 2023]. Ngoài ra, một số cuộc gặp song phương và đa phương khác diễn ra vào ngày 02/06/2023. Cuộc họp này đã được các nước tổ chức vài năm bên lề các kỳ Đối thoại Shangri-La. Danh sách các nước tham dự cũng như chủ đề thảo luận của cuộc họp bí mật năm 2023 không được tiết lộ, tuy nhiên, một số nguồn tin tin cậy cho biết, cuộc họp có sự tham dự của bà Avril Haines, Giám đốc cơ quan Tình báo quốc gia, người đứng đầu Cộng đồng tình báo Mỹ. Ngoài ra còn có đại diện cao cấp của tình báo Trung Quốc và Ấn Độ. Nga và Ukraine không có đại diện tham dự cuộc họp này. Một trong những chủ đề được thảo luận là cuộc xung đột Nga - Ukraine và vấn đề tội phạm xuyên quốc gia. Bầu không khí của cuộc họp là khá hợp tác và không xảy ra căng thẳng [Kok Xinghui et al, 2023].

3.3.2. Thành tựu của Đối thoại Shangri-La và nguyên nhân

3.3.2.1. Thành tựu của Đối thoại Shangri-La

Kể từ lần đầu tiên được tổ chức tại Khách sạn Shangri-La (Singapore) năm 2002 cho đến nay, Đối thoại Shangri-La đã đạt được nhiều kết quả nổi bật, ngày càng phát triển, trở thành cơ chế đối thoại an ninh, quân sự cấp cao đa phương thường niên quan trọng ở châu Á - Thái Bình Dương. Cụ thể:

Thứ nhất, Đối thoại Shangri-La đã và đang chứng tỏ được vai trò là một trong những diễn đàn an ninh khu vực cấp cao nhất, có xu hướng ngày càng mở rộng cả về nội dung lẫn phạm vi tham dự của các nước trong và ngoài khu vực.

Kể từ năm 2002, sự ra đời của Đối thoại Shangri-La tạo thêm một cơ chế hợp tác an ninh đa phương được thiết lập ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương do IISS - một trong những tổ chức nghiên cứu chiến lược hàng đầu thế giới có trụ sở tại Vương quốc Anh - hằng năm đứng ra chủ trì tổ chức với sự hỗ trợ tích cực của nước chủ nhà Singapore. Với sự hình thành của Đối thoại Shangri-La, cấu trúc an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương được mở rộng bên cạnh sự hiện diện của các cơ chế đã được xây dựng từ những năm 1990 như CSCAP, ARF, EAS...

Sự ra đời của Đối thoại Shangri-La vốn chỉ do một trung tâm nghiên cứu học thuật Kênh 2 (viện nghiên cứu) tổ chức, nhưng đã nhanh chóng gây dựng ảnh hưởng, trở thành nơi các nước lớn, các nước vừa và nhỏ trong khu vực đến thể hiện

quan điểm của mình về các vấn đề quốc phòng - an ninh nổi lên trong khu vực. Sau hơn 20 năm hình thành, phát triển và trải qua 22 kỳ, Đối thoại Shangri-La đã và đang chứng tỏ được vai trò là một trong những diễn đàn an ninh khu vực cấp cao nhất, có xu hướng ngày càng mở rộng cả về nội dung lẫn phạm vi tham dự của các nước trong và ngoài khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Từ năm 2002, Đối thoại Shangri-La bắt đầu bằng những vấn đề an ninh tương đối đơn giản và chỉ mang tính khu vực. Qua thời gian, Đối thoại này ngày càng phát triển khiến kế hoạch dự kiến kết thúc vào năm 2013, nhưng sau đó Đối thoại Shangri-La đã tiếp tục tồn tại với quy mô lớn hơn. Thành phần tham dự tăng lên hằng, nội dung hội luận, không khí và sự quan tâm của báo chí, cho thấy đây không còn là diễn đàn an ninh của riêng khu vực châu Á - Thái Bình Dương nữa, mà là của cả thế giới, bàn về các vấn đề nóng của khu vực. Bởi lợi ích từ khu vực rất lớn, nên an ninh và ổn định của khu vực trở nên quan trọng đối với toàn thế giới, thu hút sự chú ý của tất cả các nước lớn, những quốc gia có lợi ích liên quan đến khu vực này.

Từ ý tưởng ban đầu của Tiến sĩ John Chipman là khóa lấp khoảng trống về một cơ chế đối thoại cấp cao về quốc phòng - an ninh ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Đối thoại Shangri-La đã trở thành một diễn đàn thu hút sự tham dự của đông đảo nhà nghiên cứu có uy tín và giới truyền thông quốc tế và khu vực, ví dụ tại Đối thoại Shangri-La-20 có sự tham gia của hơn 60 đại biểu từ các tổ chức nghiên cứu và hơn 300 nhà báo tới từ 40 hãng tin hàng đầu trên thế giới [The International Institute for Strategic Studies, 2023, tr. 9], do đó là cơ hội rất tốt để các nhà lãnh đạo quân sự trong khu vực tới để minh bạch hóa chính sách quốc phòng-an ninh của nước mình.

Là diễn đàn được tổ chức hằng năm ở cấp Bộ trưởng Quốc phòng các nước châu Á - Thái Bình Dương với sự tham gia của các chuyên gia nghiên cứu chiến lược cao cấp thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế. Dù chủ yếu là một diễn đàn an ninh liên chính phủ, nhưng hiện diện tại Đối thoại Shangri-La còn có sự tham dự của các nhà lập pháp, các chuyên gia khoa học,

nhà báo và các đại biểu là doanh nhân từ khắp nơi trên thế giới, làm cho Đối thoại Shangri-La trở thành một diễn đàn mở và mang tính truyền thông để phát triển chính sách và thảo luận về quốc phòng - an ninh ở châu Á - Thái Bình Dương.

Đối thoại đã trở thành một trong những diễn đàn độc lập quan trọng nhất để các nhà hoạch định chính sách an ninh quốc tế trao đổi quan điểm. Bên cạnh nước chủ nhà Singapore, Đối thoại Shangri-La đã quy tụ được ngày càng nhiều quốc gia tham gia đối thoại bao gồm Australia, Brunei, Campuchia, Canada, Chile, Trung Quốc, Pháp, Đức, Ấn Độ, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào, Malaysia, Mông Cổ, Myanmar, New Zealand, Pakistan, Philippines, Nga, Sri Lanka, Thụy Điển, Thái Lan, Timor-Leste, Ukraine, Anh, Mỹ và Việt Nam. Trải qua 22 lần tổ chức, Đối thoại Shangri-La đã đạt được nhiều thành công khi số lượng thành viên tham dự ngày càng lớn hơn và thu hút được sự quan tâm của giới chính trị, quốc phòng, an ninh khu vực và quốc tế. Điển hình như tại Đối thoại Shangri-La 22 đã thu hút sự tham dự của khoảng 600 đại biểu đến từ nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

Thứ hai, Đối thoại Shangri-La đã góp phần hóa giải các nguy cơ xung đột, duy trì hòa bình và ổn định khu vực và thế giới.

Châu Á - Thái Bình Dương là khu vực phát triển năng động nhất thế giới, là động lực cho tăng trưởng toàn cầu. Tuy nhiên, khu vực này cũng tiềm ẩn nhiều thách thức an ninh cả truyền thống và phi truyền thống, đe dọa đến hòa bình, ổn định và phát triển thịnh vượng của các quốc gia cả trong và ngoài khu vực. Các thách thức này hết sức đa dạng, đan xen nhau và mang tính toàn cầu, đòi hỏi phải có sự hợp tác chặt chẽ, tận tâm, thiện chí của tất cả các quốc gia, trên cơ sở luật pháp quốc tế, vì lợi ích chung của tất cả các bên liên quan. Ở tất cả các kỳ Đối thoại Shangri-La, các vấn đề an ninh quan trọng của khu vực đều đã được đưa ra bàn thảo. Qua các kì, Đối thoại đã giải được bài toán khó của khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong việc tìm ra một cơ chế hợp tác đa phương, có khả năng đánh giá tổng quan tình hình khu vực, đề xuất các giải pháp thiết thực cho an ninh khu vực và toàn cầu trong thời gian trung hạn.

Là diễn đàn thường niên quan trọng hàng đầu thảo luận về các thách thức an ninh đang nổi lên trong khu vực, nhằm đưa ra các sáng kiến hóa giải xung đột, duy trì hòa bình và ổn định khu vực trong nhiều năm qua, Đối thoại Shangri-La trở thành một hội nghị nuôi dưỡng ý thức cộng đồng trong các hoạch định chính sách quan trọng nhất về quốc phòng và an ninh ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Mặc dù đây không phải là diễn đàn có tính ràng buộc về pháp lý, nhưng lại thu hút được nhiều sự quan tâm đặc biệt của dư luận quốc tế. Vì tại Đối thoại Shangri-La, đại diện các quốc gia có thể bày tỏ thẳng thắn quan điểm của mình về an ninh khu vực, an ninh từng quốc gia và đối thoại về các vấn đề mà các bên cùng quan tâm; Đối thoại Shangri-La cũng là nơi định hình những vấn đề, những thách thức an ninh của khu vực hiện tại và tương lai.

Kể từ khi ra đời đến nay, Đối thoại Shangri-La dần trở thành diễn đàn thường niên được mong chờ nhất trong năm, là nơi để các nước nắm được quan điểm, tiến trình giải quyết các điểm nóng khu vực, đặc biệt là không khí cạnh tranh giữa hai cường quốc Mỹ và Trung Quốc. Các vấn đề quan trọng thường xuyên được đề cập ở các kỳ Đối thoại Shangri-La bao gồm các học thuyết quân sự mới, ngân sách quốc phòng các nước, tranh chấp chủ quyền, sự phát triển vũ khí hạt nhân, vấn đề an ninh hàng hải hay các lợi ích về an ninh của Trung Quốc, khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia... Nhiều thách thức an ninh đã được đưa ra thảo luận mà không né tránh trong các kỳ hội nghị từ năm 2011 cho đến nay, trong đó có vấn đề Biển Đông, an ninh biển, chương trình hạt nhân Triều Tiên, chống khủng bố, gần đây nhất là xung đột Nga - Ukraine. Nếu như tại các lần Đối thoại trước đây, các quốc gia chỉ đề cập những thách thức an ninh trong khu vực, thì tại các kỳ Đối thoại gần đây, các nước đã tập trung thảo luận và đưa ra những giải pháp mang tính đồng bộ hơn, đề cao hơn việc tôn trọng luật pháp quốc tế và trên hết là nhất trí chung tay, hợp tác để giải quyết các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống.

Một loạt sáng kiến đã được các nước đưa ra trong các kỳ Đối thoại Shangri-La. Điển hình như tại Đối thoại Shangri-La lần thứ 14, trong phát biểu mở màn phiên thảo luận sáng, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Ashton Carter khi đó cho biết, sẽ

thiết lập Sáng kiến An ninh biển Đông Nam Á, đồng thời cho biết, Quốc hội Mỹ đã phê chuẩn 425 triệu USD cho các nỗ lực xây dựng năng lực trên biển ở Đông Nam Á. Ngân sách trên sẽ được sử dụng trong vòng 5 năm cho các nước trong khu vực như Indonesia, Malaysia, Phillippines, Thái Lan và Việt Nam để mua sắm “thiết bị, quân nhu, huấn luyện và xây dựng quân đội quy mô nhỏ”. Phát biểu này của ông Carter đã nhận được sự quan tâm của các nước tham gia đối thoại cùng với những quan điểm khá mạnh mẽ lên án những hành động gây hấn trên Biển Đông. Trong khi đó, tại phiên thảo luận thứ hai về “Các hình thức hợp tác an ninh mới ở châu Á”, Bộ trưởng Quốc phòng Nhật Bản Gen Nakatani khi đó lại nêu đề xuất của nước này về “Sáng kiến Đối thoại Shangri-La” nhằm tăng cường an ninh hàng hải trong khu vực. Sáng kiến này sẽ tập trung vào ba yếu tố chính, bao gồm hoàn thiện các quy tắc chung và pháp luật trên biển trong khu vực nhằm thúc đẩy việc đảm bảo an toàn và tự do hàng hải, hàng không; thúc đẩy các cuộc tập trận chung cũng như xem xét các biện pháp phòng ngừa tai nạn liên quan đến tàu ngầm. Tại cuộc họp bên lề Đối thoại chính thức, Bộ trưởng Quốc phòng Indonesia Ryamizard Ryacudu cũng đã kêu gọi các nước Đông Nam Á và cả Trung Quốc kết hợp tuần tra Biển Đông một cách hòa bình để làm giảm nguy cơ xung đột. Ông Ryacudu cho rằng việc tuần tra chung sẽ gửi thông điệp cảnh báo “không một quốc gia nào được phép tăng cường sức mạnh hoặc đe dọa nước khác” ở Biển Đông. Một loạt các quốc gia khác cũng đã bày tỏ lo ngại về những căng thẳng gia tăng trên Biển Đông và nhất trí vấn đề này cần phải được giải quyết trên cơ sở đối thoại. Bộ trưởng Quốc phòng Anh Michael Fallon nhấn mạnh: “Những gì chúng tôi rút ra bài học ở châu Âu là không nên đẩy căng thẳng đi quá xa mà cần giải quyết vấn đề thông qua đối thoại, thông qua quan hệ đối tác, thông qua các điều ước quốc tế chứ không phải chỉ bằng việc đáp trả lẫn nhau bằng lời nói hay bằng các hành động đơn phương”.

Trong bối cảnh châu Á - Thái Bình Dương có nhiều bất ổn, việc các nước đồng loạt đưa ra những quan điểm kiên quyết cũng như các sáng kiến mới nhằm tạo lập một cơ chế hợp tác giữa các quốc gia trong khu vực trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế, không sử dụng vũ lực và giải quyết các tranh chấp bằng giải pháp hòa

binh là thực sự cần thiết. Điều này không những làm giảm nguy cơ xung đột mà còn góp phần đảm bảo hòa bình và ổn định bền vững. Đây cũng là những thành công của Đối thoại Shangri-La, cho thấy đây là một diễn đàn có ý nghĩa quan trọng trong việc giữ vững hòa bình và ổn định khu vực. Chính tiếng nói khách quan, không liên minh tại diễn đàn này tạo ra một sức mạnh để Trung Quốc nhìn lại và tính toán kỹ lưỡng hơn. Rõ ràng Trung Quốc không muốn mỗi lần họp Đối thoại Shangri-La hoặc trên các diễn đàn khác lại trở thành đối tượng bị chỉ trích. Đây là sức mạnh quốc tế giúp các nước có tranh chấp với Trung Quốc có thể vừa hợp tác, vừa đấu tranh.

Bên cạnh đó, là kênh đối thoại, Đối thoại Shangri-La tạo cơ hội để các nước có thể gặp gỡ, trao đổi để hóa giải mâu thuẫn. Đơn cử, cuộc gặp song phương giữa Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Lloyd Austin và Bộ trưởng Quốc phòng Trung Quốc Ngụy Phượng Hòa tại Đối thoại Shangri-La 19 (2022) được đánh giá là cuộc gặp được mong chờ, tạo cơ hội cho hai bên giảm căng thẳng. Tại Đối thoại Shangri-La 21, cuộc gặp song phương giữa Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Lloyd Austin và Bộ trưởng Quốc phòng Trung Quốc Đổng Quân ngày 31/5/2024 là cuộc gặp cấp cao trực tiếp đầu tiên giữa hai Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ - Trung kể từ năm 2022, đây là một nỗ lực nhằm tiếp tục hàn gắn quan hệ song phương giữa Trung Quốc và Mỹ khi hai bên nhấn mạnh sự cần thiết phải giữ liên lạc cởi mở. TS Satoru Nagao, Viện Nghiên cứu Hudson, Mỹ cho rằng, cuộc họp song phương Mỹ - Trung có ý nghĩa quan trọng với cả hai nước để kiểm soát tình hình, tránh những tính toán sai lầm. Eugene Tan, Giáo sư luật quốc tế tại Đại học Singapore bày tỏ không mong đợi đột phá lớn từ hội đàm Mỹ - Trung tại Đối thoại Shangri-La, nhưng điều quan trọng là hai bên có tiếp xúc trực tiếp để hạ nhiệt căng thẳng, mang lại cơ hội cho những bước tiến nhỏ trong việc xây dựng lòng tin và sự tin cậy. Tiến sĩ Trần Thị Bích, chuyên gia Trường Chính sách công Lý Quang Diệu, Đại học Quốc gia Singapore cho rằng, cuộc gặp Mỹ - Trung là một minh chứng về sự thành công của Đối thoại Shangri-La năm 2024.

Thứ ba, Đối thoại Shangri-La đã xây dựng được lòng tin và góp phần quan trọng thúc đẩy hợp tác an ninh khu vực thông qua việc tạo ra kênh chia sẻ thông tin một cách hiệu quả giữa các nhà hoạch định chính sách quốc phòng và an ninh cũng như với giới chuyên gia và học giả trong khu vực.

Trải qua 22 lần tổ chức, Đối thoại Shangri-La được đánh giá ngày càng khẳng định rõ vị trí, vai trò của mình như là một trong những diễn đàn hàng đầu về đối thoại an ninh khu vực và quốc tế, với những đóng góp tích cực vào việc xây dựng lòng tin, tăng cường tính minh bạch trong chính sách an ninh của các quốc gia khu vực, đồng thời thúc đẩy việc hình thành các cơ chế hợp tác an ninh đa phương mới vì mục tiêu hòa bình, ổn định, phát triển thịnh vượng chung ở châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới.

Giữa lúc càng có nhiều sự quan tâm tới những diễn biến địa chính trị và an ninh tại châu Á - Thái Bình Dương, việc thảo luận trực tiếp giữa các nhân tố chủ chốt trong khu vực càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Đối thoại Shangri-La chính là diễn đàn đặc biệt cho việc thảo luận nói trên. Đây là một diễn đàn có uy tín để các bên trao đổi quan điểm về những vấn đề then chốt góp phần quan trọng trong việc định hình bối cảnh an ninh và quân sự của khu vực; là nơi để các nhà lãnh đạo, nhà hoạch định chính sách về quốc phòng, an ninh, chuyên gia, học giả, các doanh nghiệp cùng nhau thảo luận, chia sẻ quan điểm mới về các vấn đề an ninh đang nổi lên và cấp bách nhất của khu vực châu Á - Thái Bình Dương, lắng nghe, nghiên cứu, nắm bắt chiến lược của từng quốc gia, tham gia các cuộc hội đàm quan trọng và cùng nhau đưa ra những cách tiếp cận mới.

Bên cạnh đó, Đối thoại Shangri-La đã tạo ra một diễn đàn để lãnh đạo các nước trong và ngoài khu vực châu Á - Thái Bình Dương có được tầm nhìn rõ nét, bao quát và tương đối khách quan về xu hướng phát triển cũng như diễn biến trong lĩnh vực quân sự, chính trị, an ninh; đồng thời, cung cấp những luận cứ quan trọng để các nước tham dự soạn thảo học thuyết quân sự, chiến lược quân sự và những vấn đề chiến lược liên quan tới quốc phòng - an ninh. Đối với nhà tổ chức IISS, Đối

thoại Shangri-La còn là nơi họ thu thập thông tin gốc để giúp các nước lớn hoạch định chiến lược toàn cầu.

Cho tới nay, thông qua Đối thoại, nhiều đề xuất được đưa ra nhằm thúc đẩy các sáng kiến về những vấn đề an ninh quan trọng, trao đổi về kiến trúc an ninh khu vực, hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thảm họa, kiểm soát xung đột, giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế... Đối thoại Shangri-La đã và đang khẳng định được uy tín của mình với danh nghĩa là một diễn đàn đối thoại cấp cao về quốc phòng, an ninh quan trọng bậc nhất ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra mối quan hệ tin cậy giữa các nhà lãnh đạo và các quốc gia trong khu vực, cũng như giúp tăng cường sự hiểu biết và đóng góp vào việc giải quyết các vấn đề an ninh và chính trị quan trọng.

Thứ tư, Đối thoại Shangri-La là nền tảng quan trọng để các bên cam kết hiện thực hóa các sáng kiến hợp tác trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Mục đích chính của Đối thoại Shangri-La là trao đổi, thảo luận và nghiên cứu tình hình quốc phòng, an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương, chính sách quốc phòng của các nước trong khu vực và các vấn đề chiến lược có liên quan. Đối thoại Shangri-La tạo ra sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau giữa các nước trong khu vực về những vấn đề rất quan trọng mà trong thời kỳ Chiến tranh lạnh thường được giữ bí mật và rất nhạy cảm như chiến lược quốc phòng và chiến lược quân sự. Từ đó, đề xuất các sáng kiến để xây dựng cấu trúc an ninh đa phương vốn đang thiếu ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Tại Đối thoại Shangri-La, các vấn đề an ninh được trình bày một cách thẳng thắn, ở cả hai khía cạnh tích cực phát triển cũng như tiêu cực đe dọa về an ninh. Theo cách phân tích trung thực, thẳng thắn mang đặc thù của các nhà lãnh đạo quân sự quốc phòng các nước thì những vấn đề an ninh của khu vực trong từng năm được trình bày rất rõ ràng. Và kết quả rõ ràng là xu thế chung của các quốc gia trong khu vực cũng như trên thế giới đều cảm thấy lo ngại trước những thách thức an ninh đang nổi lên đó. Các kỳ Đối thoại Shangri-La những năm gần đây đều nêu bật những thách thức đang hiện hữu đe dọa tới an ninh khu vực, cũng như tìm kiếm giải

pháp đối phó; mặt khác, chuyển tải thông điệp tôn trọng chủ quyền của các quốc gia và hành xử theo luật pháp quốc tế. Tất cả các quốc gia đều mong muốn được tham gia, đóng góp ý kiến để giảm bớt nguy cơ về an ninh, làm tăng giá trị của khu vực châu Á - Thái Bình Dương và giúp khu vực ngày càng ổn định và hòa bình hơn. Tại các Diễn đàn Shangri-La gần đây, bắt đầu có những mong muốn từ đối thoại, trao đổi sang hợp tác thực tế, làm thế nào để các cấu trúc an ninh, diễn đàn an ninh, cơ hội hợp tác của các quốc gia đi từ lời phát biểu trên các diễn văn đến hợp tác trên thực tế, để đảm bảo giảm bớt nguy cơ về an ninh, đối phó với những nguy cơ mà khu vực không thể lường trước.

Vì vậy, Diễn đàn không chỉ là cơ hội cho các bên xây dựng niềm tin, mà còn thúc đẩy các bên tăng cường sự hợp tác an ninh trong thực tế. Trên thực tế, nhiều thỏa thuận, hiệp định có thể bắt nguồn hoặc ký kết tại Đối thoại Shangri-La. Ví dụ, Đối thoại Shangri-La từng đề xuất hiệp định mở cửa bầu trời, hoặc đưa ra những sáng kiến cứu trợ thảm họa thiên tai cho người dân châu Á - Thái Bình Dương. Điển hình, bên lề Đối thoại Shangri-La năm 2005, lãnh đạo Bộ Quốc phòng bốn nước là Indonesia, Malaysia, Singapore và Thái Lan đã nhất trí tiến hành các cuộc tuần tra chung trên biển bằng máy bay để bổ sung cho các cuộc tuần tra bằng tàu biển ở Eo biển Malacca [John Chipman, 2023]. Cơ chế này vẫn được tiếp tục thực hiện cho đến ngày nay. Đối thoại Shangri-La năm 2008 diễn ra ngay sau cơn bão Nargis tàn phá miền nam Myanmar và trận động đất tại Tứ Xuyên (Trung Quốc). Sau cuộc ăn trưa làm việc, các bên đã nhất trí 03 nguyên tắc tiến hành các nỗ lực nhân đạo để hỗ trợ Myanmar và Trung Quốc [Chong Chee Kin & Teh Joo Lin, 2008]. Đối thoại Shangri-La năm 2005 cũng là nơi Bộ trưởng Quốc phòng Malaysia Najib Razak khi đó đề xuất sáng kiến “Con mắt trên bầu trời” giữa Malaysia, Indonesia và Singapore. Sáng kiến này sau đó đã được thực hiện và khiến số lượng vụ cướp biển xảy ra ở eo biển Malacca giảm đi đáng kể [William Choong, 2009].

Với các kết quả đạt được thể hiện tầm nhìn an ninh khu vực, Đối thoại Shangri-La đáp ứng được kỳ vọng của các nhà hoạch định chính sách quốc phòng, an ninh, đề cao trách nhiệm trong các cơ chế hợp tác an ninh chung, nhất là cơ chế

hợp tác đa phương mà Đối thoại Shangri-La là một trọng tâm. Các nước trong khu vực hoàn toàn có cơ sở để đẩy lùi các thách thức an ninh mà châu Á - Thái Bình Dương đang phải đối mặt, đem lại hòa bình, ổn định cho mỗi quốc gia tham dự, cho khu vực và thế giới. Ngoài ra, Đối thoại Shangri-La cũng giúp tăng cường sự quan tâm và sự hiểu biết đối với ASEAN và Singapore trong khu vực. Nhờ vào Đối thoại này, Singapore đã có cơ hội để tăng cường mối quan hệ đối tác với các quốc gia trong khu vực và trở thành một trung tâm quan trọng cho các cuộc hội nghị then chốt.

Thứ năm, Đối thoại Shangri-La tạo cơ hội cho các nước minh bạch hóa và công bố các chính sách mới.

Từ một cơ chế đối thoại thông thường về chiến lược, quốc phòng và an ninh giữa lãnh đạo Bộ Quốc phòng các nước khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Đối thoại Shangri-La đã phát triển thành một diễn đàn để các nước trong khu vực công bố, minh bạch hóa chính sách an ninh. Tại Đối thoại Shangri-La 19 (2022), Nhật Bản đã công bố “Tầm nhìn Kishida về hòa bình”. Phát biểu dẫn đề “Tầm nhìn Kishida về hòa bình” của Thủ tướng Nhật Bản Kishida Fumio đã khẳng định rõ những chính sách ngoại giao và an ninh - quốc phòng mà nước này đang theo đuổi, với 5 trụ cột: Duy trì trật tự quốc tế mở và tự do dựa trên luật lệ; tăng cường an ninh của Nhật Bản, gồm củng cố quan hệ đồng minh với Mỹ; thúc đẩy thế giới phi hạt nhân; tăng cường chức năng của Liên hợp quốc, trong đó có cải cách Hội đồng Bảo an; thúc đẩy hợp tác quốc tế về an ninh kinh tế. Theo đó, Nhật Bản sẽ chủ động đóng vai trò tích cực hơn trong việc giải quyết những thách thức và khủng hoảng, qua đó bảo vệ trật tự quốc tế dựa trên luật lệ, thúc đẩy một thế giới không có vũ khí hạt nhân.

Với sự hiện diện của đông đảo quan chức cấp cao, học giả và nhà báo uy tín trong khu vực và trên thế giới, các phiên Toàn thể của Đối thoại Shangri-La là cơ hội tốt để các quốc gia phát đi thông điệp về chiến lược, chính sách an ninh của mình, đồng thời chỉ trích chính sách, hành động của các quốc gia đối thủ. Việc IISS dành riêng một phần trong ngày thứ hai của Đối thoại Shangri-La năm 2022 cho bài phát biểu trực tuyến của Tổng thống Ukraine Volodymyr Zelensky trong bối cảnh cuộc chiến giữa Nga và Ukraine đang là vấn đề an ninh nổi bật toàn cầu khiến cho

cơ chế đa phương trong Đối thoại Shangri-La càng đóng vai trò quan trọng với tư cách là nơi các quốc gia phát đi thông điệp về các vấn đề an ninh quan trọng không chỉ trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương mà còn trên toàn thế giới.

Thứ sáu, thúc đẩy các cơ chế hợp tác quốc phòng - an ninh khác trong khu vực hình thành và phát triển.

Bắt đầu từ năm 2002, Đối thoại Shangri-La là một phần động lực khiến Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN tổ chức Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN (ADMM) năm 2006 và Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN Mở rộng (ADMM+) năm 2010. Tiến sĩ John Chipman khẳng định, với việc tất cả các nước ASEAN và 08 nước đối tác của Hiệp hội này đều tham dự Đối thoại Shangri-La hằng, “mức độ hài lòng mà họ có trước đó ở Đối thoại Shangri-La chắc chắn đã tạo ra động lực để thành lập nên các cơ chế chính thức này” [John Chipman, 2023]. Nhà báo, nhà nghiên cứu Graeme Dobell thuộc Viện Nghiên cứu Chính sách Chiến lược Australia (ASPI) cho rằng: “Hãy ghi nhận công sức của IISS trong việc làm một điều quan trọng cho châu Á, công việc mà Chính phủ các nước thường sẽ cho rằng phải tự làm lấy. Và đây là một phần của cấu trúc khu vực mà ASEAN không thể tự nhận là mình ở vị trí dẫn dắt được” [Graeme Dobell, 2023]. Ngoài ra, Đối thoại Shangri-La cũng góp phần “hồi sinh” Hiệp ước Phòng thủ Ngũ cường (FPDA) giữa Vương quốc Anh, Australia, New Zealand, Singapore và Malaysia [John Chipman, 2023]. Một số nhà phân tích cho rằng, Đối thoại Shangri-La cũng là động lực để Hàn Quốc thành lập Đối thoại Quốc phòng Seoul năm 2012 [Gareth Evans, 2021].

Tổng quan lại, Đối thoại Shangri-La đã và đang trở thành một diễn đàn đối thoại quan trọng để thảo luận và đưa ra các giải pháp và đề xuất chính sách nhằm giải quyết các vấn đề an ninh và hòa bình trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đóng góp đáng kể vào sự phát triển của khu vực và thế giới. Một số thành công và đóng góp của Đối thoại Shangri-La bao gồm: Tạo ra một nơi gặp gỡ, trao đổi ý kiến và thúc đẩy hợp tác giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương; tạo ra cơ hội cho các quan chức chính phủ, an ninh, quân sự, chuyên

gia, học giả và nhà ngoại giao tham gia vào các buổi thảo luận, từ đó thúc đẩy sự hiểu biết và đối thoại giữa các bên; thúc đẩy việc thảo luận về các vấn đề an ninh và hòa bình trong khu vực, bao gồm các vấn đề như Biển Đông, biển Hoa Đông, vấn đề hạt nhân và tên lửa Triều Tiên, chính sách của Trung Quốc và Mỹ đối với khu vực, khủng hoảng chính trị tại Myanmar, chống khủng bố, chống tội phạm, an ninh mạng, tăng cường quan hệ quốc phòng và hợp tác về trang thiết bị quân sự; đề xuất chính sách và đưa ra các giải pháp cụ thể để giải quyết các vấn đề an ninh trong khu vực, cũng như củng cố quan hệ đối tác giữa các quốc gia, xây dựng các cơ chế hợp tác mới; nơi để minh bạch hóa chính sách quốc phòng, tạo ra một cầu nối và động lực thúc đẩy hợp tác thực tế giữa các quốc gia châu Á - Thái Bình Dương, từ đó giúp cải thiện tình hình an ninh và hòa bình, đảm bảo sự ổn định và an toàn cho khu vực và thế giới.

3.3.2.2. Nguyên nhân của thành tựu

Một là, xuất phát từ tầm quan trọng về địa chính trị, địa chiến lược của châu Á - Thái Bình Dương đã giúp Đối thoại Shangri-La ngày càng thu hút sự quan tâm của các nước.

Châu Á - Thái Bình Dương là một khu vực có vị trí địa lý quan trọng và tiềm năng phát triển kinh tế lớn. Với diện tích rộng lớn và nằm giữa các châu lục, kết nối các nền kinh tế lớn như Trung Quốc, Mỹ, Nga và các nước châu Á khác, vị trí địa lý quan trọng này tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động thương mại, đầu tư và hợp tác kinh tế. Khu vực này có nhiều quốc gia, văn hóa và nền kinh tế đa dạng, tạo nên sự phong phú và hấp dẫn, gồm nhiều nền kinh tế phát triển như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Australia, New Zealand và nhiều quốc gia đang phát triển như Việt Nam, Indonesia, Philippines và Thái Lan. Các nước trên thế giới nhìn thấy tiềm năng phát triển kinh tế của khu vực này và muốn tham gia vào để tận dụng cơ hội đó.

Châu Á - Thái Bình Dương cũng là một khu vực có nhiều vấn đề an ninh phức tạp và đang ngày càng thu hút sự quan tâm, can dự của các nước lớn nhằm gia tăng ảnh hưởng và mở rộng lợi ích chiến lược. Các vấn đề an ninh chính trong khu

vực này, bao gồm các vấn đề an ninh truyền thống như tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông, biển Hoa Đông đã gây ra căng thẳng và xung đột giữa các quốc gia trong khu vực, cùng với những vấn đề an ninh phi truyền thống khủng bố buôn lậu, tội phạm quốc tế và ma túy, tội phạm mạng, biến đổi khí hậu... Ngoài ra, cạnh tranh giữa các nước lớn tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó cạnh tranh Mỹ - Trung là tâm điểm của sự chú ý. Các nước quan tâm đến khu vực vì muốn đảm bảo sự hiện diện và ảnh hưởng trong các vấn đề chính trị và quân sự của khu vực này. Do đó, với quy mô là một diễn đàn an ninh cấp cao lớn nhất trong khu vực, Đối thoại Shangri-La đã thu hút sự quan tâm của các nước, nhất là các nước lớn, khiến cơ chế này ngày càng trở nên hấp dẫn với nhiều thành công.

Hiện nay môi trường an ninh châu Á - Thái Bình Dương đang đứng trước nhiều diễn biến phức tạp, với sự tăng lên cả về mật độ lẫn mức độ các điểm nóng đe dọa leo thang thành xung đột. Giải quyết những nguy cơ này đòi hỏi các quốc gia thành viên trong khu vực phải tăng cường hợp tác và đối thoại toàn diện, trên nhiều kênh ngoại giao, nhiều cấp độ và nhiều phương diện khác nhau. Đối thoại quốc phòng, mà tiêu biểu là hình mẫu Đối thoại Shangri-La, hứa hẹn sẽ là cơ chế đa phương về an ninh và quốc phòng có đầy đủ khả năng trong việc định hình nền tảng an ninh của khu vực trong thời gian tới. Cùng với những diễn đàn quan trọng hàng đầu như ADMM+, EAS, ARF, APEC... Đối thoại Shangri-La thường niên ngày càng thu hút được sự quan tâm của các chính phủ, học giả nghiên cứu và dư luận khu vực cũng như toàn thế giới.

Hai là, vai trò quan trọng của các thể chế đa phương trong tạo lập đối thoại giữa các bên.

Từ sau Chiến tranh Lạnh, môi trường an ninh châu Á - Thái Bình Dương đứng trước nhiều diễn biến phức tạp, với sự tăng lên của các điểm nóng cùng với các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống đe dọa đến an toàn an ninh của khu vực. Các vấn đề an ninh khu vực đều có liên quan tới lợi ích của nhiều quốc gia hay nhóm quốc gia. Không những thế, những tác động dự đoán của các vấn đề này không chỉ dừng lại ở những quốc gia có liên quan trực tiếp, mà còn lan rộng đến các

quốc gia khác cả trong và ngoài khu vực. Đơn cử là các vấn đề tranh chấp lãnh hải tại Biển Đông và biển Hoa Đông, tình hình an ninh trên bán đảo Triều Tiên, khủng hoảng chính trị tại Myanmar... đe dọa trực tiếp hoặc tác động đến an ninh và lợi ích của các quốc gia trong và ngoài khu vực. Giải quyết những nguy cơ này đòi hỏi các quốc gia thành viên trong khu vực phải tăng cường hợp tác và đối thoại toàn diện, trên nhiều kênh ngoại giao, nhiều cấp độ và nhiều phương diện khác nhau. Vì thế, để tìm kiếm giải pháp thiết thực cho các điểm nóng an ninh kéo dài dai dẳng mà chưa có giải pháp hữu hiệu, khu vực châu Á - Thái Bình Dương cần tạo lập thêm các cơ chế đối ngoại quốc phòng đa phương và bình đẳng.

Kể từ sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, khu vực này đã xuất hiện một diễn đàn an ninh tiêu biểu như ARF - một diễn đàn Kênh 1 hay CSCAP - một diễn đàn Kênh 2 bao gồm giới học giả và các nhà phân tích có uy tín. Thế nhưng, đa phần các cơ chế đa phương cũ vẫn chưa đạt được những hệ quả như mong đợi. ARF với ASEAN là trọng tâm và thành phần tham gia là các Bộ trưởng ngoại giao của các nước trong khu vực, còn các chuyên gia của CSCAP thì không có tác động nhiều đến quyết sách quốc gia, những vấn đề về an ninh vẫn chưa được đạt được hiệu quả. Bài toán tạo dựng một mô hình đối ngoại quốc phòng đa phương hiệu quả cần đảm bảo được các yếu tố: tính chính danh (sự tham gia của các bộ trưởng quốc phòng) và tính đa phương (không chịu sự chi phối của một quốc gia). Mô hình Đối thoại Shangri-La đảm bảo được cả hai yếu tố trên khi vừa có sự tham gia của các quan chức và các chuyên gia quốc phòng của các nước, vừa đảm bảo có sự hiện diện của nhiều đối trọng quyền lực trong khu vực như Ấn Độ, Nhật Bản, Trung Quốc... và đặc biệt là Mỹ. Thêm vào đó, đối ngoại quốc phòng, mà tiêu biểu là hình mẫu Đối thoại Shangri-La là cơ chế đa phương về an ninh và quốc phòng có đầy đủ khả năng trong việc định hình nền tảng an ninh của khu vực. Chính vì thế, cơ chế đối ngoại quốc phòng này không đơn thuần tạo điều kiện để các vấn đề an ninh khu vực được bàn luận đa phương, mà còn tạo điều kiện cho các quốc gia tự tổ chức các buổi gặp gỡ, tạo dựng cam kết an ninh cho riêng mình.

Ba là, sự tham gia của các nhà lãnh đạo cấp cao và nội dung đối thoại chuyên sâu thu hút sự quan tâm và hiện diện của các nước trong và ngoài khu vực.

Đối thoại Shangri-La thu hút sự tham gia của các nhà lãnh đạo cấp cao từ các nước châu Á và các châu lục khác, đặc biệt là các nước lớn như Mỹ. Sự tham gia của các nhà lãnh đạo này đã đem lại một mức độ quan tâm cao và tầm nhìn rộng hơn cho các vấn đề được bàn luận. Nội dung Đối thoại Shangri-La qua các kỳ đều đáp ứng nhu cầu của các quốc gia tham gia, trong đó tập trung vào các vấn đề an ninh khu vực và quốc tế, bao gồm chính sách quốc phòng, chiến lược quân sự và các mối đe dọa khác đến an ninh khu vực. Sự chuyên sâu trong nội dung chương trình nghị sự đã đáp ứng nhu cầu của các quốc gia tham gia và giúp cho đối thoại có ý nghĩa thực tiễn và hiệu quả, giúp cho các nhà lãnh đạo thảo luận và đưa ra các quyết định hiệu quả hơn. Cùng với đó, sự gia tăng các thách thức an ninh và chính trị trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương cũng sẽ thúc đẩy sự quan tâm và sự tham gia của các quốc gia và nhà lãnh đạo trong các cuộc hội nghị tương tự như Đối thoại Shangri-La.

Chương trình nghị sự luôn phản ánh những vấn đề an ninh mới nhất và nổi bật nhất của khu vực và thế giới, cùng với thành phần tham dự ở cấp ngày càng cao, quy mô ngày càng đông đảo và đa dạng là những yếu tố làm nên sức hút to lớn của Đối thoại Shangri-La. Vì vậy, Đối thoại Shangri-La là một sự kiện quan trọng trên trường quốc tế và luôn được quan tâm và đưa tin trong các phương tiện truyền thông. Sự quan tâm của truyền thông đã giúp nâng cao nhận thức về các vấn đề an ninh và chính trị trong khu vực và đẩy mạnh tinh thần. Cho đến nay, đây là một trong những diễn đàn an ninh lớn nhất, uy tín nhất và thu hút sự quan tâm nhiều nhất ở châu Á. Các diễn đàn khác trong khu vực như Diễn đàn Hương Sơn - Bắc Kinh (Trung Quốc), Đối thoại Quốc phòng Seoul (Hàn Quốc)... ra đời sau, có mô hình tổ chức tương tự nhưng chưa thể cạnh tranh được với Đối thoại Shangri-La.

Bốn là, cấu trúc linh hoạt, cơ chế tổ chức chuyên nghiệp giúp tăng hiệu quả hoạt động của các nước tham dự.

Đặc điểm nổi bật của Đối thoại Shangri-La là tính chất không chính thức nhưng lại có sức nặng đáng kể trong việc định hình nhận thức chiến lược và dư luận chính sách của các quốc gia tham dự. Không giống như các thể chế an ninh chính thức như ARF hay ADMM+, diễn đàn này có cấu trúc linh hoạt, không bị ràng buộc bởi các nguyên tắc cứng nhắc, cho phép các nước nêu quan điểm một cách thẳng thắn, đồng thời thúc đẩy các tiếp xúc song phương bên lề một cách linh hoạt và hiệu quả. Đối với khu vực và quốc tế, Đối thoại Shangri-La có ảnh hưởng đa chiều. Một mặt, diễn đàn này giúp thu hẹp khoảng cách nhận thức, tăng cường minh bạch hóa chính sách quốc phòng và thúc đẩy xây dựng lòng tin chiến lược. Mặt khác, đây cũng là nơi diễn ra các cạnh tranh công khai, từ đó tạo ra dư luận chiến lược và định hình môi trường an ninh khu vực. Trong khi các diễn đàn an ninh khu vực chính thức như ADMM+ vẫn bị chi phối bởi nguyên tắc đồng thuận và thường đưa ra tuyên bố chung có tính chất chung chung, thì Đối thoại Shangri-La lại cho phép các quốc gia nêu trực tiếp quan điểm, phản biện và đề xuất sáng kiến một cách cụ thể hơn, dù không có giá trị ràng buộc pháp lý.

Đối thoại Shangri-La có không gian mở, kéo dài trong nhiều ngày đã cung cấp đủ thời gian cho các nhà lãnh đạo để đàm phán, thảo luận và đưa ra các quyết định quan trọng. Đối thoại cũng được chuẩn bị kỹ lưỡng và tổ chức chuyên nghiệp, với sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế như IISS, các đại sứ quán và các tổ chức phi chính phủ khác giúp cho đối thoại được diễn ra suôn sẻ và thành công. Tiến sĩ John Chipman và IISS có vai trò to lớn, quyết định đến sự hình thành và phát triển của Đối thoại Shangri-La trong hơn 20 năm qua. IISS là một trong những tổ chức nghiên cứu, tham mưu chính sách lớn và uy tín nhất của Vương quốc Anh và thế giới. Chỉ những tổ chức có uy tín lớn mới có thể tìm kiếm được sự ủng hộ từ cấp lãnh đạo của Mỹ và các quốc gia trong khu vực ngay từ lần tổ chức Đối thoại Shangri-La đầu tiên đã giúp ý tưởng về việc tổ chức một cơ chế đối thoại an ninh cấp cao của khu vực châu Á trở thành hiện thực và ngày càng thành công cho đến tận ngày nay, góp phần quan trọng vào sự phát triển mạnh mẽ của cơ chế này. Sự hỗ

trợ này đã giúp cho đối thoại được tổ chức một cách hiệu quả hơn và có sự tham gia của nhiều quốc gia khác nhau.

IISS đã rất khôn ngoan và tinh táo, không biến Đối thoại Shangri-La thành một đối thủ cạnh tranh trực tiếp với các cơ chế hợp chính thức giữa Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN và các nước đối tác (ADMM/ADDMM+), ARF bằng cách duy trì cơ chế này theo hình thức Đối thoại (trao đổi cởi mở, không có kết luận và không tạo ra hình thức cam kết nào giữa các quốc gia). Bên cạnh đó, trong trao đổi với tác giả năm 2024, bà Veerle Nouwens, Giám đốc IISS khu vực châu Á, cho biết, từ sau khi trở lại sau đại dịch COVID-19, ngày càng nhiều nguyên thủ quốc gia bày tỏ mong muốn đến tham dự Đối thoại Shangri-La. Một mặt, điều này giúp Đối thoại Shangri-La nâng cao uy tín trong khu vực, mặt khác IISS luôn tinh táo, để giữ cho Diễn đàn này là một cơ chế cấp Bộ trưởng bởi sự chuyển đổi sang một cơ chế cấp cao sẽ khiến Đối thoại Shangri-La thay đổi bản chất đối thoại Kênh 1.5, gặp nhiều khó khăn trong việc tổ chức các cuộc trao đổi thẳng thắn, cởi mở như đã thực hiện được trong những năm qua.

Sự linh hoạt trong cơ chế tổ chức, sự hỗ trợ mạnh mẽ về tài chính và chính trị của Chính phủ một số cường quốc hàng đầu thế giới và khu vực, uy tín của IISS cùng sự phối hợp hiệu quả của nước chủ nhà Singapore đã và đang là những nhân tố chính làm nên thành công của Đối thoại Shangri-La.

Năm là, tinh thần tôn trọng và kiên trì trong đối thoại.

Đối thoại Shangri-La đã tạo ra một sân chơi để các quốc gia trong khu vực và các nhà lãnh đạo quân sự cùng thảo luận về các vấn đề an ninh chung, trở thành một nơi để chia sẻ ý tưởng và kinh nghiệm về an ninh, góp phần thúc đẩy sự thay đổi trong chính sách an ninh của các quốc gia trong khu vực. Sự tham dự của nhiều quốc gia đã tạo ra một sự đa dạng ý kiến, đưa các quốc gia và nhà lãnh đạo quân sự lại gần nhau hơn và tạo ra một môi trường để họ trao đổi ý kiến, học hỏi lẫn nhau. Các nhà lãnh đạo đến với Đối thoại Shangri-La không chỉ để trình bày quan điểm của mình, mà còn để lắng nghe ý kiến của các bên, nắm bắt quan điểm của nhau. Thông qua diễn đàn này, các quốc gia đã có cơ hội thúc đẩy sự hợp tác và hiểu biết

chung để đưa ra đánh giá chính xác hơn về tình hình, đưa ra các giải pháp phù hợp với tình hình hiện tại để giảm thiểu những bất đồng, mâu thuẫn trong khu vực và tăng cường sự ổn định an ninh. Tinh thần tôn trọng và kiên trì trong đối thoại đã giúp cho các nhà lãnh đạo tham dự Đối thoại Shangri-La đạt được sự đồng thuận chung trong nhiều vấn đề an ninh khu vực.

3.3.3. Hạn chế của Đối thoại Shangri-La và nguyên nhân

3.3.3.1. Hạn chế của Đối thoại Shangri-La

Thứ nhất, mặc dù Đối thoại Shangri-La là một nơi để các quốc gia trong khu vực đến gặp gỡ và thảo luận về các vấn đề an ninh, tuy nhiên, nó vẫn chưa thật sự có tính chất rộng rãi và toàn diện. Một số vấn đề quan trọng vẫn chưa được thảo luận đầy đủ hoặc không được đề cập trong các phiên họp.

Đối thoại Shangri-La luôn bám sát những diễn biến mới nhất của môi trường an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương và các vấn đề an ninh nổi bật của thế giới. Điều này khiến cho quan hệ Mỹ - Trung luôn là một trong những chủ đề quan trọng nhất và xuyên suốt qua các kỳ Đối thoại Shangri-La. Kể từ năm 2019, khi Đối thoại Shangri-La bắt đầu dành riêng một phiên Toàn thể cho Trung Quốc và Trung Quốc bắt đầu liên tục cử Bộ trưởng Quốc phòng tham dự, cơ chế này ngày càng tập trung nhiều hơn vào cuộc cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc. Một mặt, điều này nâng cao vị thế của Đối thoại Shangri-La và thu hút ngày càng nhiều sự quan tâm của lãnh đạo các quốc gia trong khu vực cũng như giới nghiên cứu và truyền thông của khu vực và thế giới. Mặt khác, điều này cũng có nguy cơ khiến các nước khác dần cảm thấy vị thế quốc gia ngày càng mờ nhạt, có thể chỉ là “người quan sát” hoặc “người phụ họa” cho cuộc tranh luận giữa “hai nhân vật chính”. Đơn cử, cạnh tranh Mỹ - Trung và cuộc xung đột Nga - Ukraine được đánh giá là 2 tâm điểm của Đối thoại Shangri-La 19. Cuộc chiến tại Ukraine là chủ đề chi phối trong cuộc thảo luận bàn tròn giữa Bộ trưởng các nước Mỹ, Trung Quốc, Singapore, Malaysia, Canada, Brunei, Fiji, Sri Lanka và Qatar. Subhranshu Sekhar Das, thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty tư vấn Frost và Sullivan của Mỹ, chia sẻ trên báo Nikkei (Nhật Bản) rằng, các cuộc thảo luận về căng thẳng ở châu Á, dù là về Đài Loan

(Trung Quốc) hay Biển Đông, đều đề cập tới xung đột Nga - Ukraine. Trong đó, Mỹ chỉ trích Trung Quốc gián tiếp hỗ trợ Nga trong bối cảnh Nga bị phương Tây trừng phạt do thực hiện chiến dịch quân sự vào Ukraine.

Bên cạnh đó, Đối thoại đôi khi có xu hướng bị chi phối bởi các vấn đề liên quan tới nước lớn, nhất là dưới tác động và dẫn dắt của hai chủ thể lớn là Mỹ và Trung Quốc, mà chưa tập trung giải quyết các vấn đề an ninh trực tiếp ở khu vực. Chẳng hạn, tại Đối thoại Shangri-La 20 năm 2023, bên cạnh vấn đề cạnh tranh Mỹ - Trung, xung đột Nga - Ukraine đã có tác động nhất định tới các thảo luận tại Đối thoại. Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ chỉ trích hành động quân sự của Nga ở Ukraine là một ví dụ về việc thế giới sẽ trở nên nguy hiểm nếu các nước lớn có thể xâm lược các nước láng giềng mà không bị trừng phạt. Trong khi đó, Bộ trưởng Quốc phòng Trung Quốc cho biết, Trung Quốc bày tỏ quan điểm khách quan về xung đột Nga - Ukraine, Trung Quốc đang thúc đẩy các cuộc đàm phán để giúp chấm dứt xung đột ở Ukraine. Theo tờ Politico, Bộ trưởng Quốc phòng các nước Anh (Ben Wallace), Đức (Boris Pistorius), Hà Lan (Kajsa Ollongren) và Thụy Điển (Pål Jonson), đại diện an ninh EU, đại diện NATO tham dự và phát biểu về vấn đề Ukraine phản ánh việc châu Âu đang rất quan ngại khi các nước châu Á không hành động đủ để lên án Nga và ủng hộ Ukraine, đồng thời các nước này tăng cường nỗ lực nhằm gây ảnh hưởng trực tiếp đến lãnh đạo các nước châu Á, để tập hợp sự ủng hộ cho Ukraine trong cuộc chiến chống lại Nga. Tuy nhiên, theo Đài phát thanh Công cộng quốc gia (NPR, trụ sở tại Washington, Mỹ), các quốc gia Đông Nam Á không hoàn toàn bị ảnh hưởng bởi những lập luận ủng hộ Ukraine. Các nước như Thái Lan và Malaysia đã từ chối lên án cuộc xâm lược của Nga, trong khi Bộ trưởng Quốc phòng Indonesia Prabowo Subianto đã đề xuất kế hoạch thành lập một khu phi quân sự giữa các lãnh thổ Ukraine do Nga chiếm đóng và phần còn lại của Ukraine. Dù đề xuất này ngay lập tức bị Bộ trưởng Quốc phòng Ukraine Oleksei Reznikov phản đối, nhưng đại biểu các nước Đông Nam Á thể hiện thái độ thận trọng, trong đó Bộ trưởng Quốc phòng Campuchia sau đó đã kêu gọi thúc đẩy đàm phán chấm dứt chiến tranh. Những điều này cũng phản ánh sự khó xử của các nước khu vực, nhất

là các quốc gia Đông Nam Á, khi bị “kéo vào tranh cãi” giữa các nước lớn đối với một vấn đề an ninh diễn ra ở ngoài khu vực.

Thứ hai, các quốc gia trong khu vực có những quan điểm và lợi ích khác nhau đối với các vấn đề an ninh, dẫn đến sự chênh lệch trong các quan điểm và khó khăn trong việc đạt được sự thỏa hiệp và đồng thuận để giải quyết những thách thức an ninh đang nổi lên.

Các tranh chấp giữa các quốc gia trong khu vực là một trong những vấn đề quan trọng cần phải giải quyết, nhưng Đối thoại Shangri-La không thể giải quyết các tranh chấp này một cách trực tiếp và đôi khi chỉ dẫn đến các cam kết chung nhưng không có hành động cụ thể để giải quyết tranh chấp.

Thứ ba, một số quốc gia có thể sử dụng Đối thoại Shangri-La như một nơi để thể hiện sự quan tâm của mình đối với an ninh khu vực, nhưng thực tế không có kế hoạch cụ thể hoặc hành động để thực hiện các cam kết. Mỹ và đồng minh tận dụng triệt để mọi cơ hội tại Đối thoại Shangri-La để lôi kéo, tập hợp lực lượng trong khu vực bằng cách chỉ trích các quốc gia đối thủ như Trung Quốc và Nga, đồng thời thể hiện tính ưu việt và lợi ích của mạng lưới đồng minh và đối tác trong khu vực.

Thứ tư, Đối thoại Shangri-La có xu hướng bị chính trị hóa khi tính chất Kênh 1 ngày càng tăng. Mặc dù Đối thoại Shangri-La không đưa ra kết luận về các chủ đề thảo luận, không ký kết các văn kiện chung nhưng trong các cuộc gặp song phương, tiểu đa phương bên lề, các nước có thể thống nhất nội dung hợp tác bằng lời nói hoặc văn bản.

Trong những năm gần đây, Đối thoại Shangri-La có xu hướng bị can thiệp ngày càng mạnh mẽ. Việc Trung Quốc được Ban Tổ chức dành riêng cho một phiên Toàn thể giống như Mỹ có thể là một bước nhượng bộ để bảo đảm nước này thường xuyên tham dự ở cấp Bộ trưởng. Bên cạnh đó, tại Đối thoại Shangri-La 21 năm 2024, Indonesia cũng can thiệp để Ban Tổ chức điều chỉnh chương trình nghị sự ban đầu, bố trí một hoạt động riêng cho Tổng thống đặc cử, Bộ trưởng Quốc phòng là “Phát biểu đặc biệt”. Năm 2022, vào thời điểm xung đột Nga - Ukraine mới nổ ra cách đó vài tháng, Tổng thống Ukraine bất ngờ được bố trí phát biểu qua video.

Điều này đã khiến một số quốc gia bị rơi vào thế khó xử ngoại giao, nhất là việc truyền thông đã đưa ra các thông tin phân tích về thái độ của các nước đối với phát biểu của Tổng thống Ukraine, qua đó tạo dư luận không tốt về hình ảnh quốc gia. Trong Đối thoại Shangri-La 20 năm 2023 và Đối thoại Shangri-La 21 năm 2024, Ban Tổ chức tiếp tục bất ngờ thông báo sự xuất hiện của Tổng thống Ukraine Volodymyr Zelensky (phát biểu qua băng hình năm 2023 và tham dự trực tiếp năm 2024). Trong cả ba lần, sự tham dự của Tổng thống Ukraine đều được giữ kín, chỉ thông báo trước một ngày, khiến nhiều đoàn đại biểu cảm thấy không thoải mái, nhất là những quốc gia có quan hệ hữu nghị với Nga.

3.3.3.2. Về nguyên nhân hạn chế của Đối thoại Shangri-La

Hạn chế của Đối thoại Shangri-La xuất phát từ những nguyên nhân sau:

Một là, không phải tất cả các quốc gia trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương đều được mời tham gia, do đó Đối thoại Shangri-La có thể bị thiếu sự đại diện và góc nhìn của một số quốc gia.

Hai là, do vấn đề tính chất bí mật của một số thông tin an ninh, các quốc gia có thể không chia sẻ thông tin đầy đủ về chính sách an ninh của mình.

Ba là, không có các cam kết ràng buộc được đưa ra và các quốc gia có thể không chấp nhận quan điểm của nhau về một số vấn đề an ninh. Đối thoại Shangri-La là một diễn đàn thảo luận an ninh quan trọng, một cuộc hội thảo chính sách, nhưng lại không có bất kỳ quyết định hoặc cam kết chính thức nào được đưa ra và không có tính ràng buộc pháp lý đối với các quốc gia tham gia. Các quốc gia tham gia chỉ đơn giản là thảo luận và trao đổi thông tin về các vấn đề an ninh chung và tìm kiếm sự đồng thuận trong các vấn đề này. Đối thoại Shangri-La cũng không thể thay thế hoặc phá vỡ các hiệp định và cam kết khác giữa các quốc gia. Các nước tham gia Đối thoại Shangri-La vẫn cần phải tuân thủ các hiệp định và quy định pháp lý khác đang tồn tại giữa các quốc gia.

Bốn là, đôi khi các quốc gia tham gia Đối thoại Shangri-La có xu hướng chỉ quan tâm đến lợi ích riêng của mình, hơn là quan tâm đến lợi ích chung của khu

vực. Điều này có thể dẫn đến khó khăn trong việc đạt được sự đồng thuận và thỏa hiệp giữa các quốc gia.

Các quốc gia tham dự Đối thoại Shangri-La đều theo đuổi những mục tiêu chiến lược nhất định. Các quốc gia có thể sử dụng Đối thoại Shangri-La để thể hiện quan điểm và tầm quan trọng của họ trong khu vực. Một số quốc gia có thể sử dụng Đối thoại Shangri-La như một nơi để phát biểu chính sách và giới thiệu các kế hoạch quân sự mới, trong khi các quốc gia khác có thể sử dụng nó để thảo luận và giải quyết các vấn đề an ninh và chính trị quan trọng. Điển hình, Mỹ sử dụng diễn đàn như một công cụ để tái khẳng định vai trò lãnh đạo khu vực, tập hợp liên minh và lên tiếng trước các hành vi mà nước này cho là gây mất ổn định khu vực, đặc biệt là trên Biển Đông. Ngược lại, Trung Quốc dần chuyển từ thế phòng thủ sang chủ động công kích, không chỉ bảo vệ lập trường của mình mà còn tìm cách tạo ảnh hưởng đối với các nước nhỏ. Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia... tận dụng cơ hội để khẳng định vai trò của các cường quốc trung bình, thúc đẩy trật tự dựa trên luật lệ. Trong khi đó, các nước ASEAN tiếp cận diễn đàn nhằm thể hiện quan điểm, tranh thủ hỗ trợ quốc tế và duy trì ổn định trong cấu trúc an ninh khu vực.

Trong thực tế, đã có những cuộc tranh luận, tranh cãi giữa các quốc gia tham gia trong Đối thoại Shangri-La, đặc biệt là trong các cuộc phát biểu chính sách chính trị. Các nước có thể lợi dụng Đối thoại Shangri-La để đưa ra quan điểm của mình và chỉ trích các quốc gia khác, đôi khi có thể tập trung vào việc đề cao những mối quan ngại an ninh của mình và nhắm vào các nước khác như Mỹ hay Trung Quốc. Trong đó, các nước lớn có thể lợi dụng Đối thoại Shangri-La để tăng cường hiện diện và can dự của mình trong khu vực, tiềm ẩn gây ra căng thẳng và mâu thuẫn trong khu vực, đặc biệt là trong các vấn đề đang gây tranh cãi. Tình trạng căng thẳng giữa các nước lớn có thể gây ảnh hưởng đến việc thảo luận và đưa ra quyết định tại Đối thoại Shangri-La.

Năm là, Đối thoại Shangri-La gặp khó khăn trong việc đảm bảo rằng sự hiện diện của các nước lớn sẽ đóng góp vào việc thúc đẩy hòa bình, ổn định và hợp tác an ninh trong khu vực.

Một trong những đặc điểm đáng chú ý của Đối thoại Shangri-La là vai trò ngày càng nổi bật của cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc. Diễn đàn này đã trải qua ba giai đoạn phát triển chính: từ giai đoạn khởi đầu có phần thận trọng, đến giai đoạn Mỹ tăng cường công khai chiến lược “xoay trục” và chỉ trích Trung Quốc và hiện nay là giai đoạn Trung Quốc phản công mạnh mẽ, tìm cách định hình lại dư luận tại diễn đàn. Trong bối cảnh này, các nước vừa và nhỏ gặp phải những áp lực đáng kể trong ứng xử đối ngoại, đặc biệt là việc duy trì lập trường cân bằng, không chọn phe phái.

Đáng chú ý, gần đây, Đối thoại Shangri-La đang dần trở thành một diễn đàn quan trọng để các cường quốc (chủ yếu là Mỹ và Trung Quốc) tận dụng để mở rộng ảnh hưởng và tập hợp lực lượng trong khu vực. Mỹ đã tham dự Đối thoại Shangri-La ở cấp Bộ trưởng liên tục từ kỳ họp đầu tiên cho đến nay. Đoàn Mỹ cũng luôn là một trong số những đoàn đại biểu hùng hậu nhất ở mỗi kỳ Đối thoại Shangri-La. Bên cạnh đó, đoàn Mỹ cũng luôn giành được một vị trí đặc biệt trong mỗi kỳ họp: Phiên toàn thể thứ nhất của mỗi kỳ Đối thoại luôn được dành riêng cho Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ. Mỹ đã tận dụng rất tốt các cơ hội phát biểu tại mỗi kỳ Đối thoại Shangri-La để trình bày lập trường, quan điểm, ý định, kế hoạch về các vấn đề quốc tế và khu vực; kêu gọi các quốc gia trong khu vực tham gia vào các chiến lược, kế hoạch của Mỹ; đồng thời công kích các đối thủ trong khu vực, đặc biệt là Trung Quốc và Nga.

Sáu là, dù các nhà tổ chức đang nỗ lực để đảm bảo rằng các vấn đề chính vẫn được tập trung và giải quyết trong phiên họp chính thức của Đối thoại Shangri-La, nhưng sự tập trung của các vấn đề thảo luận trong Đối thoại Shangri-La có thể bị ảnh hưởng bởi sự gia tăng số lượng các quốc gia tham gia. Với sự gia tăng của các thách thức an ninh và chính trị trong khu vực, sự cạnh tranh để tăng cường ảnh hưởng tại Đối thoại Shangri-La cũng có thể sẽ tiếp tục gia tăng.

3.4. Dự báo xu hướng phát triển của Đối thoại Shangri-La

Đối thoại Shangri-La là sự kết hợp giữa một diễn đàn không chính thức đa phương thuộc Kênh 1.5 với các cuộc gặp song phương và các nhóm nhỏ. Mặc dù

cho rằng cơ chế đối thoại đa phương chỉ là phần vỏ, trong khi các cuộc tiếp xúc song phương mới là cấu phần quan trọng nhất của Đối thoại Shangri-La, từ năm 2010, Capie và Taylor đã dự đoán một cách chính xác rằng cấu phần đa phương sẽ ngày càng đóng vai trò quan trọng [David Capie & Brendan Taylor, 2010].

Tuy nhiên, từ sự phát triển của các cơ chế đa phương khác do các nước lớn chủ trì dẫn dắt, dự báo thời gian tới, sự phát triển của các cơ chế đa phương khác đặt ra một số vấn đề với Đối thoại Shangri-La theo 03 kịch bản như sau:

Kịch bản thứ nhất: Đối thoại Shangri-La phát triển mạnh mẽ, lấn át các cơ chế đối thoại, hợp tác quốc phòng - an ninh khác trong khu vực. Với kinh nghiệm, uy tín lớn của IISS cùng với sự hỗ trợ mạnh mẽ của Mỹ và về chính trị và tiềm lực tài chính và sự tham gia tích cực của Trung Quốc cùng các quốc gia khác trong khu vực, Đối thoại Shangri-La có tiềm năng vươn lên phát triển thành một cơ chế đối thoại bao trùm, thu hút sự quan tâm mạnh mẽ của khu vực và thế giới, thậm chí lấn át, làm mờ nhạt các cơ chế đối thoại khác trong khu vực như Diễn đàn Hương Sơn Bắc Kinh của Trung Quốc, Đối thoại Quốc phòng Seoul của Hàn Quốc hay ARF của ASEAN. Với tính chất chính trị ngày càng tăng, không loại trừ khả năng Đối thoại Shangri-La phát triển thành một Hội nghị với những cam kết hoặc hình thức hợp tác thực chất giữa Bộ Quốc phòng và Quân đội một số quốc gia trong khu vực. Ngoài ra, Đối thoại Shangri-La cũng có thể trở thành một diễn đàn an ninh khu vực cấp lãnh đạo kết hợp cấp Bộ trưởng.

Kịch bản thứ hai: Đối thoại Shangri-La duy trì quy mô, mức độ và tính chất hợp tác như hiện nay. Trên thực tế, mặc dù có sức hút lớn, IISS hiện nay chủ trương duy trì Đối thoại Shangri-La là một diễn đàn đối thoại cấp Bộ trưởng Quốc phòng của các quốc gia trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, thay vì phát triển thành Hội nghị chính thức với những hình thức cam kết hoặc sáng kiến hợp tác về quốc phòng, an ninh; hoặc trở thành một diễn đàn cấp lãnh đạo. Tuy nhiên, có thể Đối thoại Shangri-La sẽ hướng tới tập trung thảo luận sâu về các vấn đề quốc phòng, an ninh của khu vực và tạo điều kiện cho các hoạt động bên lề như các cuộc tiếp xúc song phương, tiểu đa phương và các cuộc họp của lực lượng tình báo các nước.

Kịch bản thứ ba: Đối thoại Shangri-La dần suy giảm sức hút và quy mô hoạt động. Với xu hướng phát triển trong những năm gần đây, Diễn đàn Hương Sơn Bắc Kinh có tiềm năng vươn lên trở thành một diễn đàn quốc phòng - an ninh lớn của khu vực, cạnh tranh trực tiếp với Đối thoại Shangri-La. Trong trường hợp Trung Quốc quyết định chấm dứt sự tham dự hoặc chỉ tham dự Đối thoại Shangri-La ở cấp thấp để tập trung phát triển Diễn đàn Hương Sơn Bắc Kinh, kết hợp với việc tác động để một số quốc gia châu Á giảm cấp tham dự Đối thoại Shangri-La, IISS sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc duy trì sức hút của cơ chế này như hiện nay.

Ngoài ra, so sánh với các cơ chế an ninh đa phương khác do ASEAN dẫn dắt giúp nhận diện xu hướng phát triển của Đối thoại Shangri-La thời gian tới.

Bảng 3.1. Bảng so sánh Đối thoại Shangri-La - ADMM+ - ARF dưới góc nhìn quốc gia nhỏ

Tiêu chí	Đối thoại Shangri-La	ADMM+	ARF
Chủ thể điều phối	IISS (tổ chức tư nhân), chủ nhà Singapore; Kênh 1.5	ASEAN dẫn dắt (Bộ trưởng QP ASEAN+8 đối tác); kênh 1	ASEAN dẫn dắt; kênh 1 (đối ngoại - an ninh rộng); kênh 1.
Tính chất pháp lý / ràng buộc	Không ràng buộc, định hướng nghị sự, phát tín hiệu chiến lược	Tương đối chính thức; có Tuyên bố, Nhóm chuyên gia, diễn tập	Thấp; nhấn mạnh tham vấn, xây dựng lòng tin
Thành phần & Mức độ cao cấp	Bộ trưởng QP, Tướng lĩnh + học giả, DN; cao, mở	Bộ trưởng QP các bên; chính thức, theo chu kỳ ASEAN	Ngoại giao + quốc phòng; đa thành phần chính phủ
Khả năng tạo chuẩn mực (norm-setting)	Cao về diễn ngôn, định hình khái niệm (Biển Đông,	Cao về thực thi chuẩn mực vận hành và hợp tác	Trung bình; ưu tiên nguyên tắc chung, đồng

	minh bạch, CUES/INCSEA mang tính tham chiếu)	thực địa	thuận
Không gian cho quốc gia nhỏ	Rộng: phát biểu, định nghĩa vấn đề, gặp song phương bên lề	Rộng nhưng theo khuôn khổ ASEAN; cần năng lực điều phối	Rộng; an toàn chính trị, tiếng nói dễ được ghi nhận
Kết quả hữu hình	Tín hiệu chính sách, thông điệp chiến lược; tạo dư luận chiến lược	Sáng kiến hợp tác, diễn tập HADR/CG/Piracy, cơ chế EWG	Tuyên bố nguyên tắc, dự án CBMs
Rủi ro / Hạn chế	Dễ bị “sân khấu hóa” cạnh tranh cường quốc; không theo dõi thực thi	Quan liêu, tiến độ chậm; phụ thuộc đồng thuận ASEAN	Loãng nghị sự; hiệu quả hạn chế trong vấn đề cứng
Giá trị sử dụng cho Việt Nam	Định vị vai trò, phát tín hiệu luật lệ, vận động dư luận; xây mạng lưới	Nâng năng lực thực thi, kết nối quân sự - quốc phòng	Tạo đồng thuận chính trị - ngoại giao rộng, tránh bị cô lập

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Từ Bảng 3.1 cho thấy sự so sánh giữa Đối thoại Shangri-La - ADMM+ - ARF dưới góc nhìn quốc gia nhỏ, có thể đưa ra một số dự báo ngắn về “cạnh tranh thể chế”: (i) ADMM+ có xu hướng tiếp tục hút nguồn lực hợp tác thực địa (hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thảm họa, an ninh biển, gìn giữ hòa bình...), khiến Đối thoại Shangri-La càng “đặc sản hóa” vào chức năng định hình diễn ngôn và phát tín hiệu

chiến lược. (ii) ARF có nguy cơ mất dần trọng tâm an ninh cứng, nhưng vẫn giữ vai trò bộ đệm chính trị; kịch bản phân công chức năng tự nhiên sẽ là Đối thoại Shangri-La đóng vai trò phát tín hiệu/định vị, ADMM+ tích cực trong triển khai thực thi/hợp tác thực tiễn, ARF giữ vai trò duy trì bao trùm/giảm căng thẳng. Theo đó, Đối thoại Shangri-La sẽ là nơi tối ưu để định vị và kiến tạo diễn ngôn; ADMM+ là kênh tối ưu cho hợp tác thực địa và chuẩn mực vận hành; ARF cung cấp hành lang chính trị - ngoại giao bao trùm giúp duy trì đối thoại khi căng thẳng leo thang.

Đánh giá tổng thể, trong bối cảnh cấu trúc an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang có những chuyển biến nhanh chóng, Đối thoại Shangri-La nổi lên như một trong những cơ chế đối thoại quốc phòng-an ninh quan trọng, có giá trị chiến lược đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương và ảnh hưởng sâu rộng nhất tại khu vực. Đây là diễn đàn đối thoại thường niên quy tụ lãnh đạo quốc phòng cấp cao, học giả, chuyên gia và giới hoạch định chính sách từ nhiều quốc gia, đặc biệt là các cường quốc và các nước Đông Nam Á. Mặc dù còn tồn tại một số hạn chế như chưa có giá trị pháp lý ràng buộc, hoặc có nguy cơ bị “vũ khí hóa” bởi các cường quốc để gây áp lực dư luận, song đây vẫn là một trong số ít các diễn đàn có khả năng định hình tư duy chiến lược và lan tỏa thông điệp chính sách hiệu quả. Trong tương lai, dự báo xu hướng phát triển của Đối thoại Shangri-La trong tương lai sẽ tiếp tục tăng trưởng và phát triển với những triển vọng tích cực. Đối thoại Shangri-La có nhiều khả năng tiếp tục giữ vai trò trung tâm trong các thảo luận về an ninh khu vực, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ - Trung chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, và các quốc gia vừa và nhỏ ngày càng có nhu cầu khẳng định vai trò tại các cơ chế đa phương. Đối thoại sẽ tiếp tục là nơi quan trọng để các quốc gia trong khu vực có thể thảo luận và giải quyết các vấn đề an ninh và chính trị quan trọng. Những chuyển động của tình hình thế giới và bối cảnh an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương là những vấn đề lớn đặt ra và sẽ có tác động, chi phối đáng kể đến chương trình nghị sự của Đối thoại Shangri-La trong thời gian tới. Đặc biệt, các vấn đề liên quan đến Biển Đông, Triều Tiên, chống khủng bố, an ninh mạng, đầu tư hạ tầng và phát triển kinh tế có thể sẽ tiếp tục được đặt ra và thảo luận tại cơ chế này. Ngoài ra,

Đối thoại Shangri-La cũng có triển vọng tiếp tục tăng cường sự hiểu biết và quan tâm đến ASEAN. Điều này có thể góp phần thúc đẩy các mối quan hệ đối tác và đầu tư trong khu vực. Với tầm quan trọng và vai trò quan trọng của mình, Đối thoại Shangri-La sẽ tiếp tục phát triển và trở thành một nơi quan trọng để các quốc gia trong khu vực có thể tìm kiếm giải pháp cho các vấn đề an ninh và chính trị quan trọng, đồng thời góp phần tăng cường các mối quan hệ đối tác trong khu vực.

Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở phân tích quá trình hình thành và phát triển của Đối thoại Shangri-La từ năm 2002 đến năm 2025, Chương 3 của luận án đã làm rõ một số kết quả nghiên cứu chủ yếu:

Thứ nhất, chương 3 chỉ ra rằng Đối thoại Shangri-La đã phát triển từ một diễn đàn trao đổi chính sách quốc phòng mang tính tham vấn thành một không gian đối thoại an ninh đa phương có mức độ ảnh hưởng ngày càng gia tăng trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Sự phát triển này thể hiện qua việc mở rộng quy mô tham dự, nâng cao cấp độ đại diện và gia tăng chiều sâu nội dung thảo luận.

Thứ hai, chương này phân tích quá trình vận động của Đối thoại Shangri-La chịu tác động mạnh mẽ từ bối cảnh địa chính trị khu vực và quốc tế, đặc biệt là cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Diễn đàn này vừa là nơi phản ánh, vừa là kênh tương tác của các xu hướng cạnh tranh và hợp tác an ninh, qua đó góp phần định hình nhận thức và hành vi của các chủ thể tham gia.

Thứ ba, làm rõ rằng, mặc dù không có tính ràng buộc pháp lý, Đối thoại Shangri-La vẫn có vai trò đáng kể trong việc thúc đẩy xây dựng lòng tin, tăng cường minh bạch chính sách và tạo điều kiện cho các tương tác song phương, đa phương bên lề. Điều này cho thấy vai trò của các cơ chế đối thoại không chính thức trong quản trị an ninh khu vực ngày càng được coi trọng.

Thứ tư, chỉ ra những hạn chế và thách thức của Đối thoại Shangri-La, bao gồm tính chất phụ thuộc vào ý chí chính trị của các chủ thể tham gia, nguy cơ bị chi phối bởi cạnh tranh giữa các cường quốc, cũng như giới hạn trong việc chuyển hóa các thảo luận thành hành động chính sách cụ thể.

Thứ năm, trên cơ sở phân tích các xu hướng vận động, chương 3 đưa ra 03 kịch bản dự báo xu hướng phát triển của Đối thoại Shangri-La. Trong đó, kịch bản khả thi là Đối thoại Shangri-La sẽ tiếp tục duy trì vai trò là một diễn đàn đối thoại quan trọng trong khu vực, đồng thời có xu hướng mở rộng về phạm vi tham gia và nội dung thảo luận trong bối cảnh môi trường an ninh khu vực ngày càng phức tạp.

Những kết quả này cho thấy, Đối thoại Shangri-La không chỉ là một diễn đàn trao đổi chính sách, mà còn là một không gian chiến lược có tác động đến cách thức các quốc gia định vị vai trò, lựa chọn phương thức tham gia và triển khai chính sách quốc phòng, an ninh. Do đó, việc phân tích sự tham gia của các quốc gia, đặc biệt là các nước vừa và nhỏ như Việt Nam, cần được đặt trong mối liên hệ với chính những đặc điểm cấu trúc và xu hướng vận động của cơ chế này.

Chương 4

SỰ THAM GIA CỦA VIỆT NAM TẠI CÁC KỲ ĐỐI THOẠI SHANGRI-LA VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

Những đặc điểm về cấu trúc, cơ chế vận hành và xu hướng phát triển của Đối thoại Shangri-La được phân tích ở Chương 3 đã trực tiếp định hình không gian hành động, dư địa chiến lược và phương thức tham gia của các quốc gia, đặc biệt là các nước vừa và nhỏ như Việt Nam. Vì vậy, sự tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La không thể tách rời khỏi những biến đổi nội tại của chính cơ chế này.

4.1. Quá trình Việt Nam tham gia các kỳ Đối thoại Shangri-La

4.1.1. Giai đoạn “lắng nghe và tham gia” (2002 - 2010)

4.1.1.1. Bối cảnh chung

Giai đoạn 2002 - 2010 đánh dấu sự tăng trưởng mạnh mẽ của kinh tế Việt Nam, tạo nền tảng quan trọng cho hội nhập và phát triển. Việt Nam đẩy mạnh đổi mới, mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng quan hệ thương mại, duy trì tốc độ tăng trưởng khá, qua đó thoát khỏi tình trạng kém phát triển và gia nhập nhóm các nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Từ năm 2002 - 2010, hằng nền kinh tế Việt Nam đều đạt tốc độ tăng trưởng tương đối khá (năm 2002 tăng 7,08%; 2003 tăng 7,34%; 2004 tăng 7,79%; 2005 tăng 8,44%; 2006 tăng 8,23%; 2007 tăng 8,46%; 2008 tăng 6,31%; 2009 tăng 5,32% và 2010 tăng 6,78%) [Cục Thống kê, 2011]. So với giai đoạn 1991 - 2000, quy mô nền kinh tế đã tăng lên đáng kể. Việt Nam tiếp tục thực hiện các biện pháp đổi mới chính sách nhằm tăng cường cải thiện môi trường kinh doanh và thu hút đầu tư. Cải cách hành chính và thúc đẩy sự minh bạch trong hoạt động kinh doanh là những điểm nhấn trong giai đoạn này.

Trong giai đoạn này, Việt Nam giữ vững ổn định chính trị - xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển. An ninh trong nước được tăng cường, quốc phòng tập trung nâng cao năng lực tự vệ, bảo vệ chủ quyền, quyền và lợi ích ở Biển Đông, đồng thời đẩy mạnh hiện đại hóa lực lượng vũ trang và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này. Song song với việc tăng

cường quốc phòng và an ninh để bảo vệ chủ quyền quốc gia, Việt Nam còn mở rộng mối quan hệ đối ngoại, gồm đối ngoại quốc phòng, trở thành thành viên của nhiều tổ chức quốc tế và khu vực, đóng góp các trọng trách lớn của khu vực và thế giới, thể hiện cam kết tích cực đối với hợp tác quốc tế. Điểm nhấn nổi bật là việc ký kết các hiệp định thương mại và hợp tác, cũng như tham gia vào các diễn đàn quốc tế như APEC và ASEAN. Thành công nổi bật nhất là việc Việt Nam trở thành thành viên WTO năm 2007, đánh dấu một bước quan trọng về sự bùng nổ kinh tế, tạo nền tảng ổn định cho hội nhập quốc tế và phát triển đất nước. Tiếp đó, Việt Nam được tín nhiệm bầu vào vị trí Ủy viên Không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008 - 2009; đảm nhiệm cương vị Chủ tịch ASEAN 2010.

Tuy nhiên, Việt Nam cũng đối mặt với nhiều thách thức, nổi bật là vấn đề môi trường và phát triển bền vững, cùng các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, đặc biệt là tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông và các nguy cơ như biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên quốc gia, ma túy và cướp biển, đặt ra yêu cầu nâng cao năng lực quản trị và bảo đảm an ninh quốc gia, cũng như tranh thủ nguồn lực quốc tế cho phát triển.

Nhìn lại giai đoạn từ 2002 đến 2010 thấy rằng, đây là một chặng đường đầy những thành công và thách thức, với sự tham gia mở rộng hơn vào hội nhập toàn cầu, đặt ra những yêu cầu lớn về quản lý và phát triển bền vững cho Việt Nam.

4.1.1.2. Những diễn biến và nội dung chính

Trong giai đoạn khởi đầu, Việt Nam tiếp cận Đối thoại Shangri-La một cách chặt chẽ và thận trọng, từ bước thăm dò, quan sát đến chủ động tham dự. Sự hiện diện của Việt Nam tại các kỳ hội nghị không chỉ thể hiện cam kết xây dựng lòng tin mà còn cho thấy năng lực thích ứng và hội nhập của Việt Nam vào các cơ chế an ninh khu vực. Qua đó, Việt Nam từng bước khẳng định hình ảnh là một đối tác tin cậy, có trách nhiệm, đồng thời chủ động tận dụng các hoạt động song phương bên lề để củng cố và mở rộng quan hệ quốc phòng.

- Việt Nam tham gia Đối thoại Shangri-La với một lộ trình chặt chẽ, thận trọng, từ thăm dò tìm hiểu đến chủ động tham dự

Gắn với sự phát triển tư duy của Đảng về hội nhập quốc tế, nhất là Đại hội IX, X, từ năm 2002 đến 2010, đánh dấu giai đoạn Việt Nam bắt đầu tham gia và nâng dần tầm cấp tham dự Đối thoại Shangri-La, từ cấp lãnh đạo Viện Chiến lược Quân sự (ngày 09/6/2011, Viện Chiến lược Quân sự đổi tên thành Viện Chiến lược Quốc phòng, năm 2025 là Viện Chiến lược và Lịch sử quốc phòng), lên cấp Lãnh đạo Quốc phòng, nhằm bước đầu khẳng định vai trò tích cực trong việc thúc đẩy đối ngoại quốc phòng và xây dựng cấu trúc an ninh khu vực. Điểm nổi bật là Việt Nam đạt được kết quả tích cực với nhiều hoạt động đa dạng.

Về sự tham dự và các phát biểu của trưởng đoàn Việt Nam, từ năm 2002 đến 2010, Việt Nam trải qua một lộ trình chặt chẽ, thận trọng, từ thăm dò đến chủ động tham dự Đối thoại Shangri-La, phản ánh sự phát triển và điều chỉnh chiến lược đối ngoại của quốc gia và đối ngoại quốc phòng. Ban đầu, từ năm 2002 đến 2006, Việt Nam tham gia Đối thoại Shangri-La ở cấp lãnh đạo Viện Chiến lược Quân sự, chủ yếu với vai trò học giả để nắm bắt thông tin và đánh giá bối cảnh khu vực. Điều này thể hiện một giai đoạn thận trọng trong việc tìm hiểu và chuẩn bị tham dự Đối thoại Shangri-La. Từ năm 2007, Việt Nam đã nâng cấp phái đoàn lên cấp Phó Tổng Tham mưu trưởng và sau đó là Thứ trưởng Bộ Quốc phòng vào năm 2008, cho thấy một sự chuyển mình từ việc thu thập thông tin sang việc tham gia chính thức và thể hiện cam kết cao hơn trong các vấn đề an ninh khu vực. Sự tham gia ở cấp cao hơn này mở ra cơ hội cho Việt Nam thể hiện quan điểm chính trị và đóng góp vào các cuộc thảo luận quan trọng.

Đặc biệt, từ năm 2009 và 2010, cùng thời điểm với việc Việt Nam đảm nhiệm cương vị Ủy viên Không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (2008 - 2009) và Chủ tịch ASEAN (2010), sự tham gia của Đại tướng Phùng Quang Thanh, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Việt Nam đã khẳng định vai trò, vị thế quốc gia, thể hiện sự coi trọng và chủ động đóng góp của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La, góp phần nâng tầm đối ngoại đa phương. Sự nâng cấp trong tầm cấp phái đoàn tham dự không chỉ phản ánh sự trưởng thành trong chính sách đối ngoại Nhà nước và đối

ngoại quốc phòng của Việt Nam mà còn khẳng định vai trò của Việt Nam trong bảo vệ lợi ích quốc gia và đóng góp vào duy trì hoà bình, ổn định khu vực.

- Việt Nam tích cực đóng góp tại Đối thoại Shangri-La và đạt được thành tựu quan trọng, khẳng định và xây dựng hình ảnh Việt Nam là đối tác tin cậy và có trách nhiệm cao

Việt Nam đã tích cực tham gia và đóng góp quan trọng tại Đối thoại Shangri-La, đặc biệt qua việc thảo luận các chủ đề an ninh khu vực và khẳng định vai trò độc lập trong đối ngoại. Trong các kỳ đối thoại từ năm 2002 đến 2010, đoàn đại biểu quân sự cấp cao Việt Nam đã tham gia các cuộc thảo luận về các chủ đề quan trọng của Đối thoại Shangri-La như: “Hình thức hợp tác an ninh: Xây dựng lòng tin, quan hệ đối tác, liên minh”, “Thúc đẩy ngoại giao quốc phòng tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương”, “Đổi mới cấu trúc an ninh khu vực”.

Năm 2008, tại Đối thoại Shangri-La 7, lần đầu tiên đoàn Việt Nam tham dự ở cấp Thứ trưởng Bộ Quốc phòng và cũng là lần đầu tiên Ban tổ chức bố trí Trưởng đoàn Việt Nam phát biểu chính thức tại phiên họp toàn thể thứ 6 với chủ đề: “Hình thức hợp tác an ninh: Xây dựng lòng tin, quan hệ đối tác, liên minh” [Nguyễn Đạt Phong, 2008, tr. 6]. Trong bài phát biểu, Thượng tướng Phan Trung Kiên, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng đã truyền đi các thông điệp quan trọng: (i) Tình hình thế giới, khu vực có nhiều chuyên biến phức tạp, đặt ra những thách thức không nhỏ, tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro xảy ra ở nhiều nơi với nhiều hình thức và mức độ phức tạp hơn, các nước cần tiếp tục hành động theo hướng an ninh toàn diện, đẩy mạnh hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau; (ii) Muốn giải quyết hiệu quả những thách thức về an ninh, một trong những phương thức là các nước cần tạo các cơ hội mới cho hợp tác, mà trước hết là phải xây dựng lòng tin và sự tin cậy lẫn nhau. Xây dựng lòng tin là một quá trình liên tục và xuyên suốt, phải dựa trên những hành động cụ thể, chính sách phù hợp, hợp tác phải dựa trên sự phát triển của thịnh vượng chung, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi; tôn trọng Hiến chương Liên hợp quốc, luật pháp quốc tế; thực hiện đầy đủ những cam kết song phương và đa phương [Nguyễn Đạt

Phong, 2008, tr. 6-7]. Đoàn Việt Nam cũng minh bạch đường lối đối ngoại hòa bình với chủ trương “không liên minh quân sự, không liên kết với nước này để chống nước khác” [Nguyễn Đạt Phong, 2008, tr. 7]; khẳng định, với tinh thần chủ động, tích cực, trách nhiệm trong bảo vệ hòa bình, an ninh, Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng vào các hoạt động xây dựng lòng tin, xây dựng quan hệ đối tác trong cộng đồng ASEAN [Nguyễn Đạt Phong, 2008, tr. 8]. Đối với vấn đề Biển Đông, Việt Nam kiên trì đàm phán hòa bình trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc, mong muốn các nước cùng làm như vậy [Nguyễn Đạt Phong, 2008, tr. 8].

Đặc biệt, trong hai năm 2009 - 2010, các bài phát biểu của Đại tướng Phùng Quang Thanh về chủ đề “Thúc đẩy ngoại giao quốc phòng tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương” và “Đổi mới cấu trúc an ninh khu vực” đã nhấn mạnh cam kết của Việt Nam trong việc định hình chính sách an ninh khu vực, xây dựng lòng tin chiến lược và giải quyết tranh chấp dựa trên luật pháp quốc tế. Tại Đối thoại Shangri-La lần thứ 8 (2009), cho rằng việc tăng cường hợp tác quốc phòng an ninh luôn đòi hỏi sự hiểu biết ngày càng tin cậy giữa các bên, Đại tướng Phùng Quang Thanh nhấn mạnh, đối ngoại nói chung và đối ngoại quốc phòng nói riêng cần phải thúc đẩy các biện pháp xây dựng lòng tin, trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Tham dự Đối thoại Shangri-La 9 vào năm 2010 là thời điểm Việt Nam đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN, đây cũng là khi tình hình Biển Đông có nhiều diễn biến phức tạp. Do đó, sự tham dự của Đoàn Việt Nam ở cấp lãnh đạo Bộ Quốc phòng đã góp phần minh bạch hóa và tuyên truyền mạnh mẽ đường lối, chính sách quốc phòng, an ninh của Việt Nam [Trần Hậu Hùng, 2010, tr. 42]. Hơn nữa, phát biểu tại phiên họp toàn thể thứ 6 về “Đổi mới cấu trúc an ninh khu vực”, Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam đã đưa vào các nội dung thúc đẩy các tiến trình hợp tác đa phương do ASEAN dẫn dắt, nhất là ADMM+ vì lợi ích của ASEAN, các đối tác, khu vực và thế giới. Trong đó, Bộ trưởng Phùng Quang Thanh nhận định, tăng cường sức mạnh, mở rộng và phát triển các diễn đàn do ASEAN khởi xướng như

ARF, EAS, ASEAN+, ADMM sẽ tạo ra những đổi mới tích cực cho cấu trúc an ninh khu vực”. Trong đó, sự ra đời của ADMM+ là một bước phát triển mới của ASEAN trong thúc đẩy quan hệ hợp tác trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh: “Các thể chế tham vấn an ninh hiện nay chưa có khả năng đảm bảo an ninh, ổn định lâu dài cho khu vực. Cấu trúc an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương mà chúng ta đang hướng tới cần mang tính mở và dung nạp, cần có sự liên kết, hỗ trợ và bổ sung cho nhau, không đe dọa an ninh của bất kỳ quốc gia nào. ADMM+ ra đời với vai trò chủ đạo của ASEAN cùng với 8 quốc gia đối tác đối thoại đáp ứng tốt nhất các tiêu chí thành viên, sẽ là một diễn đàn đầy tiềm năng và triển vọng cho việc xây dựng một nhận thức chung về an ninh khu vực, có ý nghĩa thực tiễn rất quan trọng cho việc định hình một cấu trúc an ninh mới tại khu vực với sự tham gia của các cường quốc có lợi ích và ảnh hưởng tại đây” [Trần Hậu Hùng, 2010, tr. 42]. Sự tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La 9 đã đạt được những thành công tốt đẹp, đặc biệt trong việc thúc đẩy tiến trình hiện thực hóa ADMM+, tạo ra ấn tượng mạnh mẽ đối với các nước bạn bè quốc tế. Các cường quốc như Trung Quốc và Mỹ đều coi ADMM+ là diễn đàn quan trọng đối với hòa bình và ổn định của khu vực. Các nước khác như Ấn Độ, Nga, Australia, New Zealand, Hàn Quốc, Nhật Bản cũng bày tỏ sự quan tâm và mong muốn tham gia vào tiến trình này. ADMM+ không chỉ thu hút sự quan tâm của các nước trong cuộc mà các nước khác như Mông Cổ cũng bày tỏ nguyện vọng được tham gia với tư cách quan sát viên ngay từ Hội nghị đầu tiên [Trần Hậu Hùng, 2010, tr. 42]. Điều này cũng góp phần vào việc hiện thực hóa sáng kiến tổ chức Hội nghị ADMM+ đầu tiên tại Việt Nam tháng 10/2010.

Có thể nói, những chủ đề và nội dung thông điệp được Việt Nam truyền tải tại các kỳ hội nghị trong giai đoạn này được cập nhật và phù hợp với bối cảnh an ninh khu vực, không chỉ giúp Việt Nam tạo ấn tượng tốt đẹp với nước chủ nhà và bạn bè quốc tế mà còn khẳng định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, mở rộng và đa dạng hóa các mối quan hệ. Việt Nam đã chứng minh mình là một đối tác tin cậy trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào thành công chung của Đối thoại Shangri-La,

củng cố vị thế của Việt Nam trên các cương vị lớn đang đảm nhiệm tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và ASEAN.

- Việt Nam thúc đẩy các hoạt động song phương bên lề với các đối tác nhằm tăng cường quan hệ và xây dựng lòng tin.

Tại các kỳ đối thoại giai đoạn đầu, Việt Nam đã thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế theo tinh thần “là bạn, là đối tác tin cậy” của các nước trong cộng đồng quốc tế thông qua các cuộc gặp, trao đổi với một số đoàn tham dự Đối thoại. Đặc biệt, tại Đối thoại Shangri-La 2009 và 2010, đoàn Việt Nam đã có nhiều cuộc gặp song phương quan trọng bên lề, nhằm củng cố và mở rộng quan hệ quốc phòng với các quốc gia khác. Tại Đối thoại Shangri-La 2009, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam đã có các cuộc gặp bên lề với Thủ tướng Singapore Lý Hiển Long, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Quốc phòng Singapore Tiêu Chí Hiền và một số trưởng đoàn của các nước khác, góp phần tăng cường mối quan hệ và xây dựng lòng tin chiến lược giữa Việt Nam với các nước đối tác. Tại Đối thoại Shangri-La năm 2010, các cuộc gặp song phương tiếp tục được mở rộng với các đối tác quan trọng như Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng New Zealand, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Quốc phòng Singapore, Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Nga, Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Trung Quốc, Thư ký Quốc phòng Ấn Độ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Hàn Quốc và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Australia. Những cuộc gặp này không chỉ đạt kết quả ấn tượng mà còn thể hiện tình đoàn kết và hữu nghị giữa Việt Nam và các quốc gia đối tác, đồng thời nhận được sự ghi nhận và ủng hộ cho các quan điểm và nỗ lực của Việt Nam trong việc thúc đẩy quan hệ quốc phòng và an ninh khu vực.

4.1.2. Giai đoạn tham gia tích cực, chủ động và có chọn lọc (2011 - 2018)

4.1.2.1. Bối cảnh chung

Trong giai đoạn từ 2011 đến 2018, đặc điểm chính của Việt Nam là chính trị ổn định, an ninh - quốc phòng được giữ vững, tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam phát triển kinh tế, hội nhập và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Giai đoạn này chứng kiến

sự chuyển mình mạnh mẽ của Việt Nam trên nhiều lĩnh vực, từ chính trị, an ninh, quốc phòng đến đối ngoại, kinh tế và xã hội. Chính trị trong nước ổn định với sự duy trì lãnh đạo vững mạnh của Đảng Cộng sản Việt Nam, thể hiện qua các kỳ Đại hội và chiến lược phát triển quốc gia. Kinh tế Việt Nam đạt được tăng trưởng ổn định với GDP tăng từ khoảng 123 tỷ USD lên 240 tỷ USD. Trong lĩnh vực xã hội, Việt Nam đạt được nhiều tiến bộ đáng kể về giáo dục và y tế, đồng thời cải thiện các chính sách xã hội để bảo vệ các nhóm dân tộc thiểu số, người nghèo và người lao động. Về mặt an ninh và quốc phòng, Việt Nam duy trì ổn định an ninh trong nước và tăng cường năng lực quốc phòng, đặc biệt trong việc bảo vệ biển đảo. Sự đầu tư vào hệ thống vũ khí hiện đại, như tàu ngầm Kilo 636 và máy bay Su-30MKI, phản ánh sự chú trọng ưu tiên chiến lược cho nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Quan hệ đối ngoại được mở rộng và đa dạng hóa, hội nhập quốc tế đạt nhiều thành tựu quan trọng, mở rộng quan hệ tích cực với các cường quốc và tham gia hiệu quả vào các tổ chức và cơ chế hợp tác khu vực như ASEAN và APEC. Hội nhập quốc tế của Việt Nam được đẩy mạnh với nhiều hoạt động tích cực, chủ động, gồm việc ký kết các hiệp định thương mại quan trọng như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), qua đó mở cửa nền kinh tế và tăng cường quan hệ đối ngoại. Đồng thời Việt Nam đảm nhiệm thành công việc tổ chức Hội nghị APEC 2017, minh chứng cho ngoại giao đa phương hiệu quả, được bạn bè quốc tế đánh giá cao.

Tuy nhiên, trong giai đoạn này, Việt Nam cũng đối mặt với không ít thách thức, như hệ lụy môi trường và sức khỏe cộng đồng từ quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, cùng một số bất cập trong quản lý trật tự, an ninh và phát triển kinh tế tại các địa bàn chiến lược như việc để xảy ra các hoạt động gây rối và phá hoại tài sản của nhà đầu tư nước ngoài ở Hà Tĩnh, Bình Dương..., đặt ra yêu cầu phải bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và an ninh quốc gia. Cùng với đó, sự căng thẳng ở Biển Đông do Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương 981 trong EEZ của Việt Nam (2014) và các hoạt động làm thay đổi hiện trạng ở Biển

Đông. Sự kiện này không chỉ ảnh hưởng đến chủ quyền biển đảo của Việt Nam mà còn gây căng thẳng trong khu vực và ảnh hưởng đến tự do hàng hải quốc tế.

Nhìn chung, giai đoạn 2011- 2018 đánh dấu một chặng đường phát triển tích cực của Việt Nam với nhiều thành tựu quan trọng trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế và xã hội. Tuy nhiên, sự linh hoạt và nhạy bén trong quản lý an ninh và đối ngoại mới là yếu tố then chốt để đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững trong bối cảnh các thách thức từ cả trong và ngoài khu vực.

4.1.2.2. Những diễn biến và nội dung chính

Từ năm 2011 đến 2018, Việt Nam nâng cao rõ rệt mức độ tham gia và đóng góp vào Đối thoại Shangri-La thông qua các phát biểu thẳng thắn, mang tính xây dựng tại các phiên toàn thể và các hoạt động song phương, đa phương bên lề. Việc tham gia tích cực giai đoạn này cho thấy cam kết rõ ràng của Việt Nam trong việc thúc đẩy hòa bình, ổn định, phát triển khu vực; đồng thời khẳng định năng lực đối ngoại quốc phòng ngày càng trưởng thành và linh hoạt.

- Việt Nam tích cực truyền đi các thông điệp về hòa bình, hữu nghị, khẳng định vị thế và vai trò trên trường quốc tế.

Năm 2011, đoàn Việt Nam do Đại tướng Phùng Quang Thanh, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng dẫn đầu, tham dự Đối thoại Shangri-La lần thứ 10. Tại đây, Bộ trưởng Phùng Quang Thanh đã có bài phát biểu quan trọng về “Ứng phó với các thách thức an ninh biển mới”, thể hiện rõ lập trường của Việt Nam về việc xây dựng lòng tin và đối phó với các thách thức an ninh biển, đặc biệt là vấn đề Biển Đông.

Tại Đối thoại Shangri-La lần thứ 11 (2012), trong bối cảnh căng thẳng gia tăng ở Biển Đông, Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, dẫn đầu đoàn Việt Nam tham dự, đã nhấn mạnh vai trò của ASEAN trong duy trì hòa bình và bảo vệ chủ quyền quốc gia, đề xuất các giải pháp cho các thách thức an ninh khu vực và tôn vinh vai trò của ASEAN. Tại hội nghị, các nước đều nhấn mạnh tầm quan trọng của an toàn và tự do hàng hải, đồng thời nhất trí một quan điểm là cần giải quyết hòa bình các vấn đề trên Biển Đông theo luật pháp quốc tế, cụ thể là UNCLOS 1982, cũng như các cam kết khu vực mà các nước ASEAN và

các nước đối tác đã cùng nhau ký kết. Đồng thuận với những quan điểm trên, đoàn Việt Nam nêu rõ, khi tuyên bố tuân thủ luật pháp quốc tế thì tất cả các nước đều phải có cách hiểu và áp dụng giống nhau về luật pháp quốc tế và “quyền chủ quyền của các quốc gia ven biển đối với vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý phải được tôn trọng triệt để” [Vũ Tiến Trọng, 2012, tr. 7]. Đồng thời, Việt Nam cho rằng, không được sử dụng vũ lực hay đe dọa sử dụng vũ lực là điều tiên quyết, song các nước cũng không được sử dụng, đe dọa sử dụng sức mạnh “mềm” như cô lập kinh tế trong việc giải quyết các tranh chấp trên biển và “tranh chấp chủ quyền trên biển cần được giải quyết bằng biện pháp hòa bình giữa các bên liên quan và công khai minh bạch trước cộng đồng quốc tế” [Vũ Tiến Trọng, 2012, tr. 7].

Phát biểu dẫn đề với chủ đề “Xây dựng lòng tin chiến lược vì hòa bình, hợp tác, thịnh vượng của châu Á” của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tại Đối thoại Shangri-La lần thứ 12 (2013) làm nổi bật quan điểm của Việt Nam trong việc thúc đẩy hòa bình và ổn định khu vực, đã được cộng đồng quốc tế ủng hộ mạnh mẽ. Thủ tướng khẳng định với thế giới rằng, Việt Nam là đất nước yêu chuộng hòa bình: “Chính sách quốc phòng của Việt Nam là hòa bình và tự vệ. Việt Nam không là đồng minh quân sự của nước nào và không để nước ngoài nào đặt căn cứ quân sự trên lãnh thổ Việt Nam. Việt Nam không liên minh với nước này để chống lại nước khác” [Nguyễn Thị Huệ, 2013, tr. 30]. Tại Đối thoại Shangri-La lần thứ 13 (2014), trong bối cảnh Trung Quốc gây căng thẳng với Việt Nam tại Biển Đông, bài phát biểu về “Quản lý những căng thẳng chiến lược” của Đại tướng Phùng Quang Thanh nhấn mạnh việc giải quyết mâu thuẫn dựa trên luật pháp quốc tế, đặc biệt là vấn đề Biển Đông, trong đó thể hiện quan điểm của Việt Nam về duy trì môi trường hòa bình và ổn định, đồng thời yêu cầu các quốc gia tôn trọng luật pháp quốc tế và không sử dụng vũ lực trong giải quyết tranh chấp. Sự tham gia của đại diện Việt Nam đã củng cố vị thế quốc gia trong khu vực và tôn vinh cam kết về hòa bình và ổn định.

Các phát biểu về việc tuân thủ luật pháp quốc tế và cam kết thúc đẩy hòa bình trong khu vực, đặc biệt là về vấn đề Biển Đông của đoàn Việt Nam tại Đối

thoại Shangri-La lần thứ 14 (2015) và lần thứ 15 (2016) của Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh đã để lại ấn tượng mạnh mẽ, khẳng định cam kết của Việt Nam với hòa bình và ổn định trong khu vực, đồng thời thể hiện cam kết giải quyết tranh chấp theo luật biển quốc tế.

Tại Đối thoại Shangri-La lần thứ 16 (2017), đoàn Việt Nam do Trung tướng Nguyễn Đức Hải - Viện trưởng Viện Chiến lược Quốc phòng dẫn đầu, đã tham gia vào các phiên thảo luận và phát biểu tại ba phiên đặc biệt, đề cập đến các vấn đề như xung đột trên biển, nguy hiểm hạt nhân và mô hình hợp tác an ninh mới. Tại phiên đặc biệt đồng thời với chủ đề “Các biện pháp thực tế nhằm tránh xung đột trên biển”, Trung tướng Nguyễn Đức Hải đã đưa ra các giải pháp ngăn ngừa xung đột, khẳng định quan điểm nhất quán của Việt Nam là giải quyết mọi tranh chấp bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế [Nguyễn Ngọc Ánh, 2017, tr. 46]. Tại phiên đặc biệt đồng thời “Những mối nguy hiểm hạt nhân tại châu Á-Thái Bình Dương”, Thượng tướng Võ Tiến Trung, nguyên Giám đốc Học viện Quốc phòng khẳng định, Việt Nam ủng hộ việc phi hạt nhân hoá trên bán đảo Triều Tiên và cam kết tuân thủ các Nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Việt Nam mong muốn các bên liên quan cần đề ra những giải pháp hiệu quả, cơ bản, lâu dài góp phần trước mắt làm giảm căng thẳng, tránh xảy ra những thảm họa tại khu vực [Nguyễn Ngọc Ánh, 2017, tr. 47].

Năm 2018, tại Phiên toàn thể thứ 5 của Đối thoại Shangri-La lần thứ 17, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Đại tướng Ngô Xuân Lịch đã nhấn mạnh việc tuân thủ luật pháp quốc tế và xây dựng lòng tin giữa các quốc gia; đồng thời khẳng định vai trò tích cực của Việt Nam trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia và tôn trọng lợi ích của các quốc gia khác, đặc biệt là trong việc giải quyết vấn đề Biển Đông và hợp tác trong khuôn khổ ADMM+.

Những hoạt động trong khuôn khổ đối thoại đã thể hiện sự quyết tâm và cam kết của Việt Nam trong việc duy trì hòa bình, ổn định và phát triển khu vực, đồng thời khẳng định vai trò và vị thế ngày càng quan trọng của Việt Nam trong con mắt nhìn nhận của cộng đồng quốc tế.

- Việt Nam chủ động đóng góp sáng kiến đề cao vai trò xây dựng lòng tin chiến lược, tôn trọng luật pháp quốc tế và tăng cường hợp tác đa phương, đồng thời nhấn mạnh lập trường bảo vệ lợi ích quốc gia trong vấn đề Biển Đông

Sự tích cực đóng góp của Việt Nam vào hòa bình khu vực và tăng cường hợp tác quốc phòng-an ninh tại các phiên họp của Đối thoại Shangri-La giai đoạn 2011-2018, thể hiện ở sự chia sẻ kinh nghiệm và đề xuất giải pháp ứng phó với các thách thức an ninh biển, góp phần xây dựng lòng tin chiến lược và thúc đẩy hợp tác đa phương để giải quyết các thách thức an ninh chung.

Việt Nam đã chủ động đưa ra công thức giải quyết các vấn đề tranh chấp, căng thẳng về an ninh phù hợp với tình hình khu vực. Tại Đối thoại Shangri-La 2011, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam, Đại tướng Phùng Quang Thanh đã nhấn mạnh sự cần thiết của hợp tác quốc phòng để tăng cường lòng tin giữa các quân đội và giải quyết các thách thức an ninh biển; kêu gọi tăng cường hợp tác cả song phương và đa phương, bảo vệ hòa bình và ổn định, đồng thời bảo vệ hoạt động hàng hải. Việt Nam đưa ra các giải pháp cụ thể, bao gồm việc củng cố cơ sở pháp lý và thực hiện UNCLOS 1982, đồng thời nhấn mạnh rằng tranh chấp cần được giải quyết bằng biện pháp hòa bình, không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực.

Tại Đối thoại Shangri-La 2012, Việt Nam nêu bật thông điệp về xây dựng lòng tin chiến lược và thúc đẩy hợp tác quốc phòng; kêu gọi cộng đồng quốc tế chung tay xây dựng và củng cố lòng tin chiến lược vì hòa bình và thịnh vượng. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng thay mặt cho đất nước ta đưa ra một thông điệp, một lời kêu gọi là chung tay xây dựng lòng tin chiến lược. Ngay trong phần đầu bài phát biểu, Thủ tướng khẳng định: “Lòng tin là khởi nguồn của mọi quan hệ hữu nghị, hợp tác; là liều thuốc hiệu nghiệm để ngăn ngừa những toan tính có thể gây ra nguy cơ xung đột. Lòng tin cần được nâng niu, vun đắp không ngừng bằng những hành động cụ thể, nhất quán, phù hợp với chuẩn mực chung và với thái độ chân thành” [Nguyễn Thị Huệ, 2013, tr. 28]. Thủ tướng nhấn mạnh, lòng tin là điều kiện tiên quyết dẫn đến thành công, vì vậy, Thủ tướng đưa ra lời kêu gọi các quốc gia, các tổ chức phải cùng nhau xây dựng lòng tin chiến lược: “Muốn có hòa bình, phát triển,

thịnh vượng thì phải tăng cường xây dựng và củng cố lòng tin chiến lược. Nói cách khác, chúng ta cần cùng nhau chung tay xây dựng lòng tin chiến lược vì hòa bình, hợp tác, thịnh vượng của châu Á-Thái Bình Dương... cùng nhau xây dựng và củng cố lòng tin chiến lược vì hòa bình, hợp tác, thịnh vượng là lợi ích chung của tất cả chúng ta” [Nguyễn Thị Huệ, 2013, tr. 28]. Đây có thể coi là một lời kêu gọi, một kiến nghị, một giải pháp đối với an ninh khu vực, bởi cho đến nay, chúng ta có đủ cơ chế để thúc đẩy hợp tác về quốc phòng - an ninh; luật pháp quốc tế, cũng đủ để cho chúng ta duy trì, nhưng chúng ta đang thiếu lòng tin [Nguyễn Thị Huệ, 2013, tr. 28]. Việt Nam đã tích cực tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc và chủ động thúc đẩy hợp tác đa phương trong khu vực. Phát biểu tại Đối thoại Shangri-La 12 (2013), Thứ trưởng Quốc phòng, Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh nhấn mạnh sự cần thiết của việc thúc đẩy hợp tác quốc phòng, tạo ra sức mạnh tổng hợp để đối phó với những thách thức chung, coi đây là một trong những biện pháp quan trọng nhằm duy trì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển trong khu vực. Nhấn mạnh những thông điệp này, về hợp tác quốc phòng, Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh coi hành động là nền tảng cho thành công: “Để biến các cam kết đó thành hành động, chúng ta cần tiếp tục xây dựng lòng tin. Cách tốt nhất để xây dựng lòng tin vẫn là hành động”; “Các nước phải thực tâm hợp tác, đặc biệt là các cường quốc, thực hiện cam kết đi đôi với hành động, lấy hành động trên thực tế để chứng minh cho trách nhiệm của mình” [Vũ Tiến Trọng, 2013, tr. 7].

Tiếp đó, tại Đối thoại Shangri-La 14 (2015) và 15 (2016), Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh đã lý giải vì sao chủ đề “ngăn ngừa xung đột”, “hóa giải xung đột” vẫn đang làm cho tất cả các quốc gia quan tâm, trăn trở. Từ đó, đoàn Việt Nam đưa ra các giải pháp cụ thể, đó là: Tất cả các quốc gia cần phải “hợp tác và đấu tranh để giải quyết bất đồng, ngăn ngừa xung đột”, tăng cường hợp tác cùng phát triển, xây dựng lòng tin, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau, đồng thời, thẳng thắn đấu tranh để tìm ra tiếng nói chung, lợi ích chung trong giải quyết tranh chấp, bất đồng.

Quan điểm của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La 16 (2017) và 17 (2018) nhấn mạnh tầm quan trọng của việc duy trì hòa bình, ổn định và hợp tác trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, thể hiện sự tôn trọng và kêu gọi tất cả các bên giải quyết tranh chấp theo pháp luật quốc tế. Tại phiên đặc biệt đồng thời “Mô hình hợp tác an ninh mới” của Đối thoại Shangri-La lần thứ 16 (2017), Thiếu tướng Vũ Tiến Trọng, Viện trưởng Viện Quan hệ Quốc tế về Quốc phòng khẳng định, mô hình hợp tác an ninh tương đối có hiệu quả hiện nay để giải quyết các thách thức an ninh, nhất là tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương là cơ chế ADMM và ADMM+. Bởi chỉ có ADMM+, cơ chế ra đời từ năm 2010 tại Việt Nam, mới có đủ năng lực, khuôn khổ và thành phần tham gia phù hợp để ứng phó với các thách thức an ninh đang nổi lên [Nguyễn Ngọc Ánh, 2017, tr. 47].

Đặc biệt, tại các kỳ Đối thoại, nhất là từ 2014 đến nay, đoàn Việt Nam đều bày tỏ rõ ràng và mạnh mẽ quan điểm về vấn đề Biển Đông, khẳng định quan điểm giải quyết các mâu thuẫn và tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình trên cơ sở tuân thủ luật pháp quốc tế, đồng thời thể hiện cam kết đối với việc xây dựng một khu vực ổn định và hòa bình. Tại Đối thoại Shangri-La 2014, Việt Nam đã chỉ trích hành động của Trung Quốc, đồng thời kêu gọi giải quyết tranh chấp thông qua đối thoại và bảo vệ chủ quyền bằng biện pháp hòa bình. Trong các kỳ Đối thoại Shangri-La 2015, 2016 và 2017, Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh đã tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng của việc ngăn ngừa và giải quyết xung đột, cũng như thúc đẩy hợp tác và xây dựng lòng tin chiến lược. Việt Nam nêu rõ cam kết bảo vệ chủ quyền và thúc đẩy hòa bình trên Biển Đông, đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết của hợp tác quốc tế và tuân thủ luật pháp quốc tế.

- Việt Nam chủ động tiến hành các hoạt động song phương bên lề nhằm tăng cường, mở rộng quan hệ với các đối tác, bảo vệ lợi ích quốc gia-dân tộc, đóng góp vào thúc đẩy hợp tác vì hòa bình, ổn định khu vực và thế giới.

Tại các kỳ Đối thoại Shangri-La, đoàn Việt Nam đã tận dụng các cơ hội để tiến hành tiếp xúc song phương với nhiều đối tác, qua đó thúc đẩy hiểu biết và tăng

cường sự tin cậy lẫn nhau, cũng như trao đổi về các biện pháp để tăng cường quan hệ hợp tác song phương, đồng thời Việt Nam cũng khẳng định lập trường đối với các vấn đề khu vực, quốc tế, sẵn sàng đối thoại cùng các bên giải quyết mâu thuẫn, bất đồng một cách hòa bình, qua đó bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của Việt Nam, nhất là trong vấn đề Biển Đông. Trong giai đoạn 2011 - 2018, các hoạt động song phương bên lề của Việt Nam được mở rộng đáng kể so với giai đoạn trước, phản ánh sự chủ động, tích cực trong triển khai thực hiện các hoạt động đối ngoại quốc phòng của Việt Nam với các đối tác, bạn bè quốc tế.

Tại Đối thoại Shangri-La 2011, đoàn Việt Nam đã tham gia vào các cuộc gặp song phương với các quốc gia gồm Trung Quốc, Australia, New Zealand, Nhật Bản và Mông Cổ, nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác, củng cố vị thế và vai trò của Việt Nam trong khu vực, đặc biệt là khẳng định rõ lập trường, quan điểm của Việt Nam đối với các vấn đề thuộc lợi ích chính đáng của Việt Nam. Với Trung Quốc, các cuộc gặp thường tập trung vào các vấn đề tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông. Trong cuộc gặp với Thượng tướng Lương Quang Liệt, Đại tướng Phùng Quang Thanh đã nêu rõ sự bức xúc của Việt Nam về việc tàu thăm dò địa chấn Bình Minh 02 bị tàu Hải giám Trung Quốc cắt cáp. Đại tướng Phùng Quang Thanh kêu gọi hai bên bình tĩnh giải quyết vấn đề bằng đàm phán dựa trên luật pháp quốc tế, nhấn mạnh cam kết của Việt Nam đối với việc bảo vệ chủ quyền bằng biện pháp hòa bình. Thượng tướng Lương Quang Liệt đồng tình với việc giải quyết tranh chấp thông qua đàm phán ngoại giao và cam kết duy trì hòa bình và ổn định ở Biển Đông. Tại cuộc gặp với New Zealand, Đại tướng Phùng Quang Thanh và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng New Zealand Wayne Mapp đã thảo luận về việc thực hiện sáng kiến hợp tác trong lĩnh vực gìn giữ hòa bình, đồng thời đánh giá cao sự hỗ trợ của New Zealand trong việc đào tạo tiếng Anh cho sĩ quan Việt Nam. Đối với Australia, các cuộc gặp được tiến hành nhằm tăng cường hợp tác về an ninh và phát triển khu vực, củng cố quan hệ đối tác quốc phòng và trao đổi thông tin về các thách thức an ninh chung. Với Nhật Bản, các cuộc gặp tập trung vào việc tăng cường hợp tác quốc phòng và trao

đổi thông tin về an ninh khu vực. Trong khi đó, các cuộc gặp với Mông Cổ chủ yếu nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác mới về quốc phòng và an ninh.

Tại Đối thoại Shangri-La 2012, đoàn Việt Nam đã gặp gỡ các đối tác quan trọng như Ấn Độ, Trung Quốc, Mỹ, Singapore, Australia, Canada, Anh và Liên minh châu Âu (EU). Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh khẳng định sự quan trọng của quan hệ đối tác chiến lược với Ấn Độ, đặc biệt là trong lĩnh vực quốc phòng và đề nghị tiếp tục hỗ trợ trong các lĩnh vực đào tạo và công nghiệp quốc phòng; đề nghị Ấn Độ tiếp tục hỗ trợ Việt Nam trong một số lĩnh vực quốc phòng như đào tạo, công nghiệp quốc phòng. Tại cuộc gặp với các quốc gia khác bên lề đối thoại, Việt Nam cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giải quyết hòa bình các vấn đề ở Biển Đông theo luật pháp quốc tế.

Trong khuôn khổ hoạt động bên lề Đối thoại Shangri-La 2013, đoàn Việt Nam do Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh dẫn đầu đã có các hoạt động tích cực, thể hiện qua nhiều cuộc tiếp xúc song phương được tổ chức với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Malaysia, New Zealand, Australia và Pháp, cũng như Thứ trưởng Quốc phòng Singapore, Brunei, Nga, Hàn Quốc và Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thái Bình Dương của Mỹ. Trong các cuộc gặp, Việt Nam và các nước đã thảo luận về xây dựng lòng tin chiến lược và tăng cường hợp tác quốc phòng.

Bên lề Đối thoại Shangri-La 2014, đoàn Việt Nam đã có các cuộc gặp với đại diện Singapore, New Zealand, Trung Quốc và Nga, đối thoại với Trung Quốc để khẳng định và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam ở Biển Đông, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ của các nước đối với chủ quyền, lợi ích chính đáng của Việt Nam ở vùng biển này. Đại tướng Phùng Quang Thanh thông tin về việc Trung Quốc hạ đặt giàn khoan Hải Dương 981 và khẳng định quyết tâm bảo vệ chủ quyền bằng biện pháp hòa bình. Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh cũng có các cuộc gặp với Phó tổng Tham mưu trưởng Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc và Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Nga, trong đó nhấn mạnh việc giải quyết vấn đề Biển Đông bằng biện pháp hòa bình và sự hỗ trợ của Nga đối với Việt Nam.

Bên lề Đối thoại Shangri-La 2015 và 2016, Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh đã gặp gỡ các đoàn đại biểu từ Trung Quốc, Israel, Philippines, Singapore và hãng Lockheed Martin của Mỹ, thảo luận về các biện pháp thúc đẩy quan hệ quốc phòng song phương và hợp tác đào tạo và cứu trợ nhân đạo (Đối thoại Shangri-La 2015); gặp đại diện từ Mỹ, Singapore, Australia, New Zealand, Trung Quốc, Canada, Anh, Italy và EU, tập trung trao đổi về việc tăng cường hợp tác quốc phòng, đào tạo học viên quân sự và đối thoại về chính sách quốc phòng; với Pháp và Nhật Bản, thảo luận về các biện pháp thúc đẩy hợp tác quốc phòng (Đối thoại Shangri-La 2016).

Trong khuôn khổ hoạt động bên lề Đối thoại Shangri-La 2017 và 2018, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Đại tướng Ngô Xuân Lịch đã có các cuộc gặp song phương với Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ, Australia, Pháp và Nhật Bản. Các cuộc gặp này cũng tập trung vào hợp tác quân sự và các biện pháp tăng cường hòa bình và an ninh trong khu vực (Đối thoại Shangri-La 2017); gặp gỡ Bộ trưởng Quốc phòng New Zealand, Anh, Singapore và Mỹ, bàn về các kết quả hợp tác quốc phòng và cách thức duy trì hòa bình và ổn định khu vực, nhấn mạnh việc tiếp tục hợp tác và xây dựng mối quan hệ chiến lược trong lĩnh vực quốc phòng (Đối thoại Shangri-La 2018).

Tóm lại, từ 2011 đến 2018, đóng góp của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La đã phản ánh sự cam kết đối với hòa bình, ổn định và phát triển khu vực. Việt Nam không chỉ đề xuất các giải pháp cụ thể cho các thách thức an ninh, với đóng góp nổi bật về việc xây dựng lòng tin chiến lược và tăng cường hợp tác quốc phòng-an ninh, qua đó khẳng định vai trò tích cực của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.

4.1.3. Giai đoạn chủ động “đưa ra sáng kiến và kiến tạo nội dung” (2019 - 2025)

4.1.3.1. Bối cảnh chung

Từ năm 2019 đến nay là giai đoạn đầy thách thức nhưng cũng ghi nhận nhiều thành tựu quan trọng của Việt Nam về tăng trưởng kinh tế, sức bật và khả năng nâng cao vị thế, uy tín trên trường quốc tế. Trong thời kỳ này, bất chấp đại dịch COVID-19, Việt Nam đã thể hiện khả năng lãnh đạo hiệu quả và sự đoàn kết, qua đó không chỉ kiểm soát được dịch bệnh mà còn giữ được tăng trưởng kinh tế ấn

tượng. Sự kiện như Hội nghị Thượng đỉnh Mỹ - Triều tại Việt Nam năm 2019 đã làm nổi bật khả năng ngoại giao và sự nhạy bén trong việc khai thác cơ hội từ các xu thế toàn cầu. Hơn nữa, việc Việt Nam đảm nhận vai trò Chủ tịch ASEAN 2020 và Ủy viên Không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021 chứng tỏ sự gia tăng uy tín quốc tế và vai trò ngày càng quan trọng trên trường quốc tế. Những thành công này không chỉ củng cố vị thế mà còn mở rộng ảnh hưởng của Việt Nam trong các vấn đề toàn cầu.

Giai đoạn 2021 - 2024, Việt Nam duy trì ổn định chính trị - xã hội, tổ chức thành công Đại hội XIII của Đảng và các cuộc bầu cử quan trọng, đồng thời ứng phó hiệu quả với đại dịch COVID-19, phục hồi và duy trì tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát và nâng cao uy tín quốc tế. Hoạt động đối ngoại đạt nhiều dấu ấn nổi bật, thể hiện qua “ngoại giao vaccine”, kiên định nguyên tắc đối ngoại trong vấn đề Myanmar, khéo léo trong ứng xử ngoại giao quốc tế đối với tình hình xung đột giữa Nga và Ukraine năm 2022, cũng như việc nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với các nước quan trọng. Cùng với cải cách thể chế, phát triển hạ tầng, kinh tế số và tăng cường quốc phòng - an ninh, ngoại giao Việt Nam ngày càng chủ động, toàn diện và đi vào chiều sâu, tạo nền tảng vững chắc đưa đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới. Năm 2024 đến nay có thể coi là quãng thời gian sôi động của ngoại giao Việt Nam với nhiều hoạt động đối ngoại liên tục của lãnh đạo cấp cao Đảng, Nhà nước. Cùng với đó, các mối quan hệ song phương, đa phương với các nước, tổ chức quốc tế, khu vực đi vào chiều sâu, vững chắc. Trong khi đó, chính trị, kinh tế, xã hội tiếp tục được giữ vững, nhất là nhiều chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước đều nhận được sự đồng thuận, đồng lòng của người dân cả nước, tinh thần dân tộc lên cao và lan tỏa, hướng tới đưa Việt Nam bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Nhìn chung, từ năm 2019 đến nay, Việt Nam vượt qua nhiều thách thức lớn, đạt được nhiều thành tựu quan trọng, không chỉ thể hiện khả năng điều hành hiệu quả mà còn nâng cao uy tín quốc tế của Việt Nam, chứng tỏ vai trò ngày càng quan trọng của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế. Các hoạt động đối ngoại song

phương, đa phương được triển khai đồng bộ, toàn diện ở nhiều ngành, lĩnh vực, góp phần nâng tầm vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Cùng với đó, các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước được triển khai quyết liệt, góp phần tạo thế và lực mới cho đất nước.

4.1.3.2. Những diễn biến và nội dung chính

Tham dự các kỳ Đối thoại Shangri-La từ 2019 đến 2025, Việt Nam để lại nhiều dấu ấn nổi bật. Không chỉ dừng lại ở thể hiện vai trò chủ động tham gia như các giai đoạn trước, Việt Nam bắt đầu tích cực đóng vai trò kiến tạo nội dung và đề xuất sáng kiến, công thức giải quyết các vấn đề gai góc về an ninh của khu vực tại các phiên thảo luận và thực hiện nhiều cuộc gặp song phương quan trọng.

- Việt Nam thể hiện vai trò chủ động tham gia, tích cực đề xuất công thức giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn an ninh khu vực

Từ năm 2019 đến 2025, các bài phát biểu của các trưởng đoàn Việt Nam tại các phiên thảo luận của Đối thoại Shangri-La, đã thể hiện vai trò chủ động và tích cực hơn của Việt Nam, nhấn mạnh cam kết đối với hòa bình, ổn định khu vực và hợp tác quốc phòng, đồng thời phản ánh rõ quan điểm và chiến lược của quốc gia trong việc duy trì hòa bình và ổn định khu vực.

Tại Đối thoại Shangri-La 20 năm 2019, Đoàn Việt Nam do Bộ trưởng Ngô Xuân Lịch dẫn đầu đã tham dự và có bài phát biểu với chủ đề “Giải quyết tranh chấp trong không khí hòa bình, với tinh thần đối tác, vì trách nhiệm cộng đồng” tại Phiên toàn thể thứ 5. Bộ trưởng khẳng định quan điểm của Việt Nam về giải quyết tranh chấp trong không khí hòa bình và với tinh thần đối tác, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tuân thủ luật pháp quốc tế và hợp tác khu vực. Việt Nam đã chủ động đề xuất công thức giải quyết tranh chấp và nhấn mạnh vai trò của các cơ chế hợp tác khu vực như ASEAN và ADMM+ trong kiểm soát căng thẳng và ngăn ngừa xung đột [Nguyễn Thị Hằng, 2019, tr. 42-44].

Năm 2022, khi sự kiện được nối lại sau khi bị hủy vào năm 2020 và 2021 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Đại tướng Phan Văn Giang, Bộ trưởng Quốc phòng, đã dẫn đầu đoàn Việt Nam và có bài phát biểu quan trọng với chủ đề “Tăng

cường khả năng quốc phòng bảo vệ Tổ quốc” tại Phiên thảo luận về “Hiện đại hóa quân đội và những năng lực quốc phòng mới”. Bài phát biểu của Đại tướng Phan Văn Giang nhấn mạnh cam kết của Việt Nam trong việc bảo vệ hòa bình và ổn định, đồng thời phản đối việc sử dụng vũ lực và đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế. Bộ trưởng cũng nhấn mạnh sự cần thiết của minh bạch trong tăng cường quốc phòng để tránh nghi kỵ và chạy đua vũ trang, hiện đại hóa quân đội là để tự vệ chính đáng. Phát biểu của Bộ trưởng Phan Văn Giang đã truyền đi một thông điệp kiến tạo hòa bình như công thức để hóa giải tranh chấp, bất đồng, xung đột. Xuyên suốt bài phát biểu đã truyền tải thông điệp về một Việt Nam hòa hiếu, yêu chuộng hòa bình; là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi, cùng nhau xây dựng một môi trường hòa bình, thịnh vượng, hợp tác, phát triển ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới [Dương Quý Nam, 2022, tr. 8-9]. Bộ trưởng khẳng định, quốc phòng Việt Nam là nền quốc phòng toàn dân, mang tính chất hòa bình, tự vệ; tích cực, chủ động, kiên quyết, kiên trì ngăn ngừa, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh. Bài phát biểu của Bộ trưởng đã tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực, truyền tải thông điệp về một Việt Nam hòa hiếu, yêu chuộng hòa bình, có trách nhiệm trong hợp tác quốc tế, là bạn bè, đối tác tin cậy với các nước trong khu vực và thế giới [Dương Quý Nam, 2022, tr. 9]. Đánh giá về nội dung và thông điệp được thể hiện trong bài phát biểu của Bộ trưởng, TS. John Chipman, Giám đốc Điều hành IISS nhấn mạnh, quan điểm của Việt Nam góp phần vào việc kiểm soát chạy đua vũ trang trên thế giới, trong bối cảnh khu vực, thế giới đang phải đối mặt với môi trường an ninh thay đổi nhanh và khó đoán định. TS Bo Ram Kwon, Viện phân tích Quốc phòng Hàn Quốc cho rằng, bài phát biểu của Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam đã phản ánh được bản chất hòa bình, tự vệ cũng như tính nhất quán, minh bạch của chính sách quốc phòng Việt Nam [Dương Quý Nam, 2022, tr. 8].

Tại Đối thoại Shangri-La lần thứ 20 vào năm 2023, Đoàn đại biểu Việt Nam do Thượng tướng Hoàng Xuân Chiến dẫn đầu tiếp tục khẳng định vai trò tích cực và trách nhiệm của Việt Nam đối với các vấn đề quốc tế và khu vực. Sự tham gia của

Việt Nam trong các phiên thảo luận không chỉ thể hiện thiện chí của quốc gia trong việc thúc đẩy quan hệ hợp tác mà còn nhằm chia sẻ kinh nghiệm và giải quyết các thách thức an ninh chung.

Phát biểu tại phiên họp với chủ đề “Thực thi pháp luật trên biển và xây dựng lòng tin” của Đối thoại Shangri-La 21 năm 2024, Thiếu tướng Lê Quang Đạo, Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam nhấn mạnh tầm quan trọng của hợp tác quốc tế và xây dựng lòng tin trong ứng phó với các thách thức an ninh biển, đồng thời đề xuất 03 giải pháp để tăng cường hợp tác thực thi pháp luật trên biển, gồm: Tuân thủ luật pháp quốc tế, trong đó có UNCLOS 1982 và pháp luật của các nước; thúc đẩy các sáng kiến để xử lý hiệu quả các thách thức an ninh biển; xây dựng lòng tin trong thực hiện các văn bản hợp tác đã ký kết và trong xây dựng các văn bản hợp tác mới. Phát biểu của Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam được diễn đàn đón nhận tích cực.

Nhìn chung, việc Việt Nam tham gia và đóng góp tại Đối thoại Shangri-La trong các năm gần đây cho thấy sự chủ động trong thúc đẩy hòa bình, ổn định và hợp tác quốc phòng khu vực. Những phát biểu, sáng kiến hay công thức của Việt Nam được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao, phản ánh nỗ lực của Việt Nam trong việc duy trì an ninh khu vực và toàn cầu trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược gia tăng và các thách thức an ninh phi truyền thống nổi lên.

- Việt Nam tích cực đưa ra sáng kiến, tầm nhìn chiến lược, khẳng định vai trò chủ động và trách nhiệm trong duy trì hòa bình, ổn định khu vực.

Từ năm 2019 đến 2025, Việt Nam đã thể hiện sự chủ động và có trách nhiệm trong việc duy trì ổn định khu vực thông qua các đóng góp và sáng kiến tại Đối thoại Shangri-La. Tại Đối thoại Shangri-La 2019, Đại tướng Ngô Xuân Lịch đã khẳng định cam kết của Việt Nam đối với hòa bình và giải quyết tranh chấp trên cơ sở luật pháp quốc tế, đồng thời đưa ra các giải pháp nhằm duy trì môi trường hòa bình và ổn định trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Sự chủ động này được thể hiện rõ qua việc Việt Nam đề xuất tầm nhìn chiến lược trong khuôn khổ Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN với các đối tác (ADMM+), điều này không chỉ phản ánh khả năng lãnh đạo, dẫn dắt của Việt Nam mà còn đóng góp

vào việc giải quyết các thách thức an ninh khu vực. Phát biểu của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Đại tướng Ngô Xuân Lịch đã đóng góp rất quan trọng vào thành công của Đối thoại, thể hiện tầm nhìn của Việt Nam trong việc hóa giải các thách thức an ninh khu vực. Tiêu đề bài phát biểu của Đại tướng Ngô Xuân Lịch: “Giải quyết tranh chấp trong không khí hòa bình, với tinh thần đối tác, vì trách nhiệm cộng đồng” đã trả lời toàn bộ câu hỏi của Đối thoại Shangri-La 18 về ngăn ngừa xung đột và giải quyết tranh chấp [Nguyễn Thị Hằng, 2019, tr. 42]. Tại Đối thoại Shangri-La lần này, Việt Nam đã chủ động chia sẻ với các quốc gia khu vực, quốc tế về quyết tâm, trách nhiệm của Việt Nam trong việc nâng cao tính đoàn kết, thống nhất trong ASEAN để đối phó với các thách thức an ninh chung; về kế hoạch đưa ra tầm nhìn chiến lược châu Á - Thái Bình Dương trong khuôn khổ ADMM+ khi Việt Nam đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2020 [Nguyễn Thị Hằng, 2019, tr. 43].

Tại Đối thoại Shangri-La 2022, Đại tướng Phan Văn Giang đã nhấn mạnh việc tăng cường khả năng quốc phòng, khẳng định nền quốc phòng hòa bình và tự vệ của Việt Nam, đồng thời thể hiện cam kết đối với hòa bình và an ninh khu vực. Việt Nam cũng thể hiện tinh thần hợp tác bằng cách chia sẻ kinh nghiệm giải quyết các thách thức an ninh chung và cam kết tôn trọng luật pháp quốc tế, bao gồm UNCLOS 1982, đồng thời thúc đẩy xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử của các bên ở Biển Đông (COC) thực chất và hiệu quả. Bộ trưởng chia sẻ kinh nghiệm của Quân đội nhân dân Việt Nam đóng vai trò nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân của Việt Nam: “Hiện nay, Quân đội nhân dân Việt Nam xung kích trong ứng phó với nhiều thách thức an ninh phi truyền thống, đặc biệt là cứu hộ, cứu nạn, phòng chống thiên tai, ứng phó với đại dịch Covid-19; cử lực lượng tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc” [Dương Quý Nam, 2022, tr. 10].

Trong phát biểu tại phiên thảo luận toàn thể thứ 2 với chủ đề “Đảm bảo sự ổn định trong một thế giới cạnh tranh” trong khuôn khổ Đối thoại Shangri-La 2025, Đại tướng Phan Văn Giang nhấn mạnh đảm bảo sự ổn định trong một thế giới cạnh tranh là điều kiện tiên quyết, không thể thiếu để xây dựng một thế giới hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển, vì lợi ích chung của các quốc gia và dân tộc, đồng thời

là yêu cầu cấp thiết hiện nay. Đồng thời, Bộ trưởng đưa ra thông điệp hành động hướng tới tương lai: “Chúng ta hãy làm tất cả những gì có thể làm được ngày hôm nay, với mong muốn để lại cho thế hệ mai sau không chỉ một thế giới tốt đẹp hơn, mà cả niềm tin và sự cảm phục về ý thức trách nhiệm và sự thông tuệ của thế hệ hôm nay” [Nguyễn Lam Hạnh, 2025]. Tại cuộc gặp song phương bên lề Đối thoại Shangri-La 2025, Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc điều hành IISS, Tiến sĩ Bastian Giegerich đánh giá cao vai trò, sự tham gia tích cực của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La, trong đó cho rằng, bài phát biểu của Đại tướng Phan Văn Giang tại Phiên toàn thể 2 của Đối thoại Shangri-La lần thứ 22 đã làm rõ yêu cầu cấp thiết của việc đảm bảo sự ổn định trong một thế giới cạnh tranh [Nguyễn Lam Hạnh, 2025].

Những đóng góp và cam kết của Việt Nam đã được cộng đồng quốc tế đánh giá cao và góp phần quan trọng vào việc duy trì hòa bình và ổn định trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương. Những nỗ lực này khẳng định vai trò chủ động và có trách nhiệm của Việt Nam trong việc bảo đảm an ninh khu vực và quốc tế.

- Việt Nam khẳng định vị thế và thể hiện lập trường đối với các vấn đề khu vực và toàn cầu trong các hoạt động song phương bên lề.

Tại các kỳ Đối thoại Shangri-La những năm gần đây, hoạt động song phương bên lề của Việt Nam thể hiện sự chủ động, khéo léo, mềm dẻo linh hoạt trong chính sách đối ngoại, tranh thủ các hoạt động bên lề để triển khai các hoạt động hợp tác song phương, góp phần củng cố và mở rộng quan hệ quốc phòng với các đối tác. Các cuộc gặp và hoạt động trao đổi bên lề tại các kỳ Đối thoại Shangri-La đã thúc đẩy quan hệ hợp tác quốc phòng giữa Việt Nam với các đối tác quốc tế.

Tại Đối thoại Shangri-La lần thứ 18 (2019), Bộ trưởng Quốc phòng Ngô Xuân Lịch đã có các cuộc tiếp xúc quan trọng với các đối tác như Mỹ, New Zealand, Anh, Singapore, Malaysia, Pháp và Mông Cổ. Các cuộc gặp này không chỉ khẳng định tính hiệu quả của hợp tác hiện tại mà còn mở ra cơ hội để thúc đẩy quan hệ hợp tác trong tương lai. Các đối tác quốc tế đều đánh giá cao sự tham gia của Việt Nam vào các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc và bày tỏ sự ủng

hộ đối với vai trò Chủ tịch ASEAN của Việt Nam vào năm 2020 [Nguyễn Thị Hằng, 2019, tr. 44].

Tại Đối thoại Shangri-La lần thứ 19 (2022), Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Phan Văn Giang thể hiện sự chủ động trong các cuộc gặp với các đối tác quan trọng như Mỹ, Canada, Australia, Mông Cổ và Singapore. Đặc biệt, cuộc gặp với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Australia Richard Marles và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mông Cổ Saikhanbayar Gursed đã thúc đẩy các sáng kiến hợp tác, bao gồm việc tăng cường trao đổi đoàn, đào tạo và hợp tác trong lĩnh vực gìn giữ hòa bình. Cả hai bên đều đánh giá cao hiệu quả của các cơ chế hợp tác hiện có và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc duy trì và mở rộng quan hệ hợp tác quốc phòng.

Tại Đối thoại Shangri-La lần thứ 20 (2023), Thượng tướng Hoàng Xuân Chiến thực hiện các cuộc gặp quan trọng với các lãnh đạo quốc phòng từ Trung Quốc, Australia, Nhật Bản, Singapore và Canada. Các cuộc gặp này đã giúp củng cố mối quan hệ với các đối tác chủ chốt và thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc phòng. Điển hình như tại cuộc gặp với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Australia Richard Donald Marles, hai bên nhất trí về việc ký kết Thỏa thuận Đối tác Gìn giữ hòa bình và cập nhật Tuyên bố Tầm nhìn chung về thúc đẩy hợp tác quốc phòng, đồng thời thể hiện cam kết hỗ trợ Việt Nam trong các nhiệm vụ gìn giữ hòa bình. Tiếp nối các hoạt động này, năm 2024, đoàn Bộ Quốc phòng Việt Nam đã có nhiều cuộc tiếp xúc song phương với lãnh đạo quốc phòng các nước và các đối tác nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác quốc phòng, gồm các cuộc gặp với Thư ký thường trực Bộ Quốc phòng Singapore Chan Heng Chee; Tiến sĩ Bastian Giegerich, Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành IISS; Phó Tư lệnh Lực lượng bảo vệ bờ biển Nhật Bản Seguchi Yoshio. Năm 2025, bên lề Đối thoại Shangri-La, Đại tướng Phan Văn Giang đã có một số cuộc gặp song phương quan trọng với Tiến sĩ Bastian Giegerich, Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc điều hành IISS; Bộ trưởng Điều phối dịch vụ công kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Singapore Chan Chun Sing; Bộ trưởng Quốc phòng New Zealand Judith Collins; Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Pete Hegseth [Nguyễn Lam Hạnh, 2025]. Qua đó, tiếp tục khẳng định vị thế của Việt Nam với các nước trong và ngoài khu vực.

Có thể thấy, các tiếp xúc song phương bên lề ngày càng tăng về số lượng đối tác, gắn với việc thực hiện chủ trương thực hiện các hoạt động đối ngoại nói chung và đối ngoại quốc phòng nói riêng, đạt được nhiều kết quả quan trọng trong thúc đẩy và mở rộng quan hệ đối ngoại của Việt Nam theo hướng thực chất, hiệu quả. Về cơ bản, các hoạt động song phương bên lề Đối thoại Shangri-La không chỉ cho thấy sự chủ động và linh hoạt của Việt Nam trong củng cố quan hệ quốc phòng với các đối tác mà còn giúp thể hiện lập trường của Việt Nam đối với các vấn đề khu vực và toàn cầu. Những cuộc gặp này đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy quan hệ song phương, góp phần triển khai hiệu quả đường lối đối ngoại của Việt Nam theo tinh thần Đại hội Đảng XIII, đồng thời nâng cao vị thế và ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế.

4.1.4. Những dấu mốc bước ngoặt và chuyển biến trong hành vi chiến lược của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La

Sự tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La không chỉ mang tính hiện diện hình thức, mà ngày càng thể hiện rõ nét chuyển biến về chiều sâu chiến lược và thông điệp chính trị. Qua các bài phát biểu tại diễn đàn này, có thể nhận diện được những cột mốc then chốt đánh dấu bước ngoặt trong cách Việt Nam diễn ngôn hóa chiến lược quốc phòng, xây dựng hình ảnh quốc gia và kiến tạo vị thế khu vực.

- Bước ngoặt năm 2013 - Định hình “chính sách quốc phòng 4 không”

Năm 2013, Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh - Thứ trưởng Bộ Quốc phòng - đại diện Việt Nam phát biểu tại Đối thoại Shangri-La với thông điệp: “Việt Nam chủ trương quốc phòng mang tính tự vệ, không liên minh quân sự, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự trên lãnh thổ mình”. Phát biểu này đánh dấu lần đầu tiên Việt Nam công khai hóa chính sách quốc phòng mang tính nguyên tắc tại một diễn đàn đa phương, tạo tiền đề hình thành "Chính sách quốc phòng 4 không" trong nhận thức cộng đồng quốc tế và học giới. Đây cũng là bước chuyển từ tham dự thụ động sang phát biểu có chủ đích, bắt đầu hình thành vai trò định hình thông điệp khu vực.

- Bước ngoặt năm 2023 - Tuyên bố lập trường tự chủ, hòa bình và kiên quyết

Tại phiên toàn thể Đối thoại Shangri-La năm 2023, Đại tướng Phan Văn Giang - Bộ trưởng Quốc phòng - khẳng định: “Chúng tôi kiên quyết bảo vệ chủ quyền, đồng thời chủ động đối thoại, hợp tác để duy trì hòa bình, ổn định Biển Đông”. Thông điệp năm 2023 phản ánh rõ chuyên biến từ tư thế phòng thủ sang chủ động kiến tạo, vừa khẳng định đường lối "kiên quyết - kiên trì", vừa phát tín hiệu về năng lực tự chủ chiến lược của Việt Nam. Diễn ngôn này cũng góp phần nâng tầm Việt Nam từ một “quốc gia nhỏ tích cực” thành một chủ thể kiến tạo trật tự khu vực đa phương - đúng như khung lý luận quốc gia nhỏ và diễn ngôn an ninh mà luận án sử dụng.

- Thống kê giai đoạn hóa: Từ “lắng nghe” đến “kiến tạo”

Phân tích theo giai đoạn cho thấy mức độ chủ động của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La được nâng dần qua ba chu kỳ sau:

Bảng 4.1. Bảng tham chiếu tần suất tham gia của Việt Nam từ năm 2002 đến nay

Giai đoạn	Tần suất tham gia	Tần suất phát biểu toàn thể	Đặc điểm hành vi
2002-2010	Thường niên, cấp Thứ trưởng	Không thường xuyên	Lắng nghe, xây dựng vị thế ban đầu
2011-2018	Ổn định, cấp Thứ trưởng/Bộ trưởng	Tăng dần	Chủ động phản hồi chính sách
2019-2025	Liên tục, cấp cao (Bộ trưởng trở lên)	Hàng năm	Kiến tạo thông điệp, đề xuất sáng kiến

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Biểu đồ tham chiếu trong Bảng 4.1 chứng minh rằng sự tham gia của Việt Nam không chỉ là hiện diện hình thức, mà đã và đang tiến tới chủ động sử dụng diễn đàn như công cụ thể hiện vị thế chiến lược.

- Ý nghĩa chiến lược: Từ chiến thuật hiện diện sang chiến lược diễn ngôn

Dưới góc nhìn lý luận, sự thay đổi nêu trên phản ánh quá trình an ninh hóa mang tính chủ động. Việt Nam không chỉ bị “gán vai” mà chủ động định hình thông điệp về an ninh khu vực. Xét về vai trò của quốc gia nhỏ kiểu mới, Việt Nam không bị cuốn vào tranh chấp quyền lực, nhưng vẫn có khả năng kiến tạo không gian đối

thoại an toàn. Vận dụng ngoại giao phòng ngừa hiệu quả thông qua phát biểu, Việt Nam vừa lên tiếng, vừa định vị, vừa cảnh báo xung đột tiềm năng.

Những dấu mốc trên cho thấy rõ quá trình nâng cấp vai trò chính trị quốc tế của Việt Nam thông qua công cụ đối thoại đa phương, góp phần củng cố quan điểm: Một quốc gia nhỏ vẫn có thể tạo ảnh hưởng lớn nếu biết sử dụng đúng thời điểm, thông điệp và cơ chế.

4.2. Thành tựu, thách thức đối với Việt Nam trong tham gia Đối thoại Shangri-La và nguyên nhân

4.2.1. Thành tựu và nguyên nhân

4.2.1.1. Thành tựu

Sự tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La góp phần nâng cao vị thế trên trường quốc tế, củng cố và mở rộng các mối quan hệ đối ngoại, với nhiều kết quả nổi bật:

Thứ nhất, Việt Nam đã nâng cao rõ rệt vị thế quốc tế của mình, khẳng định vai trò tích cực trong các vấn đề an ninh khu vực và toàn cầu. Sự chủ động trong việc đóng góp ý kiến, sáng kiến và công thức không chỉ giúp Việt Nam thu hút sự chú ý từ các quốc gia lớn mà còn nhận được sự đánh giá cao từ cộng đồng quốc tế.

Từ năm 2002 cho đến nay, Việt Nam đã tham dự đối thoại nhiều lần ở cấp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Việt Nam luôn thể hiện là thành viên tích cực, có trách nhiệm, thường xuyên đưa ra quan điểm rõ ràng trước những thách thức an ninh trong khu vực, trên cơ sở kiên trì với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa các mối quan hệ, tôn trọng luật pháp quốc tế. Năm 2013, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã được mời phát biểu đề dẫn tại Đối thoại Shangri-La lần thứ 12. Thông điệp của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam về “lòng tin chiến lược”, trong đó nhấn mạnh “lòng tin là khởi nguồn của mọi quan hệ hữu nghị, hợp tác; là liều thuốc hiệu nghiệm để ngăn ngừa những toan tính có thể gây ra nguy cơ xung đột”, “lòng tin cần được nâng niu, vun đắp không ngừng bằng những hành động cụ thể, nhất quán, phù hợp với chuẩn mực chung và với thái độ chân thành” đã mang lại dư luận tốt cả trong nước và quốc tế, giành được sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế. Ngay sau khi Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng kết thúc bài

phát biểu và trả lời câu hỏi, nhiều trưởng đoàn đã đến bắt tay, chúc mừng. Đặc biệt, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Chuck Hagel đã đến chia sẻ với Thủ tướng và các lãnh đạo Bộ Quốc phòng Việt Nam về bài phát biểu thẳng thắn, có tính xây dựng và mang nhiều thông điệp quan trọng [Nguyễn Thị Huệ, 2013, tr. 31]. Giới truyền thông, các học giả quốc tế đã gần như ngay lập tức có những bài viết nhận định, đánh giá, đưa tin theo nhiều góc độ khác nhau về sự kiện này, ủng hộ quan điểm Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đưa ra với tư cách là người đại diện quan điểm cho Việt Nam nhưng phản ánh một cách rất đúng đắn tình hình châu Á - Thái Bình Dương [Nguyễn Thị Huệ, 2013, tr.31]. Trang web của IISS đăng toàn văn bài phát biểu của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng với tiêu đề: “Xây dựng lòng tin chiến lược vì hòa bình, hợp tác, thịnh vượng của châu Á”, trong đó, nhấn mạnh điều kiện tiên quyết để xây dựng lòng tin chiến lược là phải tôn trọng Hiến chương Liên hợp quốc, luật pháp và các nguyên tắc quốc tế [Nguyễn Thị Huệ, 2013, tr. 31].

Thứ hai, việc tham gia Đối thoại Shangri-La đã giúp Việt Nam truyền đi các thông điệp hòa bình, hợp tác, minh bạch hóa chính sách quốc phòng, tăng cường khả năng tự tin đại diện và bảo vệ lợi ích quốc gia trong các diễn đàn quốc tế.

Tại Đối thoại Shangri-La lần thứ 19 (từ ngày 10-12/6/2022), Đại tướng Phan Văn Giang, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam đã gây ấn tượng rất mạnh với bài phát biểu rất sâu sắc và thời sự với chủ đề “Tăng cường khả năng quốc phòng để bảo vệ Tổ quốc”. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam đã phát đi không chỉ là thông điệp về hòa bình, hợp tác và phát triển mà còn tái khẳng định lập trường “bốn không” của Việt Nam trong đối ngoại quốc phòng. Trong đó nhấn mạnh, nền quân sự, quốc phòng Việt Nam là “toàn dân, mang tính chất tự vệ, hòa bình, không làm phương hại bất cứ quốc gia nào”. Việt Nam chọn chân lý, lẽ phải và tự tăng cường tiềm lực quốc phòng để phòng thủ và bảo vệ Tổ quốc. Trong thế giới biến động hỗn loạn như ngày nay, để tránh bị hiểu lầm hay nghi ngờ, Việt Nam chọn nói thẳng. Tuyên bố của Đại tướng Phan Văn Giang tái khẳng định lập trường, Việt Nam chọn hòa bình, xây dựng nền quốc phòng tự vệ, sẵn sàng là bạn của tất cả nhưng không nhân nhượng lợi ích quốc gia. Tuyên bố không mới, vốn đã được nêu

trong Sách Trắng Quốc phòng Việt Nam 2019, tuy nhiên, ở một diễn đàn như Đối thoại Shangri-La, những lời danh thép của Đại tướng Phan Văn Giang cho thấy một Việt Nam rất khác - đã ở thế cởi mở, sòng phẳng, sẵn sàng đối thoại thẳng thắn trên tinh thần thiện chí với tất cả các nước, kể cả cường quốc. Phát biểu của Đại tướng Phan Văn Giang đã cho thấy tầm nhìn chiến lược đối với các vấn đề an ninh khu vực và thế giới, gắn với thực tiễn cùng những thách thức mà Việt Nam đang phải đối mặt về quốc phòng, an ninh.

Đồng thời, diễn đàn này cũng là cơ hội để Việt Nam minh bạch hóa chính sách quốc phòng và khẳng định tính đúng đắn của chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, gửi đi các thông điệp về chủ trương kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam cùng những hành động thiết thực nhằm thể hiện sự tích cực của Việt Nam đóng góp cho hòa bình và ổn định của khu vực và thế giới.

Thứ ba, sự tham gia Đối thoại Shangri-La giúp Việt Nam nắm bắt rõ hơn về các xu hướng và thách thức an ninh toàn cầu, cơ hội chia sẻ các sáng kiến, ý tưởng hợp tác quốc phòng - an ninh, góp phần vào việc thúc đẩy môi trường an ninh khu vực.

Sự tham dự đều đặn của các đoàn đại biểu quốc phòng các cấp của Việt Nam từ kỳ Đối thoại Shangri-La đầu tiên đến nay là minh chứng rõ nét, khẳng định vị thế Việt Nam là thành viên tích cực, có trách nhiệm; đồng thời, Việt Nam thường xuyên đưa ra quan điểm rõ ràng trước những thách thức an ninh trong khu vực, trên cơ sở kiên trì với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa các mối quan hệ, tôn trọng luật pháp quốc tế, qua đó đóng góp tiếng nói, sáng kiến để thúc đẩy đối thoại, hợp tác quốc tế vì lợi ích chung.

Thứ tư, Đối thoại Shangri-La đã tạo cơ hội để Việt Nam mở rộng và củng cố quan hệ hợp tác quốc phòng và an ninh với nhiều quốc gia, bao gồm các cường quốc như Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản..., cùng với các quốc gia ASEAN, từ đó tạo ra nền tảng vững chắc cho hợp tác quốc tế và sự hỗ trợ từ các đối tác quan trọng.

4.2.2.2. Nguyên nhân

Thứ nhất, thế và lực của Việt Nam ngày càng tăng, với các quan hệ đối ngoại được triển khai sâu rộng, toàn diện cả song phương và đa phương, tạo lợi thế cho Việt Nam trong các hoạt động ngoại giao tầm khu vực và quốc tế. Ở chiều ngược lại, chủ trương của Việt Nam khi tham gia ngày càng chủ động, tích cực, sẵn sàng đóng góp sáng kiến thúc đẩy hợp tác quốc tế giải quyết các thách thức an ninh chung, qua đó nhận được sự đồng tình, ủng hộ và đánh giá cao của các nước tham dự, góp phần nâng tầm vị thế quốc tế của Việt Nam.

Thứ hai, triển khai thực hiện đúng, có hiệu quả đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước. Thực hiện chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước, đoàn Việt Nam tham dự các kỳ Đối thoại Shangri-La đã tích cực, chủ động trong các hoạt động chính thức và bên lề, đóng góp xây dựng lòng tin, thúc đẩy ngoại giao phòng ngừa và tìm kiếm các biện pháp quản lý có hiệu quả xung đột. Việt Nam đã tận dụng tốt kênh đa phương và song phương được tổ chức trong khuôn khổ Đối thoại Shangri-La để tham gia có hiệu quả vào các cơ chế hợp tác của khu vực và trên thế giới, thích ứng với tình hình mới, tranh thủ thời cơ, hóa giải thách thức trên cơ sở kết hợp sức mạnh nội lực và ngoại lực.

Thứ ba, Việt Nam chủ động minh bạch hóa chính sách, khẳng định lập trường nhất quán đối với các vấn đề quốc tế quan trọng, đồng thời tận dụng các cơ hội để thúc đẩy, tăng cường và mở rộng hợp tác với các nước trong và ngoài khu vực trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và luật pháp quốc tế. Thông qua đó giúp bạn bè quốc tế hiểu rõ chính sách đối ngoại, quốc phòng hòa bình, tự vệ của Việt Nam, tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế đối với các vấn đề lợi ích của Việt Nam, nhất là Biển Đông.

Thứ tư, Việt Nam thể hiện tinh thần hòa hiếu, sẵn sàng đối thoại, cùng các bên giải quyết các thách thức an ninh chung, cũng như những mâu thuẫn, tranh chấp, bất đồng bằng biện pháp hòa bình. Trong tất cả các phát biểu của đoàn Việt Nam tham gia Đối thoại Shangri-La cũng như các hoạt động bên lề đều nhất quán thể hiện thông điệp về thúc đẩy đối thoại, xây dựng lòng tin chiến lược vì hòa bình, ổn định và thịnh vượng chung ở khu vực và thế giới.

Thứ năm, Việt Nam thể hiện sự khéo léo trong xử lý các tình huống ngoại giao phát sinh tại hội nghị trên tinh thần là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước. Các lực lượng tham gia trực tiếp tại Đối thoại Shangri-La đã nắm vững và triển khai đúng các chủ trương, đường lối đối ngoại, đối ngoại quốc phòng của Đảng, Nhà nước, Quân đội, đồng thời chủ động nắm bắt các diễn biến tình hình trước, trong và sau khi diễn đàn được tổ chức, từ đó tham mưu sát, đúng cho lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quân đội về các biện pháp ứng xử ngoại giao phù hợp, hiệu quả.

Có thể thấy, sự tham gia ngày càng sâu rộng của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La đã mang lại nhiều kết quả quan trọng, từ góp phần nâng cao hình ảnh và vị thế quốc tế của Việt Nam; đến thúc đẩy quan hệ quốc phòng song phương và đa phương; tăng cường năng lực hội nhập quốc tế trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng; và tạo điều kiện để Việt Nam đóng góp tiếng nói mang tính xây dựng vào các vấn đề khu vực và toàn cầu. Những kết quả này có được là nhờ sự kết hợp giữa thế và lực quốc gia ngày càng tăng, đường lối đối ngoại đúng đắn, chủ động minh bạch hóa chính sách quốc phòng, và sự khéo léo trong ứng xử ngoại giao tại các diễn đàn đa phương. Việt Nam thể hiện rõ vai trò của một quốc gia yêu chuộng hòa bình, sẵn sàng đối thoại và là đối tác tin cậy trong cộng đồng quốc tế.

4.2.2. Thách thức và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, việc tham gia Đối thoại Shangri-La cũng đặt ra cho Việt Nam nhiều thách thức, cả về chiến lược đối ngoại, năng lực thể chế và cách thức thể hiện quan điểm quốc gia trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc ngày càng gia tăng. Đồng thời, việc đánh giá tác động thực chất của sự tham gia, cùng với việc xác định các nguyên tắc ứng xử và dự báo triển vọng tương lai, là cần thiết để định hướng chính sách phù hợp, nâng cao hiệu quả và vị thế của Việt Nam tại Đối thoại này.

4.2.2.1. Thách thức

Việc tham gia Đối thoại Shangri-La cũng đặt ra một số thách thức đáng lưu ý đối với Việt Nam, cả về chiến lược, ngoại giao và năng lực thể chế:

Thứ nhất, sự thay đổi trong chính sách của các nước lớn và sự cạnh tranh trong khu vực có thể tạo ra những thách thức cho Việt Nam trong việc duy trì lợi ích và ổn định. Việt Nam cần có chiến lược rõ ràng để tận dụng hiệu quả các cơ hội từ Đối thoại Shangri-La, đồng thời điều chỉnh các chính sách đối ngoại để đáp ứng các yêu cầu quốc tế, điều này có thể tạo ra áp lực và khó khăn trong việc duy trì chính sách đối ngoại độc lập và tự chủ.

Thứ hai, Việt Nam đứng trước những thách thức về ứng xử ngoại giao, nhất là khi cạnh tranh Mỹ-Trung, hai nước có vai trò chi phối lớn nhất tại Đối thoại Shangri-La, ngày càng gay gắt, trực diện, quan hệ nước lớn đang có những điều chỉnh chiến lược, các nước lớn tìm cách tập hợp lực lượng, gây sức ép buộc các nước nhỏ phải có lập trường, quan điểm rõ ràng về việc “chọn bên”. Vì vậy, bất kỳ ứng xử ngoại giao nào tại các cơ chế đa phương như Đối thoại Shangri-La cũng đều tác động lớn tới quan hệ của Việt Nam với các nước. Một trong những thách thức chủ yếu mà Việt Nam phải đối mặt khi tham gia Đối thoại Shangri-La là làm thế nào để duy trì lập trường đối ngoại độc lập, tự chủ trong môi trường địa chiến lược ngày càng phức tạp, nơi cạnh tranh Mỹ-Trung thể hiện rõ ràng và trực diện. Trong các kỳ Đối thoại gần đây, các phát biểu công khai của hai bên đều hàm chứa yếu tố chỉ trích, công kích lẫn nhau, đồng thời lồng ghép các kỳ vọng hoặc sức ép đối với các nước vừa và nhỏ, buộc họ phải thể hiện lập trường rõ ràng. Đối với Việt Nam, đây là tình huống nhạy cảm, đòi hỏi sự cân nhắc kỹ lưỡng trong phát biểu và ứng xử để không rơi vào thế bị động hoặc bị diễn giải sai lệch.

Thứ ba, trong bối cảnh các nước lớn ngày càng thể hiện lập trường quyết đoán, việc bảo vệ những lợi ích then chốt của Việt Nam ở các cơ chế đa phương như Đối thoại Shangri-La, nhất là trong vấn đề Biển Đông, là điều khó khăn, đòi hỏi phải có những tính toán hợp lý trong các hoạt động ngoại giao để đảm bảo tối đa lợi ích quốc gia-dân tộc khi tham dự hội nghị. Trong đó, tình hình Biển Đông phức tạp, Trung Quốc ngày càng có các hành động quyết đoán hơn, thể hiện rõ qua những căng thẳng và va chạm vũ lực giữa lực lượng biển của Trung Quốc và Philippines trong 3 năm trở lại đây. Trong khi đó, các nước khác như Mỹ, Australia, Nhật

Bản... có thể thông qua các kênh khác nhau để bày tỏ mong muốn và tạo áp lực ngoại giao để Việt Nam có tiếng nói mạnh mẽ hơn về vấn đề này. Những phát biểu hoặc hành động sai lệch, thiếu nhất quán dễ bị truyền thông quốc tế khai thác, ảnh hưởng tới uy tín quốc gia. Trong một số trường hợp, Việt Nam có thể bị các nước khác sử dụng diễn đàn để công kích hoặc gài bẫy lập luận, buộc phải phản ứng trong thế bị động.

Thứ tư, để phát huy vai trò và nâng tầm ảnh hưởng, vị thế trong các diễn đàn quốc tế đòi hỏi Việt Nam không chỉ tham gia có trách nhiệm, mà cần phải tích cực, chủ động thể hiện vai trò dẫn dắt, đưa ra sáng kiến mới, được nhiều nước đồng tình ủng hộ. Điều này đòi hỏi lực lượng tham gia mỗi kỳ Đối thoại Shangri-La hoạt động hiệu quả bên lề, trước, trong và sau Đối thoại. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn còn gặp phải một số hạn chế về nguồn lực và năng lực tham gia, nhất là lực lượng đối ngoại quốc phòng - an ninh của Việt Nam còn một số hạn chế về kinh nghiệm như khả năng tranh luận và phản biện bằng tiếng Anh. Đội ngũ đối ngoại quốc phòng của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện về chuyên môn, đặc biệt là năng lực phản biện và tranh luận về luật quốc tế, cũng như kỹ năng xử lý tình huống phức tạp trong môi trường đa phương có tính cạnh tranh cao. Bên cạnh đó, Việt Nam chưa có nhiều trung tâm nghiên cứu chiến lược có ảnh hưởng quốc tế để làm hậu thuẫn học thuật và định hướng dư luận chính sách tại các diễn đàn lớn như Đối thoại Shangri-La. Sự thiếu hụt này làm giảm khả năng Việt Nam chủ động dẫn dắt thảo luận hoặc đề xuất sáng kiến có tầm ảnh hưởng khu vực và quốc tế.

4.2.2.2. Nguyên nhân

Thứ nhất, việc Đối thoại Shangri-La có xu hướng bị can thiệp ngày càng mạnh mẽ gây ra thách thức trong ứng xử ngoại giao đối với các nước vừa và nhỏ như Việt Nam. Điển hình là sự kiện phát biểu của Thủ tướng Singapore Lý Hiển Long tại Đối thoại Shangri-La 2019 về việc Việt Nam cử lực lượng sang Campuchia thời kỳ Khmer Đỏ. Ngay tại sự kiện này, lực lượng tham dự trực tiếp của Đoàn Bộ Quốc phòng Việt Nam đã phải có những ứng xử khéo léo và can thiệp kịp thời để bảo vệ lợi ích của Việt Nam. Tiếp đó, việc Ban Tổ chức bất ngờ thông

báo và bổ sung vào chương trình nghị sự của Đối thoại Shangri-La năm 2022 sự tham gia phát biểu của Tổng thống Ukraine Volodymyr Oleksandrovych Zelensky cũng gây ra khó khăn về ứng xử ngoại giao cho đoàn Việt Nam, nhất là khi bài phát biểu này diễn ra ngay sau bài phát biểu của Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam. Trong bối cảnh xung đột Nga - Ukraine giai đoạn này mới diễn ra vài tháng, sức ép của các nước lớn yêu cầu các nước nhỏ phải thể hiện rõ lập trường ủng hộ một bên, thì sự kiện này đòi hỏi sự tham mưu kịp thời, nhanh chóng, hiệu quả của lực lượng tham gia tại chỗ để linh hoạt đưa ra phản ứng hay ứng xử phù hợp, khéo léo, đảm bảo lợi ích cho Việt Nam trong hoạt động ngoại giao, thực hiện đúng chủ trương, đường lối đối ngoại của Việt Nam.

Thứ hai, các nước ngày càng công khai trong việc đặt lợi ích quốc gia lên trên hết, bất chấp luật pháp quốc tế, đặt các nước nhỏ đứng trước những thách thức. Điều này có thể thấy rõ qua cạnh tranh Mỹ-Trung trong những năm qua, nhất là hiện nay khi Mỹ dưới sự lãnh đạo của chính quyền Tổng thống Donald Trump. Các quyết sách của Mỹ về chính sách thương mại đang cho thấy xu hướng Mỹ đòi hỏi các nước phải chọn một bên giữa Mỹ và Trung Quốc. Chính sách của các nước vừa và nhỏ như Việt Nam trong cân bằng quan hệ với các nước lớn ngày càng chịu sức ép lớn.

Thứ ba, một mặt, vị trí địa chiến lược giúp Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong chính sách đối ngoại của các nước lớn, mặt khác, điều này cũng khiến Việt Nam có thể bị trở thành công cụ hoặc “con bài” mặc cả của các nước lớn.

Thứ tư, Việt Nam vẫn còn một số hạn chế về nguồn lực và năng lực tham gia. So với các cường quốc, đội ngũ chuyên gia quốc phòng - an ninh của Việt Nam còn hạn chế về kinh nghiệm, đặc biệt là khả năng tranh luận và phản biện bằng tiếng Anh. Trong khi đó, Việt Nam chưa có nhiều tiếng nói nổi bật hoặc ảnh hưởng rõ rệt tại Đối thoại Shangri-La và các diễn đàn đa phương so với các nước khác như Nhật Bản, Hàn Quốc, Indonesia, Singapore.

Thứ năm, ASEAN và các thành viên chưa phải là nhân tố nổi bật tại các cơ chế đa phương. ASEAN hoạt động trên nguyên tắc đồng thuận, nên lập trường

chung thường rất thận trọng và thiếu cụ thể, ASEAN cũng thường gặp khó khăn trong việc xây dựng lập trường thống nhất. Việt Nam, dù chủ động, cũng khó bị giới hạn bởi tiếng nói tập thể và khó có thể đơn phương hành động mạnh mẽ, tạo được sức nặng nếu không có đồng thuận nội khối. Một số quốc gia ASEAN khác như Singapore, Indonesia, Thái Lan cũng muốn khẳng định vai trò lãnh đạo tại Đối thoại, gây khó khăn cho Việt Nam trong việc nổi bật tiếng nói. *Thứ sáu*, Việt Nam vẫn thiếu các kênh truyền thông đối ngoại hiệu quả, chưa có mạng lưới truyền thông quốc tế đủ mạnh để truyền tải thông điệp ra bên ngoài, lan tỏa thông điệp chính sách một cách chủ động. Thông tin về Việt Nam trong các diễn đàn như Đối thoại Shangri-La thường chỉ được truyền tải qua kênh thứ cấp. Nếu xảy ra các tình huống phát biểu gây tranh cãi, nhất là xâm phạm tới lợi ích của Việt Nam, cơ chế phản ứng của Việt Nam có thể rơi vào bị động, lúng túng, đòi hỏi lực lượng tham mưu tại chỗ phải có những khuyến nghị, đề xuất nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả.

Thứ bảy, Việt Nam còn có một số hạn chế về năng lực hoạch định và triển khai chiến lược quốc phòng và đối ngoại. Việt Nam chưa có nền tảng nghiên cứu chiến lược quốc tế vững mạnh, thiếu các cơ quan tư vấn chính sách (thinktank) có thể hỗ trợ chính sách một cách chuyên sâu. Các phát biểu ở diễn đàn quốc tế đôi khi mang tính nguyên tắc, chưa tạo được sức ảnh hưởng mạnh mẽ hay dẫn dắt thảo luận. Việc xử lý câu hỏi nhạy cảm, khủng hoảng phát ngôn hoặc phản hồi các phát biểu khiêu khích từ nước khác vẫn chưa được đào tạo bài bản và thường xuyên. Việt Nam phải rất cẩn trọng trong các phát biểu để không làm gia tăng căng thẳng hoặc ảnh hưởng đến quan hệ song phương, đặc biệt với Trung Quốc. Việc tránh va chạm quá mức khiến phát biểu có thể bị đánh giá là “an toàn”, kém sức nặng. Trong khi đó, ít học giả, quan chức, nhà phân tích quốc phòng Việt Nam có uy tín hoặc thường xuyên xuất hiện trong các diễn đàn quốc tế. Điều này làm giảm khả năng truyền đi các thông điệp của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La và các diễn đàn đa phương.

4.2.3. Kinh nghiệm từ thực tiễn tham dự Đối thoại Shangri-La của Việt Nam

Thứ nhất, kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển là nền tảng then chốt để nâng cao vị thế quốc tế.

Việc tham gia Đối thoại Shangri-La nhiều năm qua đã cho thấy rằng sự nhất quán trong lập trường đối ngoại, đặc biệt là nguyên tắc “bốn không”, tôn trọng luật pháp quốc tế, không liên minh, liên kết quân sự, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự, không dùng vũ lực, đã giúp Việt Nam duy trì uy tín là một đối tác tin cậy và có trách nhiệm trong khu vực. Kiên định lập trường độc lập, không chọn phe, đồng thời tích cực đóng góp sáng kiến đã giúp Việt Nam dung hòa được quan hệ với các nước lớn trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt. Điều này là một bài học sâu sắc trong việc gìn giữ bản sắc đối ngoại của Việt Nam trên các diễn đàn đa phương.

Thứ hai, chủ động, tích cực tham gia và phát huy tiếng nói tại các cơ chế đối thoại quốc tế là con đường để nâng tầm ảnh hưởng và bảo vệ lợi ích quốc gia.

Qua các phát biểu của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (2013) hay Bộ trưởng Phan Văn Giang (2022), có thể thấy vai trò của cá nhân lãnh đạo khi thể hiện thông điệp rõ ràng, mạnh mẽ, có chiều sâu đã giúp Việt Nam lan tỏa quan điểm chính sách một cách hiệu quả. Việc chủ động đóng góp sáng kiến, nêu quan điểm và tham gia tích cực không chỉ giúp nâng cao hình ảnh quốc gia mà còn giúp định hình môi trường đối thoại an ninh khu vực theo hướng ổn định, hòa bình. Đây là bài học về vai trò quan trọng trong đầu tư cho nội dung phát biểu, chuẩn bị kỹ lưỡng, phát huy vai trò của cá nhân đại diện và kênh chuyên gia trong việc truyền tải chính sách.

Thứ ba, nâng cao năng lực đối ngoại quốc phòng, đặc biệt là kỹ năng tranh luận, phản biện và xử lý tình huống ngoại giao đa phương, góp phần bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc.

Thực tiễn cho thấy, các tình huống phát sinh tại Đối thoại Shangri-La, như phát biểu gây tranh cãi của Thủ tướng Singapore hay sự xuất hiện bất ngờ của Tổng thống Ukraine, đã đòi hỏi đoàn Việt Nam phải phản ứng linh hoạt, khéo léo và nhất

quán với đường lối quốc gia. Điều này đã được thực hiện hiệu quả bởi đội ngũ cán bộ tham dự được đào tạo chuyên sâu, có tư duy chiến lược, năng lực ngoại ngữ, khả năng phản biện quốc tế và có tư duy khoa học chính trị tốt. Qua đó cho thấy, tăng cường công tác chuẩn bị, tập huấn chuyên đề, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách có năng lực toàn diện trong hoạt động đối ngoại quốc phòng có ý nghĩa quan trọng trong xử lý các tình huống thực tế vì lợi ích quốc gia - dân tộc.

Thứ tư, đẩy mạnh minh bạch hóa chính sách quốc phòng góp phần tạo niềm tin và tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế.

Việt Nam đã thành công trong việc truyền tải thông điệp về tính chất tự vệ, hòa bình của nền quốc phòng thông qua các bài phát biểu tại Đối thoại để phổ biến rộng rãi thông điệp chính sách, giúp Việt Nam củng cố niềm tin chiến lược với các đối tác và dư luận quốc tế, chủ động hơn trong kiểm soát dư luận quốc tế và ngăn chặn sự xuyên tạc hoặc hiểu nhầm về chính sách quốc phòng, qua đó tranh thủ thêm sự ủng hộ quốc tế đối với các vấn đề lợi ích của Việt Nam.

Thứ năm, tiếp tục phát huy vai trò trong nội khối ASEAN, kết hợp linh hoạt giữa lợi ích quốc gia và lợi ích chung.

Việt Nam luôn chủ động, tích cực truyền tải các thông điệp về xây dựng đồng thuận nội khối ASEAN, gắn lợi ích của Việt Nam với lợi ích của ASEAN và các nước khu vực. Qua đó giúp tiếng nói của Việt Nam có trọng lượng hơn và khẳng định rõ chính sách, lập trường vì hòa bình, ổn định của khu vực.

Từ những kết quả đạt được và các thách thức đặt ra trong quá trình tham gia Đối thoại Shangri-La, có thể thấy rõ rằng sự chủ động, nhất quán, bản lĩnh và khéo léo là yếu tố then chốt giúp Việt Nam bảo vệ lợi ích quốc gia, nâng cao vị thế quốc tế và đóng góp hiệu quả vào hòa bình, an ninh khu vực. Những bài học kinh nghiệm được rút ra không chỉ giúp hoàn thiện hơn nữa chính sách đối ngoại quốc phòng mà còn là nền tảng để Việt Nam tiếp tục thể hiện vai trò của một quốc gia yêu chuộng hòa bình, có trách nhiệm và là đối tác tin cậy trong cấu trúc an ninh khu vực đang tái định hình.

4.3. Bối cảnh, phương hướng và khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-la

4.3.1. Bối cảnh trong nước, khu vực và thế giới

4.1.1.1. Bối cảnh trong nước

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ sau khi thực hiện công cuộc đổi mới năm 1986, “đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay” [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr. 25]. Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử về chính trị, văn hóa - xã hội, kinh tế, quốc phòng - an ninh cũng như vị thế quốc tế. Những kết quả này là tiền đề quan trọng để đất nước ta vững bước tiến vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, đưa nước ta ngày càng phồn vinh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Năm 2026 là thời điểm diễn ra Đại hội Đảng lần thứ XIV. Đảng ta xác định, từ Đại hội XIV trở đi, đất nước ta sẽ chính thức bước vào kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, mà thời điểm mở đầu là Đại hội lần thứ XIV của Đảng, ghi dấu ấn 40 năm đổi mới (1986 - 2026). Theo đó, kỷ nguyên mới đòi hỏi phải tạo chuyển biến căn bản về nhận thức, hành động của toàn Đảng, toàn xã hội trong việc giữ gìn, nuôi dưỡng, sử dụng hiệu quả nhất các nguồn lực của đất nước. Đặc biệt, kỷ nguyên mới đòi hỏi phải phát huy cao nhất tinh thần, ý chí, sức mạnh của nhân dân - Chủ thể đóng vai trò trung tâm của sự nghiệp kiến tạo kỷ nguyên mới. [Phùng Hữu Phú, 2025] Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc là kỷ nguyên phát triển bứt phá, tăng tốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc; đuổi kịp, tiến cùng, sánh vai với các cường quốc năm châu. Ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên mới là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao; mọi người dân đều được phát triển toàn diện, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, văn minh. [Tô Lâm, 2024].

Tuy nhiên, Việt Nam cũng đang chịu tác động từ những khó khăn, thách thức do sự biến động của cục diện, tình hình thế giới, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, đặt ra những yêu cầu mới về nâng cao tiềm lực trong bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, cũng như giải quyết hiệu quả các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống đang nổi lên.

4.1.1.2. Bối cảnh khu vực và thế giới

Bước sang thập niên thứ ba của thế kỷ XXI, hòa bình, hợp tác là xu thế chủ đạo, song tình hình thế giới, khu vực luôn có diễn biến khó lường, điều này đã và đang đem lại những thuận lợi - thời cơ, khó khăn - thách thức đối với các nước trong việc bảo đảm lợi ích quốc gia. Những chuyển động của tình hình thế giới, khu vực sẽ tác động, chi phối đáng kể đến chương trình nghị sự của Đối thoại Shangri-La trong thời gian tới. Một là, trật tự đa cực đang hình thành ngày càng rõ nét cho phép các nước trong khu vực có điều kiện để thực hiện chính sách trong quan hệ quốc tế và lựa chọn những kế sách phù hợp để bảo vệ lợi ích quốc gia. Hai là, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, nhất là cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc, diễn ra ngày càng gay gắt, phức tạp, tác động đến hòa bình, ổn định và quan hệ quốc tế của nhiều nước. Ba là, hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ và sự phụ thuộc của các nước đang phát triển, nước nhỏ vào nước lớn có xu hướng gia tăng, tác động không nhỏ đến vấn đề bảo vệ lợi ích quốc gia. Bốn là, nhiều vấn đề có tính toàn cầu nổi lên, tác động mạnh tới nhận thức và quan hệ của các nước. Năm là, châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục là khu vực phát triển năng động, có vị trí địa kinh tế - chính trị ngày càng quan trọng trên thế giới, nhưng tiềm ẩn nhiều nhân tố bất ổn, tác động đến hòa bình, an ninh, ổn định khu vực. Mặc dù hòa bình, ổn định vẫn là xu thế chủ đạo tại châu Á - Thái Bình Dương, song tình hình khu vực cũng có nhiều diễn biến phức tạp, chứa đựng nhiều nhân tố bất ổn định và những mâu thuẫn có thể bùng phát thành xung đột, đó là: (1) Các tranh chấp lãnh thổ tại khu vực, nhất là tranh chấp biển, đảo tại Biển Đông và biển Hoa Đông, trở nên phức tạp hơn, trở thành nguy cơ gây mất ổn định khu vực, ảnh hưởng tới việc duy trì hòa

binh, ổn định, an ninh và an toàn hàng hải, đe dọa lợi ích chung của các nước trong và ngoài khu vực; (2) Tình hình nội bộ nhiều nước diễn biến phức tạp, nhân tố chủ nghĩa dân tộc nổi lên tác động đến quyết sách đối nội và đối ngoại của nhiều nước; (3) Các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống trở nên gay gắt hơn trong khi khu vực vẫn chưa có cơ chế hữu hiệu để đối phó với các nguy cơ này; (4) Khu vực xuất hiện nhiều cấu trúc hợp tác quốc phòng, nhưng thiếu một cơ chế hữu hiệu để ngăn ngừa và xử lý các thách thức an ninh, tranh chấp, xung đột. Sáu là, tại Đông Nam Á, ASEAN tiếp tục phát huy vai trò trung tâm trong thúc đẩy liên kết khu vực, song phải đối mặt với nhiều thách thức như tranh chấp chủ quyền biển, đảo, chênh lệch trình độ phát triển, khác biệt lịch sử - văn hóa và sự can dự ngày càng sâu của các nước lớn, làm suy giảm đồng thuận nội khối và ảnh hưởng đến vai trò trung tâm của ASEAN trong xử lý các vấn đề khu vực.

Tóm lại, trong thập niên thứ ba của thế kỷ XXI, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục biến động nhanh chóng, phức tạp và khó lường; hòa bình, hợp tác vẫn là xu thế chủ đạo nhưng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng trở thành yếu tố bao trùm môi trường quốc tế, sẽ tạo thêm những biến đổi sâu sắc chưa từng có tiền lệ, tiềm ẩn nguy cơ xung đột cục bộ hoặc xung đột lĩnh vực rất cao. Trật tự thế giới vận động mạnh mẽ, kinh tế toàn cầu đối mặt nhiều rủi ro, trong khi Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra những biến đổi sâu sắc trong thời gian ngắn. Châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục là trọng tâm cạnh tranh gay gắt giữa các cường quốc, nhất là cạnh tranh Mỹ - Trung, tiềm ẩn nhiều bất ổn an ninh. Xung đột diện rộng không xảy ra tại châu Á - Thái Bình Dương, nhưng những điểm nóng an ninh luôn diễn biến phức tạp. Trong bối cảnh khu vực chưa có cơ chế an ninh bao trùm, chủ yếu dựa vào các cơ chế đối thoại và kiểm soát xung đột như ARF, ADMM+ và Đối thoại Shangri-La.

4.3.2. Phương hướng nâng cao hiệu quả tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-la

Đối ngoại quốc phòng Việt Nam là một bộ phận đối ngoại của Đảng và ngoại giao Nhà nước, là một thành tố của nền quốc phòng toàn dân, vừa là cầu nối gắn

liên giữa công tác đối ngoại với công tác quốc phòng, quân sự góp phần thiết lập và phát triển quan hệ quốc phòng với tất cả các nước trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững môi trường hòa bình, hữu nghị, tự chủ và hội nhập quốc tế, thiết thực phục vụ sự nghiệp xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng an ninh của đất nước. Trong bối cảnh địa chiến lược khu vực đang tiếp tục phân cực và cạnh tranh, việc tham gia Đối thoại Shangri-La là lựa chọn chiến lược có tính tất yếu đối với Việt Nam, là yêu cầu khách quan và phù hợp với đường lối đối ngoại đa phương, độc lập, tự chủ và chủ động hội nhập quốc tế mà Đảng và Nhà nước đã xác định. Trên cơ sở các nguyên tắc đối ngoại được xác lập, cùng với sự chuẩn bị kỹ lưỡng và định hướng chiến lược đúng đắn, Việt Nam hoàn toàn có thể tiếp tục phát huy vai trò và ảnh hưởng của mình tại các diễn đàn đa phương như Đối thoại Shangri-La trong tương lai.

Một số phương hướng để nâng cao hiệu quả tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-la:

Một là, quán triệt và phát huy vai trò của đối ngoại quốc phòng trong đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa của Đảng và Nhà nước.

Đối ngoại quốc phòng là bộ phận cấu thành quan trọng của đối ngoại Đảng và ngoại giao Nhà nước, đồng thời là thành tố của nền quốc phòng toàn dân. Trong bối cảnh môi trường an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục diễn biến phức tạp, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng, việc đẩy mạnh đối thoại, hợp tác an ninh đa phương là yêu cầu khách quan. Tham gia Đối thoại Shangri-La cho phép Việt Nam triển khai hiệu quả đường lối đối ngoại quốc phòng, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

Hai là, chủ động, tích cực tham gia Đối thoại Shangri-La nhằm bảo vệ vững chắc lợi ích quốc gia - dân tộc và minh bạch hóa chính sách quốc phòng.

Việt Nam cần tiếp tục tham gia hoạt động đối ngoại quốc phòng đa phương, trong đó có Đối thoại Shangri-La một cách chủ động, tích cực, có chọn lọc, phù hợp với bối cảnh tình hình ở mỗi thời kỳ, trên cơ sở đảm bảo tối đa lợi ích quốc gia-dân

tộc. Thông qua Đối thoại Shangri-La, Việt Nam có điều kiện khẳng định nhất quán chính sách quốc phòng mang tính hòa bình, tự vệ; không tham gia liên minh quân sự, không đứng về bên này để chống bên kia; đồng thời thể hiện rõ lập trường kiên định trong bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, đặc biệt đối với vấn đề Biển Đông trên cơ sở luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc. Do đó, việc tiếp tục tham gia Đối thoại Shangri-La không chỉ giúp duy trì quan hệ hữu nghị hài hòa với các nước, nâng cao vị thế quốc gia và tranh thủ các cơ hội hợp tác quốc phòng, mà còn giúp Việt Nam thể hiện hình ảnh của một quốc gia yêu chuộng hòa bình, có trách nhiệm, sẵn sàng đối thoại và đóng góp xây dựng vào ổn định khu vực. Diễn đàn cũng là kênh quan trọng giúp Việt Nam theo dõi, phân tích chính sách và chiến lược của các nước lớn, phục vụ công tác tham mưu, hoạch định và điều chỉnh chính sách đối ngoại, quốc phòng phù hợp với bối cảnh mới.

Nhìn lại sự tham gia của Việt Nam từ đối thoại đầu tiên vào năm 2002 đến nay cho thấy, Việt Nam đã phát huy vai trò là một thành viên tích cực, trách nhiệm không thể thiếu của Đối thoại Shangri-La; đã đưa ra quan điểm rõ ràng trước những thách thức an ninh, với tiếng nói và những sáng kiến quan trọng góp phần đảm bảo an ninh, hòa bình và ổn định trong khu vực. Dấu ấn nổi bật mà Việt Nam để lại trong mắt cộng đồng quốc tế là một Việt Nam yêu chuộng hoà bình, luôn mong muốn cùng các nước tạo dựng một khu vực hòa bình, ổn định; để lại thông điệp đầy giá trị là xây dựng lòng tin chiến lược vì hợp tác, hòa bình, thịnh vượng châu Á - Thái Bình Dương tại Đối thoại Shangri-La. Thông điệp này đã trở thành khái niệm được nhiều nước sử dụng cho đến ngày nay. Ngoài ra, việc tham gia Đối thoại Shangri-La giúp Việt Nam tuyên truyền chủ trương, chính sách đối ngoại và đối ngoại quốc phòng của Đảng, Nhà nước, Quân đội, mở rộng hợp tác quốc phòng, an ninh với các nước đối tác quốc tế. Qua đó, đã góp phần quan trọng cho công cuộc đấu tranh, bảo vệ Tổ quốc từ sớm từ xa, là minh chứng sinh động cho tinh thần trách nhiệm, chủ động, tích cực của Việt Nam trong tham gia đóng góp, xây dựng, định hình “luật chơi chung”. Đồng thời, góp phần khẳng định tính đúng đắn, thời đại của trường phái ngoại giao “cây tre Việt Nam”, nâng tầm vai trò, vị thế của Việt

Nam ở khu vực và trên thế giới, khẳng định tính nhất quán trong chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa và chủ trương tích cực, chủ động, có trách nhiệm của Việt Nam trong hội nhập quốc tế.

Ba là, kết hợp chặt chẽ giữa kiên trì bảo vệ chủ quyền quốc gia với giữ vững cân bằng chiến lược trong quan hệ với các nước lớn.

Xuất phát từ vị trí địa - chính trị, địa - chiến lược quan trọng và tư cách là quốc gia có đầy đủ cơ sở pháp lý về chủ quyền trên Biển Đông, Việt Nam cần tham gia Đối thoại Shangri-La với tư duy linh hoạt, khôn khéo nhưng kiên định nguyên tắc. Trong đó, vừa kiên trì bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, vừa tôn trọng lợi ích chính đáng của các nước khác; không để bị lôi kéo hoặc cuốn vào cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Việt Nam nhất quán chủ trương giải quyết các vấn đề khu vực và quốc tế thông qua các cơ chế đa phương, không chấp nhận song phương hóa các vấn đề mang tính khu vực.

Bốn là, phát huy vai trò của Việt Nam với tư cách là thành viên tích cực, có trách nhiệm của ASEAN và cộng đồng quốc tế.

Trong xu thế hội nhập, hợp tác quốc tế ngày càng gia tăng hiện nay đã khiến cho vai trò của các nước vừa và nhỏ như Việt Nam ngày càng tăng lên. Các nước lớn không còn đóng vai trò là nước quyết định vận mệnh của các nước vừa và nhỏ trong các diễn đàn đa phương như trước đây nữa. Việt Nam cần tích cực tham gia các diễn đàn đa phương trong khu vực và trên thế giới, đặc biệt là Diễn đàn Shangri-La hằng để tiếp tục nắm bắt, nghiên cứu những sách lược của các quốc gia trong khu vực và trên thế giới và tiếp tục có những đóng góp quan trọng cũng như những sáng kiến giải quyết hiệu quả các vấn đề thách thức an ninh trong khu vực, thúc đẩy hợp tác phát triển vì một khu vực châu Á - Thái Bình Dương hòa bình và ổn định.

Việt Nam cần tiếp tục khẳng định vai trò là thành viên chủ động, tích cực và có trách nhiệm của ASEAN, coi ASEAN là trụ cột trong chính sách đối ngoại khu vực, cùng với các nước thành viên khác góp phần duy trì môi trường hòa bình, phát triển tại khu vực. Việc tận dụng lập trường chung của ASEAN tại Đối thoại

Shangri-La không chỉ góp phần gia tăng sức nặng cho quan điểm quốc gia, mà còn đóng góp vào việc duy trì đoàn kết nội khối, xây dựng lòng tin chiến lược và môi trường hòa bình, ổn định ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, qua đó ngày càng củng cố sự tin cậy chiến lược và đánh giá cao của cộng đồng quốc tế về vai trò, trách nhiệm quốc tế của Việt Nam. Thực tiễn tham gia từ năm 2002 đến nay cho thấy Việt Nam đã để lại dấu ấn là quốc gia yêu chuộng hòa bình, có trách nhiệm, tích cực tham gia xây dựng và định hình “luật chơi chung” của khu vực. Không chỉ là cơ hội để thể hiện vai trò và tiếng nói quốc gia, đây còn là môi trường thực tế giúp Việt Nam nâng cao năng lực hội nhập, xây dựng hình ảnh quốc gia yêu chuộng hòa bình, có trách nhiệm và sẵn sàng đóng góp cho an ninh khu vực.

Năm là, tận dụng Đối thoại Shangri-La để mở rộng hợp tác quốc phòng, tranh thủ nguồn lực và nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam.

Từ góc độ quốc gia, Việt Nam tham gia Đối thoại Shangri-La với nhiều mục tiêu chiến lược rõ ràng. Trước hết, đó là cơ hội để khẳng định chính sách quốc phòng mang tính chất hòa bình, tự vệ, không làm phương hại đến lợi ích của bất kỳ quốc gia nào, đồng thời minh bạch hóa chính sách quốc phòng thông qua các tuyên bố chính thức tại diễn đàn. Hai là, việc tham gia diễn đàn giúp Việt Nam thể hiện lập trường kiên quyết trong bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, đặc biệt trong vấn đề Biển Đông, trên cơ sở luật pháp quốc tế và các nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc. Ba là, đây là kênh hiệu quả để mở rộng quan hệ quốc phòng song phương và đa phương với các đối tác lớn, nhất là thông qua các cuộc gặp song phương bên lề đối thoại. Bốn là, Việt Nam có thể tận dụng diễn đàn để theo dõi sát chính sách, lập trường của các nước lớn, từ đó có cơ sở để điều chỉnh chính sách đối ngoại một cách phù hợp, đảm bảo lợi ích quốc gia, dân tộc trong môi trường an ninh đang thay đổi nhanh chóng.

Trên cơ sở đó, sự tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La là yêu cầu khách quan nhằm thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả. Đối thoại Shangri-La là kênh quan trọng để Việt Nam thúc đẩy quan hệ quốc phòng song phương và đa phương, đặc biệt thông qua các tiếp xúc cấp cao bên lề diễn đàn.

Thông qua đó, Việt Nam có thể đồng thời thực hiện hiệu quả các mục tiêu đối ngoại lớn: bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; tranh thủ nguồn lực phục vụ phát triển đất nước; và nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Sáu là, từng bước xây dựng và nâng cao năng lực định hình “diễn ngôn an ninh quốc gia” của Việt Nam tại các diễn đàn đa phương.

Từ thực tiễn trên, tác giả cho rằng sự tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La không nên chỉ được nhìn nhận như một hoạt động đối ngoại thông lệ, mà cần được định vị như một phần trong chiến lược xây dựng “diễn ngôn an ninh quốc gia” trong môi trường khu vực cạnh tranh phức hợp. Diễn đàn này không chỉ là nơi Việt Nam truyền tải các thông điệp chính sách, mà còn là môi trường thử thách khả năng định hình vị thế, sáng tạo lập luận và bảo vệ lợi ích trong khuôn khổ luật pháp quốc tế. Trong bối cảnh nhiều quốc gia lớn tận dụng các không gian đa phương như Đối thoại Shangri-La để mở rộng ảnh hưởng chính trị, an ninh thông qua việc áp đặt “lập trường chuẩn” hoặc thao túng dư luận chiến lược, Việt Nam càng cần thể hiện tư duy chủ động, không chỉ phản ứng mà còn kiến tạo. Trước sự cạnh tranh chiến lược và phân cực địa - chính trị ngày càng gia tăng, Việt Nam cần coi Đối thoại Shangri-La là một bộ phận trong chiến lược xây dựng diễn ngôn an ninh quốc gia. Theo đó, cần chuyển từ thế bị động tham dự sang chủ động kiến tạo, đưa ra sáng kiến, khái niệm hóa các thách thức an ninh và đề xuất mô hình ứng xử dựa trên lợi ích chung, gắn lợi ích quốc gia với các giá trị phổ quát như hòa bình, ổn định và tôn trọng luật pháp quốc tế. Điều này đòi hỏi tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, chuyên gia, hệ thống nghiên cứu chiến lược và truyền thông đối ngoại, bảo đảm Việt Nam không chỉ hiện diện mà còn tạo được ảnh hưởng thực chất tại các diễn đàn an ninh khu vực.

Bảy là, xác định phương hướng để ứng xử phù hợp đối với các kịch bản về xu hướng phát triển của Đối thoại Shangri-La.

Trong kịch bản Đối thoại Shangri-La phát triển mạnh mẽ, trở thành cơ chế an ninh khu vực bao trùm, lấn át các diễn đàn khác, phương hướng chủ đạo của Việt Nam là: Chủ động tham gia ở mức độ cao hơn, coi Đối thoại Shangri-La là một

trong những trụ cột quan trọng của đối ngoại quốc phòng đa phương; Tận dụng diễn đàn để nâng cao vị thế quốc gia, khẳng định vai trò là một chủ thể tích cực, có trách nhiệm trong cấu trúc an ninh khu vực; Kiên trì bảo vệ đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, không để bị cuốn vào các cam kết hoặc cấu trúc an ninh đi ngược lại lợi ích quốc gia - dân tộc.

Trong kịch bản Đối thoại Shangri-La duy trì quy mô, tính chất như hiện nay (kịch bản có xác suất cao nhất trong trung hạn), phương hướng của Việt Nam là: Tiếp tục coi Đối thoại Shangri-La là diễn đàn đối thoại chiến lược quan trọng nhưng không duy nhất; tập trung nâng cao chất lượng, chiều sâu tham gia, thay vì mở rộng hình thức hoặc mức độ tham dự; sử dụng hiệu quả diễn đàn như một kênh “ngoại giao tiếp xúc” và “ngoại giao thông điệp”.

Trong kịch bản Đối thoại Shangri-La suy giảm sức hút, bị cạnh tranh hoặc thay thế bởi các diễn đàn khác, phương hướng của Việt Nam cần thể hiện rõ tính linh hoạt, thực dụng nhưng nhất quán, cụ thể là: Không đặt trọng tâm quá mức vào một cơ chế duy nhất; chủ động điều chỉnh trọng tâm đối ngoại quốc phòng đa phương, phân bổ nguồn lực hợp lý giữa các diễn đàn; tránh bị cuốn vào cạnh tranh ảnh hưởng giữa các cơ chế do nước lớn dẫn dắt.

4.3.3. Một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-la

Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, nhất là cạnh tranh Mỹ - Trung, ngày càng gay gắt, trực diện, lan tỏa trên nhiều lĩnh vực; các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống đan xen, tác động sâu sắc đến môi trường an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương, việc nâng cao hiệu quả tham gia của Việt Nam tại các cơ chế đối thoại an ninh đa phương, trong đó có Đối thoại Shangri-La, là yêu cầu khách quan, cấp thiết, phù hợp với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại mà Đảng và Nhà nước đã xác định.

Trên cơ sở quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội XIII, các nghị quyết của Quân ủy Trung ương về đối ngoại quốc phòng và hội nhập quốc tế, đồng thời xuất phát từ thực tiễn tham gia Đối thoại Shangri-La trong những năm qua, việc đề xuất một số nhóm giải pháp mang tính tổng thể, đồng bộ, lâu dài và khả thi là hết sức cần thiết nhằm phát huy vai trò, vị thế của Việt Nam, bảo vệ vững chắc lợi ích quốc gia - dân tộc, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Nhóm giải pháp 1. Kiên định và vận dụng sáng tạo đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, bảo đảm tối đa lợi ích quốc gia - dân tộc

Một trong những yêu cầu có tính nguyên tắc hàng đầu trong tham gia Đối thoại Shangri-La là phải kiên định, quán triệt và vận dụng sáng tạo đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng theo tinh thần các văn kiện của Đảng.

Việc tham gia Đối thoại Shangri-La cần được đặt trong tổng thể chiến lược đối ngoại và quốc phòng của Việt Nam, bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, sự chỉ đạo tập trung của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng. Trong mọi tình huống, Việt Nam kiên trì nguyên tắc không tham gia liên minh quân sự, không đứng về bên này chống bên kia, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác; đồng thời kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở luật pháp quốc tế.

Trong bối cảnh các nước lớn gia tăng cạnh tranh, tìm cách áp đặt “lập trường chuẩn” và gây sức ép buộc các nước vừa và nhỏ phải thể hiện quan điểm, Việt Nam cần giữ vững bản lĩnh chính trị, không để bị cuốn theo hoặc rơi vào thế bị động, lệ thuộc. Việc tham gia Đối thoại Shangri-La phải nhằm phục vụ trực tiếp các mục tiêu chiến lược của đất nước, trước hết là giữ vững môi trường hòa bình, ổn định;

tranh thủ các điều kiện quốc tế thuận lợi cho phát triển; nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam.

Cùng với đó, việc cử đoàn đại biểu tham dự cần được cân nhắc kỹ lưỡng, linh hoạt theo từng thời kỳ, bảo đảm phù hợp với yêu cầu, mục tiêu đối ngoại quốc phòng và lợi ích quốc gia. Trong giai đoạn hiện nay, việc cử đoàn lãnh đạo cấp cao của Bộ Quốc phòng Việt Nam tham dự Đối thoại Shangri-La là phù hợp, góp phần thể hiện rõ chủ trương “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế”, đồng thời khẳng định vai trò, vị thế của Việt Nam trong cấu trúc an ninh khu vực đang định hình.

Trên cơ sở những yêu cầu mang tính nguyên tắc nêu trên, để bảo đảm việc kiên định và vận dụng sáng tạo đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ trong tham gia Đối thoại Shangri-La, cần triển khai đồng bộ một số giải pháp cụ thể sau:

Trước hết, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế quán triệt, cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về đối ngoại, quốc phòng và hội nhập quốc tế thành các định hướng, kế hoạch tham gia Đối thoại Shangri-La theo từng giai đoạn, từng năm. Việc quán triệt không chỉ dừng lại ở cấp lãnh đạo, chỉ huy mà phải được triển khai sâu rộng trong đội ngũ cán bộ trực tiếp tham gia chuẩn bị nội dung, phát biểu, tiếp xúc song phương và đa phương. Thông qua đó, bảo đảm sự thống nhất cao về nhận thức, hành động, tránh biểu hiện chủ quan, lệch lạc hoặc xử lý tình huống không phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng.

Hai là, xây dựng và thực hiện cơ chế đánh giá, rà soát lợi ích quốc gia - dân tộc một cách thường xuyên, làm cơ sở cho việc xác định nội dung, mức độ và phương thức tham gia Đối thoại Shangri-La. Trên cơ sở lợi ích tổng thể, lâu dài của đất nước, cần xác định rõ đâu là lợi ích cốt lõi, bất biến; đâu là lợi ích có thể linh hoạt, điều chỉnh theo tình hình cụ thể. Việc đánh giá này phải được tiến hành một cách khoa học, khách quan, gắn với phân tích bối cảnh khu vực, quốc tế và xu hướng vận động của các nước lớn, từ đó giúp Việt Nam chủ động lựa chọn lập trường, thông điệp phù hợp, không rơi vào thế bị động hoặc phản ứng tình huống.

Ba là, chủ động xây dựng “kịch bản chiến lược” cho tham gia Đối thoại Shangri-La trong các tình huống khác nhau, nhất là trong bối cảnh cạnh tranh chiến

lược nước lớn ngày càng gay gắt. Các kịch bản cần bao quát khả năng xuất hiện những vấn đề nhạy cảm liên quan đến Biển Đông, liên minh quân sự, cấu trúc an ninh khu vực, cũng như các câu hỏi hoặc phát biểu mang tính áp đặt, gây sức ép. Trên cơ sở đó, chuẩn bị sẵn các phương án phát biểu, cách tiếp cận và mức độ phản hồi phù hợp, bảo đảm vừa kiên định nguyên tắc, vừa mềm dẻo, linh hoạt về sách lược, đúng với tinh thần “dĩ bất biến, ứng vạn biến” trong đối ngoại.

Bốn là, tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành trong tham gia Đối thoại Shangri-La, bảo đảm sự thống nhất chặt chẽ giữa đối ngoại quốc phòng với đối ngoại Nhà nước và đối ngoại nhân dân. Bộ Quốc phòng cần phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan trong quá trình chuẩn bị nội dung, thông điệp, đánh giá tác động và xử lý các vấn đề phát sinh. Sự phối hợp này không chỉ giúp phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, mà còn góp phần bảo đảm các thông điệp đối ngoại của Việt Nam được truyền tải một cách đồng bộ, nhất quán, tránh chông chéo hoặc mâu thuẫn.

Năm là, thực hiện linh hoạt, hiệu quả việc cử đoàn tham dự Đối thoại Shangri-La trên cơ sở cân nhắc toàn diện các yếu tố chính trị, ngoại giao, quốc phòng và đối ngoại. Bên cạnh việc cử đoàn lãnh đạo cấp cao trong những thời điểm cần thiết để khẳng định vai trò, vị thế, Việt Nam cũng có thể chủ động điều chỉnh thành phần, quy mô đoàn tham dự phù hợp với mục tiêu cụ thể của từng kỳ đối thoại. Việc lựa chọn thành phần đoàn cần gắn với yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm vừa thể hiện đầy đủ tiếng nói chính thức của Việt Nam, vừa tạo điều kiện cho các hoạt động tiếp xúc, trao đổi thực chất với các đối tác.

Sáu là, gắn việc tham gia Đối thoại Shangri-La với mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và tranh thủ tối đa các điều kiện quốc tế thuận lợi cho phát triển đất nước. Trong các phát biểu và tiếp xúc, Việt Nam cần nhất quán truyền tải thông điệp về một quốc gia yêu chuộng hòa bình, tôn trọng luật pháp quốc tế, sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Qua đó, từng bước củng cố lòng tin chiến lược, tạo dựng hình ảnh tích cực về Việt Nam, góp phần nâng cao uy tín và vị thế quốc tế của đất nước.

Bảy là, thường xuyên tổ chức tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm sau mỗi kỳ Đối thoại Shangri-La, coi đây là một khâu quan trọng trong quá trình nâng cao hiệu quả tham gia. Việc tổng kết cần đánh giá đầy đủ cả mặt được và chưa được, làm rõ nguyên nhân, bài học kinh nghiệm, từ đó kịp thời điều chỉnh phương hướng, giải pháp cho phù hợp với tình hình mới. Đây cũng là cơ sở quan trọng để tiếp tục vận dụng sáng tạo đường lối đối ngoại của Đảng vào thực tiễn đối ngoại quốc phòng đa phương.

Tám là, tranh thủ kết hợp tận dụng hiệu quả sự tham gia Đối thoại Shangri-La với các kênh đối ngoại quốc phòng, an ninh đa phương khu vực. Trên cơ sở phân tích đã chỉ ra, có thể tận dụng Đối thoại Shangri-La để công bố sáng kiến/khung tham chiếu (minh bạch, kiểm chế, thượng tôn luật biển) trong khi thông qua ADMM+ để hiện thực hóa sáng kiến dưới dạng Nhóm công tác/diễn tập và ARF để vận động đồng thuận, giảm rủi ro chính trị khi triển khai các chủ đề nhạy cảm.

Thông qua việc triển khai đồng bộ các giải pháp nêu trên, nhóm giải pháp “kiên định và vận dụng sáng tạo đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ” sẽ được cụ thể hóa một cách thực chất, góp phần nâng cao hiệu quả tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La, bảo đảm tối đa lợi ích quốc gia - dân tộc, phù hợp với yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Nhóm giải pháp 2. Nâng cao chất lượng nội dung, thông điệp và lập trường phát biểu; từng bước tham gia định hình diễn ngôn an ninh và kiến tạo” luật chơi” khu vực

Để nâng cao hiệu quả tham gia Đối thoại Shangri-La, Việt Nam cần đặc biệt coi trọng việc chuẩn bị nội dung, thông điệp và lập trường phát biểu một cách bài bản, có chiều sâu, bảo đảm tính nhất quán, tính chiến lược và tính thuyết phục cao.

Các nội dung phát biểu của Việt Nam cần tiếp tục nhấn mạnh các nguyên tắc nền tảng đã được Đảng và Nhà nước xác lập, như: tôn trọng Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982; giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình; phản đối việc sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực; đề cao hợp tác, xây dựng lòng tin và an ninh chung. Đồng thời,

cần cụ thể hóa các nguyên tắc này gắn với các vấn đề thực tiễn của khu vực, nhất là vấn đề Biển Đông, để bảo đảm vừa kiên định về lập trường, vừa linh hoạt về sách lược.

Trong điều kiện Đối thoại Shangri-La ngày càng mang tính cạnh tranh chiến lược cao, Việt Nam cần chủ động dự báo, xây dựng các kịch bản ứng xử cho những tình huống nhạy cảm, phức tạp, có thể phát sinh tại diễn đàn, nhất là các câu hỏi trực diện hoặc các phát biểu mang tính khiêu khích, áp đặt. Việc chuẩn bị kỹ lưỡng sẽ giúp Việt Nam tránh bị động, lúng túng, đồng thời bảo đảm các phản ứng, phát biểu phù hợp với chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng.

Về lâu dài, Việt Nam cần từng bước chuyển từ vai trò chủ yếu là “tham dự, bày tỏ quan điểm” sang vai trò chủ động hơn trong việc đề xuất sáng kiến, tham gia định hình diễn ngôn an ninh khu vực. Các sáng kiến cần tập trung vào các lĩnh vực an ninh phi truyền thống, những vấn đề có lợi ích chung, được nhiều quốc gia quan tâm, qua đó thể hiện hình ảnh Việt Nam là quốc gia có trách nhiệm, sẵn sàng đóng góp vào hòa bình, ổn định và phát triển của khu vực.

Trên cơ sở định hướng nêu trên, để nâng cao chất lượng nội dung, thông điệp và lập trường phát biểu, từng bước tham gia định hình diễn ngôn an ninh khu vực tại Đối thoại Shangri-La, cần triển khai đồng bộ một số giải pháp cụ thể sau:

Trước hết, cần xây dựng cơ chế chuẩn bị nội dung phát biểu theo hướng chuyên nghiệp, liên tục và có chiều sâu chiến lược. Việc chuẩn bị không chỉ diễn ra trong thời gian ngắn trước mỗi kỳ Đối thoại, mà phải được tiến hành thường xuyên, có hệ thống, gắn với công tác nghiên cứu, tổng kết thực tiễn đối ngoại quốc phòng. Trên cơ sở đó, hình thành các “bộ thông điệp nền” phản ánh nhất quán quan điểm, lập trường của Việt Nam về các vấn đề an ninh khu vực và quốc tế, đồng thời có khả năng điều chỉnh linh hoạt để phù hợp với từng chủ đề, từng bối cảnh cụ thể của Đối thoại Shangri-La.

Hai là, nâng cao chất lượng luận cứ, luận chứng trong các phát biểu thông qua việc tăng cường sử dụng các cơ sở khoa học, pháp lý và thực tiễn. Các nội dung phát biểu cần được xây dựng trên nền tảng nghiên cứu nghiêm túc, có dẫn chiếu phù

hợp đến luật pháp quốc tế, thông lệ khu vực, các văn kiện của Liên hợp quốc và ASEAN, qua đó nâng cao tính thuyết phục và sức nặng học thuật của lập trường Việt Nam. Việc trình bày lập trường không chỉ dừng lại ở khẳng định nguyên tắc, mà cần làm rõ lợi ích chung, điểm tương đồng và khả năng hợp tác, góp phần định hướng thảo luận theo chiều hướng xây dựng.

Ba là, chú trọng hoàn thiện kỹ năng trình bày và nghệ thuật diễn đạt thông điệp tại các diễn đàn đa phương cấp cao. Trong điều kiện các phát biểu tại Đối thoại Shangri-La thường có thời lượng hạn chế nhưng sức lan tỏa lớn, cần lựa chọn cách diễn đạt ngắn gọn, súc tích, hàm chứa thông điệp chiến lược rõ ràng. Việc sử dụng ngôn ngữ cần bảo đảm tính chuẩn mực, chặt chẽ, tránh mơ hồ, nhưng đồng thời có tính mở, tạo không gian đối thoại và hợp tác. Đây là yếu tố quan trọng để các phát biểu của Việt Nam không chỉ “đúng” về nội dung, mà còn “trúng” về thông điệp và hiệu quả truyền thông.

Bốn là, tăng cường sự thống nhất giữa phát biểu chính thức tại diễn đàn với các phát ngôn, trao đổi bên lề và hoạt động truyền thông đối ngoại. Nội dung và thông điệp cần được triển khai theo một trục xuyên suốt, tránh tình trạng phát biểu tại hội trường một cách, nhưng trao đổi bên lề hoặc trả lời báo chí lại theo hướng khác. Sự thống nhất này không chỉ góp phần củng cố uy tín và tính nhất quán của lập trường Việt Nam, mà còn giúp các đối tác quốc tế hiểu rõ hơn về quan điểm, chính sách của Việt Nam đối với các vấn đề an ninh khu vực.

Năm là, từng bước xây dựng năng lực tham gia định hình diễn ngôn an ninh khu vực thông qua việc chủ động đề xuất chủ đề thảo luận, sáng kiến và khung tiếp cận mới. Việt Nam cần xác định rõ những lĩnh vực có lợi thế so sánh và phù hợp với lợi ích quốc gia, như an ninh biển, an ninh con người, an ninh phi truyền thống, xây dựng lòng tin và phòng ngừa xung đột. Trên cơ sở đó, chủ động đưa ra các cách tiếp cận mang tính xây dựng, đề cao hợp tác, luật pháp quốc tế và vai trò trung tâm của ASEAN, qua đó từng bước đóng góp vào việc định hình tư duy và cách tiếp cận chung của khu vực đối với các vấn đề an ninh. Các thông điệp cần rõ ràng, nhất là bày tỏ lập trường kiên định đối với hòa bình, hợp tác. Việc dự báo trước các tình

huống, những vấn đề có thể gặp phải tại các phiên thảo luận chính hoặc hoạt động bên lề, nhất là các vấn đề gây tranh cãi như Biển Đông hoặc các điểm nóng xung đột, có thể bị đặt câu hỏi trực tiếp từ các đại biểu tham dự để có ứng xử linh hoạt, phù hợp, bảo đảm được lợi ích quốc gia-dân tộc. Đồng thời, việc đưa ra các thông điệp mang tầm chiến lược sẽ tạo dấu ấn nổi bật, giúp nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam.

Sáu là, gắn việc nâng cao chất lượng nội dung phát biểu với công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại quốc phòng. Cần chú trọng nâng cao năng lực tư duy chiến lược, tư duy phân biện và khả năng tham gia tranh luận học thuật - chính sách cho đội ngũ này, nhằm bảo đảm không chỉ truyền tải quan điểm của Việt Nam một cách chính xác, mà còn đủ khả năng tham gia đối thoại, trao đổi và bảo vệ lập trường trong môi trường đa phương phức tạp, cạnh tranh cao.

Bảy là, tổ chức tổng kết, đánh giá có hệ thống hiệu quả của các nội dung, thông điệp và lập trường phát biểu sau mỗi kỳ Đối thoại Shangri-La. Việc tổng kết cần tập trung làm rõ mức độ lan tỏa của thông điệp, phản hồi của các đối tác và dư luận quốc tế, từ đó kịp thời điều chỉnh nội dung, cách tiếp cận cho phù hợp với yêu cầu mới. Đây là cơ sở quan trọng để Việt Nam từng bước nâng cao chất lượng tham gia và tiến tới vai trò chủ động hơn trong định hình diễn ngôn an ninh khu vực. Đồng thời, nghiên cứu và rút kinh nghiệm từ sự tham dự của các nước khác như Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc... tại Đối thoại Shangri-La cũng như với các cơ chế đa phương có định dạng tương tự, để làm bài học kinh nghiệm tận dụng cơ hội nâng cao vị thế.

Tám là, chủ động đưa ra một số đề xuất, sáng kiến mới, mang tính dẫn dắt. Việt Nam có thể đề xuất sáng kiến thúc đẩy hợp tác trong các vấn đề an ninh phi truyền thống đang nổi lên và được nhiều nước quan tâm như biến đổi khí hậu, chống khủng bố, an ninh mạng, tìm kiếm cứu nạn... để thể hiện hình ảnh quốc gia có trách nhiệm đối với cộng đồng quốc tế.

Thông qua việc triển khai đồng bộ các giải pháp nêu trên, nhóm giải pháp “nâng cao chất lượng nội dung, thông điệp và lập trường phát biểu” sẽ tăng cường

hiện diện và ảnh hưởng trong các diễn đàn quốc tế, nhằm đảm bảo tiếng nói của Việt Nam được lắng nghe và đánh giá cao, đồng thời góp phần vào việc định hình các chính sách và quyết định quan trọng, tạo nền tảng để Việt Nam từng bước khẳng định vai trò, vị thế và tiếng nói có trách nhiệm trong cấu trúc an ninh khu vực đang định hình.

Nhóm giải pháp 3. Nâng cao hiệu quả hoạt động tiếp xúc, kết nối và xử lý quan hệ tại Đối thoại Shangri-La; chuyển hóa kết quả tham dự thành lợi ích thực chất cho đối ngoại quốc phòng và an ninh quốc gia

Thực tiễn cho thấy, các hoạt động bên lề Đối thoại Shangri-La là kênh quan trọng để thúc đẩy hợp tác, xây dựng lòng tin và xử lý các vấn đề nhạy cảm một cách linh hoạt. Do đó, Việt Nam cần coi trọng và phát huy hiệu quả các hoạt động ngoại giao bên lề, xem đây là bộ phận không tách rời của chiến lược tham gia diễn đàn.

Trong quá trình tham dự Đối thoại, cần chủ động bố trí các cuộc tiếp xúc song phương với các đối tác quan trọng, nhất là các nước lớn Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ... và các nước ASEAN, nhằm trao đổi trực tiếp, làm rõ lập trường, tăng cường hiểu biết và tin cậy lẫn nhau, từ đó củng cố quan hệ quốc phòng, góp phần thúc đẩy quan hệ song phương với các nước đi vào chiều sâu, hiệu quả. Các cuộc gặp này cần được chuẩn bị kỹ lưỡng về nội dung, mục tiêu, thông điệp, tránh hình thức, đối phó.

Đồng thời, cần kết hợp chặt chẽ giữa đối ngoại đa phương với đối ngoại song phương, giữa đối ngoại quốc phòng với đối ngoại Nhà nước và đối ngoại nhân dân; bảo đảm sự phối hợp đồng bộ giữa Bộ Quốc phòng với Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành liên quan. Sự phối hợp này nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác đối ngoại, góp phần nâng cao hiệu quả bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc trong môi trường cạnh tranh chiến lược phức tạp.

Trong bối cảnh Đối thoại Shangri-La không chỉ là diễn đàn phát biểu chính sách mà còn là không gian tiếp xúc, kết nối và vận động chiến lược đa tầng nấc, việc nâng cao hiệu quả hoạt động bên lề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc bảo đảm và thúc đẩy lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam. Do đó, cần có cách

tiếp cận chủ động, bài bản và thực chất hơn đối với các hoạt động tiếp xúc song phương, đa phương trong khuôn khổ Đối thoại.

Trước hết, cần coi trọng công tác xây dựng kế hoạch tiếp xúc, làm việc bên lề theo hướng có trọng tâm, trọng điểm và thứ tự ưu tiên rõ ràng. Trên cơ sở đánh giá toàn diện tình hình khu vực, quan hệ song phương và đa phương, cần xác định rõ các đối tác cần ưu tiên tiếp xúc ở từng kỳ Đối thoại, gắn với mục tiêu cụ thể về quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Việc tiếp xúc cần tránh dàn trải, hình thức, mà phải hướng tới trao đổi thực chất, góp phần củng cố lòng tin, xử lý những vấn đề còn tồn tại hoặc mở ra các hướng hợp tác mới phù hợp với lợi ích của Việt Nam.

Hai là, nâng cao chất lượng chuẩn bị nội dung cho các cuộc gặp, tiếp xúc bên lề. Mỗi cuộc tiếp xúc cần được chuẩn bị kỹ lưỡng về nội dung trao đổi, phương án xử lý các vấn đề nhạy cảm, cũng như dự kiến kết quả mong muốn đạt được. Việc chuẩn bị không chỉ nhằm bảo đảm tính thống nhất trong lập trường, mà còn giúp tận dụng tối đa thời gian tiếp xúc vốn rất hạn chế tại các sự kiện lớn như Đối thoại Shangri-La. Trên cơ sở đó, các cuộc gặp không chỉ mang tính xã giao, mà thực sự trở thành kênh trao đổi chính sách, góp phần thúc đẩy hợp tác quốc phòng – an ninh đi vào chiều sâu.

Ba là, tăng cường sự liên thông, phối hợp giữa các hoạt động tại Đối thoại Shangri-La với các kênh đối ngoại khác của Việt Nam. Kết quả các cuộc tiếp xúc, trao đổi tại Đối thoại cần được kịp thời tổng hợp, báo cáo và kết nối với các kênh đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân, qua đó tạo sự đồng bộ trong triển khai chính sách đối ngoại tổng thể. Việc này giúp tránh tình trạng thông tin phân tán, đứt đoạn, đồng thời phát huy hiệu quả tổng hợp của các trụ cột đối ngoại trong bảo vệ lợi ích quốc gia.

Bốn là, chú trọng công tác theo dõi, đôn đốc và chuyển hóa kết quả sau Đối thoại. Một hạn chế phổ biến trong tham gia các diễn đàn đa phương là kết quả trao đổi chưa được theo dõi và cụ thể hóa một cách đầy đủ. Do đó, cần xây dựng cơ chế theo dõi việc thực hiện các nội dung đã trao đổi, các thỏa thuận hoặc định hướng hợp tác đạt được tại Đối thoại Shangri-La, nhất là trong quan hệ song phương quốc

phòng. Việc chuyển hóa kết quả đối thoại thành các hoạt động hợp tác cụ thể sẽ góp phần nâng cao giá trị thực tiễn của việc tham gia Đối thoại, tránh tình trạng “nhiều tiếp xúc, ít hiệu quả”.

Năm là, tăng cường khả năng kết nối mạng lưới và xây dựng quan hệ dài hạn với các cá nhân, tổ chức có ảnh hưởng. Đối thoại Shangri-La quy tụ nhiều quan chức cấp cao, học giả, chuyên gia quốc phòng – an ninh hàng đầu khu vực và thế giới. Việt Nam cần tận dụng cơ hội này để từng bước xây dựng và duy trì mạng lưới quan hệ với các đối tác chiến lược, qua đó tạo thêm các kênh trao đổi không chính thức nhưng có giá trị tham vấn và hỗ trợ chính sách lâu dài. Đây là nguồn lực quan trọng giúp Việt Nam nâng cao năng lực nắm bắt tình hình, dự báo chiến lược và vận động chính sách trong môi trường quốc tế phức tạp.

Sáu là, nâng cao năng lực tổ chức, điều phối và xử lý tình huống trong quá trình tham gia Đối thoại. Các hoạt động bên lề thường diễn ra với cường độ cao, nhiều tình huống phát sinh ngoài dự kiến, đòi hỏi đội ngũ cán bộ tham gia phải có khả năng xử lý linh hoạt, nhạy bén và hiệu quả. Việc nâng cao năng lực tổ chức, điều phối không chỉ góp phần bảo đảm an toàn, hiệu quả cho đoàn công tác, mà còn giúp Việt Nam chủ động hơn trong việc tận dụng cơ hội, hạn chế rủi ro trong các tiếp xúc quốc tế.

Bảy là, gắn hoạt động tiếp xúc, kết nối tại Đối thoại Shangri-La với mục tiêu lâu dài là nâng cao vị thế và vai trò của Việt Nam trong cấu trúc an ninh khu vực. Mỗi cuộc tiếp xúc, mỗi hoạt động bên lề cần được đặt trong tầm nhìn chiến lược dài hạn, hướng tới việc củng cố hình ảnh Việt Nam là đối tác tin cậy, có trách nhiệm, sẵn sàng đóng góp vào hòa bình, ổn định khu vực.

Việc triển khai đồng bộ nhóm giải pháp này sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả thực chất của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La, không chỉ ở phương diện phát biểu và thể hiện lập trường, mà còn ở khả năng tận dụng diễn đàn để thúc đẩy quan hệ, gia tăng lợi ích và nâng cao vị thế quốc gia trong môi trường an ninh khu vực đang biến động sâu sắc.

Nhóm giải pháp 4. Xây dựng đội ngũ cán bộ đối ngoại quốc phòng vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới

Con người là nhân tố trung tâm, giữ vai trò quyết định trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả và tầm ảnh hưởng của công tác đối ngoại quốc phòng. Trong bối cảnh môi trường an ninh khu vực và thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường; các diễn đàn đa phương, trong đó có Đối thoại Shangri-La, ngày càng mang tính cạnh tranh chiến lược cao, việc xây dựng đội ngũ cán bộ đối ngoại quốc phòng vững mạnh toàn diện là yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa chiến lược lâu dài đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trước hết, cần tiếp tục đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ đối ngoại quốc phòng về quan điểm, đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng theo các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, nhất là Nghị quyết Đại hội XIII, các nghị quyết của Quân ủy Trung ương và chỉ đạo của Bộ Quốc phòng. Việc giáo dục, bồi dưỡng phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, gắn với thực tiễn nhiệm vụ, giúp cán bộ giữ vững bản lĩnh chính trị, kiên định mục tiêu, nguyên tắc, không dao động trước các sức ép, tác động từ bên ngoài, nhất là trong các tình huống nhạy cảm, phức tạp tại các diễn đàn đa phương.

Hai là, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối ngoại quốc phòng theo hướng toàn diện, hiện đại và chuyên sâu. Cán bộ đối ngoại quốc phòng không chỉ cần nắm vững kiến thức quân sự – quốc phòng truyền thống, mà còn phải hiểu sâu về quan hệ quốc tế, chính trị – an ninh khu vực, luật pháp quốc tế, đặc biệt là luật biển, luật xung đột vũ trang và các cơ chế, thể chế an ninh đa phương. Công tác đào tạo cần gắn chặt lý luận với thực tiễn, tăng cường các chương trình đào tạo chuyên đề, mô phỏng tình huống, diễn tập xử lý khủng hoảng phát ngôn, giúp cán bộ nâng cao khả năng phản ứng linh hoạt, kịp thời trong môi trường đối ngoại đa phương có tính cạnh tranh cao.

Ba là, nâng cao năng lực ngoại ngữ, kỹ năng tranh luận, phản biện và thuyết phục quốc tế cho đội ngũ cán bộ. Trong các diễn đàn như Đối thoại Shangri-La, ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh chuyên ngành quốc phòng – an ninh, là công cụ quan trọng để thể hiện lập trường, bảo vệ lợi ích và tạo ảnh hưởng. Do đó, cần có chiến lược đào tạo ngoại ngữ bài bản, dài hạn, kết hợp giữa đào tạo trong nước và bồi dưỡng ở nước ngoài, giữa đào tạo chính quy và tự học có hướng dẫn. Đồng thời, cần chú trọng rèn luyện kỹ năng tranh luận, phản biện chính sách, kỹ năng trả lời phỏng vấn và giao tiếp với truyền thông quốc tế, nhằm giúp cán bộ tự tin, chủ động hơn khi tham gia thảo luận, đối thoại.

Bốn là, xây dựng cơ chế tuyển chọn, sử dụng và luân chuyển cán bộ đối ngoại quốc phòng một cách khoa học, hợp lý. Cần lựa chọn những cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn cao và triển vọng phát triển để bố trí tham gia các hoạt động đối ngoại quốc phòng đa phương quan trọng. Việc luân chuyển cán bộ giữa các cơ quan đối ngoại, quốc phòng, nghiên cứu chiến lược và cơ sở đào tạo sẽ góp phần giúp cán bộ tích lũy kinh nghiệm thực tiễn, mở rộng tầm nhìn, nâng cao năng lực tham mưu chiến lược.

Năm là, tăng cường xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành, cán bộ nòng cốt trong lĩnh vực đối ngoại quốc phòng. Cần có chính sách phát hiện, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài, hình thành đội ngũ chuyên gia có khả năng tham gia sâu vào các hoạt động nghiên cứu, tham mưu, xây dựng chính sách, đồng thời có thể đại diện cho Việt Nam phát biểu, trao đổi tại các diễn đàn quốc tế lớn. Đây là lực lượng quan trọng góp phần nâng cao chất lượng tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La và các cơ chế đa phương tương tự.

Sáu là, chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ đối ngoại quốc phòng phát huy năng lực, sở trường. Cần bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thông tin, dữ liệu, chế độ, chính sách đãi ngộ phù hợp, nhằm khuyến khích cán bộ yên tâm công tác, gắn bó lâu dài với lĩnh vực đối ngoại quốc phòng. Đồng thời, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đề cao

trách nhiệm cá nhân gắn với trách nhiệm tập thể, bảo đảm mọi hoạt động đối ngoại quốc phòng đều đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng.

Việc triển khai đồng bộ, hiệu quả nhóm giải pháp này sẽ tạo nền tảng quan trọng để xây dựng đội ngũ cán bộ đối ngoại quốc phòng Việt Nam thực sự vững mạnh, đủ năng lực, bản lĩnh và trí tuệ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần nâng cao hiệu quả tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La và củng cố vững chắc vị thế, uy tín của đất nước trên trường quốc tế.

Nhóm giải pháp 5. Tăng cường năng lực nghiên cứu chiến lược, dự báo và truyền thông đối ngoại

Trong bối cảnh môi trường an ninh khu vực và quốc tế biến động nhanh, phức tạp, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng, việc nâng cao năng lực nghiên cứu chiến lược, dự báo và truyền thông đối ngoại có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, tạo nền tảng tri thức và dư luận cho việc tham gia hiệu quả, chủ động và có trách nhiệm của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La. Đây không chỉ là yêu cầu trước mắt, mà còn là nhiệm vụ lâu dài, mang tính chiến lược, nhằm bảo đảm cho hoạt động đối ngoại quốc phòng được triển khai trên cơ sở khoa học, chủ động và nhất quán.

Trước hết, cần tập trung đầu tư, củng cố và phát triển hệ thống các cơ quan nghiên cứu chiến lược, tư vấn chính sách trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại và có tính liên thông cao. Trên cơ sở các cơ quan nghiên cứu hiện có, cần từng bước hình thành các trung tâm nghiên cứu chiến lược mạnh, có đội ngũ chuyên gia đầu ngành, đủ năng lực nghiên cứu chuyên sâu về các vấn đề an ninh khu vực, cạnh tranh nước lớn, cấu trúc an ninh châu Á – Thái Bình Dương và các cơ chế đối thoại an ninh đa phương. Các cơ quan này cần đóng vai trò là “bộ não tham mưu” hỗ trợ trực tiếp cho công tác hoạch định chính sách và chuẩn bị nội dung tham gia các diễn đàn như Đối thoại Shangri-La.

Hai là, tăng cường kết nối giữa nghiên cứu chiến lược với thực tiễn hoạch định và triển khai đối ngoại quốc phòng. Các sản phẩm nghiên cứu cần gắn chặt với yêu cầu thực tiễn, phục vụ trực tiếp công tác tham mưu cho Đảng, Nhà nước, Quân

ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng. Cần xây dựng cơ chế tiếp nhận, phản hồi và sử dụng kết quả nghiên cứu một cách hiệu quả, tránh tình trạng nghiên cứu tách rời thực tiễn, thiếu tính ứng dụng. Đồng thời, khuyến khích các cơ quan nghiên cứu chủ động tham gia trao đổi học thuật quốc tế, công bố các nghiên cứu bằng ngoại ngữ trên các diễn đàn, tạp chí có uy tín, qua đó từng bước nâng cao tiếng nói học thuật và ảnh hưởng chính sách của Việt Nam.

Ba là, nâng cao năng lực dự báo chiến lược thông qua việc ứng dụng các phương pháp nghiên cứu hiện đại và công nghệ mới. Cần kết hợp hài hòa giữa phương pháp phân tích truyền thống với các công cụ phân tích định lượng, mô hình hóa, khai thác dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu mở và các nguồn thông tin phi truyền thống. Việc nâng cao năng lực dự báo sẽ giúp Việt Nam chủ động hơn trong nhận diện sớm các xu hướng, rủi ro, thách thức và cơ hội, từ đó có phương án tham mưu, ứng xử kịp thời, hiệu quả tại các diễn đàn đa phương có tính cạnh tranh cao như Đối thoại Shangri-La.

Bốn là, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu chiến lược có trình độ cao, tư duy độc lập, sáng tạo và tầm nhìn quốc tế. Cần có cơ chế đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn và đãi ngộ phù hợp để thu hút và giữ chân nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực nghiên cứu chiến lược. Đội ngũ này không chỉ thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, mà còn tham gia trực tiếp vào công tác tham mưu, tư vấn chính sách, hỗ trợ xây dựng nội dung phát biểu, lập trường và phương án ứng xử tại các diễn đàn quốc tế.

Năm là, xây dựng và triển khai chiến lược truyền thông đối ngoại chủ động, thống nhất, bài bản cho mỗi kỳ Đối thoại Shangri-La. Truyền thông đối ngoại cần được xem là một bộ phận hữu cơ của công tác đối ngoại quốc phòng, góp phần lan tỏa lập trường, quan điểm chính thức của Việt Nam, đồng thời định hướng dư luận quốc tế theo hướng có lợi cho lợi ích quốc gia – dân tộc. Cần xác định rõ thông điệp cốt lõi, đối tượng truyền thông trọng tâm, kênh truyền thông phù hợp, bảo đảm sự nhất quán giữa phát biểu chính thức và thông tin truyền thông. Chủ động truyền thông để xây dựng hình ảnh quốc gia. Trong đó, cần chủ động kết nối với báo chí,

truyền thông quốc tế và trong nước để truyền tải hình ảnh Việt Nam là quốc gia hòa bình, hợp tác và có trách nhiệm.

Sáu là, nâng cao năng lực phản ứng nhanh và xử lý khủng hoảng truyền thông trong bối cảnh thông tin đa chiều, lan truyền nhanh chóng. Cần xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quốc phòng, ngoại giao và truyền thông để kịp thời phát hiện, xử lý các thông tin sai lệch, xuyên tạc hoặc các tình huống phát ngôn gây tranh cãi, ảnh hưởng đến uy tín và hình ảnh quốc gia. Việc chủ động, linh hoạt trong truyền thông sẽ giúp Việt Nam tránh bị động, giữ vững thế chủ động trong bảo vệ lợi ích và hình ảnh quốc gia tại các diễn đàn quốc tế.

Bảy là, từng bước xây dựng hệ sinh thái nghiên cứu - truyền thông đối ngoại quốc phòng gắn kết, đồng bộ và bền vững. Trong đó, nghiên cứu chiến lược cung cấp cơ sở khoa học, luận cứ chính sách; truyền thông đối ngoại lan tỏa thông điệp, tạo đồng thuận và ủng hộ quốc tế; hai trụ cột này bổ trợ lẫn nhau, góp phần nâng cao hiệu quả tổng thể của việc tham gia Đối thoại Shangri-La.

Việc triển khai đồng bộ, hiệu quả nhóm giải pháp này sẽ tạo nền tảng vững chắc về tri thức, dự báo và dư luận, giúp Việt Nam không chỉ tham gia hiệu quả mà còn từng bước nâng cao vai trò, vị thế và ảnh hưởng tại Đối thoại Shangri-La và các cơ chế an ninh đa phương trong khu vực.

Nhóm giải pháp 6. Xây dựng các kịch bản dự báo và đề ra giải pháp phù hợp cho Việt Nam ứng với từng xu hướng phát triển của Đối thoại Shangri-La thời gian tới

Trước những biến động nhanh chóng, phức tạp của môi trường an ninh khu vực và sự điều chỉnh, cạnh tranh giữa các cơ chế đối thoại quốc phòng - an ninh đa phương, trong đó có Đối thoại Shangri-La, Việt Nam cần kiên định và quán triệt sâu sắc đường lối đối ngoại của Đảng về độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.

Trên cơ sở đó, việc tham gia Đối thoại Shangri-La cần được đặt trong tổng thể chiến lược đối ngoại và đối ngoại quốc phòng của Việt Nam, bảo đảm chủ động thích ứng với mọi kịch bản, không để bị động, bất ngờ; đồng thời phát huy tối đa vai trò, vị thế và lợi ích quốc gia - dân tộc, góp phần duy trì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực.

Đối với kịch bản Đối thoại Shangri-La phát triển mạnh mẽ, trở thành cơ chế an ninh khu vực bao trùm, trên cơ sở phương hướng và nhiệm vụ đã xác định, Việt Nam cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, nâng cao mức độ chủ động và chất lượng tham gia. Việt Nam cần chuyển từ “tham gia tích cực” sang “tham gia dẫn dắt có chọn lọc”, thể hiện qua việc cân nhắc cử đại diện tùy theo bối cảnh và yêu cầu thực tiễn, nghiên cứu khả năng tham dự Đối thoại Shangri-La ở cấp cao hơn trong những thời điểm phù hợp nhằm gia tăng trọng lượng chính trị của tiếng nói Việt Nam tại diễn đàn; đồng thời chuẩn bị kỹ lưỡng nội dung phát biểu, tham luận dựa trên sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan đối ngoại, quốc phòng và nghiên cứu chiến lược, bảo đảm không chỉ thể hiện rõ lập trường nhất quán của Việt Nam về hòa bình, an ninh, hợp tác, tôn trọng luật pháp quốc tế, mà còn có giá trị định hướng thảo luận, đưa ra các thông điệp chính sách rõ ràng, có sức lan tỏa đối với cộng đồng an ninh khu vực..

Thứ hai, chủ động tham gia định hình hướng phát triển và nguyên tắc vận hành của diễn đàn. Tại các phát biểu chính thức, tham luận chuyên đề và tiếp xúc bên lề, Việt Nam tích cực đóng góp ý kiến nhằm bảo đảm Đối thoại Shangri-La phát triển theo hướng cởi mở, bao trùm, không gian đối thoại chiến lược mang tính xây dựng, giảm thiểu nguy cơ bị chi phối bởi tư duy đối đầu hoặc cạnh tranh quyền lực. Điều này bao gồm việc thúc đẩy các nguyên tắc như, không đối đầu, không liên minh quân sự, không nhằm vào nước thứ ba, tôn trọng luật pháp quốc tế và vai trò trung tâm của các cơ chế khu vực.

Thứ ba, kiên trì bảo vệ nguyên tắc độc lập, tự chủ trong hội nhập và hợp tác quốc phòng. Trong quá trình tham gia các sáng kiến, đối thoại hoặc hợp tác được thúc đẩy tại diễn đàn, cần tiến hành đánh giá thận trọng về tác động chiến lược, bảo

đảm Việt Nam không tham vào các cấu trúc liên kết mang tính đối đầu. Trong mọi trường hợp, không tham gia hoặc bị ràng buộc vào các cam kết, sáng kiến hợp tác làm phương hại đến chủ quyền, lợi ích quốc gia - dân tộc hoặc làm suy giảm vai trò trung tâm của ASEAN.

Thứ tư, chủ động đề xuất các sáng kiến mang tính xây dựng. Việt Nam cần đề xuất các sáng kiến cụ thể, thiết thực, tập trung vào các lĩnh vực an ninh phi truyền thống, xây dựng lòng tin, quản lý xung đột, an ninh biển, cứu trợ nhân đạo, ứng phó biến đổi khí hậu; thúc đẩy các cơ chế đối thoại về quản lý xung đột, phòng ngừa khủng hoảng, minh bạch hóa chính sách quốc phòng, xây dựng lòng tin... qua đó góp phần định hướng nội dung thảo luận theo hướng thực chất, tích cực, giúp nâng cao vị thế của Việt Nam.

Đối với kịch bản Đối thoại Shangri-La duy trì quy mô, tính chất như hiện nay, Việt Nam cần tập trung vào các giải pháp nâng cao hiệu quả và chiều sâu tham gia:

Thứ nhất, duy trì sự hiện diện ổn định, nhất quán và có chọn lọc. Tiếp tục tham dự Đối thoại Shangri-La hằng năm với cấp đại biểu phù hợp, bảo đảm tính liên tục, thể hiện rõ trách nhiệm và vai trò của Việt Nam trong đối thoại an ninh khu vực. Việc lựa chọn cấp tham dự cần linh hoạt, gắn với bối cảnh khu vực và mục tiêu đối ngoại từng giai đoạn.

Thứ hai, nâng cao chất lượng nội dung tham gia. Dựa trên sự phối hợp liên ngành giữa các cơ quan đối ngoại, quốc phòng và các viện nghiên cứu chiến lược để chuẩn bị kỹ các bài phát biểu, tham luận, câu hỏi, ý kiến trao đổi tại các phiên họp chính thức và bên lề, bảo đảm lập luận chặt chẽ, thông điệp rõ ràng, phù hợp với lợi ích quốc gia và lợi ích chung của khu vực, đồng thời gắn với triển khai Nghị quyết các kỳ Đại hội Đảng, các nghị quyết, chủ trương mang tính định hướng của Việt Nam trong các giai đoạn phát triển của đất nước. Chủ động tham gia thảo luận, đặt câu hỏi và phản biện có chọn lọc cũng giúp nâng cao mức độ hiện diện thực chất của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La.

Thứ ba, phát huy hiệu quả các hoạt động tiếp xúc bên lề. Chủ động xây dựng kế hoạch, sắp xếp các cuộc gặp song phương, đa phương với các đối tác quan trọng

trước và trong khuôn khổ diễn đàn nhằm thúc đẩy hợp tác thực chất, đồng thời trao đổi thẳng thắn, xây dựng lòng tin, xử lý các vấn đề tồn tại, nhạy cảm.

Thứ tư, tăng cường phối hợp giữa tham gia đối thoại và truyền thông đối ngoại. Chủ động, kịp thời định hướng truyền tải quan điểm chính thức của Việt Nam, gồm công bố các nội dung phát biểu, thông điệp chính sách và kết quả tiếp xúc bên lề, góp phần định hướng dư luận, làm rõ lập trường nhất quán của Việt Nam, nâng cao uy tín và hình ảnh quốc gia. Cần tận dụng hiệu quả các kênh truyền thông truyền thống và số để lan tỏa thông điệp về một Việt Nam tích cực, có trách nhiệm và ủng hộ trật tự khu vực dựa trên luật lệ.

Đối với kịch bản Đối thoại Shangri-La suy giảm sức hút, bị cạnh tranh bởi các cơ chế khác, Việt Nam cần triển khai các giải pháp linh hoạt, chủ động điều chỉnh trọng tâm tham gia, tối ưu hóa mạng lưới đa phương và phân bổ nguồn lực theo hiệu quả nhằm bảo đảm hiệu quả đối ngoại quốc phòng và lợi ích chiến lược dài hạn:

Thứ nhất, đa dạng hóa và cân đối các kênh đối thoại quốc phòng - an ninh đa phương. Không đặt trọng tâm quá mức vào một diễn đàn duy nhất; tăng cường tham gia các cơ chế khác, đặc biệt là các cơ chế do ASEAN dẫn dắt như ADMM, ADMM+, ARF, nhằm duy trì mạng lưới đối thoại và tạo điều kiện để Việt Nam linh hoạt lựa chọn không gian phù hợp để thúc đẩy các ưu tiên chiến lược. Chủ động phối hợp với các nước ASEAN thúc đẩy đoàn kết nội khối, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ chế an ninh khu vực do ASEAN dẫn dắt, qua đó bảo vệ lợi ích chiến lược lâu dài của Việt Nam. Đồng thời, tăng cường sự hiện diện tại các diễn đàn mới nổi hoặc các khuôn khổ hợp tác chuyên đề (an ninh biển, an ninh mạng, an ninh phi truyền thống) để thích ứng với sự dịch chuyển của cấu trúc an ninh khu vực.

Thứ hai, linh hoạt điều chỉnh mức độ tham dự Đối thoại Shangri-La. Trên cơ sở đánh giá thực chất vai trò và hiệu quả của diễn đàn dựa trên đánh giá định lượng sau mỗi kỳ của Đối thoại Shangri-La (số cuộc gặp chất lượng, mức độ tiếp cận đối tác, độ lan tỏa thông điệp) để quyết định cấp tham dự linh hoạt (Bộ trưởng/Thứ

trường/đoàn chuyên viên) dựa trên mục tiêu cụ thể từng năm, cân nhắc sự hiện diện ở mức duy trì kênh theo dõi thông tin, giữ kênh liên lạc, nhưng không đặt ưu tiên cao như trước để tối ưu hóa điều chỉnh cấp tham dự và nguồn lực đối ngoại, đồng thời vẫn bảo đảm không làm gián đoạn các kênh tiếp xúc quan trọng tham gia cho phù hợp, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Nâng cao năng lực phân tích, dự báo để nhận diện sớm các xu hướng “chính trị hóa” diễn đàn, để quá trình tham gia có biện pháp ứng xử phù hợp, tránh bị đặt vào các tình huống lựa chọn chiến lược bất lợi.

Thứ ba, kiên quyết tránh bị cuốn vào cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Giữ vững lập trường độc lập, tự chủ, không tham gia các hoạt động mang tính đối đầu, chia rẽ, làm phức tạp thêm tình hình khu vực; tăng cường sử dụng diễn đàn như một kênh ngoại giao thông điệp. Việt Nam có thể tận dụng các phiên toàn thể, phiên đặc biệt đồng thời, các cuộc gặp song phương bên lề Đối thoại Shangri-La để truyền tải quan điểm về các vấn đề an ninh khu vực, đặc biệt là các nguyên tắc như tôn trọng luật pháp quốc tế, giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình và duy trì ổn định khu vực.

Thứ tư, tăng cường củng cố vai trò trung tâm của ASEAN. Chủ động phối hợp với các nước ASEAN thúc đẩy đoàn kết nội khối, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ chế an ninh khu vực do ASEAN dẫn dắt, qua đó bảo vệ lợi ích chiến lược lâu dài của Việt Nam; tăng cường hiệu quả ngoại giao song phương, bên lề theo hướng chuyển từ “tham gia diễn đàn” sang “chủ động tạo mạng lưới quan hệ”. Trong đó, cần xây dựng kế hoạch tiếp xúc từ sớm và xác định rõ đối tác ưu tiên (các nước lớn, đối tác chiến lược, nước ASEAN chủ chốt), mục tiêu từng cuộc gặp (trao đổi chính sách, tháo gỡ vướng mắc, thúc đẩy hợp tác cụ thể), nội dung thảo luận trọng tâm, qua đó giúp tối đa hóa số lượng và chất lượng các cuộc gặp, tránh bị động và phụ thuộc vào khuôn khổ chính thức của diễn đàn. Tập trung vào các đối tác và vấn đề ưu tiên thông qua lựa chọn các nhóm đối tác trọng điểm theo từng giai đoạn, dựa trên lợi ích chung, vấn đề nhạy cảm, khả năng hợp tác trong quan hệ với từng đối tác để tập trung trao đổi vào các vấn đề ở lĩnh vực cụ thể về các lĩnh vực ít

nhạy cảm như xây dựng lòng tin, ứng phó an ninh phi truyền thống, nhằm giúp chuyển từ “trao đổi chung chung” sang đối thoại có kết quả cụ thể.

Việc xây dựng phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp theo các kịch bản phát triển của Đối thoại Shangri-La thể hiện tư duy chủ động, linh hoạt, dài hạn trong đối ngoại quốc phòng của Việt Nam. Dù trong bất kỳ kịch bản nào, Việt Nam vẫn kiên định mục tiêu tối thượng là bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các điều kiện thuận lợi cho phát triển đất nước, đồng thời đóng góp tích cực, có trách nhiệm vào hòa bình, an ninh khu vực và thế giới.

Tiểu kết Chương 4

Chương 4 đã tập trung phân tích những yếu tố bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế có ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ và cách thức tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La. Trong bối cảnh môi trường an ninh đang biến động nhanh chóng với những cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt giữa các nước lớn, đặc biệt là giữa Mỹ và Trung Quốc, Việt Nam - với tư cách một quốc gia đang phát triển, có vị trí địa chiến lược quan trọng - cần chủ động điều chỉnh cách tiếp cận đối ngoại nhằm nâng cao hiệu quả tham gia, đồng thời bảo vệ vững chắc lợi ích quốc gia-dân tộc.

Trên cơ sở nền tảng lý luận về quốc gia nhỏ, chủ nghĩa đa phương, ngoại giao Kênh 1.5 và lý luận đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam, chương này đã đưa ra hệ thống quan điểm chỉ đạo rõ ràng cho việc nâng cao vai trò của Việt Nam tại các diễn đàn an ninh đa phương, trong đó có Đối thoại Shangri-La. Các quan điểm này đều xuất phát từ nhận thức chiến lược về lợi ích cốt lõi, vị thế quốc tế và trách nhiệm của Việt Nam trong cộng đồng khu vực và toàn cầu. Đặc biệt, định hướng “độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa”, gắn với “chủ động, tích cực và trách nhiệm”, đã trở thành kim chỉ nam cho các đề xuất chính sách cụ thể.

Những giải pháp được đề xuất trong chương có tính hệ thống, khả thi và mang tính liên ngành cao - từ nâng cao năng lực phân tích chiến lược, đổi mới nội dung truyền thông, đào tạo nguồn nhân lực, củng cố cơ sở học thuật phục vụ hoạch định chính sách, cho đến tổ chức các hoạt động bên lề, xây dựng hình ảnh quốc phòng mềm. Đây là các giải pháp không chỉ hướng tới nâng cao hiệu quả tham gia, mà còn góp phần giúp Việt Nam chuyển từ thế bị động sang chủ động, từ “tham gia” sang “định hình” các diễn đàn an ninh khu vực.

Tóm lại, chương 4 là cầu nối chuyển tiếp từ nền tảng lý luận sang hành động chính sách, từ phân tích khách quan sang đề xuất thực tiễn. Các nội dung trong chương sẽ là cơ sở để luận án kết luận một cách toàn diện về vai trò, lợi ích và định hướng tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La trong giai đoạn tới.

KẾT LUẬN

Tính đến nay, sau hơn 20 năm hình thành và phát triển, Đối thoại Shangri-La đã, đang và sẽ tiếp tục khẳng định vai trò là một trong những diễn đàn an ninh khu vực cao cấp nhất với sự hiện diện của nhiều cường quốc thế giới, có xu hướng ngày càng mở rộng cả về nội dung và phạm vi tham dự của các nước trong và ngoài khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Đối thoại Shangri-La là hình mẫu của đối thoại quốc phòng, hứa hẹn sẽ là cơ chế đa phương về an ninh và quốc phòng có đầy đủ khả năng trong việc định hình nền tảng an ninh của khu vực trong thời gian tới. Sự tham gia của Việt Nam vào diễn đàn này cũng là bước đi tất yếu trong việc hiện thực hóa chính sách đối ngoại đa phương, đa dạng hóa và đáp ứng xu thế hội nhập, góp phần nâng cao vị thế nước ta trên chính trường khu vực và thế giới.

Việt Nam tham gia Đối thoại Shangri-La có ý nghĩa rất quan trọng, là sự cụ thể hóa và minh chứng sinh động cho sự đổi mới tư duy, tính đúng đắn của các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, góp phần nâng tầm vị thế đối ngoại, bảo đảm lợi ích quốc gia-dân tộc trên trường quốc tế. Tham dự cơ chế này còn là cơ hội để Việt Nam lắng nghe, nghiên cứu và nắm bắt chiến lược của các quốc gia trong khu vực. Đồng thời, diễn đàn này cũng là cơ hội để Việt Nam bày tỏ chính sách quốc phòng theo đường lối của Đảng và Nhà nước trong từng bối cảnh tình hình an ninh của đất nước và khu vực. Thông qua Đối thoại Shangri-La, Việt Nam có thể gửi đi các thông điệp về chủ trương kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam cùng những hành động thiết thực nhằm thể hiện sự tích cực của Việt Nam đóng góp cho hòa bình và ổn định của khu vực và thế giới. Qua đó, từng bước nâng cao vị thế và vai trò của Việt Nam trong giải quyết các vấn đề chung của khu vực. Với những nội dung mà Việt Nam đã đưa ra qua các kỳ Đối thoại Shangri-La hằng năm, các quốc gia trong khu vực và trên thế giới đã hiểu hơn về chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ của Việt Nam.

Thông qua các cuộc đối thoại, gặp gỡ tiếp xúc đa phương và song phương, Việt Nam đã thúc đẩy hợp tác phát triển với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, xây dựng lòng tin chiến lược với các quốc gia trong khu vực vì một châu Á-

Thái Bình Dương hòa bình và ổn định lâu dài. Việt Nam sẵn sàng hợp tác với các bên tăng cường xây dựng lòng tin, giảm thiểu bất đồng, tuân thủ luật pháp quốc tế. Trong những năm qua, Việt Nam đã và đang phát huy vai trò là một thành viên tích cực của Đối thoại Shangri-La, với tiếng nói và những sáng kiến góp phần bảo đảm an ninh, hòa bình và ổn định trong khu vực, truyền tải thông điệp: Với truyền thống hòa hiếu và yêu chuộng hòa bình, Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi, cùng nhau xây dựng một môi trường hòa bình, thịnh vượng, hợp tác, phát triển ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới.

Cùng với Đối thoại Shangri-La, những năm qua, Việt Nam đã tích cực tham gia nhiều diễn đàn đa phương là những khuôn khổ hợp tác quan trọng về xây dựng lòng tin, thúc đẩy ngoại giao phòng ngừa và tìm kiếm các biện pháp quản lý có hiệu quả xung đột, trong đó phải kể đến Hội nghị an ninh quốc tế Moscow, Diễn đàn Hương Sơn Bắc Kinh, Đối thoại quốc phòng Seoul, các cơ chế do ASEAN dẫn dắt như ARF, ADMM, ADMM+... Sự tham gia của Việt Nam không chỉ góp phần vào thành công chung của Đối thoại Shangri-La và những diễn đàn đa phương nói trên mà còn là minh chứng sinh động cho tinh thần trách nhiệm, chủ động, tích cực tham gia đóng góp, xây dựng, định hình các cơ chế đa phương

Để thích ứng với tình hình mới có nhiều thời cơ và thách thức đan xen, Việt Nam cần tận dụng tốt các kênh song phương và đa phương, tham gia có hiệu quả vào các cơ chế hợp tác của khu vực và trên thế giới để tăng cường sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế đối với các sự kiện và vấn đề đối ngoại quan trọng của đất nước. Thông qua các diễn đàn đa phương như Đối thoại Shangri-La để đấu tranh phản bác những thông tin sai sự thật, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, nhất là trong vấn đề Biển Đông, dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền. Làm tốt công tác phát ngôn, chủ động cung cấp thông tin, đấu tranh dư luận. Nâng cao vị thế của đất nước thông qua việc nâng tầm đối ngoại đa phương từ “tham gia tích cực” lên “chủ động đóng góp xây dựng, định hình luật chơi chung”, bảo vệ và thúc đẩy hiệu quả các lợi ích chiến lược về an ninh và phát triển của Việt Nam, thể hiện tinh thần

“thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”. Đồng thời, Việt Nam cần có sự chuẩn bị tốt về các nguồn lực, xây dựng tầm nhìn, bước đi và cách làm mang tầm chiến lược, để thực sự tận dụng được các cơ hội khi tham dự Đối thoại Shangri-La và các cơ chế đa phương ở khu vực, quốc tế, triển khai hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về đối ngoại và đối ngoại quốc phòng, vững vàng bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc từ năm 2026 và những năm tiếp theo.

Những đánh giá nêu trên cho thấy rõ ý nghĩa thực tiễn và tầm quan trọng chiến lược của Đối thoại Shangri-La đối với Việt Nam. Tuy nhiên, dưới góc nhìn học thuật và chính trị học, đề tài này còn cho thấy nhiều điểm mới trong cách tiếp cận lý luận, phương pháp và ứng dụng chính sách. Luận án xin tổng kết thêm một số đóng góp học thuật - chính sách quan trọng như sau:

1. Đóng góp lý luận mới:

Luận án là công trình đầu tiên tại Việt Nam áp dụng phối hợp ba hướng tiếp cận: lý thuyết quốc gia nhỏ, diễn ngôn an ninh và ngoại giao phòng ngừa để phân tích hành vi của Việt Nam trong cơ chế Đối thoại Shangri-La - một cơ chế đối thoại Kênh 1.5 đặc thù. Việc vận dụng các lý thuyết này đã giúp chuyển trọng tâm phân tích từ “mức độ tham gia” sang “hình thức, chất lượng và định hướng chiến lược của sự tham gia”. Luận án làm rõ cơ chế diễn ngôn hóa an ninh mà Việt Nam áp dụng để tạo ảnh hưởng trong không gian đa phương và khả năng của quốc gia nhỏ trong kiến tạo chuẩn mực mềm, góp phần vào trật tự khu vực. Đây là hướng tiếp cận mới mẻ trong Chính trị học ở Việt Nam.

2. Đề xuất chính sách có thể ứng dụng trong 1-2 năm tới:

- Tận dụng Đối thoại Shangri-La như kênh công bố các sáng kiến quốc phòng mềm (ví dụ: diễn đàn quân y, an toàn hàng hải, tín hiệu cảnh báo sớm) để Việt Nam chủ động chiếm lĩnh diễn ngôn về “quốc phòng tự chủ và minh bạch”.

- Thiết lập cơ chế truyền thông chiến lược bên lề Đối thoại Shangri-La, phối hợp với các tổ chức học giả, báo chí quốc tế để lan tỏa thông điệp chính sách quốc phòng của Việt Nam ra toàn cầu.

- Đề xuất chủ trì một phiên họp chuyên đề về Biển Đông trong khuôn khổ Đối thoại Shangri-La hoặc kết nối nội dung Đối thoại Shangri-La - ADMM+ để tăng tính tiếp nối thể chế.

3. Giới hạn nghiên cứu và định hướng nghiên cứu tiếp theo:

- Do giới hạn tiếp cận tài liệu mật và thông tin bên lề, luận án chưa thể phân tích sâu sắc các thảo luận song phương, tiếp xúc hậu trường giữa Việt Nam và các đối tác tại Đối thoại Shangri-La.

- Luận án mới tập trung vào vai trò Việt Nam trong một diễn đàn (Đối thoại Shangri-La), trong khi chưa phân tích mối liên hệ hệ thống giữa Đối thoại Shangri-La - ADMM+ - ARF - EAS - CSCAP...

- Trong tương lai, có thể mở rộng nghiên cứu theo hướng: Phân tích mạng quan hệ và tương tác qua các cơ chế an ninh khu vực, hoặc khai thác hướng tiếp cận mới như chính sách bản sắc, chính sách niềm tin chiến lược của quốc gia nhỏ trong môi trường cạnh tranh nước lớn.

Tóm lại, từ cách tiếp cận liên ngành kết hợp giữa lý thuyết quốc gia nhỏ, diễn ngôn an ninh và ngoại giao phòng ngừa, luận án đã góp phần lý giải cách một quốc gia như Việt Nam có thể chủ động, sáng tạo và kiến tạo vị thế trong trật tự khu vực đang biến đổi nhanh chóng. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược ngày càng phức tạp, Việt Nam không chỉ cần tham gia, mà cần chủ động định hình không gian đối thoại đa phương trên tinh thần trách nhiệm, tự chủ và kiến tạo. Đối thoại Shangri-La là một minh chứng sinh động cho bản lĩnh đó - vừa thể hiện bản sắc chiến lược quốc gia, vừa mở ra dư địa ảnh hưởng mềm trong cấu trúc quyền lực đang dịch chuyển của châu Á - Thái Bình Dương.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Dương Quý Nam (2023), “An ninh khu vực và toàn cầu - Nhìn từ Đối thoại Shangri-La 20”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân* (7), tr. 84-86.

2. Dương Quý Nam (2024), “Hiện thực hóa Sáng kiến Cộng đồng Tình báo Quân sự/Quốc phòng ASEAN - Một bước tiến lớn trong hợp tác chính trị - an ninh của ASEAN”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng* (68), tr. 5-10.

3. Duong Quy Nam, Tran Thi Quang Hoa (2024), “Shangri-La Dialogue: Formation, Contents, Roles, and Vietnam’s Participation”, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “International Institutions in East Asia: Revisited from Korean and Vietnamese Perspectives”*, Labour Publishing House, tr. 86-103.

4. Dương Quý Nam (2025), “An ninh phi truyền thống và các vấn đề đặt ra cho đối ngoại Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia “Đối ngoại và Ngoại giao Việt Nam trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc”*, tr. 90-94.

5. Dương Quý Nam (2025), “Đối thoại Shangri-La 22: Dấu ấn Việt Nam trong kiến tạo lòng tin, thúc đẩy hợp tác ở khu vực”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng* (70), tr. 03-10.

6. Duong Quy Nam (2025), “Shangri-La Dialogue: Important contributions to regional and global security, politics and Vietnam’s participation”, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “The Third International Conference on the Issues of Social Sciences and Humanities”*, VNU Press, Hanoi, tr. 22-35.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Ngọc Ánh (2017), “Đối thoại Shangri-La 16: Quan điểm và nỗ lực tìm kiếm giải pháp cho thách thức an ninh vì một khu vực hòa bình và phát triển”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng* (39), tr. 41-48.
2. Ban Bí thư (2018), *Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 08/8/2018 về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030*.
3. Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương (2023), *Tài liệu học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (2023), *Nghị quyết số 44-NQ/TW về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*.
5. Ban Tuyên giáo Trung ương (2019), *Cẩm nang công tác tư tưởng đối ngoại*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
6. Bộ Chính trị (2023), *Nghị quyết số 34-NQ/TW ngày 09/01/2023 về một số định hướng, chủ trương lớn triển khai đường lối đối ngoại Đại hội XIII của Đảng*.
7. Bộ Chính trị (2023), *Kết luận số 53-KL/TW ngày 28/4/2023 về hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng đến năm 2030 và những năm tiếp theo*.
8. Bộ Quốc phòng (2019), *Quốc phòng Việt Nam năm 2019*, NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, NXB Sự thật, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Phần I (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Phần II (Đại hội X, XI, XII)*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII tập I*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
17. Nguyễn Thành Đồng (2018), “Đối thoại Shangri-La 17 góp phần thúc đẩy hợp tác quốc phòng - an ninh khu vực và sự tham gia của Việt Nam”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng* (43), tr. 03-10.
18. Nguyễn Thị Hằng (2019), “Đối thoại Shangri-La 18: Thách thức an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương và tầm nhìn của Việt Nam”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng* (47), tr. 38-45.
19. Đào Minh Hồng, Lê Hồng Hiệp (2018), *Sổ tay Thuật ngữ Quan hệ Quốc tế*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
20. Nguyễn Thị Huệ (2013), “Chung tay xây dựng lòng tin vì hòa bình, thịnh vượng của châu Á - Thái Bình Dương”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng* (23), tr. 28-34.
21. Trần Hậu Hùng (2010), “Shangri-La - Diễn đàn Đối thoại an ninh quốc phòng quan trọng của khu vực”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng* (11), tr. 37-42.
22. Nghiêm Tuấn Hùng (2018), “Tác động của Mỹ đến kiến trúc an ninh khu vực Đông Á từ năm 2009 đến nay”, *Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới* 8 (268), tr. 31-39.
23. Lương Văn Mạnh (2014), “Đối thoại Shangri-La 13 - ngăn ngừa nguy cơ xung đột vì một châu Á - Thái Bình Dương ổn định và phát triển”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng* (27), tr. 3-9.

24. Lê Thế Mẫu (2013), “Xây dựng niềm tin chiến lược nhìn từ Đối thoại Shangri-La 2013”, *Tạp chí Sự kiện và Nhân vật* (6) 234, tr. 32-37.
25. Lê Thế Mẫu (2014), “Trung Quốc yếu thế tại Đối thoại Shangri-La 2014”, *Tạp chí Sự kiện và Nhân vật*, 7 (247), tr. 52-56.
26. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập* tập 5, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Dương Quý Nam (2022), “Tăng cường khả năng quốc phòng bảo vệ Tổ quốc - Thông điệp hòa bình thúc đẩy lòng tin chiến lược của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La lần thứ 19”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng* (58), tr. 7-11.
31. Nguyễn Đạt Phong (2008), “Đối thoại Shangri-La, sự tham gia của Việt Nam và những vấn đề cần quan tâm trong thời gian tới”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng* (3), tr. 3-8.
32. Quân ủy Trung ương (2013), *Nghị quyết 806-NQ/QUTW ngày 31-12-2013 về hội nhập quốc tế và đối ngoại Quốc phòng đến năm 2020 và những năm tiếp theo*.
33. Đặng Đình Quý (2005), “Ngoại giao và hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Cộng sản*, (16), tr. 34-38.
34. Trần Thị Thanh Thủy (2022), “Diện mạo địa chính trị và an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương qua lăng kính Đối thoại Shangri-La lần thứ 19”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng* (58), tr. 61-69.
35. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
36. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Xây dựng và phát triển nền ngoại giao, ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại, mang đậm bản sắc “Cây tre Việt Nam”*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

37. Vũ Tiến Trọng (2012), “Đối thoại Shangri-La - cơ hội tìm kiếm nhận thức chung và thúc đẩy hợp tác an ninh khu vực”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng* (19), tr. 3-8.
38. Vũ Tiến Trọng (2013), “Đối thoại Shangri-La đóng góp cho thúc đẩy hợp tác quốc phòng, an ninh vì mục tiêu hoà bình, ổn định khu vực”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng* (23), tr. 3-8.
39. Vũ Thị Yên (2017), “Đối thoại Shangri-La và sự tham gia của Việt Nam”, *Luận văn thạc sĩ*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tiếng Anh

40. Aabid Majeed, Mahdi Musse Hassan, Saima Rashid (2020), “Thomas Hobbes’ Views on Philosophy, State of Nature and International Relations”, *Journal of Humanities and Education Development* Vol. 2 (1), pp. 37-44.
41. Alexandru Ovidiu Gacea (2019), “Plato and the “Internal Dialogue”: An Ancient Answer for a New Model of the Self”, *Psychology and Ontology in Plato*, Springer International Publishing, pp. 33-54.
42. Alexander L. Vuving (2017), “Vietnam’s approach to foreign policy”, J. Dosch & M. Thayer (Eds.), *Southeast Asia and the Rise of China: The Search for Security*, Routledge, pp. 110-132.
43. Alice D. Ba (2010), “Regional Security in East Asia: ASEAN's Value Added and Limitations”, *Journal of Current Southeast Asian Affairs* Vol. 29 (3), pp. 115-130.
44. Amitav Acharya. (2001). *Constructing a Security Community in Southeast Asia: ASEAN and the Problem of Regional Order*. Routledge.
45. Andries Odendaal (2011), “*The Role of Political Dialogue in Peacebuilding and Statebuilding - An Interpretation of Current Experience*”, International Dialogue on Peacebuilding and Statebuilding, France.

46. Anna Longhini & Erin Zimmerman (2021), “Regional security dialogues in Europe and in Asia: The role of Track 1.5 forums in international security”, *European Journal of International Security* Vol. 6 (4), pp. 481 - 502.
47. Arne Olav Brundtland (1994), “Small States in International Relations”, *The Norwegian Institute of International Affairs*, pp. 12.
48. Baldur Thorhallsson (2012), “Small States in the UN Security Council: Means of Influence?”, *The Hague Journal of Diplomacy*, Vol. 7(2).
49. Blair Vorsatz and Rudy deLeon (2014), *Revisiting the Shangri-La Dialogue: Candid and Heated Conversations are Encouraged*, Centre for America Progress, USA.
50. Bo Ram Kwon (2024), “Shangri-La Dialogue: The Role of South Korea”, *International Institutions in East Asia: Revisited from Korean and Vietnamese Perspectives*, Labour Publishing House, pp. 21-30.
51. Bonnie Glaser (2019), “The Shangri-La Dialogue and US-China Rivalry: Navigating Tensions in the Asia-Pacific”, *Journal of Current Chinese Affairs* Vol. 43 (1), pp. 21-52.
52. Brendan Taylor (2011), “The Shangri-La Dialogue: Thriving but Not Surviving?”, *From ‘boots’ to ‘brogues’: The rise of defence diplomacy in Southeast Asia*, S. Rajaratnam School of International Studies, Singapore, pp. 54-62.
53. Barry Buzan and Ole Wæver (2003), *Regions and Powers: The Structure of International Security*, Cambridge University Press.
54. Carlyle A. Thayer (2010), “Vietnam’s defensive diplomacy: A response to China’s rise”, *Asian Politics and Policy*, 2(1), pp 69-89.
55. Carlyle A. Thayer (2011), “Vietnam’s foreign policy under Doi Moi”, *The Southeast Asian Affairs*, 2011, pp 331-346.
56. Carlyle A. Thayer (2014), “Vietnam in 2013: Domestic Contestation and Foreign Policy Success”, *Southeast Asian Affairs 2014*, ISEAS Publishing, Singapore, pp. 355-372.

57. Cheng-Chwee Kuik (2008), "The Essence of Hedging: Malaysia and Singapore's Response to a Rising China", *Contemporary Southeast Asia*, Vol. 30, No. 2, pp. 159-185.
58. Chong Chee Kin & Teh Joo Lin (2008), "Defence Summit Agrees on How to Offer Disaster Relief", *The Straits Times* 6 (1), pp. 1.
59. Christine Ingebritsen (2006), "Norm Entrepreneurs: Scandinavia's Role in World Politics", *Cooperation and Conflict*, Vol. 37(1).
60. David Boey (2003), "Personalities Hold Key to Shangri-La's Character", *The Straits Times* 6 (3), pp. 12.
61. David Capie (2013), "Structures, Shocks and Norms: Explaining the Evolution of Asia's Security Architecture", *Contemporary Southeast Asia*, Vol. 35, No. 2, pp. 258-284.
62. David Capie & Paul Evans (2007), *The Asia-Pacific Security Lexicon*, ISEAS Publishing, Singapore.
63. David Capie & Brendan Taylor (2010), "The Shangri-La Dialogue and the institutionalization of defence diplomacy in Asia", *The Pacific Review* Vol. 23 (3), pp. 359-376.
64. David Shambaugh (2020), *Where Great Powers Meet: America and China in Southeast Asia*, Oxford University Press, USA.
65. David Shambaugh (2020), "China's Long March to Global Power", *China & the world*, Oxford University Press, USA, pp. 3-24.
66. Desmond Ball, Anthony Milner, Brendan Taylor (2006), "Track 2 Security Dialogue in the Asia-Pacific: Reflections and Future Directions", *Asian Security* Vol. 2 (3), pp. 174-188.
67. Erin Zimmerman (2013), *Think tanks and the promotion of non-traditional security in Asia*, Doctorial Thesis, Adelaide University, Australia.
68. Erin Zimmerman (2016), "The International Institute for Strategic Studies and the Shangri-La Dialogue", *Think Tanks and Non-Traditional Security*, Palgrave Macmillan, London, pp. 123-150.

69. Gunther Hellmann, Friedrich Kratochwil, Yosef Lapid, Iver Neuman, Frank Harvey, Joel Cobb, Andrew Moravcsik, and Steve Smith (2003), "The Forum: Are Dialogue and Synthesis Possible in International Relations?", *International Studies Review* Vol. 5 (1), pp. 123-150.
70. Ian Storey (2012), "China's Bilateral Defense Diplomacy in Southeast Asia", *Asian Security* Vol. 8 (3), pp. 287-310.
71. Ian Storey (2019), "Contending US and Chinese Visions for Regional Order at the Shangri-La Dialogue: A Mixed Reception from Southeast Asia", *ISEAS - Yusof Ishak Institute* 2019 (59), pp. 1-9.
72. Jina Lim Jia Xuan (2020), *Case Analysis: The Shangri-La Dialogue's Role in the Asia-Pacific Security Architecture*, Master's Thesis, Tsinghua University, China.
73. John D. Ciociari, Jessica Chen Weiss (2012), "The Sino-Vietnamese Standoff in the South China Sea", *Georgetown Journal of International Affairs* Vol. 13 (1), pp. 61-69.
74. Joseph V. Montville (1991), Track Two Diplomacy: The Work of Healing History. *The Washington Quarterly*, 13(1), pp.9-16.
75. John Gerard Ruggie (1992). *Multilateralism: The Anatomy of an Institution*. *International Organization*, 46(3), 561-598.
76. Kirsten Asdal, Stephanie Kang, Daniel Katz, and Megan Strausser (2013), "The ASEAN Defense Ministers' Meeting Plus (ADMM-Plus): Opportunities for Practical Security Cooperation in the Asia-Pacific", *Pacific Forum CSIS Issues & Insights* Vol. 14 (6), pp. 1-7.
77. Kuik Cheng-Chwee (2008). The Essence of Hedging: Malaysia and Singapore's Response to a Rising China. *Contemporary Southeast Asia*, 30(2), pp159-185.
78. Lawrence Susskind, David Fairman, Michèle Ferenze, Boyd Fuller(2003), "Multistakeholder dialogue at the global scale", *International Negotiation* Vol. 8 (2), pp. 235-266.

79. Matt McDonal (2018), “Constructivisms”, *Security Studies an introduction*, Routledge, UK, pp. 48-59.
80. Moaaz Manzoor (2024), “The 21st Shangri-La Dialogue: Understanding Sino-US Rivalry and ASEAN Balancing Act”, *Institute of Regional Studies* Vol.42 (6), pp. 1-4.
81. Nicholas Chapman (2017), “Mechanisms of Vietnam’s Multidirectional Foreign Policy”, *Journal of Current Southeast Asian Affairs* Vol. 36 (2), pp. 31-69.
82. Nick Bisley and Brendan Taylor (2015), “China’s Engagement with Regional Security Multilateralism: The Case of the Shangri-La Dialogue”, *Contemporary Southeast Asia* Vol. 37 (1), pp. 29-48.
83. Nick Bisley (2018), “Contested Asia’s ‘New’ multilateralism and regional order”, *The Pacific Review* Vol. 32 (2), pp. 221-231.
84. Peter Joachim Katzenstein (1985), *Small States in World Markets: Industrial Policy in Europe*, Cornell University Press, tr. 23-25.
85. Peter Joachim Katzenstein (2003), “*Small States and Institutional Strategies in International Relations*” in *Restructuring Europe*, Cornell University Press.
86. Peter Jones (2008), *Track Two Diplomacy in Theory and Practice*, Stanford University Press, United States.
87. Renato Henrique de Gaspi (2014), “The Shangri-La Dialogues and the Rising Tension in Asia: Major Setbacks and Possibilities of Cooperation”, *Globalização e Regionalismo: Guia de Estudos Facamp Model United Nations 2014*, Facamp Editora, Brazil, pp. 209-230.
88. Robert Anthony Pape (2005), “Soft Balancing against the United States”, *International Security*, Vol. 30, No. 1, pp. 7-45.
89. Robert Owen Keohane (1984). *After Hegemony: Cooperation and Discord in the World Political Economy*. Princeton University Press.

90. Sam Bateman, Catherine Zara Raymond, Joshua Ho (2006), *Safety and Security in the Malacca and Singapore Straits: An Agenda for Action*, Institute of Defence and Strategic Studies, Nanyang Technological University, Singapore.
91. Sam Bateman (2011), "Solving the Wicked Problems of Maritime Security: Are Regional Forums the Answer?", *Contemporary Southeast Asia* Vol. 33 (1), pp. 1-28.
92. Susan Allen Nan et al. (2018), *Track One-and-a-Half Diplomacy: Contributions to Theory and Practice*, Rowman & Littlefield, p. 3-6.
93. Thibault Fournol (2024), "India's Indo-Pacific - The 2018 Shangri-La Dialogue speech: a conceptual cornerstone?", *Note de la FRS 22/2024*, Fondation pour la Recherche Stratégique (FRS), France, pp. 1-9.
94. Tim Huxley (2005), "Southeast Asia in 2004: Stable, but Facing Major Security Challenges", *Southeast Asian Affairs 2005*, ISEAS Publishing, Singapore, pp. 3-23.
95. Tran Truong Thuy & Nguyen Minh Ngoc (2013), "Vietnam's Security Challenges: Priorities, Policy Implications and Prospects for Regional Cooperation", *The Fourth International Workshop on Asia-Pacific Security*, NIDS Ministry of Defense, Japan, pp. 93-112.
96. The International Institute for Strategic Studies (2006), *The Shangri-La Dialogue: The 5th Anniversary IISS Asia Security Summit*, International Institute for Strategic Studies, UK.
97. The International Institute for Strategic Studies (2022), *The IISS Shangri-La Dialogue - 19th Asia Security Summit*, Hobbs the Printers Ltd, UK.
98. The International Institute for Strategic Studies (2023), *The IISS Shangri-La Dialogue - 20th Asia Security Summit*, Hobbs the Printers Ltd, UK.
99. The International Institute for Strategic Studies (2024), *The IISS Shangri-La Dialogue - 21st Asia Security Summit*, Hobbs the Printers Ltd, UK.

100. Nguyen Vu Tung (2018), Diplomacy as strategic communication in Vietnam. *Asian Politics & Policy*, 10(4), pp. 631-648.
101. United Nations (1992), “*An Agenda for Peace: Preventive Diplomacy, Peacemaking and Peace-keeping*”, Report of the Secretary-General.
102. William Choong (2009), “Asia’s Shangri-La Future: An Inclusive Regional Security Architecture Has to Emerge for Stability”, *The Straits Times* 5 (29), pp. 2.

Tiếng Trung Quốc

103. (2023), “ ” 20 : ”, , 2023 4 (154), 67-84.
104. (2016), “ ”, , 14 7, 16-22.

Website

105. Châu Anh (2025), “Đối thoại Shangri-La 2025 có gì mới ?”, *VOV*, <https://vov.vn/the-gioi/doi-thoi-shangri-la-2025-co-gi-moi-post1203182.vov#:~:text=B%C3%A0%20Veerle%20Nouwens%2C%20chuy%C3%AAn%20gia,40%20nh%C3%A0%20l%C3%A3nh%20%C4%91%E1%BA%A1o%20tr%E1%BA%BB%20>, truy cập ngày 03/6/2025.
106. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2016), “Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng”, *Tư liệu văn kiện Đảng*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xii/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xi-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xii-cua-dang-1600>, truy cập ngày 20/12/2024.
107. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V (1986), “Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V trình tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng”, *Tư liệu văn kiện Đảng*,

- <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-vi/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-v-trinh-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-vi-cua-1491>, truy cập ngày 06/01/2026.
108. Bộ Chính trị (2013), “Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10-4-2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế”, *Tư liệu văn kiện Đảng*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/nghi-quyet-so-22-nqtw-ngay-1042013-cua-bo-chinh-tri-ve-hoi-nhap-quoc-te-264>, truy cập ngày 20/12/2024.
109. Cục Thống kê - Bộ Tài chính (2011), Tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam mười năm 2001-2010, <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/10/tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-viet-nam-muoi-nam-2001-2010/>, truy cập ngày 25/6/2025.
110. Lê Đức Cường (2018), “Đối thoại Shangri-La lần thứ 17 - Những vấn đề nổi lên của khu vực và vai trò của Việt Nam”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, <http://tapchiquotd.vn/vi/quoc-phong-quan-su-nuoc-ngoai/doi-thoai-shangrila-17-nhung-van-de-noi-len-cua-khu-vuc-va-vai-tro-cua-viet-nam/12093.html>, truy cập ngày 23/7/2024.
111. Thành Đạt (2019), “Màn “so găng” quyết liệt của Mỹ - Trung trên “mặt trận” Shangri-La”, *Báo Dân trí*, <https://dantri.com.vn/the-gioi/man-so-gang-quyet-liet-cua-my-trung-tren-mat-tran-shangr-la-20190603161345843.htm>, truy cập ngày 23/7/2024.
112. Phương Đăng (2014), Mỹ chi 1,6 nghìn tỷ USD vào cuộc chiến ở Iraq, Afghanistan, *Dân Việt*, <https://danviet.vn/my-chi-16-nghin-ty-usd-vao-cuoc-chien-o-iraq-afghanistan-7777519306-d346456.html>, truy cập ngày 20/8/2024.
113. Hoàng Hà (2017), “Trung Quốc từ bỏ chính sách ‘nấu mình chờ thời’”, *Báo Điện tử An ninh thủ đô*, <https://m.anninhthudo.vn/trung-quoc-tu-bo-chinh-sach-nau-minh-cho-thoi-post332997.amp>, truy cập ngày 23/7/2024.

114. Đỗ Sơn Hải (2010), “Cục diện thế giới sau khủng hoảng kinh tế - tài chính”, *Tạp chí Công sản*, <https://tapchiconsan.org.vn/nguyen-cu/-/2018/1801/cuc-dien-the-gioi-sau-khung-hoang-kinh-te--tai-chinh.aspx>, truy cập ngày 19/3/2025.
115. Nguyễn Lam Hạnh (2025), “Dấu ấn quốc phòng Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La lần thứ 22”, *Báo Pháp luật*, <https://baophapluat.vn/dau-an-quoc-phong-viet-nam-tai-doi-thoai-shangri-la-lan-thu-22-post550559.html>, truy cập ngày 03/6/2025.
116. Phạm Quang Hiền (2025), “Đối thoại An ninh Shangri-La năm 2025: Một số điểm nhấn đáng chú ý”, *Nghiên cứu chiến lược*, <https://nghiencuuchienluoc.org/doi-thoai-an-ninh-shangri-la-nam-2025-mot-so-diem-nhan-dang-chu-y/>, truy cập ngày 02/6/2025.
117. Nguyễn Trung Kiên (2024), “Dấu ấn của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong sự phát triển quan hệ giữa Việt Nam với các nước”, *Tạp chí Công sản*, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/nguyen-cu/-/2018/970402/dau-an-cua-co-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-trong-su-phat-trien-quan-he-giua-viet-nam-voi-cac-nuoc-lon.aspx>, truy cập ngày 15/02/2025.
118. Phạm Gia Khiêm (2015), “Tu tưởng Hồ Chí Minh về thế giới quan và đường lối đối ngoại vì hoà bình, hợp tác và phát triển”, *Tư liệu - Văn kiện*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/c-mac-angghen-lenin-ho-chi-minh/ho-chi-minh/nguyen-cuu-hoc-tap-tu-tuong/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-the-gioi-quan-va-duong-loi-doi-ngoai-vi-hoa-binh-hop-tac-va-phat-trien-2512>, truy cập ngày 15/02/2025.
119. Liên hợp quốc (1945), “Hiến chương Liên hợp quốc”, *Thư viện pháp luật*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Hien-Chuong-Lien-hop-quoc-1945-229045.aspx>, truy cập ngày 19/5/2024.
120. Tô Lâm (2024), “Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, *Tạp chí Công sản*,

- https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-ky-nguyen-phat-trien-giau-manh-duoi-su-lanh-dao-cam-quyen-cua-dang-cong-san-xay-dung-thanh-cong-nuoc-vie, truy cập ngày 10/12/2024.
121. Khánh Ly (2024), “Thành công của Đối thoại Shangri-La 2024: Cởi mở và thẳng thắn”, *Nghiên cứu Chiến lược*, <https://nghiencuuchienluoc.org/thanh-cong-cua-doi-thoai-shangri-la-2024-coi-mo-va-thang-than/>, truy cập ngày 09/12/2024.
122. Lê Thế Mẫu (2013), “Bước phát triển đột phá tại Đối thoại Shangri-La năm 2013”, *Tạp chí Cộng sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/21902/buoc-phat-trien-dot-pha-tai-doi-thoai-shangri-la-nam-2013.aspx>, truy cập ngày 07/9/2024.
123. Phạm Quang Minh, Nguyễn Hồng Hải (2021), “Vấn đề “đối tác” và “đối tượng” trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng: Từ nhận thức đến thực tế”, *Tạp chí Cộng sản*, https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/van-de-doi-tac-va-doi-tuong-trong-van-kien-dai-hoi-xiii-cua-dang-tu-nhan-thuc-den-thuc-te, truy cập ngày 24/9/2024.
124. Vũ Đăng Minh (2023), “Đối thoại Shangri-La năm 2023, thông điệp, hy vọng và những trở ngại”, *Báo Thế giới và Việt Nam*, <https://baoquocte.vn/doi-thoai-shangri-la-nam-2023-thong-diep-hy-vong-va-nhung-tro-ngai-229794.html>, truy cập ngày 07/9/2024.
125. Hải Minh (2017), “Gia nhập ASEAN: Quyết sách lịch sử của Bộ Chính trị”, *Báo điện tử Chính phủ*, <https://baochinhphu.vn/gia-nhap-asean-quet-sach-lich-su-cua-bo-chinh-tri-102225038.htm>, truy cập ngày 10/2/2025.
126. Đức Nguyễn (2017), “Đối thoại Shangri-La lần thứ 16: Trọng tâm là các vấn đề an ninh khu vực”, *Tạp chí Cộng sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/>

- 45219/doi-thoai-shangri-la-lan-thu-16--trong-tam-la-cac-van-de-an-ninh-khu-vuc.aspx, truy cập ngày 10/02/2025.
127. Đặng Đình Quý (2023), “Thành tựu phát triển lý luận của Đảng về đối ngoại qua gần 40 năm đổi mới”, *Tạp chí Công sản*, https://www.tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/thanh-tuu-phat-trien-ly-luan-cua-dang-ve-doi-ngoai-qua-gan-40-nam-doi-moi, truy cập ngày 15/8/2024.
128. Phùng Hữu Phú (2025), “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc và những yêu cầu lịch sử”, *Tạp chí Công sản*, https://www.tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-va-nhung-yeu-cau-lich-su, truy cập ngày 10/02/2025.
129. Nguyễn Việt Thảo (2023), “Bối cảnh hình thành và đặc điểm nổi bật của cục diện thế giới hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, <https://lyluanchinhtri.vn/boi-can-hinh-thanh-va-dac-diem-noi-bat-cua-cuc-dien-the-gioi-hien-nay-2242.html>, truy cập ngày 10/4/2024.
130. Đồng Xuân Thọ (2016), “Sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương”, *Tạp chí Công sản*, <https://tapchiconsan.org.vn/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/-/2018/41547/su-dieu-chinh-chien-luoc-cua-cac-nuoc-lon-doi-voi-khu-vuc-chau-a---thai-binh-duong.aspx>, truy cập ngày 10/4/2024.
131. Vũ Tiến Trọng (2017), “Đối thoại Shangri-La 2017 - Tầm nhìn an ninh khu vực và sự đồng hành của Việt Nam”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, <http://tapchiqptd.vn/vi/bao-ve-to-quooc/doi-thoai-shangrila-2017-tam-nhin-an-ninh-khu-vuc-va-su-dong-hanh-cua-viet-nam/10377.html>, truy cập ngày 19/5/2024.
132. Vũ Tiến Trọng (2019), “Đối thoại Shangri-La 2019 - Vấn đề an ninh khu vực và đóng góp của Việt Nam”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, <http://tapchiqptd.vn/vi/binh-luan-phe-phan/doi-thoai-shangrila-2019-van-de->

- an-ninh-khu-vuc-va-dong-gop-cua-viet-nam/14066.html, truy cập ngày 19/5/2024.
133. Nguyễn Xuân Trung, Nguyễn Thị Huyền Trang (2022), “Tur tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại và sự vận dụng trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, <https://lyluanchinhtri.vn/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-doi-ngoai-va-su-van-dung-trong-van-kien-dai-hoi-xiii-cua-dang-225.html>, truy cập ngày 10/4/2025.
134. Đinh Thanh Tú, Trần Thị Huyền Trang (2021), “Quá trình đổi mới tư duy đối ngoại đa phương của Đảng từ Đại hội VI đến nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, <https://lyluanchinhtri.vn/qua-trinh-doi-moi-tu-duy-doi-ngoai-da-phuong-cua-dang-tu-dai-hoi-vi-den-nay-286.html>, truy cập ngày 10/4/2025.
135. Nguyễn Chí Vịnh (2019), “Tham gia Đối thoại Shangri-La, biểu hiện sinh động về đối ngoại, hợp tác quốc phòng đa phương của Việt Nam”, *Báo Quân đội nhân dân*, <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/tin-tuc/tham-gia-doi-thoi-shangri-la-bieu-hien-sinh-dong-ve-doi-ngoai-hop-tac-quoc-phong-da-phuong-cua-viet-nam-575411>, truy cập ngày 10/4/2025.
136. Nguyễn Minh Vũ (2026), “Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIII: Bước phát triển mới trong tư duy của Đảng về đối ngoại và hội nhập quốc tế”, *T hị quyết hị qu*, https://www.tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/nghi-quyet-so-59-nq-tw-cua-bo-chinh-tri-khoa-xiii-buoc-phat-trien-moi-trong-tu-duy-cua-dang-ve-doi-ngoai-va-hoi-nhap-quoc-te, truy cập ngày 20/01/2026.
137. Alvin Cheng-Hin Lim (2016), “The Shangri-La Dialogue 2016 And The South China Sea - Analysis”, *Eurasia Review*, <https://www.eurasiareview.com/06062016-the-shangri-la-dialogue-2016-and-the-south-china-sea-analysis/>, accessed 10 December 2023.
138. Carl F. Craver & Lindley Darden (2024), Mechanisms in science. In E. N. Zalta (Ed.), *The Stanford Encyclopedia of Philosophy* (Summer 2024 Edition).

- <https://plato.stanford.edu/entries/science-mechanisms/>, accessed on 25 June 2025
139. Chong Ja Ian (2022), “Toward a Contested World: Observations on the Shangri-La Dialogue 2022”, *Prospects & Perspectives No.39*, <https://www.pf.org.tw/en/pfen/33-9521.html>, accessed on 19 May 2024.
140. Condoleezza Rice (2000), “Campaign 2000: Promoting the National Interest”, *Foreign Affairs*, <https://www.foreignaffairs.com/united-states/campaign-2000-promoting-national-interest>, accessed on 10 April 2024.
141. David Bohm (2013), “On dialogue”, *Routledge*, <https://www.routledge.com/On-Dialogue/Bohm/p/book/9780415854702?srsltid=AfmBOoqyuPxo4lr4zkju950ryCiYLLqM2imho247oLJwJ3SAJY-CMXnR>, accessed on 7 Sept. 2024.
142. Gareth Evans (2021), “Multilateral Security Cooperation in the Asia Pacific”, *Gareth Evans blog*, <https://www.gevans.org/speeches/Speech733.html>, accessed on 30 June 2024.
143. Graeme Dobell (2023), “The Shangri-La Dialogues—20 Years of Agenda Setting”, *Australian Strategic Policy Institute*, <https://www.aspistrategist.org.au/the-shangri-la-dialogues-20-years-of-agenda-setting/>, accessed on 15 Aug 2024.
144. IISS (2016), 15th Asia Security Summit: The IISS Shangri-La Dialogue, Singapore, The International Institute for Strategic Studies, <https://www.iiss.org/events/shangri-la-dialogue/shangri-la-dialogue-2016/>, accessed on 10 April 2024.
145. IISS (2017), “16th Asia Security Summit: The IISS Shangri-La Dialogue”, *The International Institute for Strategic Studies*, <https://www.iiss.org/events/shangri-la-dialogue/shangri-la-dialogue-2017/>, accessed on 10 April 2024.
146. IISS (2018), “17th Asia Security Summit: The IISS Shangri-La Dialogue”, *The International Institute for Strategic Studies*,

- <https://www.iiss.org/events/shangri-la-dialogue/shangri-la-dialogue-2018/>, accessed on 10 April 2024.
147. IISS (2022), “China’s Vision For Regional Order”, *The International Institute for Strategic Studies*, <https://www.iiss.org/events/shangri-la-dialogue/shangri-la-dialogue-2022/>, accessed on 10 April 2024.
148. IISS (2022), “19th Asia Security Summit: The IISS Shangri-La Dialogue”, *The International Institute for Strategic Studies*, <https://www.iiss.org/events/shangri-la-dialogue/shangri-la-dialogue-2022/>, accessed on 10 April 2024.
149. IISS (2025), “21th Asia Security Summit: The IISS Shangri-La Dialogue”, *The International Institute for Strategic Studies*, <https://www.iiss.org/events/shangri-la-dialogue/shangri-la-dialogue-2025/>, accessed on 03 June 2025.
150. Jack Lau (2023), What Message Does China Defence Chief Li Shangfu Have for Shangri-La Dialogue?, *South China Morning Post*, <https://www.scmp.com/news/china/military/article/3222535/what-message-does-china-defence-chief-li-shangfu-have-shangri-la-dialogue>, accessed on 30 June 2024.
151. James Crabtree (2023), “The Shangri-La Dialogue at 20”, *Fulcrum*, <https://fulcrum.sg/the-shangri-la-dialogue-at-20/>, accessed on 7 Sept. 2024.
152. John Chipman (2023), “Opening Remarks.” Presented at the The 20th Shangri-La Dialogue”, *The International Institute for Strategic Studies*, https://www.iiss.org/globalassets/media-library---content--migration/files/shangri-la-dialogue/2023/final-transcripts/keynote-address/dr-john-chipman-director-general-and-chief-executive-iiss---as-delivered_sld23_.pdf, accessed on 10 April 2024.
153. Kevin Lim (2011), “China Says Will Not Threaten Anyone with Modern Military”, *Reuters*, <http://www.reuters.com/article/idINIndia-57505320110605>, accessed on 15 Aug 2024.

154. Kenneth N Waltz (1979), “Theory of International Politics”, *California: Addison-Wesley Publishing Company*, https://dl1.cuni.cz/pluginfile.php/486328/mod_resource/content/0/Kenneth%20N.%20Waltz%20Theory%20of%20International%20Politics%20Addison-Wesley%20series%20in%20political%20science%20%20%20%201979.pdf, accessed on 10 April 2024.
155. Kok Xinghui, Raju Gopalakrishnan, and Greg Torode (2023), Exclusive: World’s Spy Chiefs Meet in Secret Conclave in Singapore, *Reuters*, <https://www.reuters.com/world/worlds-spy-chiefs-meet-secret-conclave-singapore-2023-06-04/>, accessed on 15 Aug 2024.
156. Li Shangfu (2023), “China’s New Security Initiatives”, *The International Institute for Strategic Studies*, <https://www.iiss.org/events/shangri-la-dialogue/shangri-la-dialogue-2023/>, accessed on 10 April 2024.
157. Lynn Kuok (2018), Negotiating the Indo-Pacific security landscape: What the Shangri-La Dialogue tells us, *Brookings*, <https://www.brookings.edu/articles/negotiating-the-indo-pacific-security-landscape-what-the-shangri-la-dialogue-tells-us/>, accessed on 10 April 2024.
158. Mario Bunge (1997), Mechanism and explanation. *International Journal of General Systems*, 27(4), 403-420. <https://doi.org/10.1080/03081079708935254>, accessed on 05 August 2025.
159. Merriam Webster, (2025), Dialogue, *Merriam Webster.com Dictionary*. <https://www.merriam-webster.com/dictionary/dialogue>, accessed on 25 August 2025.
160. Michael J. Green (2010), “A Teachable Moment for Pyongyang and Beijing?”, *Foreign Policy*, <http://www.foreignpolicy.com/2010/07/15/a-teachable-moment-for-pyongyang-and-beijing/>, accessed on 10 April 2024.
161. Peter Hedström & Petri Ylikoski (2010), Causal mechanisms in the social sciences. *Annual Review of Sociology*, 36, 49-67.

- <https://doi.org/10.1146/annurev.soc.012809.102632>, accessed on 10 August 2025
162. Philip Shetler-Jones (2023), “Shangri-La: From dialogue to discursive statecraft”, *The Council on Geostrategy’s online magazine*, <https://www.geostrategy.org.uk/britains-world/shangri-la-from-dialogue-to-discursive-statecraft/>, accessed on 10 April 2024
163. Prashanth Parameswaran (2019), “2019 Shangri-La Dialogue: US-China Divide Lingers Amid Asia’s Anxiety”, *The Diplomat*, <https://thediplomat.com/2019/06/2019-shangri-la-dialogue-us-china-divide-lingers-amid-asias-anxiety/>, accessed on 10 April 2024.
164. Ryan Hass (2022), “America and China Present Dueling Narratives at Shangri-La Dialogue”, *Brookings (blog)*, <http://www.brookings.edu/blog/order-from-chaos/2022/06/14/amecira-and-china-present-dueling-narratives-at-shangri-la-dialogue/amp/>, accessed on 30 June 2024.
165. Suzannah Jessep (2022), “Shangri-La Dialogue amid a World in Crisis”, *Asia NewZealand Foundation*, <https://www.asianz.org.nz/track-2/shangri-la-dialogue-amid-a-world-in-crisis>, accessed on 10 April 2024.
166. Shannon Tiezzi (2017), “Why Is China Downgrading Participation in the Shangri-La Dialogue?”, *The Diplomat*, <https://thediplomat.com/2017/06/why-is-china-downgrading-participation-in-the-shangri-la-dialogue/>, accessed on 10 April 2024.
167. Suzanne Davies & Matthew P. Goodman (2020), Track 1.5 diplomacy in practice. Center for Strategic and International Studies (CSIS). <https://www.csis.org>
168. KAICIID (2025), “What is Dialogue?”, *International Dialogue Centre*, <https://www.kaiciid.org/who-we-are/what-is-dialogue?>, accessed on 10 April 2025

169. Viet Dung Trinh & Huy Hai Do (2024), “Vietnam balances between the Indo-Pacific powers”, *East Asia Forum*, <https://eastasiaforum.org/2024/02/23/vietnam-balances-between-the-indo-pacific-powers/>, accessed on 10 August 2025.
170. Zheng Wang (2014), “The Shangri-La Dialogue: Troublemaker or Peacemaker?”, *The Diplomat*, <https://thediplomat.com/2014/06/the-shangri-la-dialogue-troublemaker-or-peacemaker/>, accessed on 10 April 2024.
171. Xi Manzhao & Yang Yanlong (2024), History and mechanism of the Shangri-La Dialogue, *International Cooperation Center*, https://en.icc.org.cn/specialties/international_conference/335.html, accessed 22 Aug 2024.
172. Wei Fenghe (2019), “China And International Security Cooperation, Presented at the Shangri-La 2019”, *The International Institute for Strategic Studies*, <https://www.iiss.org/events/shangri-la-dialogue/shangri-la-dialogue-2019/>, accessed on 10 April 2024.
173. Alice Guitton (2019), “Quelle stratégie pour la France en Indo-Pacifique?”, *Magazine les grands dossiers de diplomatie*, <https://www.arenion24.news/2020/05/14/quelle-strategie-pour-la-france-en-indo-pacifique/>, consulté le 10 avril 2024.
174. Marianne Péron-Doise (2022), “Dialogue Shangri-La 2022. L’Indo-Pacifique pris au piège de la rivalité États-Unis/Chine”, *L’Institut de Recherche Stratégique de l’École Militaire*, <https://www.irsem.fr/publications-de-l-irsem/breves-strategiques/breve-strategique-n-43-2022.html>, consulté le 10 avril 2024.
175. Олег Парамонов (2023), “Конференция Шангри-Ла: тайные встречи, «новый Quad» и Индия”, *Международная жизнь*, <https://interaffairs.ru/news/show/40784>, доступ получен 10 апреля 2024 г.

176. (2019), (Shangri-La Dialogue)

”

,

<http://jpi.or.kr/?p=187>, 2024 4 10 .

PHỤ LỤC I

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CÁC KỲ ĐỐI THOẠI SHANGRI-LA

1. Đối thoại Shangri-La lần thứ nhất năm 2002

Đối thoại Shangri-La lần thứ nhất diễn ra từ ngày 31/5 - 02/6/2002, với sự tham gia của 24 quốc gia và vùng lãnh thổ, bao gồm Australia, Brunei, Campuchia, Canada, Trung Quốc, Timor Leste, Pháp, Hong Kong, Ấn Độ, Indonesia, Nhật Bản, Malaysia, Mông Cổ, Myanmar, New Zealand, Philippines, Nga, Singapore, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Anh, Mỹ và Việt Nam.

Đối thoại thảo luận các chủ đề: Chiến lược của Mỹ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương; Học thuyết quân sự và chính sách an ninh của Trung Quốc; Vai trò của Liên minh châu Âu (EU) đối với an ninh ở châu Á; Kiểm soát mối đe dọa khủng bố ở Đông Nam Á; Những thách thức chống phổ biến vũ khí ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương; Triển vọng về cơ cấu tổ chức an ninh châu Á.

2. Đối thoại Shangri-La lần thứ 2 năm 2003

Đối thoại Shangri-La lần thứ 2 diễn ra từ ngày 30/5 - 01/6/2003 với sự tham gia của 22 quốc gia và vùng lãnh thổ, gồm Australia, Brunei, Campuchia, Canada, Trung Quốc, Timor Leste, Pháp, Hong Kong, Ấn Độ, Indonesia, Nhật Bản, Malaysia, Mông Cổ, Myanmar, New Zealand, Philippines, Nga, Singapore, Hàn Quốc, Anh, Mỹ và Việt Nam.

Đối thoại thảo luận các chủ đề chính: Chiến lược của Mỹ và an ninh châu Á - Thái Bình Dương; Triển vọng an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương; Thay đổi môi trường chiến lược: Tác động đến chính sách an ninh và học thuyết quân sự.

Nhóm chủ đề thảo luận khác: Đối phó với chủ nghĩa khủng bố ở Đông Nam Á; Chống phổ biến vũ khí ở Đông Bắc Á.

3. Đối thoại Shangri-La lần thứ 3 năm 2004

Đối thoại Shangri-La lần thứ 3 diễn ra từ ngày 04 - 06/6/2004, thành phần đại biểu được mở rộng gồm cả giới chức tình báo và cảnh sát cấp cao của các nước tham dự.

Đối thoại thảo luận các chủ đề chính: Chiến lược của Mỹ ở châu Á - Thái Bình Dương; Hiện đại hóa quân sự và những thách thức trong khu vực.

Nhóm chủ đề thảo luận khác: Phòng thủ tên lửa ở châu Á - Thái Bình Dương, Chính sách đối ngoại quốc phòng; Các tổ chức an ninh hợp tác ở châu Á - Thái Bình Dương; Công nghệ tiên tiến và an ninh ở châu Á - Thái Bình Dương.

4. Đối thoại Shangri-La lần thứ 4 năm 2005

Đối thoại Shangri-La lần thứ 4 diễn ra từ ngày 03 - 05/6/2005 với sự tham gia của 24 quốc gia, bao gồm Australia, Bangladesh, Brunei, Campuchia, Canada, Trung Quốc, Pháp, Ấn Độ, Indonesia, Nhật Bản, Malaysia, Mông Cổ, Myanmar, New Zealand, Pakistan, Philippines, Hàn Quốc, Singapore, Sri Lanka, Thái Lan, Timor Leste, Anh, Mỹ và Việt Nam.

Đối thoại thảo luận 5 chủ đề chính: Mỹ và an ninh châu Á - Thái Bình Dương bên ngoài cuộc chiến chống khủng bố; Kinh nghiệm trong hoạt động gìn giữ hòa bình và can thiệp nhân đạo của châu Á; Đối phó với thách thức vũ khí hủy diệt (WMD) tại châu Á - Thái Bình Dương: Ngoại giao và ngăn chặn; Lực lượng vũ trang châu Á - Thái Bình Dương và chống khủng bố; Tăng cường hợp tác an ninh biển.

5. Đối thoại Shangri-La lần thứ 5 năm 2006

Đối thoại Shangri-La lần thứ 5 diễn ra từ ngày 02 - 04/6/2006 với sự tham gia của 22 quốc gia, bao gồm Australia, Brunei, Campuchia, Canada, Trung Quốc, Pháp, Ấn Độ, Indonesia, Nhật Bản, Malaysia, Mông Cổ, Myanmar, New Zealand, Pakistan, Philippines, Hàn Quốc, Singapore, Thái Lan, Timor Leste, Anh, Mỹ và Việt Nam.

Đối thoại thảo luận 5 chủ đề chính: Mỹ và cơ cấu an ninh đang hình thành ở châu Á; Ấn Độ: Một nhân tố toàn cầu đang lên; Phát triển lực lượng đảm bảo an ninh quốc tế; Hoạch định những ưu tiên an ninh quốc gia; Xây dựng Cộng đồng an ninh khu vực

Nhóm chủ đề thảo luận khác: Tăng cường hợp tác an ninh trên biển; Những thách thức nảy sinh từ hiện đại hóa quân đội; Chống bạo động trong Thế kỷ 21.

6. Đối thoại Shangri-La lần thứ 6 năm 2007

Đối thoại Shangri-La lần thứ 6 diễn ra từ ngày 01 - 03/6/2007 với sự tham gia của 27 quốc gia, bao gồm Australia, Bangladesh, Brunei, Campuchia, Canada, Trung Quốc, Pháp, Đức, Ấn Độ, Indonesia, Nhật Bản, Lào, Malaysia, Mông Cổ, Myanmar, New Zealand, Pakistan, Philippines, Hàn Quốc, Nga, Singapore, Sri Lanka, Thái Lan, Timor Leste, Anh, Mỹ và Việt Nam.

Đối thoại thảo luận 5 chủ đề chính: Mỹ và an ninh châu Á - Thái Bình Dương; Ấn Độ và Trung Quốc: Xây dựng ổn định quốc tế; Thách thức hạt nhân; Những tiến triển trong đảm bảo an ninh các vùng biển trong khu vực; Hợp tác an ninh ở châu Á: Kiểm soát liên minh và đối tác.

Nhóm chủ đề thảo luận khác: Can thiệp vào các quốc gia yếu kém; Thách thức mới đối với cải tổ an ninh; Tiến triển trong chống khủng bố.

7. Đối thoại Shangri-La lần thứ 7 năm 2008

Đối thoại Shangri-La lần thứ 7 được tổ chức từ 30/5 - 01/6/2008, với sự tham gia của 27 nước.

Đối thoại gồm 6 phiên toàn thể về 6 chủ đề: Thách thức đối với sự ổn định ở châu Á - Thái Bình Dương; Tương lai của an ninh Đông Á; Hoạch định chính sách quốc phòng trong thời đại bất ổn; An ninh năng lượng tại châu Á - Thái Bình Dương; Khôi phục hòa bình trong các tình huống khẩn cấp phức tạp; Hình thức hợp tác an ninh: Xây dựng lòng tin, quan hệ đối tác, liên minh.

6 nhóm thảo luận khác về 6 nội dung: Thay đổi khí hậu và an ninh châu Á - Thái Bình Dương; Liệu có cuộc chạy đua vũ trang tại châu Á - Thái Bình Dương; Sự thành công của cuộc chiến chống khủng bố ở châu Á - Thái Bình Dương; Chiến lược đối phó với thách thức chống phổ biến vũ khí; Cấu trúc an ninh khu vực đang hình thành; Tranh chấp trên biển tại châu Á - Thái Bình Dương.

8. Đối thoại Shangri-La lần thứ 8 năm 2009

Đối thoại Shangri-La lần thứ 8 được tổ chức từ 29/5 - 31/5/2009, với sự tham gia của 27 nước.

Đối thoại gồm 6 phiên toàn thể về 6 chủ đề: Đánh giá lại vai trò an ninh của Mỹ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương; Các nước lớn và an ninh châu Á - Hợp tác hay xung đột; Xây dựng một cộng đồng an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương; Minh bạch quân sự và an ninh tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương; Giành thắng lợi tại các cuộc chiến chống nổi loạn; Thúc đẩy ngoại giao quốc phòng tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

6 phiên họp nhóm (sau phiên họp thứ 3) về các chủ đề: Hiệu quả của công nghệ quân sự mới; Hướng tới đối thoại an ninh tại khu vực Đông Bắc Á; Tăng cường hợp tác trên biển và xây dựng lòng tin; Đóng góp vào các hoạt động Hỗ trợ hòa bình quốc tế; Hiện đại hóa lực lượng vũ trang trong thời kỳ khó khăn; Tăng cường an ninh lương thực và năng lượng.

9. Đối thoại Shangri-La lần thứ 9 năm 2010

Đối thoại Shangri-La lần thứ 9 diễn ra từ ngày 04 - 06/6/2010 với sự tham gia của 28 quốc gia cùng các học giả và đại diện các nhà tài trợ.

Đối thoại gồm 6 phiên họp toàn thể về 6 chủ đề: Tăng cường các đối tác an ninh tại châu Á - Thái Bình Dương; Những phạm vi mới của an ninh; Các đồng minh và đối tác trong an ninh châu Á - Thái Bình Dương; Trợ giúp nhân đạo và cứu trợ thảm họa tại châu Á - Thái Bình Dương; Chống bạo loạn và tăng cường quản trị; Đổi mới cấu trúc an ninh khu vực.

6 phiên họp nhóm về 6 chủ đề: Phổ biến khả năng tấn công - Thách thức mới đối với cân bằng khu vực; Kiểm soát phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; Đánh giá những thách thức an ninh của biến đổi khí hậu; Xây dựng đất nước trong bối cảnh xung đột; Tương lai của công nghiệp quốc phòng; Phạm vi của xung đột: Chiến tranh vũ trụ và chiến tranh mạng.

10. Đối thoại Shangri-La lần thứ 10 năm 2011

Đối thoại Shangri-La lần thứ 10 diễn ra từ ngày 03 - 05/6/2011 với sự tham gia của 26 quốc gia, cùng các học giả và đại diện các nhà tài trợ.

Đối thoại gồm 6 phiên toàn thể về 6 chủ đề: Thách thức an ninh mới trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương; Học thuyết và năng lực quân sự mới ở châu Á;

Sự phân bổ quyền lực mới ở châu Á và những tác động đối với khu vực; Các lợi ích an ninh quốc tế của Trung Quốc; Ứng phó với các thách thức an ninh biển mới; Xây dựng niềm tin chiến lược, tránh những hệ quả trong những trường hợp xấu nhất.

6 Nhóm thảo luận khác về chủ đề: Ngân sách quốc phòng; Thách thức Afghanistan đối với an ninh khu vực; Giải quyết các tranh chấp lãnh thổ; Phát biểu hạt nhân ở châu Á - Thái Bình Dương; Lực lượng vũ trang và những thách thức an ninh xuyên quốc gia.

11. Đối thoại Shangri-La lần thứ 11 năm 2012

Đối thoại Shangri-La lần thứ 11 diễn ra từ ngày 01 - 03/6/2012, với sự tham dự của đại biểu từ 27 nước và học giả, nhà tài trợ.

Đối thoại gồm 5 phiên họp toàn thể về 5 chủ đề: Chính sách tái cân bằng của Mỹ tại châu Á - Thái Bình Dương; Bảo vệ tự do hàng hải; Răn đe và sự ổn định khu vực; Các hình thức chiến tranh mới; Những nguy cơ đang nổi lên đối với an ninh toàn cầu và khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

5 Nhóm thảo luận về 5 chủ đề: Kiểm chế tranh chấp Biển Đông; Các lực lượng vũ trang và các tình huống khẩn cấp trong nước; Những cơ hội và mối đe dọa ở khu vực Đông Bắc Á; Tàu ngầm và an ninh khu vực; Những mối đe dọa an ninh đang nổi lên ở Nam Á.

12. Đối thoại Shangri-La lần thứ 12 năm 2013

Đối thoại Shangri-La lần thứ 12 diễn ra từ ngày 31/5 - 02/6/2013 với sự tham dự của 31 đoàn đại biểu.

Đối thoại gồm 5 phiên thảo luận toàn thể về chủ đề: Phương pháp tiếp cận của Mỹ đối với an ninh khu vực; Bảo vệ lợi ích quốc gia; Ngăn ngừa xung đột, hiện đại hóa quân sự và minh bạch chiến lược; Những xu hướng mới trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương; Tăng cường hợp tác quốc phòng châu Á - Thái Bình Dương.

6 phiên họp đặc biệt về: Tránh các sự cố trên biển; Phòng thủ tên lửa; Công nghệ và học thuyết quân sự; Ngoại giao quốc phòng và ảnh hưởng của tấn công mạng đối với an ninh châu Á.

13. Đối thoại Shangri-La lần thứ 13 năm 2014

Đôi thoại Shangri-La lần thứ 13 diễn ra từ ngày 30/5/2014 với sự tham dự của hơn 400 đại biểu chính thức từ khoảng 30 nước và tổ chức quốc tế.

Đôi thoại gồm 5 phiên họp toàn thể về các chủ đề: Đóng góp của Mỹ vào ổn định ở khu vực; Thúc đẩy hợp tác quân sự; Giải quyết các mối quan hệ căng thẳng mang tính chất chiến lược; Triển vọng hòa bình và an ninh tại châu Á - Thái Bình Dương; Đảm bảo giải quyết xung đột tại châu Á - Thái Bình Dương.

5 phiên họp đặc biệt về: Thách thức của việc duy trì và giải quyết các vùng biển khơi; Ảnh hưởng của năng lực quân sự mới tại châu Á - Thái Bình Dương; Biến đổi khí hậu; Hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thảm họa (HADR) và an ninh tại châu Á - Thái Bình Dương; ASEAN và trật tự an ninh khu vực đang nổi và tương lai của CHDCND Triều Tiên liên quan với an ninh khu vực.

14. Đôi thoại Shangri-La lần thứ 14 năm 2015

Đôi thoại Shangri-La lần thứ 14 diễn ra từ ngày 29 - 31/5/2015, với sự tham dự của 31 nước và 02 tổ chức (NATO, EU), gồm 22 Bộ trưởng, 21 Thứ trưởng, 13 Tư lệnh lực lượng Quốc phòng.

Đôi thoại gồm 5 phiên toàn thể về chủ đề: Mỹ và các thách thức đối với an ninh châu Á - Thái Bình Dương; Hình thức hợp tác an ninh mới tại châu Á; Ngăn chặn xung đột leo thang; Tăng cường trật tự khu vực tại châu Á - Thái Bình Dương; Hướng tới hợp tác và giải quyết xung đột tích cực; Các thách thức an ninh toàn cầu và châu Á - Thái Bình Dương; Xây dựng hợp tác khu vực.

5 Phiên họp Nhóm về các chủ đề: Lực lượng Vũ trang và các mối đe dọa khủng bố mới; Các thách thức an ninh năng lượng tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương; Các thách thức đối với tình báo, trinh sát và giám sát trên biển; Những thách thức đang nổi lên đối với an ninh các nước nhỏ tại châu Á - Thái Bình Dương; Tránh cạnh tranh quân sự và chạy đua vũ trang tại châu Á.

15. Đôi thoại Shangri-La lần thứ 15 năm 2016

Đôi thoại Shangri-la lần thứ 15 diễn ra từ ngày 03 - 05/6/2016 với sự tham dự của khoảng 600 đại biểu từ hơn 30 quốc gia và tổ chức quốc tế, các học giả quốc tế.

Đối thoại gồm 5 phiên toàn thể về chủ đề: Đối phó với những vấn đề an ninh phức tạp ở châu Á; Kiểm soát cạnh tranh quân sự ở châu Á; Định hình chính sách quốc phòng trong những thời điểm bất định; Thách thức trong giải quyết xung đột; Theo đuổi các mục tiêu an ninh chung.

6 phiên đặc biệt đồng thời về các chủ đề: Ngăn chặn mối đe dọa từ Bắc Triều Tiên; Phát triển năng lực quân sự: Các công nghệ mới, hạn chế ngân sách và những lựa chọn khó khăn; Những thách thức an ninh di cư bất thường; Tăng cường hợp tác chống khủng bố Hồi giáo cực đoan ở châu Á; Quản lý căng thẳng ở Biển Đông; Xác định các lợi ích an ninh chung trong không gian mạng.

16. Đối thoại Shangri-La lần thứ 16 năm 2017

Đối thoại Shangri-La lần thứ 16 diễn ra từ ngày 02 - 04/6/2017, với sự tham gia của hơn 570 đại biểu đến từ khoảng 48 quốc gia và vùng lãnh thổ, với số đại biểu cấp Bộ trưởng Quốc phòng lớn nhất

Đối thoại gồm 5 phiên toàn thể về: Mỹ và an ninh châu Á - Thái Bình Dương; Duy trì trật tự khu vực dựa trên luật lệ; Những thách thức mới trong quản lý khủng hoảng tại châu Á - Thái Bình Dương; Xây dựng nền tảng chung trong hợp tác an ninh khu vực; Các mối đe dọa toàn cầu và an ninh khu vực.

4 phiên đặc biệt đồng thời về các chủ đề: Nguy cơ hạt nhân tại châu Á - Thái Bình Dương; Những mô hình hợp tác an ninh mới; Tác động quốc phòng của các công nghệ mới nổi; Các biện pháp thiết thực để tránh xung đột trên biển.

17. Đối thoại Shangri-La lần thứ 17 năm 2018

Đối thoại Shangri-La lần thứ 17 diễn ra từ ngày 01 - 03/6/2018, với sự tham gia của hơn 500 đại biểu chính thức là các quan chức quốc phòng và giới học giả đến từ trên 50 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có hơn 40 bộ trưởng hoặc thứ trưởng quốc phòng, gần gấp đôi con số năm 2017.

Đối thoại gồm 5 phiên thảo luận toàn thể về các chủ đề: Vai trò lãnh đạo của các nước lớn và các thách thức an ninh ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương; Giải quyết khủng hoảng Triều Tiên; Định hình trật tự an ninh đang biến đổi của châu Á;

Những khía cạnh mới của chủ nghĩa khủng bố và chống khủng bố; Nâng cao chất lượng hợp tác an ninh khu vực.

6 phiên đặc biệt đồng thời về các chủ đề: Các chiến lược công nghệ mới và tương lai của xung đột; Bảo đảm an ninh hàng hải: Bộ Quy tắc ứng xử và các biện pháp xây dựng lòng tin; Khủng hoảng an ninh và nhân đạo ở bang Rakhine của Myanmar; Cạnh tranh và hợp tác ở khu vực Ấn Độ Dương; Tác động chiến lược từ phát triển năng lực quân sự ở châu Á - Thái Bình Dương; Quản lý cạnh tranh trong hợp tác an ninh khu vực.

18. Đối thoại Shangri-La lần thứ 18 năm 2019

Đối thoại Shangri-La lần thứ 18 diễn ra từ ngày 31/5 - 02/6/2019, với sự tham gia của 15 Bộ trưởng Quốc phòng các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Indonesia, Malaysia, Vương quốc Anh, Pháp, Singapore... cùng các quan chức quốc phòng cấp cao đến từ 47 quốc gia.

Đối thoại gồm 6 phiên toàn thể về các chủ đề: An ninh Triều Tiên: Các bước tiếp theo; Trật tự an ninh đang nổi lên ở châu Á và những thách thức; Trung Quốc và Tầm nhìn của Mỹ về an ninh Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương; An ninh Triều tiên: Những bước tiếp theo; Trật tự an ninh đang biến đổi của châu Á và những thách thức; Trung Quốc và hợp tác an ninh quốc tế; Ngăn ngừa xung đột trong các khu vực cạnh tranh; Đảm bảo một khu vực tự cường và ổn định.

6 phiên họp đồng thời về các chủ đề: Tác động an ninh của phát triển hạ tầng khu vực; Lợi ích và cạnh tranh chiến lược tại Nam Thái Bình Dương; Phát triển công nghiệp quốc phòng: Cân bằng giữa tự chủ và hợp tác; Phát triển năng lực mạng: Tác động đối với quốc phòng; Các cơ chế tăng cường an ninh hàng hải; Những mô hình hợp tác quốc phòng mới.

19. Đối thoại Shangri-La lần thứ 19 năm 2022

Đối thoại Shangri-La lần thứ 19 diễn ra từ ngày 10 - 12/6/2022, với sự tham gia của 553 đoàn, từ 37 quốc gia, trong đó có 32 bộ trưởng quốc phòng.

Đối thoại gồm 7 phiên toàn thể về các chủ đề: Các bước tiếp theo trong Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Mỹ; Quản lý cạnh tranh địa chính trị

trong một khu vực đa cực; Phát triển các hình thức hợp tác an ninh mới; Hiện đại hóa quân sự và các năng lực quốc phòng mới; Tầm nhìn của Trung Quốc về trật tự khu vực; Những thách thức chung đối với quốc phòng châu Á - Thái Bình Dương và châu Âu; Ý tưởng mới để đảm bảo an ninh khu vực.

3 phiên họp đặc biệt đồng thời về các chủ đề: An ninh khí hậu và quốc phòng xanh; Myanmar: Tìm kiếm con đường phía trước; An ninh hàng hải: Từ Bộ Quy tắc ứng xử tới liên lạc trong khủng hoảng;

20. Đối thoại Shangri-La lần thứ 20 năm 2023

Đối thoại Shangri-La lần thứ 20 diễn ra từ ngày 02- 04/6/2023, với sự tham gia của 571 đại biểu của hơn 40 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Đối thoại gồm 7 phiên toàn thể: Vai trò lãnh đạo của Mỹ ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương; Xây dựng một khu vực châu Á - Thái Bình Dương cân bằng và ổn định; Giải quyết các căng thẳng khu vực; Trật tự an ninh hàng hải đang nổi lên ở châu Á; Các sáng kiến an ninh mới của Trung Quốc; Quan hệ Đối tác mới cho an ninh ở châu Á-Thái Bình Dương; Phát triển các mô hình cho an ninh hợp tác.

6 phiên đặc biệt về các vấn đề: Tác động an ninh từ cạnh tranh không gian mạng và công nghệ; Những thách thức trong phát triển năng lực quân sự khu vực châu Á - Thái Bình Dương; Nguy cơ và thách thức hạt nhân đối với an ninh khu vực; Cân bằng các cơ chế tiêu đa phương tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương với vai trò trung tâm của ASEAN; Giải quyết an ninh châu Âu - Đại Tây Dương và châu Á - Thái Bình Dương; Hợp tác quốc phòng tại khu vực Ấn Độ Dương.

21. Đối thoại Shangri-La lần thứ 21 năm 2024

Đối thoại Shangri-La lần thứ 21 diễn ra từ ngày 31/5- 02/6/2024, với sự tham gia của 581 đại biểu từ 50 quốc gia và 03 tổ chức quốc tế.

Đối thoại gồm 7 phiên họp toàn thể, với các chủ đề: Hợp tác chiến lược của Mỹ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương; Tăng cường quản lý khủng hoảng khi cạnh tranh tăng cao; Xây dựng hợp tác an ninh tại châu Á - Thái Bình Dương; Những thách thức với trật tự an ninh xuyên khu vực; Cách tiếp cận của

Trung Quốc đối với an ninh toàn cầu; Kết nối an ninh Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương; Tái tạo giải pháp cho ổn định khu vực và hòa bình thế giới.

6 phiên họp đặc biệt với các nội dung: Răn đe và trấn an ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương; Hợp tác quốc phòng và an ninh của các nước nhỏ; Myanmar: Cơ hội ngoại giao khi tầm nhìn hòa bình khác biệt; Thực thi pháp luật hàng hải và xây dựng niềm tin; Trí tuệ nhân tạo (AI), phòng thủ không gian mạng và tương lai các cuộc chiến; Phối hợp hoạt động nhân đạo toàn cầu.

21. Đối thoại Shangri-La lần thứ 22 năm 2025

Đối thoại Shangri-La lần thứ 22 diễn ra từ ngày 30/5 - 01/6/2025, với sự tham gia của hơn 600 đại biểu đến từ 47 quốc gia.

Đối thoại gồm 5 phiên toàn thể về các chủ đề: Tham vọng mới của Mỹ đối với an ninh khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương; Bảo đảm sự ổn định trong một thế giới cạnh tranh; Quản lý rủi ro phổ biến vũ khí hạt nhân tại châu Á - Thái Bình Dương; Những thách thức về không gian mạng, dưới biển và ngoài không gian; Các liên kết an ninh xuyên khu vực; Tăng cường hợp tác an ninh nhằm xây dựng một khu vực châu Á - Thái Bình Dương ổn định.

3 phiên họp đồng thời về các chủ đề: Các biện pháp đổi mới quốc phòng để ứng phó với những thách thức trong tương lai; Các cơ chế quản lý khủng hoảng khu vực; Hợp tác an ninh hàng hải ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

PHỤ LỤC II

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CÁC ĐOÀN VIỆT NAM THAM DỰ ĐỐI THOẠI SHANGRI-LA

1. Sự tham gia của Việt Nam tại các kỳ Đối thoại Shangri-La giai đoạn 2002 - 2010

- Từ 2002 (Đối thoại Shangri-La lần thứ nhất), Bộ Quốc phòng Việt Nam giao Viện Chiến lược Quân sự tham dự trên danh nghĩa học giả để nắm tình hình.

- Năm 2003 (Đối thoại Shangri-La lần thứ 2), Đoàn Việt Nam do Trung tướng Vũ Văn Kiêu, Viện trưởng Viện Chiến lược Quân sự dẫn đầu tham dự.

- Năm 2004 (Đối thoại Shangri-La lần thứ 3). Đoàn Việt Nam do Thiếu tướng Nguyễn Như Huyền, Phó Viện trưởng Viện Chiến lược Quân sự dẫn đầu tham dự.

- Năm 2005 (Đối thoại Shangri-La lần thứ 4), Đoàn Việt Nam do Thiếu tướng Vũ Quốc Hùng, Phó Viện trưởng Viện Chiến lược Quân sự dẫn đầu tham dự.

- Năm 2006 (Đối thoại Shangri-La lần thứ 5), Đoàn Việt Nam do Thiếu tướng Nguyễn Ngọc Giao, Phó Viện trưởng Viện Chiến lược Quân sự dẫn đầu tham dự.

- Năm 2007 (Đối thoại Shangri-La lần thứ 6), Đoàn Việt Nam do Trung Tướng Nguyễn Đức Soát, Phó Tổng Tham mưu trưởng dẫn đầu tham dự.

- Năm 2008 (Đối thoại Shangri-La lần thứ 7), Đoàn Việt Nam do Thượng tướng Phan Trung Kiên, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng dẫn đầu tham dự.

- Năm 2009 (Đối thoại Shangri-La lần thứ 8), Đoàn Việt Nam do Đại tướng Phùng Quang Thanh, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng dẫn đầu tham dự và có bài phát biểu với chủ đề “Thúc đẩy ngoại giao quốc phòng tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương”.

- Năm 2010 (Đối thoại Shangri-La lần thứ 9), Đoàn Việt Nam do Đại tướng Phùng Quang Thanh, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng dẫn đầu tham dự và có bài phát biểu với chủ đề “Đổi mới cấu trúc an ninh khu vực”.

2. Sự tham gia của Việt Nam tại các kỳ Đối thoại Shangri-La giai đoạn 2011 - 2018

- Năm 2011 (Đổi thoại Shangri-La lần thứ 10), Đoàn Việt Nam do Đại tướng Phùng Quang Thanh, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng dẫn đầu tham dự và có bài phát biểu với chủ đề “Ứng phó với các thách thức an ninh biển mới”.

- Năm 2012 (Đổi thoại Shangri-La lần thứ 11), Đoàn Việt Nam do Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng dẫn đầu tham dự.

- Năm 2013 (Đổi thoại Shangri-La lần thứ 12), Đoàn Việt Nam do Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng dẫn đầu tham dự. Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng được mời phát biểu dẫn đề cho Lễ khai mạc với nội dung “Xây dựng lòng tin chiến lược vì hòa bình, hợp tác, thịnh vượng của châu Á”.

- Năm 2014 (Đổi thoại Shangri-La lần thứ 13), Đoàn Việt Nam do Đại tướng Phùng Quang Thanh, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng dẫn đầu tham dự và có bài phát biểu “Quản lý những căng thẳng chiến lược”.

- Năm 2015 (Đổi thoại Shangri-La lần thứ 14), Đoàn Việt Nam do Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng dẫn đầu tham dự.

- Năm 2016 (Đổi thoại Shangri-La lần thứ 15), Đoàn Việt Nam do Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng dẫn đầu tham dự.

- Năm 2017 (Đổi thoại Shangri-La lần thứ 16), Đoàn Việt Nam do Trung tướng Nguyễn Đức Hải, Viện trưởng Viện Chiến lược Quốc phòng dẫn đầu tham dự.

- Năm 2018 (Đổi thoại Shangri-La lần thứ 17), Đoàn Việt Nam do Đại tướng Ngô Xuân Lịch, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng dẫn đầu tham dự và có bài phát biểu với chủ đề “Định hình trật tự an ninh đang biến đổi ở châu Á” với thông điệp “Độc lập, tự chủ, tăng cường hợp tác, tuân thủ luật pháp quốc tế là nền tảng của an ninh, hòa bình và phát triển”.

3. Sự tham gia của Việt Nam tại các kỳ Đối thoại Shangri-La từ 2019 đến nay

- Năm 2019 (Đổi thoại Shangri-La lần thứ 18), Đoàn Việt Nam do Đại tướng Ngô Xuân Lịch, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng dẫn đầu tham dự và có bài phát biểu với chủ đề “Giải quyết tranh chấp trong không khí hòa bình, với tinh thần đối tác, vì trách nhiệm cộng đồng”.

- Năm 2020, 2021 Đối thoại Shangri-La không được tổ chức do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19

- Năm 2022 (Đối thoại Shangri-La lần thứ 19), Đoàn Việt Nam do Đại tướng Phan Văn Giang, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng dẫn đầu tham dự và có bài phát biểu với chủ đề “Tăng cường khả năng quốc phòng bảo vệ Tổ quốc”.

- Năm 2023 (Đối thoại Shangri-La lần thứ 20), Đoàn Việt Nam do Thượng tướng Hoàng Xuân Chiến, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng dẫn đầu tham dự.

- Năm 2024 (Đối thoại Shangri-La lần thứ 21), Đoàn Việt Nam do Thượng tướng Hoàng Xuân Chiến, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng dẫn đầu tham dự.

- Năm 2025 (Đối thoại Shangri-La lần thứ 22), Đoàn Việt Nam do Đại tướng Phan Văn Giang, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng dẫn đầu tham dự và có bài phát biểu tại phiên thảo luận toàn thể thứ 2 “Đảm bảo sự ổn định trong một thế giới cạnh tranh”.